



OSHO

Những Điều Huyền Bí Tiềm Ẩn

VH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

OSHO

**NHỮNG ĐIỀU HUYỀN BÍ
TIỀM ẨN**

Người dịch: Nguyễn Đình Hách

1 – 2008

Mục lục

Chương I: <i>Bí mật của hình dạng, âm thanh và hương thơm.</i>	6
Chương II: <i>Những bí mật thuật giả kim của những nơi chốn hành hương linh thiêng.</i>	51
Chương III: <i>Khoa học huyền bí của mắt thứ ba.</i>	103
Chương IV: <i>Quyền năng chuyển hóa của sự thờ cúng tượng thần, của các câu thần chú, của âm nhạc và nhảy múa.</i>	142
Chương V: <i>Chiêm tinh học: khoa học về tính duy nhất của vũ trụ.</i>	191
Chương VI: <i>Chiêm tinh học: ô cửa tới sự mộ đạo.</i>	237

OSHO

The Hidden Mysteries

Talks given from 01/4/71 pm to 31/10/71



VỀ OSHO

Osho là vị phật thời hiện đại có minh triết, sự sáng tỏ và hài hước đã làm xúc động hàng triệu người trên khắp thế giới. Người đang tạo ra những điều kiện cho việc xuất hiện điều người gọi là "Con người Mới" - một loại người hoàn toàn có nhận biết, khẳng định cuộc sống và tự do.

Theo Osho, các truyền thống tâm linh của quá khứ đã tạo sự chia chẻ sâu sắc bên trong mỗi cá nhân, và được phản ánh trong mọi thể chế xã hội. Con đường của người là để chữa lành sự chia chẻ này, để khôi phục sự thống nhất của thân thể và tâm linh, trái đất và bầu trời.

Sau chứng ngộ của mình vào năm 1953, tiến hoá của Con người Mới trở thành mơ ước của người. Năm 1966, Osho rời bỏ thế giới hàn lâm và chức vụ giáo sư triết học tại Đại học Jabalpur và bắt đầu đi khắp Ấn Độ và nói với hàng trăm nghìn người. Đồng thời, Osho đã phát triển những công cụ thực hành cho việc tự biến đổi của con người.

Vào cuối những năm 1960, Osho đã bắt đầu tạo ra kỹ thuật thiền động duy nhất của mình. Người nói rằng con người hiện đại bị quá nặng gánh bởi những truyền thống của quá khứ và những lo âu của cuộc sống hiện đại đến mức người đó phải trải qua tiến trình tẩy rửa sâu sắc trước khi người đó có thể bắt đầu khám phá ra trạng thái thành thoi, vô suy nghĩ của thiền.

Đến năm 1974, một cộng đồng đã được thiết lập quanh Osho ở Pune, Ấn Độ, và dòng khách nhỏ bé tới thăm từ phương Tây đã trở thành dòng chảy cuộn cuộn. Ngày nay, Cộng đồng của người là trung tâm phát triển tâm linh lớn nhất trên thế giới. Mỗi năm nó hấp dẫn hàng nghìn khách thăm quốc tế tới các chương trình thiền, trị liệu, các chương trình sáng tạo, hay chỉ để chứng nghiệm bản thể trong Phật trường.

Osho nói gần như về mọi khía cạnh của sự phát triển của tâm thức con người. Những bài nói của người bao quát một phạm vi đáng kinh ngạc - từ ý nghĩa của cuộc sống và cái chết, tới cuộc đấu tranh về quyền lực và chính trị, từ những thách thức của tình yêu và sáng tạo, tới ý nghĩa của khoa học và giáo dục. Những bài nói này, nói trong ba mươi năm, đã được ghi âm trên băng caxét và băng video, và đã được xuất bản thành hàng trăm cuốn sách trong mọi ngôn ngữ chính trên thế giới. Người không thuộc vào tín ngưỡng nào và nói, "Thông điệp của tôi không phải là học thuyết, không phải là triết lý. Thông điệp của tôi là một loại giả kim thuật nào đó, khoa học của sự biến đổi."

Osho rời khỏi thân thể năm 1990. Người bao giờ cũng yêu cầu được nói tới trong thời hiện tại. Chỉ để trên bia mộ người, do đích thân Osho đọc, là,

OSHO

Không sinh không diệt

Chỉ tới viếng thăm hành tinh Trái đất từ giữa

11/12/1931 - 19/01/1990

Chương I

Bí mật của hình dạng, âm thanh, và hương thơm

*21 tháng 4 năm 1971, buổi tối tại Woodland,
Bombay, Ấn Độ.*

Giả sử chúng ta có chìa khóa trong tay. Chúng ta không thể hiểu công dụng của chính cái chìa, hoặc không thể hình dung rằng kho báu vĩ đại có khả năng được phát hiện bởi chính sự trợ giúp của nó. Không có sự chỉ dẫn ẩn dấu nào trong khóa liên quan đến kho báu; Chính ổ khóa bị khóa. Thậm chí nếu chúng ta phá nó hoặc chúng ta cắt nó thành nhiều mảnh, chúng ta chỉ có thể tìm ra thứ kim loại làm ra nó, chúng ta không thể tìm được bất kỳ điều gì về kho báu tiềm ẩn mà chìa có khả năng phát hiện. Bất kỳ khi nào mà khóa được bảo tồn trong thời gian dài thì nó chỉ có thể trở thành gánh nặng trong cuộc đời chúng ta.

Thậm chí ngày nay, trong cuộc sống có rất nhiều chìa có thể mở các ô cửa của các kho báu, nhưng thật không may, chúng ta không biết bất kỳ điều gì về những kho báu đó hoặc những chìa có thể mở. Khi chúng ta không biết về, hoặc là những kho báu, hoặc những chiếc khóa, vậy thì điều gì còn lại trong tay chúng ta không thể gọi là chìa. Nó chỉ có thể là chìa nếu nó mở được khóa. Thịnh vượng trong quá khứ, chìa tương tự cũng có thể khám phá ra các kho báu, nhưng bởi vì

ngày nay không gì có thể được mở, chìa đã trở thành gánh nặng. Nhưng thậm chí như vậy, chúng ta cũng không cảm nhận giống như việc ném một cái gì đó đi.

Chìa đã để rơi rớt lại hương thơm trong tâm trí vô thức của con người. Có thể, bốn nghìn năm trước chìa đó đã mở những chiếc khóa, và những kho báu đã được tìm ra: hồi ức của tâm trí vô thức làm cho chúng ta mang gánh nặng của chìa đó trong thời nay. Tuy nhiên con người có thể bị thuyết phục quá nhiều về sự vô dụng của những chiếc chìa, nhưng chúng ta không đủ can đảm để vứt chúng đi. Ở một góc nào đó chưa được biết đến của trái tim, vẫn còn phảng phất hy vọng rằng, vào một ngày nào đó khóa có thể được mở bởi chính nó.

Hãy lấy ví dụ, những ngôi đền... không có giáo phái nào mà không xây dựng một cái gì đó như ngôi đền - chẳng thành vấn đề cho dù nó được gọi là masjid, hoặc nhà thờ, hoặc gurudwara. Ngày nay, để tìm hiểu một cái gì đó từ những giáo phái khác là điều có thể đối với chúng ta, nhưng có thời kỳ chúng ta thậm chí không biết về sự tồn tại của những giáo phái khác, cho nên không có cách nào để tìm hiểu giáo phái đó. Ngôi đền không phải là kết quả kỳ cục của sự tưởng tượng của con người kỳ quặc nào đó, nhưng rễ của nó đã ăn sâu đâu đó trong tâm thức của con người.

Con người có thể sống trong rừng sâu, hoặc trên núi cao, hoặc trong hang động, hoặc ở bờ sông – họ có thể đã sống ở bất kỳ đâu – nhưng dù ở bất kỳ đâu họ đã sống thì con người cũng đã xây dựng một cái gì đó giống với ngôi đền. Một cái gì đó là sản phẩm của tâm thức họ. Không có sự bất chước mù quáng; họ không xây dựng bằng việc nhìn theo những ngôi đền khác. Cho nên tất cả các ngôi đền đều có hình dạng và kiểu dáng khác nhau, nhưng chúng vẫn luôn tồn tại.

Có rất nhiều sự khác biệt giữa ngôi đền và masjid, sự bố

trí và quy hoạch là rất khác nhau, nhưng không có sự khác nhau về khát vọng của con người, hoặc sự thôi thúc mạnh mẽ bên trong. Con người có thể ở bất kỳ nơi đâu, họ không quen thuộc, không quen biết với những người khác, họ vẫn có thể mang hạt mầm tiềm tàng ở nơi nào đó trong tâm trí mình.

Một điều khác nữa cũng đáng chú ý, mặc dù hàng nghìn năm đã trôi qua và chúng ta không có manh mối nào về những chiếc khoá, hoặc những kho báu tiềm ẩn, chúng ta vẫn tiếp tục mang những chiếc chìa kỳ lạ như là bị bùa mê về kỷ ức mong manh nào đó. Mặc dù tất cả những cuộc tấn công vào điều này – lý trí cố phá huỷ từ mọi hướng; cái gọi là trí tuệ hiện đại không chấp nhận điều đó – tâm hồn con người vẫn đánh giá cao hồi ức này và tiếp tục bị mê hoặc bởi nó. Cho nên chúng ta buộc phải nhớ rằng, mặc dù ngày nay con người không nhận biết về điều đó, một nơi nào đó trong vô thức vẫn có tiếng nói vọng lại với chúng ta rằng, một cái khóa nào đó đã được mở vào một ngày nào đó.

Tại sao điều này được lưu giữ trong vô thức? bởi vì không ai trong chúng ta là người mới đối với thế giới này. Tất cả chúng ta được sinh ra nhiều lần, không có thời đại nào mà chúng ta không tồn tại. Bất kỳ điều gì mà chúng ta biết một cách tinh táo trong quá khứ thì ngày nay lại là vô thức, bị chôn vùi sâu trong chúng ta dưới hàng nghìn lớp như là sự vô thức. Nếu trong quá khứ chúng ta biết ý nghĩa, biết những bí mật sâu kín của ngôi đền và trải nghiệm sự cõi mờ của một vại ô cửa bên trong, vậy thì ở một nơi nào đó trong sâu thẳm của vô thức, hồi ức vẫn còn ẩn mình kín đáo. Trí tuệ có thể chối bỏ hoàn toàn sự tồn tại của nó, nhưng trí tuệ không thể đạt tới chiều sâu, nơi mà hồi ức được giữ lại.

Cho nên bất chấp tất cả những cản trở này, bất chấp sự xuất hiện vô nghĩa của chúng theo mọi cách, đây là một cái gì

đó vẫn còn dai dẳng không thể dời bỏ. Có thể nó có hình thái mới, nhưng nó vẫn tiếp tục. Đây là khả năng duy nhất có thể nếu chúng ta biết một cái gì đó như là hành trình vô hạn của sinh và tử - mặc dù ngày nay chúng ta có thể không còn nhớ về điều đó.

Ngoại trừ công dụng bên ngoài – như là phương tiện cho mục đích - mỗi một trong những thứ đó cũng có ý nghĩa và mục đích sâu sắc hơn.

Sự lỗi cuốn phổ biến về việc tạo ra ngôi đền là điều cố hữu chỉ trong con người. Thú vật cũng tạo ra chỗ ở cho chúng, chim cũng xây tổ, nhưng chúng không xây dựng những ngôi đền. Khi phân biệt con người với thú vật, một đặc điểm nổi bật là, con người là thú vật biết tạo ra ngôi đền; không có con vật nào tạo ra những ngôi đền. Để tạo ra một vài nơi trú ngụ cho chính mình là điều hoàn toàn tự nhiên, bởi vì điều đó được thực hiện bởi mọi loài vật. Chim muông và thú vật làm điều đó, thậm chí những con côn trùng nhỏ bé cũng làm điều đó, nhưng để xây ngôi nhà linh thiêng thì lại là đặc điểm khác biệt của con người.

Nếu không có một vài nhận biết sâu sắc của con người về điều linh thiêng thì ngôi đền không thể được xây dựng. Thậm chí nếu sau đó sự nhận biết bị mất đi thì ngôi đền sẽ vẫn giữ nguyên; và chắc chắn rằng nó không thể được xây dựng mà không có sự trải nghiệm sâu sắc về điều linh thiêng.

Bạn làm nhà khách bởi vì những vị khách liên tục viếng thăm bạn. Nếu không có những vị khách thì bạn hẳn là sẽ không lãng phí tiền bạc vì ngôi nhà khách đó. Nhưng thậm chí, mặc dù bây giờ có thể không có khách thì ngôi nhà khách đó vẫn giữ nguyên. Cho nên toàn bộ ý tưởng về việc xây dựng ngôi đền, hoặc điện thờ thần thánh phải được hình thành ở những thời điểm, khi mà thần thánh không chỉ là vấn đề tưởng

tượng, mà là sự thực sống động đối với con người. Quá trình hiện thân quan trọng của thần thánh trên thế gian đòi hỏi sự cần thiết nơi chốn đặc biệt ở mọi nơi chốn trên trái đất, và chúng có thể được dùng như là nơi ở đặc biệt cho các vị đó. Để thu nhận bất kỳ điều gì phù hợp thì mọi sự thu xếp đầy đủ phải được chuẩn bị.

Điều đó có thể được hiểu như thế này...có nhiều sóng vô tuyến xung quanh chúng ta, nhưng chúng không thể được thu nhận nếu không có thiết bị thu sóng. Ngày mai, nếu có chiến tranh thế giới thứ ba và nếu công nghệ bị hủy diệt, nhưng bằng cách nào đó thiết bị thu sóng vô tuyến vẫn may mắn được giữ nguyên, bạn hẳn là không muốn vứt nó đi.

Sau nhiều thế hệ trong gia đình bạn, nếu một người nào đó được yêu cầu sử dụng máy thu sóng, không thành viên nào trong gia đình bạn còn sống để có khả năng lập lại. Có thể họ chỉ nói rằng cha ông họ, tổ tiên của họ cứ khẳng khẳng muốn nó được giữ gìn, cho nên họ tiếp tục giữ nó. Tổ tiên họ chưa bao giờ nói nó dùng để làm gì, họ không biết sử dụng nó cho nên đối với họ nó là vô dụng; thậm chí nếu máy thu đó bị tháo rời ra thì cũng không hiểu biết thêm được gì. Bằng việc cho máy thu sóng hoạt động, vậy thì có thể biết rằng một lần nào đó trong quá khứ, âm nhạc và tiếng nói có thể được nghe bởi nó. Máy thu sóng vô tuyến chỉ được dùng như trạm thu đối với một cái gì đó xuất hiện ở đâu đó, nó có thể thu được sóng vô tuyến và làm việc như phương tiện trung gian để biến sóng vô tuyến thành âm thanh nghe được.

Chính xác theo kiểu như vậy, các ngôi đền được sử dụng như thiết bị thu.

Mặc dù sự mộ đạo ở khắp mọi nơi và con người cũng có mặt ở khắp mọi nơi, chỉ trong một vài trường hợp riêng biệt bên trong chúng ta, chúng ta trở nên hòa hợp với sự mộ đạo

đó. Cho nên các ngôi đền được sử dụng như những trung tâm thu nhận, chúng cho chúng ta cảm nhận về sự tồn tại của thần thánh, của lòng mộ đạo, của sự cao cả tâm linh. Toàn bộ sự sắp xếp trong ngôi đền được thúc đẩy bởi quan điểm cuối cùng này. Những dạng người khác nhau nghĩ về những kiểu bố trí khác nhau, nhưng điều đó không quan trọng lắm, điều đó không tạo ra khác biệt. Các nhà máy khác nhau sản xuất ra máy thu sóng vô tuyến với những hình dạng và kiểu dáng khác nhau, nhưng công dụng cuối cùng là như nhau.

Những ngôi đền ở Ấn Độ gần như được xây dựng từ một trong ba hoặc bốn kiểu; những ngôi đền khác là bản sao của những ngôi đền này. Những mái vòm của những ngôi đền này cơ bản dựa vào hình dạng của bầu trời. Có những mục đích quan trọng. Nếu tôi ngồi ngoài trời và lặp lại “Aum” thì giọng của tôi sẽ bị mất đi, bởi vì cường độ giọng của cá nhân sẽ bị mất hút bởi không gian mở bao la. Tôi sẽ không có khả năng nghe âm điệu của tôi vọng lại – tất cả sự cầu nguyện của tôi bị mất hút vào bầu trời mênh mê.

Những mái vòm được xây dựng sao cho tiếng vọng của những lời cầu nguyện của chúng ta có thể vọng ngược trở lại chúng ta. Mái vòm chỉ nhỏ thôi, là nguyên mẫu bán nguyệt của bầu trời. Nó có hình dạng giống như bầu trời chạm vào trái đất từ bốn phía. Bất kỳ lời cầu nguyện hay sự tụng kinh nào, được tiến hành dưới vòm của nó, sẽ không bị mất hút như là dưới bầu trời mênh mê, bởi vì mái vòm sẽ phản xạ ngược lại tới người cầu nguyện. Mái vòm tròn hơn, nhọn hơn thì càng dễ hơn cho âm thanh phản xạ, sự vọng âm của nó sẽ tăng lên theo cùng tỷ lệ.

Theo thời gian, thậm chí những tảng đá cũng được khám phá ra rằng, nó cũng có thể làm tăng sự dội âm với mức độ không ngờ.

Có phòng cầu nguyện của phật tử ở động Ajanta, nơi mà những tảng đá dội âm với cùng cường độ của nhạc cụ Ấn Độ, tabla. Nếu chúng ta đập vào những tảng đá đó với cùng một lực như khi sử dụng để chơi đàn tabla thì chúng sẽ phát ra cùng một âm lượng. Những tảng đá bình thường được sử dụng để xây dựng vòm không có khả năng dội lại những âm thanh rất tinh tế nào đó, cho nên loại đá đặc biệt đã được sử dụng.

Mục đích đằng sau tất cả những điều này là gì? Mục đích đó là, khi một người nào đó tụng kinh “Aum” và điều đó được thực hiện với cường độ rất mạnh thì mái vòm của ngôi đền tạo ra sự vọng âm, tạo ra những vòng tròn âm câu tụng kinh hoặc của âm thanh. Vòm của ngôi đền, với tính tự nhiên của thiết kế, rất hữu ích cho việc tạo ra vòng tròn của tiếng vọng âm thanh. Vòng tròn âm thanh đó là duy nhất. Nếu “Aum” được tụng dưới bầu trời rộng mở thì sẽ không có vòng tròn âm thanh nào được tạo ra, và bạn sẽ không bao giờ trải nghiệm được niềm vui đó.

Khi sự hình thành vòng tròn xuất hiện, bạn không giữ nguyên là người cầu nguyện khiêm nhường trước thần thánh, mà bạn trở thành người nhận -- chính vậy mà có thể nói, sự cầu nguyện của người đó cũng được trả lời. Và với sự vọng âm đó, sự trải nghiệm điều linh thiêng bắt đầu vào bạn. Mặc dù âm thanh được tạo ra trong tụng kinh là của con người, khi nó được dội lại thì sự dội âm đó xuất hiện với vận tốc mới, và như là sự hấp thụ, như một tiềm năng khác được phát ra.

Những ngôi đền dạng vòm được sử dụng để tạo ra những vòng tròn âm thanh bằng việc tụng các câu thần chú. Nếu người tụng kinh ngồi một mình trong bình lặng và yên tĩnh tuyệt đối thì vòng tròn âm thanh sẽ nhanh chóng được tạo ra, ý nghĩ sẽ dừng. Về mặt này thì vòng tròn được tạo ra, về mặt

khác thì ý nghĩ sẽ dừng. Như tôi thường nói, thậm chí vòng tròn năng lượng được tạo ra trong hoạt động dục giữa nam và nữ, và khi sự hình thành vòng tròn như vậy xuất hiện – đó chính là thời điểm hướng thẳng tới siêu tâm thức.

Hãy nhìn vào những bức tượng của Đức Phật và Mahavira ở Padmasan và Siddhasan. Những bức tượng đó chỉ ra những phương pháp của việc hình thành những vòng tròn như vậy. Khi chúng ta ngồi khoanh hai chân và hai tay đặt lên chân, sau đó toàn bộ cơ thể vận động như vòng tròn. Vậy thì thân điện không thể biến mất và dòng điện sẽ được tạo ra. Ngay khi dòng điện được tạo ra, con người sẽ trở nên vô nghĩ. Nếu chúng ta sử dụng ngôn ngữ của kỹ sư điện thì có thể nói rằng, những ý nghĩ trong tâm trí là quá ồn ào, bởi vì chúng ta không có dòng điện nội tại. Ngay khi dòng điện được tạo ra, năng lượng bên trong trở nên cân bằng và im lặng. Cho nên, việc tạo ra vòng tròn năng lượng với sự trợ giúp của các vòm của ngôi đền là một quá trình tuyệt vời, và đây chính là mục đích và ý nghĩa sâu sắc của nó.

Chúng ta nhìn thấy những cái chuông lớn và những cái chiêng lớn ở lối vào những ngôi đền, chúng được sử dụng cùng mục đích. Khi bạn tụng “Aum”, mặc dù có thể bạn thực hiện rất nhỏ và sự chú ý của bạn ở một nơi nào đó khác, nhưng âm thanh của chuông sẽ ngay lập tức mang sự chú ý của bạn quay trở lại vòng tròn âm thanh được tạo ra bởi sự rung động của chuông. Điều này giống như hòn đá bị ném xuống ao, nó tạo ra những gợn sóng nối tiếp nhau.

Trong những ngôi đền ở Tây Tạng, thay vì sử dụng chuông hoặc chiêng thì họ lại dùng chiếc thùng hình cái bát được làm bằng nhiều dạng kim loại, và có một cây gậy gỗ quay tròn bên trong. Cây gậy này quay trong chiếc thùng bảy lần, sau đó bắt đầu đánh vào vỏ thùng với tiếng kêu 'bang' rất

lớn. Sự rung động tạo ra bên trong thùng đã tạo ra âm thanh giống như “Mani padme hum” – toàn bộ câu thần chú. Cái thùng dội lại âm thanh “Mani padme hum” không phải một lần mà là bảy lần. Quay nhanh cây gậy bên trong thùng bảy lần, đánh vào thùng rồi lấy nó ra – sau đó bạn sẽ nghe âm thanh vọng lại của câu thần chú, “Mani padme hum” bảy lần. Mặc dù âm thanh sẽ yếu dần, nhưng sẽ vẫn nghe được bảy lần.

Tương tự như vậy, trong ngôi đền mái vòm tạo ra trong chính bạn câu thần chú, “Aum mani padme hum”, và nghe thấy: ngôi đền dội vọng lại. Mọi tế bào của cơ thể sẽ nhận được sự rung động và đáp lại với sự cộng hưởng sâu sắc hơn. Sau một vài khoảnh khắc bạn hoặc ngôi đền sẽ không có đó – chỉ còn lại những vòng tròn của năng lượng.

Nên nhớ rằng âm thanh là một dạng tinh tế của điện. Nhưng các hiền nhân Ấn Độ đi một bước xa hơn, họ nói rằng điện là một dạng của âm thanh, rằng âm thanh là cơ bản chứ không phải điện. Chính vì vậy mà họ gọi siêu bản thể là shabda-brahma – “âm thanh là sự thực tối thượng”.

Hiện nay, sự tiếp của các nhà tư tưởng phương Đông và các nhà khoa học hiện đại gần như là tương tự, sự khác nhau giữa hai chỉ ở bước đầu tiên. Các nhà khoa học nói rằng điện là cơ sở, trong khi đó các hiền nhân nói rằng mật độ âm thanh tạo ra điện. Điều này có nghĩa rằng trong tương lai gần, khoa học sẽ phải nghiên cứu khía cạnh tuyệt đối của âm thanh.

Sự hiểu biết của hiền nhân bắt nguồn từ kinh nghiệm của âm thanh được tạo ra dưới mái vòm của ngôi đền. Khi âm thanh mãnh liệt “Aum” được tạo ra trong ngôi đền bởi người mộ đạo, trong vòng vài phút người đó cảm nhận rằng chính mình hoặc ngôi đền không còn đó, mà chỉ còn điện được lưu giữ lại. Kết luận này không được đưa ra bởi bất kỳ phòng thí

nghiệm nào - những người đưa ra tuyên bố không có phòng thí nghiệm, ngôi đền của họ được dùng như là phòng thí nghiệm duy nhất. Ở đó họ đã trải nghiệm rằng, mặc dù họ bắt đầu với âm thanh nhưng những gì giữ lại cuối cùng lại là điện.

Hãy trải nghiệm sự biến đổi này của âm thanh được tạo ra bởi những ngôi đền mái vòm.

Khi những người phương Tây nhìn thấy những ngôi đền Ấn Độ đầu tiên, họ nghĩ chúng không hợp vệ sinh, có hại cho sức khỏe. Ý tưởng cơ bản nhất của những ngôi đền là không thể có nhiều cửa đi và cửa sổ. Chỉ có thể có một cửa, và nó cũng rất nhỏ. Ý tưởng ẩn sau điều này là để bảo đảm rằng, vòng tròn âm thanh được tạo ra trong ngôi đền không bị tắc nghẽn. Cũng không có gì ngạc nhiên, những người phương Tây đó ra về với ấn tượng về những ngôi đền này rất căm bần, tối tăm, dơ dáy, không khí trong lành không thể thâm nhập vào. Bằng việc so sánh thì thấy rằng, những nhà thờ của họ rất thông thoáng, sạch sẽ, có nhiều cửa lớn và cửa sổ để ánh sáng, khí trời dễ dàng thâm nhập vào, và còn hợp vệ sinh nữa.

Tôi đã nói với bạn trước đây rằng, khi bí mật sử dụng chìa khóa bị thất lạc thì tất cả các khó khăn lại xuất hiện bất ngờ. Ngày nay, không một người nào ở Ấn Độ sẽ có khả năng nói tại sao những ngôi đền không có các cửa sổ và các cửa đi. Cho nên khi được hỏi chúng ta đều có khuynh hướng đồng ý rằng, những ngôi đền của chúng ta là không hợp vệ sinh; không ai có thể lý lẽ, trong những ngôi đền này, những người khỏe mạnh nhất đã sống ở bên trong và không bệnh tật nào được phép thâm nhập vào. Những người thường cầu nguyện và thờ cúng ở đó biểu hiện như là những người khỏe nhất theo đúng nghĩa của từ đó.

Tại sao? Dần dần con người cũng nhận ra âm thanh được tạo ra bởi việc tụng “Aum” có sự ảnh hưởng thanh khiết duy nhất. Có những âm thanh cụ thể nào đó có ảnh hưởng thanh khiết, và có những thứ khác là ô uế. Một vài âm thanh đặc biệt tác động như là sự ngăn cản những bệnh tật, và có những loại âm thanh khác mời gọi bệnh tật. Tuy nhiên, toàn bộ khoa học về âm thanh đã bị thất lạc.

Những người đã nói, âm thanh là tồn tại tuyệt đối thì họ cũng đã nói, đó là điều cuối cùng có thể nói về âm thanh. Không có kinh nghiệm sâu sắc hơn tồn tại tuyệt đối, họ không biết bất kỳ điều gì sâu sắc hơn âm thanh lại có thể được sử dụng để biểu cảm chính mình.

Tất cả các giai điệu, các dạng và sự cải tiến của chúng đều sinh ra ở phương Đông. Có những sự trải rộng của những kinh nghiệm về sự tồn tại tuyệt đối ở dạng âm thanh. Các tác phẩm âm nhạc cũng như các điệu múa đã khởi thủy trong các ngôi đền, sau đó chúng được phát triển ở một nơi nào đó như là những loại hình nghệ thuật đặc trưng. Chỉ trong ngôi đền, người mộ đạo mới trải nghiệm những hiệu ứng của âm thanh ở vô số sự biến tấu – quá nhiều đến mức bất kỳ sự lưu giữ thống kê nào về chúng cũng là điều khó khăn.

Chỉ bốn mươi năm trước, có một người sống ẩn dật ở Varanasi được gọi là Vishudhananda. Ông ta đã đưa ra hàng trăm màn biểu diễn để chứng minh rằng, bằng một vài âm thanh đặc biệt có thể giết một người nào đó. Sadhu này thường ngồi dưới vòm của ngôi đền, một ngôi đền mà có thể nói theo ngôn ngữ hiện đại là hoàn toàn mất vệ sinh. Lần đầu tiên, với sự hiện diện của ba bác sĩ đến từ nước

Anh, một thử nghiệm đã được thực hiện. Các vị bác sĩ đã mang con chim vào ngôi đền cùng họ. Vishudhananda tạo ra những âm thanh đặc biệt nào đó: con chim sẽ vỗ cánh trong chốc lát và sau đó lặn ra chết. Các bác sĩ khám nghiệm và tuyên bố là nó đã chết. Sau đó Vishudhananda tạo ra một số âm thanh khác: con chim sẽ sống lại và lại bắt đầu vỗ cánh. Như vậy là, lần đầu tiên họ đã nhận ra tác động của âm thanh có thể tạo ra những hiệu ứng rõ ràng.

Ngày nay chúng ta sẵn sàng chấp nhận những hiệu ứng đặc biệt được tạo ra bởi những âm thanh đặc biệt, bởi vì khoa học có thể chứng minh điều đó. Bây giờ chúng ta có thể nói, nếu một tia sáng đặc biệt nào đó rọi vào cơ thể chúng ta thì nó sẽ cho những kết quả đặc biệt; nếu những loại thuốc riêng biệt được cung cấp cho bệnh nhân thì nó cũng cho ra những kết quả rõ ràng; nếu những màu sắc đặc biệt được sử dụng thì chúng sẽ mang đến những hiệu ứng rõ ràng. Vậy thì tại sao những âm thanh đặc biệt lại không gây ra những hiệu ứng cụ thể?

Hiện nay, một số phòng thí nghiệm ở phương Tây đang rất quan tâm đến việc nghiên cứu mối quan hệ giữa âm thanh và cuộc sống, hai hoặc ba phòng thí nghiệm đã đi tới kết luận có ý nghĩa rất sâu sắc.

Trong hai phòng thí nghiệm, các nhà khoa học đã thành công trong việc chứng minh những âm thanh đặc biệt có thể tạo ra nhiều sữa hơn ở những người mẹ. Thông qua những âm thanh cụ thể nào đó, cây có thể tạo ra những bông hoa trong vòng hai tháng, thay vì bình thường là sáu tháng. Những con bò cung cấp gấp đôi lượng sữa nếu chúng được nghe nhạc nhẹ trong thời kỳ tạo sữa. Ngày

nay, tất cả những trại sản xuất bơ sữa ở nước Nga đang sử dụng phương pháp mới nhất này trong thời kỳ tạo sữa. Và vào một ngày không xa tất cả trái cây và rau xanh sẽ phát triển với sự trợ giúp của âm thanh nào đó. Sự kiểm chứng đã được thực hiện ở các phòng thí nghiệm, và việc nó được áp dụng ở quy mô rộng lớn chỉ là vấn đề thời gian.

Bệnh tật và sức khỏe đều phụ thuộc vào những sóng âm thanh đặc biệt, cho nên trong quá khứ, con người đã tạo ra những sự sắp xếp hợp vệ sinh trong những ngôi đền của họ, nhưng không có bất kỳ sự phụ thuộc nào vào không khí. Họ không tin rằng chỉ có lượng không khí dồi dào thì sức khỏe mới tốt. Ngược lại, không thể hình dung rằng, trong chu kỳ năm nghìn năm, họ không thể gặp ý tưởng về sự thông gió phù hợp ở nơi chốn thờ cúng của họ.

Ở Ấn Độ, người sống ẩn dật thường ngồi trong hang động, nơi mà ánh sáng và không khí không thể thâm nhập vào, hoặc họ ngồi trong những ngôi đền có cửa rất nhỏ, nơi mà con người phải khom xuống thì mới có thể vào trong. Có vài ngôi đền mà bạn phải nằm xuống và bò vào trong; thậm chí có vài ngôi đền mà con người vào chỉ bằng việc tụng niệm. Mặc dù điều này nhưng vẫn không có bệnh tật nào ảnh hưởng tới sức khỏe của những người mộ đạo. Đó là kinh nghiệm của chúng ta trong hàng nghìn năm. Nhưng khi có sự ảnh hưởng của người phương Tây, chúng ta có thể bắt đầu nghi ngờ, và lần đầu tiên những ô cửa của ngôi đền được làm rộng hơn, những ô cửa sổ bắt đầu được lắp đặt. Chúng ta làm hiện đại hóa những ngôi đền; và bằng việc làm như vậy chúng ta đã biến chúng thành những ngôi nhà thông thường.

Âm học và kiến trúc của ngôi đền có sự liên kết sâu sắc.

Có quy định đặc biệt về góc mà ở đó âm thanh được tạo ra. Có những quy định để tạo ra âm thanh trong khi đứng hoặc khi ngồi. Thậm chí còn có quy định mà âm thanh được tạo ra chỉ khi nằm xuống, bởi vì ảnh hưởng của âm thanh sẽ có tác động nào đó khi nó được tạo ra ở tư thế đứng, và sẽ thay đổi khi được tạo ra trong tư thế bạn đang ngồi. Rõ ràng rằng âm thanh được tạo ra cùng nhau và cũng được tạo ra riêng biệt. Cho nên, thật thú vị khi lưu ý đến sự bồi rỗi này sinh khi văn hóa vedic được dịch ra các ngôn ngữ phương Tây.

Ngôn ngữ phương Tây nhấn mạnh đến hình thái hơn là ngữ âm, ngược lại, theo quan điểm của vedic, ý nghĩa của câu nói hoặc câu viết không quá quan trọng như đối với âm thanh riêng biệt và bố cục của âm thanh đó. Do vậy ngôn ngữ Sanskrit là ngữ âm mà không phải là hình thái; nhấn mạnh nhiều hơn về âm thanh hơn là về từ. Cho nên, trong hàng nghìn năm, có cảm nhận rằng những kinh có giá trị không được viết ra, bởi vì, một cách tự nhiên, việc viết ra hẳn sẽ bị thất lạc nhanh hơn là bằng việc nhấn mạnh âm thanh. Khẳng định rằng kiến thức được hình thành bởi việc nói bằng miệng, hơn là trong việc viết, bởi vì bằng việc viết – chúng chỉ là từ ngữ, và những cảm giác tinh tế liên quan với âm thanh hẳn sẽ bị thất lạc và sẽ trở nên vô nghĩa.

Nếu chúng ta viết những lời nói của Rama, những người đang đọc nó sẽ nói theo nhiều cách khác nhau. Một số người sẽ nhấn mạnh nhiều đến chữ “r”, một số khác

nhấn mạnh đến chữ “a” và một số người khác nữa lại nhấn mạnh đến chữ “m”. Điều đó sẽ phụ thuộc vào cá nhân người đọc. Câu nói nhanh chóng được viết ra, hiệu quả của âm thanh bị hủy hoại. Ngày nay, để hiểu được hiệu quả âm thanh của những câu nói này, toàn bộ bài toán giải mã về phát âm chính xác những từ ngữ sẽ phải được thực hiện. Cho nên, trong hàng nghìn năm đã có sự quyết tâm mạnh mẽ về việc không viết ra bất kỳ kinh nào, bởi vì những nhà tiên tri không muốn sự sắp xếp ngữ âm bị thất lạc. Kinh phải được truyền trực tiếp cho người khác bởi lời nói phát ra từ miệng, cho nên các kinh được biết đến như shrutis, nghĩa của nó được hiểu bởi việc nghe.

Những gì được truyền dưới dạng những cuốn sách chưa bao giờ được chấp nhận như là kinh. Về mặt khoa học, tất cả điều đó cơ bản dựa trên sự sắp xếp của âm thanh. Ở một vài nơi, âm thanh phải được làm cho mềm mại, và ở những nơi khác, nó phải được làm cho lớn hơn. Việc viết những câu này ở dạng kinh sách là điều rất khó khăn. Vào ngày mà các kinh được cắt gọn để viết ra thì điều cốt lõi nguyên thủy vốn có, sự sắp xếp bên trong của âm thanh bị thất lạc. Việc hiểu chỉ bằng nghe là không cần thiết nữa. Bạn có thể đọc kinh – nó luôn có sẵn ở chợ. Bây giờ không còn mối quan hệ hoặc sự liên quan tới âm thanh.

Lưu ý rằng, các kinh chưa bao giờ nhấn mạnh về ý nghĩa, đây là lưu ý quan trọng. Sự nhấn mạnh về ý nghĩa sau này trở thành liên quan khi chúng ta cắt gọt kinh để viết. Nếu một cái gì đó được viết ra mà không có ý nghĩa gì thì nó có vẻ như là điên khùng, cho nên nghĩa là cần thiết đối với những điều được viết ra. Vẫn còn một số phần của vedic lore không có nghĩa có thể được giải mã – và có

những phần thực sự, bởi vì chúng là hoàn toàn thuộc về ngữ âm. Chúng không truyền đạt bất kỳ nghĩa nào.

Ví dụ, câu hỏi về nghĩa của câu thần chú “Aum mani padme hum” không nảy sinh, bởi vì ý nghĩa của nó là hoàn toàn ngữ âm. Tương tự như vậy, không có vấn đề về bất kỳ nghĩa nào trong câu thần chú “Aum”, nhưng nó có sự tác động âm thanh-cơ bản, điều đó tạo ra hiệu ứng đặc biệt của âm thanh. Khi thiền nhân lặp lại, “Aum mani padme hum” nhiều lần, âm thanh tác động đến các chakras (*luân xa*) khác nhau và làm cho chúng hoạt động. Vấn đề không phải là nghĩa, mà là ý nghĩa liên quan đến chính âm thanh. Cho nên thực tế là, những kinh cở không nhấn mạnh đến bất kỳ điều gì mà chỉ nhấn mạnh đến công dụng của chúng – đó là mục đích mà chúng có thể được sử dụng, và lợi ích có thể bắt nguồn từ chúng - điều đó đáng để chúng ta lưu ý đến.

Có một lần Đức Phật được hỏi, “Sự thật là gì?” người trả lời, “Sự thật là điều có thể được sử dụng”. Định nghĩa về sự thật là điều có thể được sử dụng. Khoa học cũng định nghĩa tương tự như vậy. Định nghĩa của nó sẽ là thực dụng: Sự thật có thể được tạo ra để sử dụng trong cuộc sống và có thể được chứng tỏ.

Nếu nói rằng khí hydrogen và oxygen trộn với nhau thì nước được tạo ra, chúng ta không quan tâm cho dù tuyên bố đó là thật hay không; nếu chúng ta có thể nhìn thấy, nước được tạo ra bởi sự hòa lẫn giữa hydrogen và oxygen, vậy thì đó là sự thật, ngược lại là sai. Chính tuyên bố không có giá trị gì, giá trị là công dụng của nó. Nếu có thể tạo ra nước theo cách như vậy, thế thì điều đó phải

được chứng minh bởi thực tế. Ngày nay khoa học đã chấp nhận định nghĩa này về sự thật, điều mà tôn giáo đã chấp nhận năm nghìn năm trước. Trong tôn giáo, công dụng của thử nghiệm là để xác minh sự thật.

Câu thần chú “Aum” không có nghĩa nhưng nó lại có tác dụng; ngôi đền không có ý nghĩa nhưng nó có công dụng. Việc tạo ra công dụng của nó là nghệ thuật, có dòng chảy vốn có trong tất cả các nghệ thuật mà chúng không thể được dạy, không thể được thuyết giảng, nhưng phải là sự miệt mài cuốn hút.

Tôi đã đọc rằng, một nghìn năm trăm năm trước đây, có vị hoàng đế ở Trung Hoa rất thích thịt - rất thích đến mức ông ta có thể giết ngay con bò hay con trâu trước mặt ông ta. Mỗi buổi sáng, người đồ tể đã giết mổ súc vật ngay trước mặt vị hoàng đế trong suốt mười lăm năm. Vào một ngày, hoàng đế hỏi, “Ta chưa lần nào nhìn thấy ông mài cái rìu trong suốt mười lăm năm. Lưỡi của nó không cùn đi sao?”

Người đồ tể nói, “Không, tâu hoàng đế, không phải như vậy. Cái lưỡi của nó trở nên cùn chỉ khi đồ tể không phải là chuyên gia, không biết vị trí để đâm vào. Người đồ tể phải biết đâu là xương, đâu là khớp nối, và cái rìu cắt con vật làm hai chỉ với một nhát chặt. Nghệ thuật này được truyền từ thế hệ này tới thế hệ khác. Cho nên lưỡi không bị cùn đi mà nó còn trở nên sắc hơn hàng ngày”.

Vị hoàng đế đã đề nghị người đồ tể dạy ông ta nghệ thuật.

Người đồ tể trả lời, “Điều đó hẳn sẽ là rất khó. Tôi đã

không học nghệ thuật này nhưng đã tiêm nhiễm nó từ việc quan sát cha tôi từ khi tôi còn nhỏ. Tôi đã không được dạy điều đó, tôi hấp thụ nghệ thuật bằng việc quan sát cha tôi hàng ngày. Đôi khi tôi đưa cây riu cho ông, đôi khi tôi xếp các chi của con vật thành đống. Đó là cách tôi học được nghệ thuật. Nếu hoàng thượng sẵn sàng thực hiện điều tương tự - xin hãy đứng bên cạnh tôi, thỉnh thoảng cầm cây riu cho tôi và sau đó để nó lại chỗ cũ, thỉnh thoảng chỉ ngồi và quan sát - vậy thì có thể hoàng thượng sẽ học được nghệ thuật. Nhưng tôi không thể dạy nó cho ngài”.

Khoa học có thể được dạy nhưng nghệ thuật phải được hấp thụ.

Tất cả các câu thần chú đó đều không có nghĩa, nhưng chúng có giá trị thực tế, và chúng ta đã làm cho trẻ con bị thu hút từ lúc còn rất nhỏ. Họ đã học được công dụng của ngôi đền, nhưng thậm chí họ chưa bao giờ nhận biết mình đã học được điều gì. Họ hẳn là muốn học nghệ thuật của việc đi vào đền, làm cách nào để ngồi đó, làm cách nào để sử dụng những giới hạn linh thiêng. Bất kỳ khi nào có sự khẩn cấp hoặc khó khăn, họ vội vã đến ngôi đền, sau đó quay về nhà trong trạng thái sự cân bằng và bình ổn. Mỗi buổi sáng họ đến đền, bởi vì những gì họ có được ở đó thì không thể tìm thấy ở bất kỳ nơi nào khác. Nhưng tất cả những điều đó không được dạy cho họ, họ đã hợp thành điều đó từ giai đoạn rất sớm khi còn là trẻ con. Điều đó không được dạy cho họ nhưng được hấp thụ. Bất kỳ ở đâu có nghệ thuật thì nghệ thuật đó không thể được dạy.

Những hiệu quả âm thanh trong ngôi đền và của chính ngôi đền đã là sự sắp đặt để thử nghiệm. Chúng nào mà

hiệu quả âm thanh của lời nói chưa được hiểu thì toàn bộ thử nghiệm là vô nghĩa.

Ví dụ, có truyền thống cho rằng, câu thần chú chỉ nên trao cho môn đệ bởi bậc thầy. Sự nhấn mạnh câu thần chú được thuật lại bởi bậc thầy vào tai của môn đệ. Có thể bạn biết câu thần chú từ rất lâu nhưng bậc thầy vẫn muốn thì thâm vào tai bạn.

Có thể bạn thắc mắc, “Có gì mới trong đó? Mình không thể thực hiện điều đó mà không có bậc thầy sao? Mọi người đều biết cách lặp lại câu thần chú, nhưng bậc thầy vẫn thì thâm vào tai mình cứ như đó là điều bí mật vĩ đại vậy!” Nhưng điều cần được hiểu là, khi bậc thầy nói vào tai môn đệ, ông ta làm điều đó theo cách đặc biệt sao cho đó như là sự nhấn mạnh những âm thanh đặc biệt - một cái gì đó không ai biết đến. Thực tế là có nhiều ngữ âm khác nhau của “Ram” có những hiệu ứng khác nhau.

Chúng ta biết câu chuyện về hiền nhân Valmiki, nhưng ngày nay câu chuyện này đã bị thất lạc ý nghĩa thực của nó và có vẻ rất trẻ con. Câu chuyện kể rằng, Valmiki là người thất học và quê mùa. Bậc thầy của ông ta nói ông ta lặp lại câu thần chú, “Rama, rama”, nhưng một lúc sau, ông ta quên và bắt đầu tụng nó ngược lại, “Mara, mara” – và trở nên chứng ngộ!

Khi những chìa khóa thực sự để lần ra manh mối của những điều huyền bí bị thất lạc, thì mọi rắc rối nảy sinh. Thực tế là, trong khi tụng câu thần chú, “Rama, rama”, sau một chu kỳ bạn lại bắt đầu tụng “Mara, mara”, cho nên điều đó tạo ra cường độ. Khi “Ram, rama” được tụng nhanh hơn thì câu tụng biến thành “Mara, mara”; vậy thì

có sự nhấn mạnh ngữ âm đúng. Vậy thì một cái gì đó duy nhất xuất hiện: bạn ngừng, bạn không là bạn nữa, và trong thời điểm quan trọng đó, khi bạn ngừng là bạn, hoặc bạn chết đối với sự nhận dạng của mình, lúc đó câu thần chú trở nên hoàn thiện. Đó là thời điểm của kinh nghiệm thực sự - khi bạn ngừng, bản ngã của bạn đã chết.

Thật thú vị khi lưu ý rằng, nếu quá trình này được hoàn thành một cách phù hợp - bạn sẽ bắt đầu với sự lặp lại câu “Rama, rama”, thời điểm sẽ nhanh chóng xuất hiện khi bạn bắt đầu lặp lại, “Mara, mara” và thậm chí nếu bạn muốn nói, “Rama”, bạn sẽ không có khả năng; toàn bộ bản thể bạn sẽ lặp lại, “Mara, mara”... ở thời điểm đó chính bạn sẽ chết – và đó chính là bước đầu tiên của thiền. Khi chính bạn đang hoàn toàn hấp hối, bỗng nhiên bạn sẽ nhận ra rằng “Mara, mara” bắt đầu quay trở lại như cũ là “Rama, rama”. Khi “Ram, rama” đó bắt đầu từ bên trong bạn, thực tế bên ngoài bạn sẽ trải nghiệm rama – nhưng không phải trước đó. Ở khoảng giữa, sự biến đổi thành “mara” là cần thiết.

Cho nên có ba phần đối với câu thần chú. Bắt đầu với “Rama”, mất sự nhận dạng của bạn với “Mara” sau đó câu thần chú sẽ biến thành “Rama”. Bước thứ hai “Mara” là phần cần thiết của quá trình; trừ khi điều đó xuất hiện ở giữa chừng, kinh nghiệm rama thực sự cuối cùng ở bước thứ ba sẽ không xuất hiện. Nếu bạn biết ngữ âm thực và nếu bạn tụng nó phù hợp - nếu bạn nhấn mạnh “ra” và ít nhấn mạnh “m”, chỉ khi đó “Rama” sẽ thay đổi thành “Mara”. Khi “m” ít nhấn mạnh, nó giống như thung lũng và “r” trở thành ngọn, thành đỉnh cao nhất. Trong việc bạn

lập lại “m” của “rama” với ít sự nhấn mạnh thì sự biến đổi xuất hiện, và bạn sẽ nhanh chóng nhận ra rằng “m” trở thành đing và “r” trở thành thung lũng. Sau đó bạn lập lại “Mara, mara” mà không biết về nó.

Giống như sóng trên đại dương, sau mỗi ngọn sóng là hòm sâu. Giống như sóng biển, âm thanh cũng có sóng giống như cao độ và trường độ trong âm nhạc. Trừ khi bạn nhận ra sự phát âm phù hợp, bạn không thể lập lại câu thần chú và sẽ không có kết quả gì.

Ai đó viết câu chuyện về Valmiki lập lại câu thần chú “Mara, mara” vì ông ta là người thất học và quê mùa, điều đó rất xa sự thật. Valmiki là người thất học và quê mùa, nhưng trong trường hợp đặc biệt này, ông ta quá thông minh. Ông ta biết toàn bộ khoa học làm cách nào để tụng “Rama”, để biến đổi âm thanh thành “Mara”. Chỉ sau sự biến đổi giữa chừng đó mà Rama sẽ được sinh ra. “Rama” đó không phải là câu được nói bởi bạn, bởi vì trong bước thứ hai của “Mara” bạn ngừng là mình. Ai sẽ lập lại điều đó?, “Rama” thực sự sinh ra trong bạn ở thời điểm cuối của bước thứ hai, nó sẽ không được nói bởi bạn mà sẽ chỉ là hiện tượng, mặc dù bạn có đó. Nó sẽ xuất hiện tự động, nó sẽ không là sự lập lại của bạn.

Giá trị của shrutis – nghĩa của kinh được nghe hoặc lắng nghe – là sự nhấn mạnh ngữ âm. Chỉ có người biết khoa học của ngữ âm mới có thể truyền đạt kiến thức của shrutis; chỉ khi đó nó mới là hữu dụng. Nếu không lời nói sẽ là tương tự như khi viết trong sách - bất kỳ ai cũng có thể đọc chúng – nhưng khoa học vẫn giữ nguyên chưa biết. Khoa học đó của âm thanh - sự lên xuống trầm bổng

của nó và độ dài của quăng lạng - tạo thành toàn bộ sự huyền bí.

Đã từng có kinh hoàn thiện của những câu thần chú, và những ngôi đền được sử dụng như các phòng thí nghiệm để thử nghiệm chúng. Đây là giá trị vĩ đại đối với người tìm kiếm. Con số những người trải nghiệm nhận biết về Thượng đế bên trong khu vực của các ngôi đền luôn nhiều hơn những người trải nghiệm bên ngoài ngôi đền. Điều này đã xảy ra, mặc dù thực tế rằng, lòng mộ đạo hiện diện bên ngoài những ngôi đền nhiều hơn bên trong.

Con người như Mahavira, người đã trải nghiệm bên ngoài những ngôi đền, đã tìm ra những phương pháp khác nhau, đòi hỏi nhiều nghị lực hơn những người bên trong ngôi đền. Mahavira đã phải mất nhiều năm kiểm soát các tư thế để có thể tạo ra dòng năng lượng bên trong. Ông ấy không muốn sự trợ giúp của ngôi đền, nhưng sự thay đổi là một quá trình dài gồm những bài thực hành khó trong nhiều năm, và chỉ có thể được hoàn thành bởi con người có ý chí sắt đá như Mahavira.

Đức Phật cũng đạt được sự chứng ngộ mà không cần sự trợ giúp của ngôi đền. Nhưng ngay sau cái chết của cả Mahavira và Đức Phật thì những ngôi đền đã được xây dựng, bởi vì những gì ngôi đền có thể mang đến cho con người bình thường thì không cần thiết là những gì Mahavira hoặc Đức Phật đã tạo ra. Những gì mà Đức Phật và Mahavira chủ trương không phải luôn là điều để con người bình thường có thể đạt được.

Ngày nay, nếu chúng ta hiểu biết rõ về khoa học của cường độ âm thanh, chúng ta có thể phát minh ra những

cảm riêng biệt nào đó. Bạn cảm thấy vui vẻ khi nói, dòng điện chạy qua một tế bào cụ thể nào đó và cho bạn cảm giác vui vẻ. Giả sử bạn đang ngồi cạnh người yêu, cầm tay cô ấy và bạn nói bạn cảm thấy hạnh phúc. Điều gì sẽ xảy ra? Nếu nhà khoa học mô tả hiện tượng này họ hẳn muốn nói rằng, dòng điện chạy qua trung tâm cụ thể trong não bạn, về mặt tinh thần, đó chỉ là sự liên tưởng quá khứ của bạn với người làm cho bạn quá hạnh phúc bởi sự hiện diện của cô ta. Nhưng có thể bạn sẽ không cảm thấy niềm hạnh phúc đó nữa sau hai hay ba tháng, bởi vì nếu bạn thường xuyên sử dụng một trung tâm cụ thể thì dòng điện qua nó thường xuyên, và tế bào đó trở nên vô cảm.

Ví dụ, nếu bạn châm cái gai liên tục vào điểm cụ thể ở chân mình thì sự đau đớn sẽ trở nên ít đi. Ngày mai sự đau đớn sẽ ít hơn ngày hôm nay, và ngày sau đó nữa lại càng ít hơn. Nếu bạn liên tục thực hiện điều đó thì điểm đó sẽ phát triển thành nút không cảm giác và không còn cảm thấy đau đớn nữa. Người chơi đàn sita làm cho bề mặt da ở ngón tay trở nên vô cảm. Vậy thì việc gảy dây đàn không tạo ra sự khác biệt nào; ngón tay của họ không còn cảm giác đau.

Cho nên nếu bạn cảm thấy rằng tình yêu của bạn đã chết sau ba hay bốn tháng, hoặc trở nên ít hơn thì điều đó cũng không có nghĩa rằng tình yêu của bạn bị tan vỡ, điều đó chỉ có nghĩa rằng, điểm bên trong bạn, nơi mà cảm giác hạnh phúc xuất hiện, đã trở thành vô cảm bởi vì bị sử dụng quá nhiều. Nếu cô ấy đi xa ba hoặc bốn tháng, khi cô ấy quay trở về, cô ấy lại làm cho bạn cảm thấy hạnh phúc.

Những thử nghiệm của các nhà khoa học trên con chuột là biểu lộ rất ý nghĩa. Họ mổ óc con chuột, và một

dạng cửa sổ được giữ cho mở để quan sát những gì xuất hiện khi chuột đang quan hệ dục. Điểm đặc biệt mà dòng điện chạy qua khi chuột xuất tinh đã được đánh dấu. Sau đó, điểm đó được nối với điện cực và “cửa sổ” được đóng lại. Điểm cuối khác của điện cực được nối với thiết bị, thiết bị này có thể tạo ra lượng điện được kiểm soát. Có một công tắc, khi nhấn vào công tắc này thì dòng điện được tạo ra – dòng điện có cường độ tương tự xuất hiện tại thời điểm xuất tinh của con chuột.

Con chuột được huấn luyện để sử dụng công tắc, bất kỳ khi nào nó nhấn công tắc thì lượng điện yêu cầu cũng được cung cấp bởi thiết bị đó, dòng điện đó kích hoạt điểm của não được nối với điểm cuối khác của dây, lúc đó nó cũng tạo ra cho con chuột cảm giác khoái lạc như khi quan hệ dục. Con chuột cảm thấy rất thích thú khi nhấn công tắc; nó quá thích thú đến mức lại nhấn công tắc lần nữa. Bạn sẽ ngạc nhiên khi biết rằng con chuột không làm bất kỳ điều gì khác sau hai mươi bốn giờ. Nó chỉ liên tục nhấn vào nút – sáu nghìn lần trong một giờ. Nó không bận tâm đến việc ăn, uống hoặc ngủ, mà chỉ liên tục nhấn công tắc cho đến khi kiệt sức hoàn toàn!

Nhà khoa học, người thực hiện thử nghiệm đã nói rằng con chuột quá thích thú khoái cảm tình dục - nhiều hơn khi nó thực hiện quan hệ dục, mặc dù thực tế đó không phải là hoạt động dục, mà chỉ là sự trải nghiệm khoái cảm dục do dòng điện được tạo ra ở bộ não của nó. Nhà khoa học khuyến cáo rằng, cảm giác tương tự sẽ nhanh chóng bị mất đi sự hấp dẫn đối với con chuột và trở nên rất bình thường.

Thời kỳ mà chúng ta có khả năng nối bộ óc của con

người với điện cực để nhận dòng điện ở điểm cụ thể, thực tế lúc đó, chúng ta sẽ không có khả năng tìm ra bất kỳ người nào muốn tham gia vào dực - bởi vì người đó không đạt được gì và mất đi rất nhiều năng lượng. Có thể anh ta có một thiết bị vận hành có nguồn nhỏ trong túi của mình, bất kỳ khi nào anh ta muốn, anh ta có thể kích hoạt trung tâm dực và trải nghiệm niềm khoái cảm tương tự như khi qua hệ dực. Nhưng điều này có sự nguy hiểm của chính nó.

Một lúc nào đó có thể cấy nhiều trung tâm vào não về sự nghi ngờ, sự tức giận, hoặc vân vân, những trung tâm này có thể được giải phẫu để lấy đi. Trung tâm nối với sự nối loạn có thể bị ngắt ra và con người sẽ trở thành rất ngoan ngoãn, dễ sai khiến. Chính quyền có thể lạm dụng những thành tựu khoa học đó.

Các nhà khoa học không biết điều đó, nhưng có thể với sự trợ giúp của các thiết bị khoa học, chúng ta có thể tạo ra môi trường như vậy tồn tại trong ngôi đền. Những sự trải nghiệm có thể mất hàng giờ, hàng tháng, hàng năm nhằm đạt được hiệu quả của âm thanh trong ngôi đền, thì lại có thể dễ dàng tạo ra nhiều hơn với các thiết bị khoa học. Cho nên tôi nói rằng ngôi đền dựa trên nền tảng rất khoa học, và bằng việc sử dụng phương tiện trung gian của âm thanh thì cảm giác hạnh phúc, bình yên, yêu thương và phúc lạc đã nảy sinh. Và trong sự hiện diện của những cảm giác này, toàn bộ thái độ của bạn với cuộc sống đã được chuyển hóa.

Về mặt khác, những gì các nhà khoa học thực hiện có thể rất nguy hiểm. Sự nguy hiểm là ở chỗ, bất kỳ điều gì

khoa học thực hiện thì lại trở thành công nghệ và tâm thức không đóng vai trò gì trong nó. Có thể là, với việc sử dụng các thiết bị điện, sẽ xuất hiện trạng thái giống như điều có được trong ngôi đền, nhưng sự chuyên hóa của tâm thức sẽ là không thể. Đỉnh cao của tâm thức và sự chuyên hóa không thể xuất hiện theo kiểu như vậy; những gì con người có thể nhận được bằng việc nhấn công tắc sẽ không mang lại bất kỳ sự biến đổi nền tảng nào.

Cho nên, tôi không nhìn thấy bất kỳ khả năng nào mà các thiết bị có thể thỏa mãn sự mong đợi như đối với những ngôi đền.

Bạn có thể thắc mắc, nếu như ngày nay những ngôi đền có thể được sử dụng trong những thời điểm thay đổi này. Đúng, điều đó là có thể, nhưng tu sĩ truyền thống chính thống trong ngôi đền ngày nay sẽ không có khả năng giải thích những gì xảy ra, và làm cách nào xảy ra trong ngôi đền ở thời cổ đại. Ông ta vẫn có chìa, nhưng lại không có bất kỳ ý tưởng nào về những bí mật ẩn chứa bên trong nó. Ngày nay, toàn bộ triết lý và khoa học của ngôi đền có thể vẫn còn tác dụng. Hiện nay chúng ta có thể tạo ra những ngôi đền tốt hơn, bởi vì chúng ta có những vật liệu xây dựng tốt hơn. Chúng ta có thể thiết lập toàn bộ hệ thống âm thanh theo cách mà âm thanh có thể được khuếch đại lên hàng nghìn lần. Những bức tường có thể được tạo ra rất nhạy cảm đến mức, nếu khi bạn tụng “Aum” thì bức tường sẽ dội âm hàng nghìn lần.

Ngày nay chúng ta có những thiết bị tốt hơn, nhưng chúng ta nên biết chìa để có thể mở khóa bí mật của bản thể chúng ta.

Trong quá khứ, có ít nhất một ô cửa trong ngôi đền, nhưng ngày nay chúng ta có thể xây dựng ngôi đền mà không có bất kỳ ô cửa nào. Nói chung, trong quá khứ những người xây dựng những ngôi đền đã sống trong những ngôi nhà như túp lều, được làm bằng phân bò và đất sét. Họ đã làm tốt nhất trong khả năng giới hạn của họ, và những gì họ đã làm là rất vĩ đại. Ngày nay chúng ta có kỹ năng công nghệ tuyệt vời, nhưng chúng ta không có khả năng tận dụng điều đó.

Cho đến bây giờ, chúng ta đã tranh luận về lợi ích của những ngôi đền, về những người đã vào trong những ngôi đền đó. Nhưng bên ngoài những ngôi đền cũng có những ý nghĩa và công dụng của chúng. Cho đến ngày nay chúng ta đã tranh luận, làm cách nào người mộ đạo vào trong ngôi đền lại đi sâu hơn vào thiên và cầu nguyện. Nhưng thậm chí những người chỉ đi ngang qua ngôi đền cũng được hưởng lợi, mặc dù ngày nay điều đó không xuất hiện; ngày nay thậm chí những người vào ngôi đền và khi đi ra cũng không thu nhận được gì. Nhưng vào những ngày đó, ngôi đền có thể giúp ích cho con người ở gần nó, bởi vì những người đã ở trong ngôi đền đã thực sự thực hiện một cái gì đó. Hàng trăm người mộ đạo trong ngôi đền đã kích hoạt sự rung động âm thanh đặc biệt, vì vậy mà toàn bộ không khí bên trong ngôi đền trở nên được nạp. Ngôi đền không chỉ rung động bên trong, nó cũng rung động bên ngoài và những đợt sóng tinh tế cũng lan tỏa ra bên ngoài. Toàn bộ môi trường cũng trở nên sống động bởi chính ngôi đền rất sống động đó.

Ý nghĩa của ngôi đền sống động chính là sự rung động

manh mẽ này. Tượng thần sống động cũng biểu thị cùng điều đó; thậm chí chúng cũng ảnh hưởng đến những người tới đó mà không vì bất kỳ lợi ích đặc biệt nào. Ngôi đền chỉ có thể được gọi là sống động nếu một người nào đó tình cờ đi ngang qua nó, và bỗng nhiên họ cảm thấy không khí và môi trường đã biến đổi, thậm chí có thể người đó không biết có ngôi đền ở vùng lân cận đó.

Giả sử bạn đi bộ trên đường vào một đêm tối trời, khi bạn đi ngang qua ngôi đền, bạn cảm nhận một vài sự thay đổi bất ngờ bên trong bạn... Bạn nghĩ rằng bạn đã làm một cái gì đó sai, và bỗng nhiên suy nghĩ của bạn thay đổi. Bạn đang nghĩ về việc giết một người nào đó, và bỗng nhiên bạn cảm thấy tràn ngập lòng thương cảm. Nhưng điều này có thể xuất hiện nếu ngôi đền được nạp. Mọi viên gạch và viên đá của ngôi đền đó, những ô cửa và cổng sẽ trở nên rung động; vậy thì toàn bộ ngôi đền sẽ trở nên rung động cùng âm thanh.

Phương pháp duy nhất để nạp cái chuông treo trước đền: bất kỳ ai đi vào cũng gõ vào chuông. Người đó thực hiện với toàn bộ sự tinh táo mà không phải là tâm trí mơ ngủ. Khi bạn gõ vào chuông của ngôi đền – không phải là sự thờ ơ mà với toàn bộ sự nhận biết – điều đó sẽ tạo ra sự đứt đoạn trong ý nghĩ của bạn, một dạng đứt đoạn của dây chuyền ý nghĩ của bạn, và bạn sẽ trở nên nhận biết sự thay đổi môi trường xung quanh. Có sự tương đồng giữa âm thanh của chuông và âm thanh của “Aum”; thực tế có một vài sự liên hệ bên trong. Âm thanh của chuông liên tục nạp vào ngôi đền trong suốt cả ngày, và âm thanh của “Aum” cũng nạp vào ngôi đền với sự rung động của chính nó.

Nhiều thứ khác tương tự như vậy đã tạo ra công dụng trong ngôi đền, chúng có sự liên hệ bên trong. Có thể là, những cây đèn đất cháy bằng bơ sữa trâu, hương trầm cháy, hoặc tác dụng của bột gỗ trầm hương, hoặc những bông hoa, hoặc bất kỳ hương thơm nào khác - tất cả đều liên hệ. Đó không phải là vấn đề của vị thần đặc biệt liên quan tới bông hoa cụ thể, đó là vấn đề về sự hòa hợp của ngôi đền. Dạng âm thanh và mùi hương thơm hòa hợp với ngôi đền được lựa chọn thông qua những trải nghiệm. Chỉ có hoa cụ thể với hương thơm cụ thể pha trộn trong sự hòa hợp với âm thanh nào đó là có tác dụng; những thứ hoa khác với những hương thơm khác đã bị cấm.

Trong nhà thờ Hồi giáo, cánh kiềng trắng có tẩm dầu *creosote* có thể được sử dụng như hương trầm. Tất cả điều đó có sự liên hệ với âm thanh. Với âm thanh “Allah”, có sự hòa hợp bên trong với hương thơm của *lobhan*. Mỗi liên hệ và sự liên quan đã được khám phá thông qua sự tìm kiếm điều tối thượng bên trong; chúng không thể được tìm ra bởi bất kỳ quá trình suy tưởng nào. Tôi sẽ nói với bạn làm cách nào mà điều này được thực hiện.

Bạn có thể ngồi trong phòng không có *lobhan* được đốt cháy và liên tục lặp lại, “Allah” – không chỉ “Allah” mà là “Allahoo” với sự nhấn mạnh đặc biệt ở “hoo”. Dần dần bạn sẽ nhận ra rằng âm thanh “Allah” biến mất và chỉ còn lại “hoo” sẽ tiếp tục được lặp lại. Khi điều này xuất hiện, bỗng nhiên bạn sẽ nhận ra toàn bộ căn phòng của bạn thơm ngát mùi hương của *lobhan*. *Lobhan* được khám phá ra cũng tương tự với chất phát ra từ bạn. Cho nên *lobhan* cháy trong ngôi đền Hồi giáo được coi là dùng để hỗ trợ

người tụng “hoo”. Vậy thì quá trình sẽ tăng gấp hai: sự lan tỏa của hương thơm bên trong con người có thể sẽ mất một khoảng thời gian nào đó, nhưng hương thơm tương tự trong ngôi đền vào lúc ban đầu có thể được cung cấp ra bên ngoài. Nhưng sự lặp lại “Aum” có thể không bao giờ mang đến hương thơm của *lobhan*. Âm thanh này tấn công trung tâm khác mà nó không thể tạo ra mùi này.

Có những vùng riêng biệt về hương thơm bên trong cơ thể bạn, và có những sự liên hệ với ý nghĩ và cảm giác của chúng ta.

Chính vì vậy mà người theo đạo Jain tin rằng, cơ thể của Mahavira chưa bao giờ tỏa ra bất kỳ mùi hương tồi tệ nào. Cơ thể của ông ấy có mùi thơm đặc biệt, dựa trên điều đó mới có khả năng nhận ra tirthankara. Trong thời đại của Mahavira, tám người khác đã tuyên bố là tirthankara, nhưng mùi hương đặc biệt này không xuất phát từ họ. Không ai trong họ kém am hiểu hơn Mahavira, họ có cùng tâm cỡ về tâm linh, nhưng họ không phải là những người thực hành hệ thống kỹ luật tâm linh, điều tạo ra hương thơm này, cho nên tuyên bố của họ bị từ chối.

Đức Phật cũng không thấp kém hơn Mahavira. Người cũng có cùng phẩm chất và trạng thái thức tỉnh như Mahavira, nhưng bởi vì người không theo phương pháp như Mahavira nên cơ thể người không thể tỏa ra mùi hương tương tự. Hương thơm đó cũng tỏa ra từ Parshwanath, một tirthankara đã chết rất lâu trước thời kỳ của Mahavira. Thời đại của ông ta vẫn còn sống động và họ đã quả quyết rằng hương thơm của Mahavira cũng tương tự như của Parshwanath. Kết quả tối thượng của

quá trình thần chú cụ thể là điều đặc biệt. Kết quả cuối cùng của việc thực hiện thần chú cụ thể là hương thơm đặc biệt đó.

Đây là sự sắp xếp dựa trên hồi ức để xác định tính thực chất của tirthankara. Cho nên mặc dù Mahavira chưa bao giờ tuyên bố mình là tirthankara, ông ấy dễ dàng được tuyên bố là như vậy. Về mặt khác, Makhkhali cũng đã tuyên bố nhưng lại không thể chứng minh. Bạn có thể thắc mắc tại sao hương thơm lại được sử dụng như là tiêu chuẩn đánh giá. Thử nghiệm phải là sâu sắc và không thể sai lầm - lời nói không thể được lặp lại. Toàn bộ cá thể con người đó sẽ phát ra hương thơm đặc biệt mà nó chỉ ra rằng, có một sự nở hoa chắc chắn đã xuất hiện bên trong người đó, rằng cực điểm của việc thực hiện thần chú mà nó sinh ra tirthankara đã xuất hiện.

Makhkhali Goshal, Ajitkesh Kambal và Sanjay Vilethiputra là những người tinh cầu, rất hiểu biết, họ có sự bình đẳng về phẩm chất với Mahavira - mỗi trong số họ có hàng nghìn người theo, họ đã tuyên bố rằng bậc thầy của họ là tirthankara – nhưng tất cả họ đã biến vào quên lãng. Về mặt khác, Mahavira tuyệt đối im lặng ở điểm này và không bao giờ đưa ra bất kỳ tuyên bố nào. Cuối cùng thì cũng được quyết định rằng, chỉ cơ thể của người phát ra hương thơm đặc biệt mới có thể là tirthankara.

Mọi câu thần chú tạo ra hương thơm của chính nó. Những người đã thực hiện việc tụng “Aum” đã biết hương thơm nào đó. Tương tự vậy, mọi câu thần chú tạo ra dạng đặc biệt của ánh sáng bên trong. Nhiều ánh sáng sẽ được tạo ra trong ngôi đền được lựa chọn dựa trên ánh sáng bên

trong đó – không nhiều hơn hoặc không ít hơn. Thật ngạc nhiên, những người ngồi dưới ánh sáng điện chói lòa trong ngôi đền chỉ đơn giản là sự ngu ngốc. Chúng không bao giờ được cần đến, bởi vì ánh sáng nhiều như vậy chỉ cần đến dưới bầu trời rộng mở – ánh sáng rất dịu và vô hại. Cho nên ngọn đèn bơ sữa trâu được sử dụng bởi vì nó không bao giờ làm khó chịu và không làm chói mắt.

Có thể không dễ dàng để hiểu sự khác nhau giữa ánh sáng dầu lửa và ánh sáng bằng mỡ trâu, bởi vì chúng ta chưa bao giờ thử nghiệm thiền bằng ánh sáng. Tập trung vào ngọn lửa của ngọn đèn dầu trong vòng một giờ: mắt bạn sẽ bắt đầu cháy và trở nên mệt mỏi, đau nhức. Ngọn đèn khác cháy bằng mỡ trâu và tập trung vào ngọn lửa của nó trong một giờ: mắt bạn sẽ cảm thấy dịu hơn và tỉnh hơn. Tất cả những kinh nghiệm bên trong của hàng nghìn người đã tiết lộ điều này, và hào quang đã được phát hiện ra đã trở thành sự trợ giúp bên ngoài. Tất nhiên, không thể cung cấp ngọn đèn chính xác như ánh sáng bên trong, cho nên chỉ có điều gần đúng là được tìm ra. Hương thơm chính xác được tạo ra bên trong bạn sau khi tụng thần chú đặc biệt không thể tìm thấy ở bên ngoài, cho nên chúng ta phải bằng lòng với sự gần đúng nhất.

Bột gỗ trầm hương trở thành phổ biến trong tất cả các ngôi đền. Vị trí trên trán, nơi bột trầm hương được phết vào gọi là agyna chakra trong Yoga. Việc thực hành những câu thần chú cụ thể tạo ra trải nghiệm bên trong về mùi thơm trầm hương, nhưng nguồn của hương thơm đó lại là chakra agya. Bất kỳ khi nào sự trải nghiệm của con mắt thứ ba mạnh mẽ hơn thì mùi trầm hương tỏa ra, cho nên mùi trầm hương đã trở thành biểu tượng của kinh

nghiệm đó, do vậy mà chúng ta phết bột trầm hương ở trán. Khi chakra agya tỏa ra mùi hương này thì sẽ cảm nhận được sự mát dịu, cứ như bạn đặt miếng đá lạnh lên con mắt thứ ba. Có sự khác nhau giữa những thứ mát lạnh và những thứ êm dịu - tương tự như giữa đèn dầu hỏa và đèn mỡ trâu.

Đá đóng băng là lạnh, nhưng nó không dễ chịu hoặc êm dịu. Cảm giác mát mẻ của đá đóng băng chỉ kéo dài trong chốc lát và theo sau là cảm giác nóng. Cảm giác cuối cùng buộc phải là nóng; bạn cảm thấy nóng hơn một chút trước đó. Nhưng bột trầm hương là dễ chịu và không lạnh; nó êm dịu. Êm dịu là một dạng của chiều sâu. Nếu đặt đá lạnh lên chakra agya thì nó chỉ làm cho bề mặt lạnh. Nếu bột trầm được phết lên chakra agya, bạn sẽ cảm thấy sự êm dịu đang thấm qua những lớp sâu bên trong da một cách hiệu quả. Sự êm dịu phải thấm tới vị trí con mắt thứ ba.

Những người đã trải nghiệm hoạt động của chakra agya, cảm nhận ảnh hưởng êm dịu của nó đã tìm kiếm sự tương tự, và họ đã tìm ra nó trong bột hương trầm. Nó có mùi hương tương tự khi nó phát ra từ bên trong.

Tất cả những sự trợ giúp bên ngoài đó chỉ là tương đương. Và khi ngôi đền được trang bị bởi chúng thì nó sẽ trở nên được nạp. Cho nên có quy định rằng không ai có thể vào đền mà không phải tắm rửa. Tắm bằng nước lạnh để phá bỏ những suy tính và ý nghĩ liên quan. Không ai được phép vào đền mà không rung chuông. Không ai được phép vào đền với quần áo cũ và bẩn; thực tế, phải mặc trang phục bằng lụa khi viếng thăm đền, bởi vì vải lụa giúp tạo ra điện cơ thể và bảo vệ nó, cho nên vải lụa luôn duy trì sự tươi mát, do vậy mà bạn mặc nó nhiều hơn.

Tất cả những sự phòng ngừa và sắp xếp đã làm cho ngôi đền được nạp, cho nên bất kỳ ai chỉ đi ngang qua cũng bị ảnh hưởng bởi từ trường của ngôi đền.

Người ta đã nói về Mahavira rằng, trong phạm vi nào đó xung quanh ông ấy - bất kỳ nơi nào ông ấy có mặt - việc phạm bất kỳ tội ác nào là điều không thể. Đó là trường được nạp của ông ấy, bên trong trường đó thì bạo lực là điều không thể. Ông ấy thích đi bộ đến đền, và trong giới hạn của trường hình quả cầu đó, bất kỳ điều gì bất ngờ xuất hiện cũng bị thay đổi.

Teilhard de Chardin đã đặt ra từ mới, “noosphere” thay cho từ “atmosphere”. Atmosphere có nghĩa là môi trường bên ngoài, “noosphere” có nghĩa là trạng thái tinh thần và tâm lý, và bên trong trường đó không bao giờ xảy ra bất kỳ sự kiện cụ thể nào.

Vào thời kỳ đầu tiên, các môn phái được quản lý bởi các rishi. Không khí xung quanh những môn phái này được cho là thuần khiết và bất khả xâm phạm. Nếu có một cái gì đó sai xuất hiện ở các môn đệ thì rishi sẽ trừng phạt chính mình mà không phải trừng phạt họ, bởi vì điều đó có nghĩa là trường đã bị mất phẩm chất cốt lõi của nó – cho nên các môn đệ không thể bị khiển trách. Khiển trách họ là điều phù phiếm; một vài sự kiện rủi ro chỉ có nghĩa rằng, trường đã bị mất đi tính thiêng liêng của nó. Cho nên chính bậc thầy ăn năn, phải chịu sự nhịn ăn và làm trong sạch lại chính mình.

Những ý tưởng này đã bị Gandhi hiểu sai. Tự làm trong sạch không có nghĩa là cách để chứng tỏ lại một cái gì đó khác, không có ý định tạo áp lực lên một người nào

đó khác. Việc hành hạ chính mình, hoặc nhịn ăn cho đến chết để thay đổi trái tim, hoặc tâm hồn của một người nào đó không phải là ý tưởng. Gandhi không hiểu. Rishi không làm trong sạch chính mình để thay đổi một người nào đó khác, ông ta làm điều đó để nạp lại trường, hoặc để làm tinh khiết lại môi trường xung quanh. Nếu khuôn mẫu tư tưởng bị thay đổi, nếu quá cầu tinh thần bị biến đổi thì con người sống trong đó cũng sẽ trở nên thay đổi. Không có vấn đề về việc thay đổi tâm thức của một người nào đó, mà chỉ là sự thay đổi môi trường xung quanh và trường từ tính mà mọi người mang theo họ.

Những người như Mahavira thích đi bộ đến đền. Những người như vậy không thể hy vọng nghĩ cố định ở một nơi cụ thể nào đó. Cho nên chúng ta cần một cái gì đó khác ổn định hơn, trở thành trung tâm của cuộc sống đối với toàn bộ thị trấn - một cái gì đó xung quanh cuộc đời của con người sẽ tiếp tục được biến đổi. Chúng ta cần nơi chốn, ngôi đền, ở đó hàng ngày chúng ta dâng tặng lễ vật và nhận lại một cái gì đó. Thậm chí, có thể chúng ta không nhận biết một cái gì đó xảy ra, mọi thứ xảy ra bởi chính nó. Bất kỳ ai đi ngang qua ngôi đền đều nhận được một cái gì đó vô giá. Có một trường từ tính rộng lớn được tạo ra xung quanh nó, giống như sắt có chứa từ tính bị hút bởi chính trường từ tính, cho nên bất kỳ ai đi ngang qua ngôi đền hẳn sẽ bị thu hút, và bị ảnh hưởng bởi chính năng lượng của nó. Trường của ngôi đền cũng giống như vậy.

Người ta đã nói rằng khi Moses đi lên núi, ông ấy nhìn thấy ngọn lửa linh thiêng đang cháy ở đó. Toàn bộ bụi cây bị cháy, nhưng ở lưng chừng có một số bông hoa nở và nhiều lá xanh. Moses đi tìm kiếm Thượng đế. Ông ấy ngay

lập tức tiến thẳng đến bụi cây và bỗng nhiên nghe thấy giọng nói phát ra từ đó, giọng đó nói, “Ông là kẻ ngốc! Hãy bỏ giày lười lại mấy bước trước khi vào bụi cây này!” trong vòng nửa cây số không có bụi cây nhỏ nào – cho nên Moses tiếp tục đi lên phía trước, tìm kiếm bờ đất để có thể bỏ lại đôi giày của mình. Khi ông ấy đi ngang qua một điểm xác định, ông ấy không còn là Moses; một cái gì đó trong ông ấy thay đổi. Từ bên ngoài bờ đất, nơi mà ông ấy đã để lại đôi giày của mình, ông ấy đi vào cầu trường, cầu xin được tha thứ do sự báng bổ đối với nơi chốn linh thiêng đó.

Ngôi đền đã thay đổi mạnh trường rung động xung quanh nó, và trường đó có sự ảnh hưởng hữu ích tới toàn bộ ngôi làng. Đó không phải là sự hư cấu; thực tế đã đạt được những kết quả. Sự đơn giản đặc trưng, sự trong trắng, sự tinh khiết của những ngôi làng Ấn Độ trong hàng nghìn năm, do trường được nạp của những ngôi đền hơn là chính những ngôi làng. Cho dù ngôi làng có nghèo thì sự tồn tại của ngôi đền trong nó vẫn là tuyệt đối cần thiết. Không có ngôi đền, mọi thứ có vẻ hỗn loạn mà không có sự nhịp nhàng.

Trong hàng nghìn năm, những ngôi làng có tính linh thiêng nào đó, và có những nguồn vô hình lớn lao của điều linh thiêng đó. Điều tồi tệ nhất, có thể được thực hiện để huỷ diệt nền văn hóa phương Đông, là huỷ diệt trường được nạp của những ngôi đền. Những ngôi đền rung động đó bị huỷ diệt thì toàn bộ văn hóa phương Đông cũng bị sụp đổ. Chính vì vậy mà ngày nay mọi người hoài nghi về giá trị của những ngôi đền. Bất kỳ ai đã đến trường phổ thông, hoặc trường chuyên nghiệp đều chỉ được dạy về

ngôn ngữ và logic - họ chỉ được phát triển về trí tuệ còn tâm hồn thì bị đóng chặt – không bao giờ có sự trải nghiệm về sự sống của những ngôi đền. Cho nên, theo thời gian, những ngôi đền mất dần ý nghĩa của chúng.

Ấn Độ không thể là Ấn Độ nữa cho đến khi những ngôi đền trở nên sống lại. Toàn bộ thuật giả kim của Ấn Độ là ở trong những ngôi đền; Ấn Độ đã nhận được mọi thứ từ những ngôi đền của nó. Có thời kỳ mà mọi thứ xuất hiện trong cuộc đời con người đều được coi là vì ngôi đền. Nếu anh ta bị bệnh, anh ta đến ngôi đền, nếu anh ta bất hạnh, anh ta cũng chạy đến ngôi đền; thậm chí nếu anh ta hạnh phúc, anh ta chạy đến ngôi đền để cảm tạ. Nếu một cái gì đó tốt xảy ra trong gia đình, anh ta chạy đến ngôi đền với trái cây và hoa tươi; nếu có rắc rối nào đó, anh ta đến ngôi đền để cầu nguyện. Đối với anh ta, ngôi đền là tất cả. Tất cả mọi hy vọng, ước mong, tham vọng của anh ta đều liên quan đến ngôi đền. Tuy anh ta là người nghèo, anh ta vẫn giữ cho ngôi đền được trang trí bằng vàng, bằng bạc và tất cả các loại trang sức khác.

Ngày nay chúng ta nghĩ rằng, sự thái quá của ngôi đền là điên khùng. Thật quá ngu ngốc, khi mọi người đang hấp hối vì đói mà ngôi đền mới lại đang được xây dựng! Dừng lại ngay! Hãy xây bệnh viện và trường học; hãy để cho ngôi đền thành nơi trú ngụ cho những người lánh nạn, hãy làm cho chúng có ích. Bởi vì chúng ta đã quên công dụng thực sự của những ngôi đền cho nên nó trở thành vô dụng. Chúng ta nghĩ, “Tại sao vàng bạc quý báu lại để ở ngôi đền trong khi mọi người đang chết đói?” Nhưng cũng nên nhớ rằng, chỉ có những người đói đó mới dâng tặng vàng và kim cương cho những ngôi đền; bất kỳ điều gì họ cảm thấy

là giá trị nhất thì họ dâng cho ngôi đền, bởi vì bất kỳ điều gì có giá trị lớn lao trong cuộc đời họ thì họ đều học được từ ngôi đền. Không có gì là đủ để hoàn lại sự mắc nợ của họ, cho nên bất kỳ cái gì họ có họ đều dâng tặng. Bất kỳ điều gì được thực hiện thì cũng là chính đáng, bởi vì không có gì diễn ra liên tục trong hàng nghìn năm mà lại không có lý do chính đáng. Ảnh hưởng của những thành quả vô hình của ngôi đền luôn được đón nhận. Có những lợi ích rõ ràng và dễ hiểu về việc ở gần ngôi đền.

Con người luôn luôn quên. Bất kỳ điều gì có giá trị lớn thì chúng ta lại quên; bất kỳ điều gì tầm thường và sáo rỗng thì chúng ta lại luôn nhớ đến, hai mươi bốn giờ liên tục. Chúng ta phải tạo ra nỗ lực để nhớ Thượng đế, nhưng những ước mong và sự say mê của chúng ta thì lại không cần nhớ, chúng luôn có đó ở mọi thời điểm. Xuống dốc là điều rất dễ; lên dốc luôn là điều khó khăn.

Cho nên ngôi đền được xây dựng giữa làng sao cho trong ngày, mọi người có thể tới đó thường xuyên khi cần thiết. Nó làm cho sự tìm kiếm vẫn giữ nguyên sống động. Một cách tự nhiên, một số rất ít người trong chúng ta nhớ những gì chúng ta đang tìm kiếm; gần như tất cả chúng ta chỉ cảm thấy cảm hứng khi chúng ta nhìn thấy những điều thực tế. Khi không có máy bay, chúng ta không có ước mong du hành bằng máy bay. Đúng, một người nào đó như Wright Brothers đã mơ về việc bay bởi vì họ đã phát minh ra máy bay, nhưng con người bình thường sẽ không có giấc mơ như vậy, trừ khi họ nhìn thấy máy bay.

Cho nên khi chúng ta nhìn thấy lòng mộ đạo nhân hình hóa bên trong hình dáng của ngôi đền, một cái gì đó của

lòng mộ đạo vẫn nán lại trong tâm trí của chúng ta. Cho nên đây là điều đặc biệt đối với những người không thể hình dung sự không rõ ràng của thần thánh. Đối với những người có thể thì không cần ngôi đền. Nhưng theo cách đó thì những người này đã gây ra sự tổn hại ghê gớm đối với ngôi đền, bởi vì họ đã nói rằng ngôi đền không có ích gì và họ không cần đến sự giúp đỡ của nó.

Bản thân tôi thường nói rằng những ngôi đền là vô dụng, hãy di dời chúng; nhưng dần dần tôi bắt đầu nhận ra rằng, nếu những ngôi đền bị phá hủy, làm cách nào những người không thể hình dung dạng không rõ ràng của lòng mộ đạo lại có thể nghĩ về lòng mộ đạo? Từ góc nhìn đó mà có những khó khăn nảy sinh. Nếu con người như Mahavira, người không bao giờ cần đến ngôi đền, nói ra từ mức độ thức tỉnh của mình thì người đó muốn những ngôi đền bị bỏ đi; nhưng nếu ông ấy nghĩ về nhu cầu của bạn thì ông ấy sẽ ngừng nói như vậy.

Ngôi đền giữ nguyên là nguồn cảm hứng trong suốt hai mươi bốn giờ. Bạn nên nhớ rằng, còn có một cửa nữa trong cuộc đời, nó khác với những nhà hàng hay ngôi nhà của bạn, tách rời với vợ bạn và sự giàu có... khía cạnh đó không phải là một phần của thương trường hoặc của những ước mong. Nó sẽ không cho bạn sự giàu có, sự nổi tiếng hoặc sự mãn nguyện của những ước mong; ngôi đền nhắc nhở bạn liên tục về điều đó. Có những thời điểm trong cuộc đời khi bạn mệt mỏi với đời thường, buồn bực với gia đình mình: trong những thời điểm đó bạn có thể tìm thấy sự tĩnh tại, thanh thản trong ngôi đền.

Nếu như ngôi đền bị phá hủy thì sẽ không còn sự lựa

chọn khác. Nếu bạn chán thức ăn ở nhà, bạn có thể đến khách sạn hoặc nhà hàng. Nếu bạn chán với đời, bạn sẽ đi đâu? Ngôi đền cho bạn những khía cạnh khác, khác xa với thế giới thực dụng. Cho nên, những người đã biến những ngôi đền thành thương trường thì coi như họ cũng đã hủy hoại chúng. Ngôi đền không phải là nơi chôn đẽ mặc cả, đó là nơi để nghỉ ngơi, thư giãn, khi tất cả những hoạt động ngoài đời trở nên mệt mỏi và kiệt sức, thế thì bạn có thể tìm thấy sự tĩnh tại và thanh thản ở đó. Không có điều kiện nào cho việc vào ngôi đền, ngôi đền chấp nhận bạn như là bạn. Điều này tồn tại ở nơi quá bình dị đến mức bạn được chấp nhận như là bạn.

Nhiều lần bạn trở nên mệt mỏi vì cuộc sống mà bạn đang sống. Ở những thời điểm đó, có thể bạn đã cảm nhận được ô cửa cầu nguyện mở ra. Và nếu thậm chí một lần nào đó ô cửa mở ra thì nó có thể lại mở nhiều lần nữa, thậm chí ở cửa hàng hay ở nhà bạn. Bất kỳ khi nào bạn muốn, ô cửa đó sẽ sẵn sàng cho bạn với bất kỳ thời điểm nào - bởi vì có thể nói, những thời điểm đó là sự xuất hiện hiếm hoi, nhưng tuyệt vời. Không cần thiết phải đến cuộc hành hương, hoặc tìm kiếm Mahavira hoặc Đức Phật. Những thời điểm đó quá ngắn ngủi. Sẽ phải có một nơi nào đó gần để bạn có thể đi vào một cách dễ dàng.

Những hồi ức thời trẻ con là rất quan trọng. Các nhà khoa học nói rằng, tới bảy tuổi, trẻ con đã học được hầu hết các điều cơ bản; nhờ vào đó mà thượng tầng kiến trúc về kiến thức của nó đã được xây dựng. Chính một chút cái mới được bổ sung mà kiến thức của nó đã được hình thành. Chính một chút cái mới đó được thêm vào mà vai

điều cơ bản có thể sẽ được bổ sung thêm. Nếu chúng ta không có khả năng hình thành mối liên hệ với ngôi đền trong tâm trí trẻ nhỏ lúc bảy tuổi, thế thì điều đó sẽ trở thành khó khăn, thậm chí là không thể, bởi vì sẽ là quá muộn để thực hiện điều đó. Rất nhiều nỗ lực sẽ cần đến, vậy thì nhiều hoài ức sẽ chỉ là sự hời hợt, là vẻ bề ngoài.

Chính vì vậy, chúng ta muốn ngôi đền là hoài ức đầu tiên của đứa trẻ ngay sau khi ra đời. Môi trường xung quanh nó được chuẩn bị theo cách, nó có thể được nuôi dưỡng và lớn lên gần ngôi đền, dần dần nó biết điều đó và thu hút tới điều đó trong suốt cuộc đời. Ngôi đền hẳn sẽ trở thành một phần trọn vẹn của thực tại nó, khi nó vào đời, ngôi đền hẳn sẽ có vị trí bên trong nó, bởi vì nó đã được cung cấp nơi ẩn náu để tránh tất cả các hoạt động cuồng nhiệt của cuộc đời. Cho nên chúng ta muốn ngôi đền có vị trí trong tâm trí nó từ lúc mới sinh ra; muộn hơn sẽ là điều rất khó khăn...

Tất cả những người sống xung quanh ngôi đền đều có ấn tượng in đậm trong tâm trí họ. Nó ăn sâu vào vô thức đến mức không còn là vấn đề của tư tưởng, mà trở thành một phần của bản thể họ. Cho nên trên khắp thế giới, kiểu dáng và hình dạng của những ngôi đền có thể khác nhau, nhưng chúng là tuyệt đối cần thiết.

Trên thế giới ngày nay, hình bóng ngôi đền không được coi là không thể thiếu nữa; những thứ khác đã được thay thế vào vị trí đó - những ngôi trường, bệnh viện và địa vị; những thứ khác đã chiếm chỗ - trường học, bệnh viện và thư viện. Nhưng chúng rất vật chất và hoàn toàn không có mối liên hệ nào với thế giới tâm linh. Thay vì vậy, điều

cần thiết là một cái gì đó chỉ ra sự siêu việt. Khi chúng ta dậy vào buổi sáng, chúng ta sẽ nghe tiếng chuông của ngôi đền; khi chúng ta đi ngủ vào buổi đêm, chúng ta sẽ nghe những bài thánh ca từ ngôi đền.

Có một sự kiện trong cuộc đời của Mahavira... có một người đàn ông ăn trộm đang nằm chờ chết trên giường của mình, con trai của ông ta hỏi một vài lời khuyên cuối cùng có ích cho anh ta trong công việc. Người đàn ông nói, “Đừng làm bất kỳ điều gì với con người gọi là Mahavira. Nếu con biết ông ta trong ngôi làng của chúng ta thì hãy chạy đi chỗ khác. Nếu ông ta đi ngang qua con trên đường thì hãy trốn đầu đó. Và nếu không nhận biết rằng con đang ở đâu đó, và có thể nghe thấy lời nói của ông ta, thì hãy thận trọng về ông ta!”

Khi người con trai hỏi, tại sao ông ta lại quá sợ Mahavira thì người cha nói người con trai không được lý lẽ: “Chỉ nghe những gì ta nói. Nếu con đến gần người đàn ông đó thì công việc của chúng ta sẽ nguy hiểm và gia đình ta sẽ chết đói”.

Những gì xảy ra tiếp theo là rất thú vị. Con trai của người ăn trộm đó luôn chạy xa khỏi Mahavira, nhưng vào một ngày nào đó anh ta đã phạm sai lầm. Mahavira đang ngồi tĩnh lặng trong vườn xoài, và không biết rằng con trai của người ăn trộm đã đi qua con đường đó. Bỗng nhiên Mahavira bắt đầu nói. Tên trộm nghe được một nửa câu nói, và điều đó làm cho anh ta vô cùng bối rối... Anh ta đang bị cảnh sát truy lùng – toàn bộ cảnh sát khu vực đó đang lùng bắt anh ta vì một vụ trộm mà anh ta đã thực hiện - sau vài tuần anh ta đã bị bắt.

Gia đình anh ta là gia đình trộm cắp, vì vậy anh ta là chuyên gia trong công việc của mình. Anh ta quá thông minh đến mức chưa bao giờ để lại chứng cứ buộc tội nào. Anh ta là tên trộm nổi tiếng và đã thực hiện rất nhiều phi vụ; mọi người đều biết về điều đó, nhưng không có bằng chứng nào. Cho nên không có khả năng buộc anh ta thú tội.

Anh ta tự làm cho mình hoàn toàn say xỉn, và tình trạng đó làm cho anh ta trở nên bất tỉnh trong hai hay ba ngày. Khi anh ta mở mắt trở lại, anh ta vẫn còn trong trạng thái nửa mê, nửa tỉnh. Mọi người đang ở xung quanh, anh ta nói với người phụ nữ xinh đẹp đang đứng bên cạnh và hỏi xem mình đang ở đâu. Anh ta nói rằng anh ta đã chết, và các thủ tục đã được chuẩn bị để đưa anh ta lên thiên đường hoặc địa ngục. Anh ta được nói lại rằng, mọi người đang chờ anh ta tỉnh lại để anh ta thừa nhận tội ác mà mình phạm phải. Nếu anh ta thừa nhận thì sẽ được lên thiên đường; nếu không sẽ phải xuống địa ngục. Nếu nói sự thật anh ta sẽ được an toàn.

Bấy giờ anh ta cảm thấy nên nói sự thật, và không nên bỏ lỡ cơ hội lên thiên đường; mình đã chết nên không có gì phải sợ. Nhưng ở thời điểm đó, anh ta nhớ lại nửa câu nói mà Mahavira đã nói. Mahavira đã nói về chúa trời và ma quỷ. Anh ta còn được gợi ý về yamadoots, người có thể đưa con người đến thế giới bên ngoài cái chết. Tên trộm đã nghe ông ta nói rằng, những ngón chân của yamadoot luôn mọc ngược: anh ta mở mắt và nhìn thấy chân mọi người đứng bên cạnh đều bình thường, cho nên anh ta bắt đầu cảnh giác. Bấy giờ anh ta nhận thấy không cần phải thú nhận. Anh ta đã nhìn thấy trò bịp bợm và nói rằng mình

không phạm bất kỳ tội ác nào; có thể thú nhận điều gì? Nếu họ muốn, họ có thể mang anh ta tới địa ngục. Nhưng khi anh ta không thú nhận bất kỳ tội ác nào thì làm cách nào họ có thể thực hiện? cho nên họ phải cho anh ta đi.

Anh ta chạy đến Mahavira, phục xuống chân và đề nghị ông ta nói nốt câu hoàn chỉnh để cứu anh ta. Khi một nửa câu của Mahavira đã cứu sống, thì toàn bộ câu nói sẽ còn có ích như thế nào! Anh ta nói đã buông bỏ hoàn toàn với Mahavira. Một lúc nào đó anh ta chắc chắn sẽ bị bắt và bị treo cổ, nhưng anh ta đã nghe phần còn lại của câu nói nên đã được cứu sống. Cho nên Mahavira thường nói rằng, thậm chí nghe một nửa câu nói của người thức tỉnh thì vào một ngày nào đó cũng có thể trở thành có ích.

Tương tự như vậy, người chạy qua ngôi đền hoặc chỉ tình cờ đi ngang qua, nghe thấy âm thanh rung động xuất phát từ ngôi đền, hoặc ngửi thấy mùi thơm của nơi chôn đó... thậm chí điều đó cũng có thể trở thành có ích đối với người đó.



Chương II

Những bí mật thuật giả kim của những nơi chốn hành hương linh thiêng

6 tháng 6 năm 1971, buổi tối tại Woodlands, Bombay, Ấn Độ.

Ở Thái bình dương có một hòn đảo nhỏ tên là đảo Phục sinh, trên đảo đó có một nghìn tượng thần bằng đá cao tới bảy mươi feet. Dân số trên đảo chỉ khoảng hai trăm người. Khi lần đầu tiên hòn đảo được tìm ra, người ta nhận thấy hòn đảo đó quá nhỏ, không đủ khả năng cung cấp thực phẩm cho nhiều hơn hai trăm người. Khi chỉ có hai trăm người sống ở đó thì việc tìm ra một nghìn tượng thần bằng đá không lộ là điều vô cùng kỳ lạ! năm tượng thần cho mỗi người! Những người đó hẳn là không có khả năng tạo ra những tượng thần cao lớn như vậy nếu họ muốn, bởi vì hàng ngày họ phải lo toan đến việc mưu sống. Mục đích của những tượng thần đó là gì? Ai đã tạo ra chúng và tại sao? Nhiều câu hỏi này sinh đối với các nhà viết sử.

Ở trung tâm châu Á cũng có một nơi chốn mà nó cũng gây ra sự bối rối tương tự. Có thể nó đã được sử dụng để làm sân bay, nhưng chùng nào mà máy bay chưa được

ché tạo thì điều đó là không thể. Có vẻ như vùng này đã được phát triển từ mười lăm đến hai mươi nghìn năm trước. Chỉ sau khi máy bay được phát minh thì chúng ta mới có thể hiểu được công dụng của nó, chúng ta có thể hiểu rằng, vào một ngày nào đó, nơi chốn đó ở trung tâm châu Á phải được sử dụng như sân bay.

Tôi đang nói với các bạn những vấn đề này nhằm truyền đạt cho các bạn ý tưởng rằng, chúng ta sẽ không có khả năng hiểu ý nghĩa của những nơi chốn hành hương cho đến khi chúng ta tự nhận ra nhu cầu chúng ta phải có chúng.

Khi những tượng thần trên đảo Phục sinh được chụp từ máy bay, có thể tưởng tượng rằng, chúng được xây dựng ở những điểm hình học cụ thể, bằng cách đó chúng có thể được nhìn từ mặt trăng vào những đêm đặc biệt. Những người đã nghiên cứu chủ đề này nghĩ rằng, ở thế kỷ này, chúng ta không phải là những người đầu tiên tìm kiếm cuộc sống ở những hành tinh khác. Nhiều lần trước, các cuộc thử nghiệm và những cố gắng đã được tạo ra để tìm kiếm sinh vật, và những dạng sống khác trên các hành tinh khác sao cho sự giao tiếp với họ có thể được thiết lập. Không chỉ có vậy, sự sống từ những tinh thể khác có vẻ như cũng đã tạo ra mối liên hệ với chúng ta trên trái đất.

Những tượng thần dài hai mươi *feet*, ngay trong bản thân chúng chẳng có ý nghĩa gì, nhưng khi toàn bộ hình mẫu của nó được quan sát từ máy bay, thì lại có những biểu hiện của một vài dấu hiệu và những thông điệp bí mật. Những dấu hiệu này chỉ có thể đọc từ mặt trăng. Chẳng lẽ nào mà chúng ta chưa nhìn thấy những tượng thần

từ máy bay, chúng ta không thể tưởng tượng khả năng sử dụng của chúng; chúng vẫn chỉ là những tượng thần. Cũng tương tự như vậy, có nhiều thứ trên trái đất này, chúng ta không biết gì về chúng cho đến khi cuộc sống văn minh của chúng ta khám phá ra, và thiết lập lại tình trạng tương tự.

Chỉ mới ba hay bốn ngày trước, tôi đã nói chuyện về cái hộp kim loại nhỏ mới tìm thấy ở Teheran. Nó được lưu giữ ở bảo tàng nước Anh trong thời gian dài, nó đã nằm đó trong nhiều năm. Hiện nay, người ta đã khám phá ra rằng, nó là một dạng ắc quy được sử dụng ở Teheran khoảng hai nghìn năm trước. Hai nghìn năm trước, loại ắc quy như vậy đã tồn tại, điều đó nằm ngoài sự tưởng tượng ở Teheran. Nhưng ngày nay thực tế đã xác nhận rằng đó là ắc quy. Nếu chúng ta không phát minh ra ắc quy lưu giữ điện, chúng ta hẳn không có khả năng tưởng tượng rằng cái hộp đó là ắc quy.

Tirtha, nơi chốn hành hương linh thiêng được tạo ra bởi nền văn minh cổ đại là sự sáng tạo duy nhất, rất sâu sắc và rất biểu tượng. Nhưng nền văn minh hiện đại của chúng ta đã thất lạc toàn bộ sự hiểu biết về ý nghĩa của những nơi chốn đó. Ngày nay, việc thăm viếng địa điểm hành hương chỉ là nghi lễ vô nghĩa đối với chúng ta. Chúng ta chỉ chấp nhận chúng mà không biết tại sao những nơi chốn hành hương lại được thành lập, công dụng của chúng là gì và ai tạo ra chúng.

Những gì chúng ta nhìn thấy từ bề mặt không phải là tất cả. Có những điều ẩn chứa bên trong mà không thể nhìn thấy từ bên ngoài. Đầu tiên chúng ta nên hiểu rằng, nền

văn minh của chúng ta đã đánh mất mục đích và ý nghĩa của những nơi chốn linh thiêng đó, ngày nay, việc mọi người thường xuyên hành hương chỉ là sự lãng phí thời gian của họ. Những người phản đối lại ý tưởng đó cũng lãng phí thời gian của mình, tuy nhiên họ có vẻ đúng, bởi vì họ không biết tí gì về những nơi chốn đó. Không phải những người thăm viếng nơi chốn hành hương, hoặc không phải những người phản đối lại ý tưởng lại biết được mục đích của chúng, cho nên hãy để chúng ta hiểu một vài điều về chúng...

Có một nơi hành hương nổi tiếng đối với tín đồ Jain đó là Samved Shikhar. Hai mươi hai trong số hai mươi bốn tirthankara của Jain đã rời trần ở đó, họ đã để cơ thể lại đó. Tất cả điều đó có vẻ như là đã được chuẩn bị trước; nếu không, không thể có hai mươi hai trong số hai mươi bốn xuất hiện ở cùng địa điểm để chết theo chu kỳ rất lâu giữa họ. Nếu chúng ta tin rằng, có khoảng cách một nghìn năm giữa tirthankara đầu tiên và tirthankara thứ hai mươi bốn, thế thì hai mươi hai người chết cùng một nơi cũng đáng để suy nghĩ đấy chứ.

Nơi hành hương của đạo Hồi là Kaaba. Cho đến trước thời kỳ của Mohammed, có ba trăm sáu mươi lăm tượng thần ở Kaaba - tượng thần khác nhau cho mỗi ngày của một năm. Tất cả các tượng thần này đã bị di dời và bị phá hủy, nhưng tảng đá trung tâm, là trung tâm của ngôi đền đã không bị di dời. Kaaba còn cổ hơn cả đạo Hồi. Lịch sử Hồi giáo chỉ khoảng một nghìn bốn trăm năm, nhưng tảng đá đen ở Kaaba đã có đó vào khoảng một trăm nghìn năm tuổi.

Thực tế thú vị khác là, tảng đá đó có vẻ như không

thuộc về trái đất của chúng ta. Làm cách nào nó xuất hiện ở trái đất? Chúng ta chỉ có những giả thuyết, nó là một phần của sao băng. Trong vòng hai mươi bốn giờ phân huỷ của sao băng, hàng nghìn mảnh vỡ đã rơi vào trái đất - đó không phải là những ngôi sao mà là những sao băng. Thịnh thoảng, những tảng đá không lồ cũng có thể tới được trái đất; những tảng đá đó có sự cấu tạo khác. Tảng đá ở Kaaba là như vậy.

Nhưng một vài người đi sâu hơn vào lĩnh vực này cảm thấy rằng, những tảng đá lớn có thể được mang tới trái đất và để lại ở đó, giống như các phi công vũ trụ đã để lại một số thứ ở mặt trăng. Bất kỳ những gì mà các nhà du hành vũ trụ để lại ở mặt trăng đều vẫn được giữ an toàn như cũ, thậm chí nếu chiến tranh hạt nhân xảy ra và sự sống trên trái đất bị hủy diệt. Nếu chưa có nền văn minh nào đặt chân lên mặt trăng, thế thì họ sẽ rất ngạc nhiên khi nhìn thấy những thứ chúng ta đã để lại trên đó.

Cho nên tảng đá ở Kaaba có thể không phải là một phần của sao băng, nhưng có thể được để lại bởi những cư dân nào đó trên những hành tinh khác. Có lẽ, một lần nào đó, mối liên hệ có thể được thiết lập với những cư dân đó thông qua phương tiện trung gian là tảng đá đó. Nhưng hiện nay, chỉ sự thờ phụng nó là còn được giữ nguyên. Sự nghiên cứu về việc, làm cách nào có thể sử dụng nó như là phương tiện giao tiếp, đã bị thất lạc.

Tàu không gian không người lái của Nga bị thất lạc vì mất liên lạc vô tuyến với mặt đất, cho nên không có khả năng lần ra dấu vết của nó, cho dù nó bị cháy, bị phá hủy, hoặc vẫn còn ở một nơi nào đó trong không gian vô định.

Nhưng nếu nó đã hạ cánh xuống một hành tinh nào đó, và nếu cư dân của hành tinh đó có thể sửa máy vô tuyến thì họ lại có thể liên lạc lại với trái đất. Nếu không, có thể họ sẽ phá hủy nó, hoặc sẽ cho nó vào viện bảo tàng. Có thể họ sẽ sợ nó, có thể thắc mắc về nó hoặc họ có thể bắt đầu tôn thờ nó. Tảng đá ở Kaaba có thể là một trong những dụng cụ được gửi đi bởi con người vũ trụ từ những hành tinh khác để xác lập mối liên hệ với trái đất.

Tôi đang nói với các bạn điều này chỉ như là sự minh họa để giải thích rằng, những nơi chốn hành hương linh thiêng là phương tiện để xác lập mối liên hệ, không phải với bất kỳ sự sống nào trong không gian, mà với những linh hồn chứng ngộ đã từng có thời sống trên trái đất này.

Sự thử nghiệm rất sâu sắc và mãnh liệt đối với Samved Shikhar được tạo ra bởi hai mươi hai tirthankara, khi họ rời cơ thể họ. Ở trên núi cao đó, họ cố gắng làm mạnh thêm, làm tăng số lần rung động của tâm thức phát triển của họ để chúng ta giao tiếp với họ dễ dàng hơn. Mọi người nghĩ rằng, nếu quá nhiều linh hồn của những tâm thức như vậy rời cơ thể họ ở cùng một nơi chốn, vậy thì đường dẫn giữa nơi chốn đó và nơi chốn khác có thể được hình thành. Và đường dẫn đó đã tồn tại.

Mưa rào ở mọi nơi trên trái đất là không như nhau: có một vài nơi mưa rất nặng hạt, ở đó lượng mưa lên đến năm trăm *inch*, và ở các sa mạc thì không có mưa hoặc rất hiếm mưa. Tương tự như vậy, có những nơi rất lạnh, ở đó không có gì ngoài tuyết rơi; có những nơi quá nóng đến mức việc tạo ra băng đá là rất khó khăn. Cũng tương tự như vậy, trên trái đất có những nơi có mật độ tâm thức cao và mật độ tâm

thức thấp. Những nỗ lực thức tỉnh đã được thực hiện để tạo ra những nơi có mật độ tâm thức cao, những trường thay đổi tâm trí loài người. Chúng không thể tự động xuất hiện, nhưng chúng là kết quả thức tỉnh của những cá thể quyền năng.

Hai mươi hai tirthankara đã du hành đến cùng một ngọn núi đó, họ vào samadhi và để cơ thể lại đó, trường được nạp bởi tâm thức trong một vài hoàn cảnh đặc biệt đã được tạo ra ở Samved Shikhar. Khi một người nào ngồi đó, họ tụng những câu thần chú đặc biệt được trao bởi hai mươi hai tirthankara, thể thì hành trình của người đó về trải nghiệm rời bỏ cơ thể sẽ ngay lập tức bắt đầu. Điều này giống như bất kỳ sự nghiên cứu thử nghiệm nào tiến hành trong phòng thí nghiệm.

Lý do duy nhất về việc tạo ra những nơi chốn hành hương là để tạo ra những trường được nạp đầy uy quyền của những năng lượng thức tỉnh, sao cho bất kỳ ai cũng có thể bắt đầu hành trình nội tại của mình một cách dễ dàng.

Có hai phương pháp làm cho con thuyền chuyển động. Phương pháp đầu tiên đó là mở cánh buồm đúng thời điểm theo hướng gió và không sử dụng mái chèo; phương pháp khác là không mở những cánh buồm nhưng dùng mái chèo để chèo cho thuyền lướt đi. Những nơi chốn hành hương là những nơi mà dòng suối tâm thức tuôn chảy tự động: bạn chỉ việc đứng giữa dòng chảy, nơi mà những cánh buồm tâm thức bạn mở ra, và bạn bắt đầu hành trình của mình về phía trước. Bạn sẽ có khả năng du hành một mình ở những nơi như vậy dễ dàng hơn, nhanh hơn bất kỳ nơi nào khác. Ở một nơi nào đó khác, bạn có thể

đạt tới nơi chốn tiêu cực mà không biết, bạn mở cánh bướm của mình không theo hướng gió: có thể bạn sẽ di chuyển khỏi đích đến của mình và có thể bị lạc hướng.

Ví dụ, nếu bạn đang ngồi thiền ở những nơi chốn tràn đầy những xúc cảm tiêu cực – nơi mà những đồ tề đang giết súc vật hàng ngày – thì sẽ xuất hiện sự đấu tranh và xung đột trong tâm trí bạn. Trong thiền, bạn trở nên rất cởi mở, đón nhận và dễ tổn thương, cho nên bất kỳ điều gì xảy ra xung quanh bạn ở thời điểm đó cũng đi vào bạn. Cho nên, khi bạn thiền, việc chọn nơi chốn không làm cho bạn sai phương hướng là điều cần thiết. Trong lúc thiền, bất kỳ khi nào bạn bị ý nghĩ quấy nhiễu, hoặc rất khó khăn để trở nên tĩnh lặng thì hãy rời khỏi nơi đó.

Bạn cũng có thể ngồi thiền trong nhà tù nhưng điều đó đòi hỏi cá tính rất mạnh mẽ. Có những phương pháp khác nhau để giúp bạn thiền trong nhà tù: bạn tạo ra đường ranh giới mà những sức ép tiêu cực không thể thâm nhập.

Nhưng trong tirtha, nơi chốn hành hương linh thiêng như là ranh giới là điều không cần thiết. Trong những nơi chốn như vậy, bạn bỏ rơi mọi sự kháng cự và mở toàn bộ cửa đi và cửa sổ. Ở đó, năng lượng tích cực tuôn chảy dồi dào. Từ đó, hàng trăm người đã du hành vào vùng chưa biết và đã tạo ra con đường. Giống như họ đã tạo ra con đường bằng việc chặt cây lớn và những bụi cây chắn ngang đường, điều này giúp cho những người hành hương sau họ có thể dễ dàng tìm ra con đường. Trên con đường linh thiêng, bằng mọi cách, những tâm thức mạnh mẽ hơn, cao cả hơn đã tạo ra những nỗ lực để giúp những con người yếu đuối. Nơi chốn hành hương là một sự thử nghiệm.

Nơi chốn hành hương linh thiêng là nơi những dòng chảy tuôn trào từ cơ thể tới linh hồn, nơi mà toàn bộ bầu không khí được nạp; từ nơi đó con người đã đạt được samadhi, từ nơi đó con người nhận ra sự chứng ngộ của họ. Những nơi như vậy đã trở nên được nạp một cách riêng biệt. Ở nơi chốn như vậy, nếu bạn mở những cánh buồm của mình, không làm bất kỳ điều gì khác thì hành trình của bạn sẽ bắt đầu.

Cho nên tất cả các tôn giáo đã thiết lập các nơi chốn hành hương linh thiêng của mình. Thậm chí những tôn giáo chống lại những ngôi đền cũng đã thực hiện điều đó. Có một điều rất ngạc nhiên, những tôn giáo chống lại việc thờ cúng tượng thần và đền chùa thì cũng đã thiết lập những nơi chốn hành hương. Việc di dời những tượng thần là rất dễ dàng, nhưng những nơi chốn hành hương không thể được di dời, bởi vì những nơi chốn như vậy có giá trị mà không tôn giáo nào có thể chống lại hoặc từ chối.

Về cơ bản, tín đồ Jain giáo không phải là những người tôn thờ tượng thần, Hồi giáo, Sikh giáo hoặc Phật giáo cũng vậy; ngay từ buổi ban đầu, những Phật tử không bao giờ là những người thờ cúng tượng thần. Nhưng tất cả các tôn giáo đã thiết lập những nơi chốn hành hương linh thiêng của họ. Họ phải làm. Không có những nơi chốn như vậy thì tôn giáo không có ý nghĩa gì. Nếu không có những nơi chốn như vậy, mọi thứ hẳn phải được thực hiện bởi cá nhân, và trong trường hợp đó hẳn là không có ý nghĩa hoặc mục đích trong cộng đồng tôn giáo.

Từ tirtha có nghĩa là một dạng của bàn nhảy, từ nơi đó con người có thể thực hiện việc lặn sâu xuống đại dương.

Từ tirthankara trong Jain giáo có nghĩa là người sáng tạo của tirtha, của nơi chốn hành hương. Người có thể được gọi là tirthankara chỉ nếu người đó đã nạp, ở nơi đó những người bình thường có thể tiến hành, họ cởi mở chính mình và bắt đầu sự tìm kiếm bên trong. Tín đồ Jain không gọi họ là hóa thân mà là tirthankaras. Tirthankara là hiện tượng sâu sắc hơn, vĩ đại hơn hóa thân, bởi vì nếu thần thánh nhập vào con người thì điều đó là tốt, nhưng nếu họ tạo ra nơi chốn cho những người khác nhập vào thần thánh, đó lại là sự kiện tầm cỡ hơn nhiều.

Jain giáo không tin vào Thượng đế mà tin vào tiềm năng con người. Chính vì thế mà tín đồ Jain có thể làm lợi hơn từ tirtha và tirthankara so với những tín đồ của bất kỳ tôn giáo nào khác. Trong tôn giáo Jain, không có khái niệm về “ân huệ của Thượng đế” hoặc “lòng từ bi của Thượng đế”. Tín đồ Jain không tin rằng Thượng đế có thể trao bất kỳ sự giúp đỡ nào; những người tìm kiếm là đơn độc và phải du hành bởi chính năng lực và nỗ lực của mình.

Nhưng có hai con đường mà người tìm kiếm có thể du hành. Đầu tiên, mọi người phải du hành trên con thuyền của chính mình, với sức mạnh của chính đôi tay mình khi sử dụng mái chèo. Một trong số nhiều người có thể thành công. Nhưng trên con đường thứ hai, bạn có thể sử dụng sự trợ giúp của gió, mở rộng những cánh buồm của mình để có thể du hành nhanh hơn và dễ dàng hơn.

Nhưng “những ngọn gió tâm linh” có sẵn sàng không? đây là toàn bộ mục đích của những nơi chốn hành hương.

Có thể không, khi những người như Mahavira ở đó thì xung quanh ông ấy, từ hướng nào đó không biết, dòng chảy năng lượng có bắt đầu không? Liệu ông ấy có thể tạo ra dòng chảy năng lượng theo hướng đặc biệt sao cho, nếu một người nào đó gia nhập vào, người đó sẽ được mang bởi dòng chảy, và sẽ vươn tới vận mệnh tối thượng không?

Thực tế, dòng chảy trong phương diện tâm linh là cuộc hành hương linh thiêng.

Có những biểu hiện vật lý đối với những nơi chốn hành hương, nhưng khi thời gian qua đi, những dấu hiệu này có thể biến mất. Cho nên chúng phải được bảo vệ bằng việc xây dựng những ngôi đền, hoặc dựng lên những tượng thần sao cho những dấu chân của những nhà tiên tri vĩ đại có thể được lưu giữ. Sự quan tâm sâu sắc đã được thực hiện để những nơi chốn đó không di chuyển, thậm chí là một *inch*, khỏi nơi mà sự kiện đã xuất hiện trong quá khứ.

Những kho báu vĩ đại ẩn chứa dưới lòng đất và sự tìm kiếm vẫn diễn ra hàng ngày. Ví dụ, kho báu quý giá nhất trong lòng đất mà sự tìm kiếm nó vẫn đang thực hiện – là của Nga hoàng cuối cùng – đã được chôn ở một nơi nào đó trên đất Mỹ. Chắc chắn rằng kho báu đó đã được giấu ở đó, bởi vì Nga hoàng bị hạ bệ năm 1917, đây là quãng thời gian không lâu lắm. Trên bản đồ, vị trí chính xác đã được chỉ ra, nhưng sự chỉ dẫn không được giải mã. Tương tự như vậy, những kho báu của gia đình vua Gwalior được giấu ở một nơi nào đó ở Gwalior. Có bản đồ, nhưng vị trí chính xác không thể được giải mã. Bản đồ đó được làm bởi những mật mã bí mật, nếu không chúng có thể rơi nhầm vào tay những kẻ không xứng đáng.

Trương tự như vậy, vị trí của những nơi chốn hành hương được hướng dẫn rất rõ ràng, nhưng vị trí chính xác mà sự kiện linh thiêng xảy ra lại có thể không được biết. Những nơi chốn như vậy được dấu bên trong bởi những con người bình thường. Đây là điều vô cùng bối rối. Bạn có thể tới một nơi nào đó, mọi người nói rằng ở đó Mahavira đã đạt được niết bàn, nhưng rất có khả năng rằng, vị trí chính xác lệch một chút so với vị trí mà mọi người biết. Vị trí thực sự được chỉ ra bởi những con người tìm kiếm xứng đáng và thực sự. Ở đó, những người đó có thể cúi xuống trong sự tôn kính và sau đó quay về nhà. Vị trí thực sự phải được giữ kín đối với những người đến đó không vì sự tìm kiếm tâm linh thực sự, và những người cần sự giúp đỡ để thực hiện bước nhảy.

Có rất nhiều nơi chốn như vậy... trong một nước Ả Rập có một ngôi làng nhỏ tên là Alkufa, ở đó không con người văn minh nào có thể thâm nhập. Chúng ta đã lên mặt trăng, nhưng không vị khách du hành nào có thể vào được ngôi làng nhỏ đó. Cho đến bây giờ vẫn không có khả năng nào để xác định ngôi làng đó. Không có sự nghi ngờ nào về sự tồn tại của nó, bởi vì lịch sử đã nhắc đến nó và cũng còn có những tấm bản đồ về nó. Vị trí đã bị dấu kín vì những mục đích đặc biệt. Khi một Sufi nào đó đạt được trạng thái sâu sắc của tâm thức trong thiền, họ có thể tìm ra chìa khóa của con đường; người đó có khả năng hình dung toàn bộ ngôi làng Alkufa. Nếu không thì, bất kỳ điều gì được vẽ trên bản đồ đều sai, sẽ là hướng dẫn sai đối với mọi người.

Trong ba thế kỷ vừa qua, rất nhiều người hành hương từ châu Âu đã cố gắng để tới Alkufa. Nhiều người trong họ

đã chết trước khi quay trở về. Những người trở về đã không tới được ngôi làng, họ đã đi lang thang xung quanh. Con người chỉ có thể tới đó thông qua thiền đặc biệt, trong khoảng thời gian đó, Alkufa trở nên biểu lộ rõ ràng hơn. Tình cờ người đó nhìn thấy nơi chốn mà họ đã có cái nhìn thoáng qua trong thiền, thiền nhân Sufi đã đi bộ tới đó. Alkufa là một nơi linh thiêng bí mật, còn cổ đại hơn đạo Hồi. Những nơi chốn hành hương nổi tiếng, và bất kỳ người hành hương nào cũng có thể viếng thăm lại không phải là những nơi chốn thực sự; có nơi chốn thực sự gần bên, nhưng ẩn dấu.

Một sự kiện thú vị đã xảy ra... Khi môn đệ trưởng của Gandhi tên là Vinoba Bhave đến ngôi đền Vishwanath ở Benares cùng với những harijan - đẳng cấp thấp nhất ở Ấn Độ. Karpatri, một học giả Bà la môn chính thống nói, “Ông có thể vào, nhưng bây giờ chúng tôi sẽ làm ngôi đền khác, bởi vì ngôi đền này đã bị mạo phạm, không còn xứng đáng”. Thực tế ông ta đã xây dựng ngôi đền khác, bởi vì đối với ông ta, ngôi đền cũ đã trở nên vô dụng. Nhìn bề ngoài, Vinoba có vẻ hiểu biết hơn Karpatri. Karpatri rất truyền thống và ngu dốt về xu hướng và kiến thức của thế giới hiện đại. Nhưng liên quan tới bí mật sâu sắc mà ông ta đang cố gắng ủng hộ, có vẻ như ông ta lại là người thành thạo hơn.

Sự thật là, ngôi đền Vishwanath không phải là ngôi đền thực sự, và thay vào đó là ngôi đền mà Karpatri muốn xây dựng, và nó cũng không là ngôi đền thực sự. Ngôi đền thực sự là ngôi đền thứ ba, nó phải được giữ bí mật, nếu không bất kỳ người cải cách xã hội – tôn giáo nào cũng làm cho nó bị báng bổ, mạo phạm. Ngôi đền Vishwanath

hiện nay đang tồn tại là đã bị bán bỏ, bị mạo phạm. Không có gì khó trong việc bán bỏ ngôi đền; bạn có thể nếu bạn muốn. Bất kỳ ngôi đền nào khác được xây dựng ở đó cũng sẽ là giả, nhưng một cái gì đó sẽ luôn phải có đó để cho ngôi đền thực sự có thể còn được ẩn dấu.

Có những chìa khóa bí mật, những câu thần chú, mà thông qua chúng, chúng ta có thể vào ngôi đền Vishwanath, giống như chúng dành cho Alkufa. Đôi khi, một người tìm kiếm may mắn nào đó có được hiểu biết về một câu thần chú, và có thể vào ngôi đền. Nhưng mặt khác, những người hành hương đi đến ngôi đền giả, thờ cúng ở đó và trở về nhà mình. Nhưng ngôi đền này đã bộc lộ một dạng linh thiêng trong hàng nghìn năm, mặc dù nó là giả, bởi vì trong thời gian rất dài mọi người đã tin nó là thực.

Tất cả các tôn giáo đã cố gắng không cho phép con người của tôn giáo khác đi vào ngôi đền của họ, hoặc những nơi chốn hành hương linh thiêng. Tại sao? Những người đã tạo ra luật lệ biết sự nguy hiểm của người mới đó. Theo cách như vậy, nó giống như bảng cảnh báo treo trên cửa của phòng thí nghiệm nguyên tử, “Không được vào trừ những chuyên gia nguyên tử”. Chúng tôi đồng ý rằng sự nghiêm ngặt đó là cần thiết – nó là nguy hiểm đối với những người không phải là chuyên gia – nhưng sự nghiêm ngặt đó đặt ra đối với những ngôi đền, hoặc với những nơi hành hương thì chúng tôi không đồng ý. Chúng ta không biết rằng chúng cũng còn có khoa học riêng của chúng. Những ngôi đền này và những nơi hành hương này cũng có nghĩa là dành cho các chuyên gia.

Giống như việc hội chẩn của những bác sĩ đứng xung quanh bệnh nhân, họ đang thảo luận về bệnh tình của người bệnh đó. Bệnh nhân nghe họ nói nhưng không hiểu, bởi vì họ đang nói về các biệt ngữ y học, họ sử dụng tiếng Hy Lạp và tiếng La tinh. Điều đó không làm cho người bệnh quan tâm và hiểu. Tương tự như vậy, tất cả các tôn giáo đã phát triển ngôn ngữ mật mã của chính họ. Họ có những nơi chốn bí mật thiêng, ngôn ngữ bí mật của họ và những bộ kinh bí mật. Cho nên những gì chúng ta hiểu là nơi chốn hành hương thì gần như chắc chắn không phải là những nơi chốn bí mật. Những truyền thống vĩ đại đó phải được giữ gìn, bởi vì nếu nó rơi vào bàn tay kẻ xấu thì chúng có thể sẽ bị lạm dụng. Những người bình thường sẽ gặp khó khăn và sẽ không thu được lợi ích gì từ chúng.

Mọi người nói rằng, nếu bạn được phép vào ngôi làng Sufi ở Alkufa thì bạn sẽ trở nên điên khùng. Mọi người nói rằng, bất kỳ ai tình cờ vào ngôi làng đó thì sẽ bị điên sau khi rời khỏi đó, bởi vì Alkufa tràn đầy sự rung động mà những tâm trí bình thường không thể chịu đựng nổi. Cho nên tốt hơn hết là vào thị trấn mà không cần sự chuẩn bị và tính kỷ luật cần thiết.

Mọi người còn nói rằng, việc ngủ ở Alkufa là điều không thể, cho nên, một cách tự nhiên, những người chưa trải nghiệm sâu sắc trạng thái tinh táo thì sẽ bị điên. Thành tựu vĩ đại nhất của các Sufi là lễ vọng ban đêm; họ thức suốt đêm. Nếu một người nào đó không ăn trong chín mươi ngày thì anh ta sẽ trở nên rất yếu, nhưng anh ta sẽ không chết hoặc điên khùng. Một người có sức khỏe bình thường có thể dễ dàng nhịn ăn trong chín mươi ngày, nhưng anh ta không thể không ngủ trong hai mươi một

ngày. Anh ta có thể sống mà không có thực phẩm trong ba tháng, nhưng không thể sống mà không ngủ trong ba tuần. Ba tuần là khoảng thời gian rất dài - thậm chí việc không ngủ trong một tuần cũng là điều khó khăn - nhưng việc ngủ ở Alkufa là điều không thể.

Bhikkhu Phật giáo đã được gửi tới tôi bởi một người nào đó ở Sri Lanka. Trong ba năm, vị bhikkhu này đã không thể ngủ ngon lành. Tay và chân của ông ta luôn run, ông ta liên tục ra mồ hôi và luôn bị quấy rầy. Ông ta sợ hãi về việc đi ra ngoài thậm chí là một bước chân - ông ta đã mất hoàn toàn sự tự tin trong mình. Ông ta gần như bị rối loạn. Thuốc an thần mạnh cũng giúp cho ông ta ngủ, mà chỉ có thể nằm xuống, bơ phờ; bên trong ông ta vẫn thức.

Tôi hỏi ông ta đã bao giờ thực hành yoga anapansati Phật giáo chưa, bởi vì đối với bhikkhu Phật giáo thì bài thực hành này là không thể tránh khỏi. Ông ta nói đã thực hành. Cho nên tôi nói với ông ta rằng, ông ta nên từ bỏ ý tưởng về việc có được bất kỳ giấc ngủ nào, bởi vì yoga anapansati là bài thực hành biến giấc ngủ thành điều không thể. Nhưng đó chỉ là bước đầu tiên của bài thực hành; lúc nào đó, khi ngủ là không thể thì một bài thực hành khác ngay lập tức phải được đưa ra. Nếu bạn tiếp tục thực hiện chỉ phần đầu tiên mà không có bước thứ hai thì bạn sẽ trở nên yếu đi; thậm chí bạn có thể trở nên điên khùng và chết.

Một lúc nào đó giấc ngủ bị hủy diệt từ bên trong, phẩm chất ý thức của bạn thay đổi quá nhiều đến mức sau đó sự phát triển hơn nữa có thể được thực hiện. Khi tôi hỏi vị bhikkhu có biết giai đoạn thứ hai của bài thực hành không, ông ta nói rằng không ai nói với ông ta điều đó. Phần thứ

hai không được đề cập đến trong bất kỳ sách nào, và chỉ viết phần thứ nhất là rất nguy hiểm, bởi vì bất kỳ ai theo nó cũng sẽ không có khả năng ngu. Đây là lý do tại sao có những vấn đề đã được giấu kín để chúng không làm hại bất kỳ ai. Chúng chỉ có ý nghĩa là sự hướng dẫn cho những người cần sự trợ giúp trong việc tìm kiếm tâm linh.

Chính vì vậy mà những nơi chốn hành hương là cần thiết, nhưng những nơi thực sự lại được giấu kín. Những nơi chốn giả được tạo ra nhằm làm cho bạn chệch hướng cho đến khi bạn sẵn sàng cho sự thật. Không có người lầm lẫn nào có thể vượt tới nơi chốn đích thực, nhưng người đúng đắn luôn tìm ra nó.

Mọi nơi chốn hành hương đều có chìa khóa riêng của nó. Nếu bạn muốn tìm địa điểm hành hương của Sufi, bạn sẽ không có khả năng sử dụng chìa của Jains giáo, và nơi chốn hành hương của Jain giáo cũng không thể được tìm ra bởi việc dùng chìa của Sufi. Mọi tôn giáo đều có riêng chìa của nó. Tôi không muốn gọi tên nó, nhưng tôi có thể nói với bạn về chìa của một địa điểm hành hương.

Xứ Tây Tạng có những biểu đồ huyền bí hoặc những yantras. Chúng là những chiếc chìa. Người Hindu cũng có hàng nghìn loại dụng cụ. Trong nhà họ, dòng chữ được viết như “Labah-Shubha” – “Sự thịnh vượng và Sự tốt lành” – và họ viết một vài con số ở dưới mà không biết tại sao lại làm như vậy. Trong nhà họ, có thể có vài yantra như vậy, chúng có thể là chìa đối với địa điểm hành hương. Họ không có khái niệm về những gì họ đã viết, nhưng họ vẫn liên tục thực hiện điều đó chỉ bởi vì tổ tiên của họ đã thực hiện như vậy.

Mọi hình ảnh được tạo ra bên ngoài cũng tạo ra bên trong tâm thức bạn. Ví dụ, nếu bạn nhìn chăm chăm vào cửa sổ trong vài phút, sau đó nhắm mắt lại, thế thì bạn sẽ nhìn thấy dấu ấn âm bản của khung cửa sổ. Tương tự, nếu bạn tập trung cao độ vào dụng cụ nào đó, bạn sẽ tạo ra bên trong tâm trí mình dấu ấn âm bản hình ảnh của nó, hoặc những con số của nó. Điều này có thể được nhìn thấy bên trong sau một vài bài thực hành thiền đặc biệt. Nếu bạn có thể cầu khẩn những hình ảnh này, vậy thì ở những thời điểm đó, ngay lập tức bạn có thể bắt đầu cuộc hành hương của mình vào chốn linh thiêng.

Có một câu chuyện trong cuộc đời của Mulla Nasruddin... ông ta bị mất con lừa – và con lừa đó là tài sản duy nhất của ông ta. Ông ta đã tìm nó khắp làng. Tất cả dân làng cùng tham gia tìm kiếm, nhưng không tìm ra. Sau đó mọi người nói rằng, đó là thàng thánh linh thiêng, rất nhiều người hành hương đã đi qua thị trấn, có lẽ con lừa đã theo họ. Mặt khác, họ đã tìm kiếm khắp thị trấn và đã không tìm ra nó, cho nên Nasruddin đành phải chấp nhận con lừa đã bị mất.

Nhưng Nasruddin nói, ông ta muốn cố tìm lần cuối cùng. Ngay lập tức ông ta đứng tĩnh lặng và nhắm mắt lại. Sau đó ông ta cúi xuống và bắt đầu bò. Ông ta bò xung quanh nhà và sau đó là khu vườn, cuối cùng ông ta tới một cái hồ rộng và tìm ra con lừa đã ngã xuống đó. Bạn bè rất ngạc nhiên và hỏi bí quyết của ông ta là gì.

Nasruddin nói, “Tôi nghĩ rằng nếu con người không thể tìm ra con lừa, vậy thì chìa khoá để tìm không nằm trong tay anh ta; để tìm con lừa, tôi phải trở thành con lừa. Cho

nên khi tôi cảm thấy giống như con lừa, tôi nghĩ, nếu tôi là con lừa đang tìm một con lừa khác thì tôi sẽ tìm ở đâu? Ngay lập tức tôi nghĩ ra cách, tôi bò bằng bốn chi và bắt đầu di chuyển như con lừa. Tôi không biết làm cách nào tôi đã tìm ra vị trí, nhưng khi tôi mở mắt ra, tôi nhìn thấy mình đã tới cái hố và con lừa của tôi ở đó!”

Nasruddin là vị thánh Sufi. Bất kỳ ai có thể đọc câu chuyện này đều cười và cho rằng đó là chuyện phiếm, nhưng có chìa khóa trong nó. Đó là chìa khóa để tìm kiếm, và trong trạng thái linh thiêng thì đây là cách duy nhất để tìm kiếm. Cho nên mọi nơi chốn hành hương đều có những chìa khóa và yantra. Lý do chính về sự tồn tại của những nơi chốn đó là, chúng đặt bạn vào giữa dòng nấp và bạn có thể tuôn chảy cùng nó.

Một thực tế quan trọng khác, trong cuộc sống của con người, mọi thứ đều được hình thành bởi vật chất ngoại trừ ý thức. Nhưng chúng ta không biết ý thức bên trong là gì. Chúng ta chỉ biết cơ thể mình, và cơ thể thì lại liên quan với vật chất bằng mọi cách. Cho nên, bây giờ chúng ta hãy nhìn vào dạng giả thuật kim khác, từ đó cho bạn có thể hiểu ý nghĩa thứ hai của nơi chốn hành hương...

Những thử nghiệm giả thuật kim là rất sâu sắc. Các nhà giả thuật kim nói rằng, nếu nước được biến thành hơi nước thì hơi nước đó lại biến thành nước, và nước lại biến thành hơi nước - nếu bạn thực hiện điều này hàng nghìn lần - vậy thì nước đó sẽ đạt được phẩm chất đặc biệt không có trong nước bình thường. Ngay từ rất sớm, sự khẳng định đó đã bị coi là trò cười: làm cách nào mà chất lượng nước lại có thể thay đổi? Nếu bạn chưng cất nhiều lần thì sẽ tạo ra sự

khác biệt gì? - nước sẽ vẫn giữ nguyên được chung cất. Nhưng hiện nay, khoa học cũng đã chấp nhận thực tế rằng, chất lượng nước đã thay đổi, mặc dù không biết làm cách nào điều đó xảy ra. Nhưng việc thay đổi chất trong nước là điều không thể nghi ngờ, và việc lặp lại thử nghiệm hàng trăm nghìn lần đã cho ra một loại nước có chất lượng tốt hơn.

Bạn có thể nhận thấy rằng, bảy mươi phần trăm cơ thể chúng ta là nước. Hợp chất hóa học giống như nước biển. Nếu bạn không ăn đủ muối thì nồng độ muối trong cơ thể bạn sẽ giảm, sẽ trở thành ít hơn so với nước biển. Nếu phần trăm muối trong cơ thể thay đổi thì sẽ có sự thay đổi trong ý thức bạn. Nếu bạn uống nước được chưng cất hàng trăm nghìn lần, thế thì nó sẽ mang đến những sự thay đổi rất lớn về những ước mong và thái độ của bạn. Các nhà thuật giả kim đã thực hiện những thử nghiệm đó. Chưng cất nước hàng trăm nghìn lần có thể mất nhiều năm, nhưng các nhà giả thuật kim vẫn thực hiện điều này.

Điều này đã mang đến hai sự thay đổi. Điều đầu tiên sẽ xuất hiện trong tâm trí của nhà thuật giả kim. Làm đi làm lại cùng một thứ trong vài ngày sẽ trở nên buồn chán. Nếu vì sự buồn chán anh ta sẽ ngừng quá trình, anh ta sẽ quay lại trạng thái cũ của tâm trí mình; nhưng thời điểm chán nản đó là bước ngoặt. Nếu anh ta vẫn tiếp tục mặc dù chán nản, anh ta sẽ làm cho tâm thức mới được sinh ra.

Nếu bạn đi ngủ vào lúc mười giờ mỗi đêm thì chính xác vào giờ đó bạn sẽ cảm thấy buồn ngủ. Nhưng nếu bạn quyết định không ngủ và vẫn thức thì sau nửa giờ bạn sẽ trở nên buồn ngủ hơn, nhưng thực tế, những gì xuất hiện là bạn sẽ cảm nhận thư giãn hơn vào buổi sáng. Đó là thời

điểm bản lề lúc mười giờ; đó là thói quen của bạn để đi ngủ, nhưng nếu bạn phớt lờ thói quen của mình, vậy thì bạn phá vỡ sự thu xếp tự động của cơ thể, và khi cơ thể nhận ra rằng, nếu nó sẽ phải thức thì nó sẽ tỏa ra năng lượng tươi tắn từ bề chứa được dự trữ cho những trường hợp khẩn cấp, và bạn cảm nhận tươi tắn hơn bao giờ.

Bảy giờ, người đã chung cất nước hàng nghìn lần trở nên chán nản, nhưng bậc thầy của anh ta sẽ nói anh ta tiếp tục – có thể điều đó sẽ mất mười hoặc mười lăm năm. Thời điểm xuất hiện khi anh ta sẽ cảm thấy rằng, nếu anh ta chung cất nước thêm một lần nữa anh ta sẽ không có khả năng chịu đựng nổi, anh ta sẽ chết bất đắc kỳ tử. Nhưng bậc thầy của anh ta vẫn khăng khăng đòi tiếp tục, bất kể hậu quả thế nào. Cho nên về mặt này, chất lượng của nước sẽ thay đổi, về mặt khác tâm thức của anh ta cũng sẽ dần dần được chuyển hóa.

Điều đó giống như nước của dòng sông Hằng. Cho đến nay, các nhà khoa học đã không có khả năng hiểu, tại sao lại có những phẩm chất nào đó trong nước của sông Hằng mà không thể tìm ra trong nước của bất kỳ dòng sông nào khác trên thế giới. Thậm chí những dòng sông chảy từ cùng một ngọn núi như dòng sông Hằng cũng không có chất lượng như dòng sông Hằng. Ngọn núi là như nhau, những đám mây mưa xuống là như nhau, những tầng băng tan và chảy xuống chúng là như nhau, nhưng phẩm chất của nước là khác nhau. Chứng minh sự khác nhau là điều khó khăn, nhưng toàn bộ con sông Hằng là sự thử nghiệm của các nhà thuật giả kim.

Toàn bộ dòng sông đã được xử lý giả kim. Chính vì vậy mà Hindu có rất nhiều nơi chốn linh thiêng trên đôi bờ

sông Hằng. Đây là thử nghiệm vĩ đại để tạo ra một cái gì đó đặc biệt đối với nước của sông Hằng. Hiện nay, các nhà hoá học và các nhà khoa học cũng đồng ý rằng, có một cái gì đó đặc biệt về nước của nó. Nếu bạn trữ nước của bất kỳ dòng sông nào khác thì nó sẽ bị thối, và chất lượng trở nên kém đi, nhưng nước của dòng sông Hằng không như vậy, cho dù nó được trữ bao lâu. Bạn có thể trữ nước của nó trong nhiều năm mà không có sự thay đổi nào, nhưng nếu bạn trữ nước của những dòng sông khác, bạn sẽ thấy rằng, nó trở nên hôi thối sau vài tuần. Nước của sông Hằng vẫn giữ tinh khiết và không thay đổi trong nhiều năm. Vì điều này mà Hindu đã lập nên những tirtha của họ dọc theo hai bờ sông.

Nếu bạn quăng cơ thể chết xuống dòng sông khác, chúng sẽ bị thối rữa và phân hủy, nhưng sông Hằng đã thu hút hàng nghìn cơ thể chết mà không có mùi hôi thối. Còn điều ngạc nhiên nữa, mặc dù xương không tan rã trong nước, nhưng chúng lại bị tan rã trong nước của sông Hằng – không có gì được giữ lại. Với sông Hằng, mọi thứ ngay lập tức bị phân hủy, chúng trở lại thành những phần tử nguyên thủy. Do vậy mà có sự quả quyết rằng, các cơ thể chết nên quăng xuống sông Hằng, bởi vì với các dòng sông khác có thể mất nhiều năm mới phân hủy, nhưng sông với Hằng điều đó được thực hiện rất nhanh.

Sông Hằng không chảy từ núi cao giống như bất kỳ dòng sông bình thường nào khác, nó tự chảy. Hiện tượng này không dễ gì hiểu thấu. Gangotri, nơi được gọi là nguồn của dòng sông Hằng, nhưng không phải là nguồn thực sự của nó. Những người hành hương đến Gangotri, làm thủ tục chào hỏi rồi lại quay về nhà. Nhưng đó là

Gangotri giá, điều thực sự luôn ấn dấu và được bảo vệ trong hàng nghìn năm. Không thể tới đó bằng những phương tiện thông thường mà chỉ bởi sự du hành thiên thể. Không thể tới đó bằng thể tự nhiên.

Tôi đã nói với bạn về Alkufa, một thành phố của Sufis. Bạn có thể tới đó bằng thể tự nhiên, thậm chí không định trước. Nếu bạn tìm kiếm nó, bạn sẽ bị lạc bởi bản đồ sai, nhưng nếu bạn không xác định tìm kiếm nó, bạn có thể tới đó mà không có nghĩa là do sơ suất. Cho nên bạn có thể vấp phải Alkufa – nhưng không thể tới Gangotri bằng thể tự nhiên mà chỉ bằng thể thiên thể. Gangotri không thể được nhìn bằng con mắt tự nhiên. Trong thiên thể tự nhiên phải để lại phía sau và sau đó thể thiên thể có thể du hành tới Gangotri; vậy thì chỉ khi đó con người mới hiểu bí mật của những phẩm chất đặc biệt về nước dòng sông Hằng. Từ thượng nguồn, dòng chảy của sông Hằng đã được xử lý giả kim. Bên hai bờ nguồn của dòng sông, người Hindu đã lập nên những nơi chốn hành hương.

Bạn có thể thắc mắc tại sao những nơi chốn hành hương của Hindu giáo lại ở bên bờ những con sông, trong khi tất cả những nơi chốn hành hương của Jain giáo lại ở trên đỉnh núi. Tín đồ Jain đã tạo ra những nơi chốn hành hương chỉ ở trên núi, ở đó tuyệt đối khô ráo và không có cây cỏ. Những ngọn núi có nhiều cây và thảm thực vật xanh sẽ bị từ chối; thậm chí ngọn núi lớn như Himalayas cũng bị bỏ qua. Nếu có bất kỳ ngọn núi nào được chọn thì cũng không thể tốt hơn những ngọn núi của Himalayas. Những người Jain muốn ngọn núi khô ráo, rộng mở dưới sức nóng của ánh sáng mặt trời, với ít khả năng sống của cây xanh và không có nước. Lý do là, những thay đổi thuật giả

kim mà họ đang thử nghiệm liên quan đến những nguyên tố cháy sáng của cơ thể. Mặt khác, giả kim thuật Hindu lại liên quan tới nguyên tố nước.

Cả hai đều có những chìa khóa riêng biệt. Người Hindu hẳn chưa bao giờ nghĩ về việc không có tirtha trong môi trường của nước, của dòng sông đang chảy, với vẻ đẹp của thảm thực vật xanh. Họ thử nghiệm với nguyên tố nước, ngược lại những người Jain đang làm việc với những nguyên tố lửa và cũng quá phụ thuộc vào sự phát sinh nhiệt trong cơ thể.

Kinh Hindu và Sannyasin nhấn mạnh về nguyên tố nước, cho nên Sannyasin Hindu tiêu thụ đủ lượng sữa, sữa đông, sữa trâu lòng để duy trì đủ độ ẩm hoặc hơi ẩm trong cơ thể của họ. Không đủ độ ẩm, khóa của Hindu sẽ không hoạt động. Nói cách khác, toàn bộ nỗ lực của Jain là tạo ra sự khô ráo bên trong, cho nên thậm chí sadhu Jain còn không tắm, bởi vì họ muốn duy trì trạng thái khô ráo. Những sadhus Jain này trở nên bản thiêu và hôi thối! nhưng họ không có khả năng giải thích tại sao họ không tắm. Tại sao họ lại tự rửa rất sơ sài? nước không phải là chìa khóa của họ, mà là lửa, và là nguyên tố lửa trong khổ hạnh và tự hành xác. Họ muốn đánh thức lửa nội tại bằng mọi cách có thể. Nếu họ tưới nước vào cơ thể họ thì ngọn lửa bên trong sẽ yếu đi. Cho nên bạn sẽ tìm thấy sadhus Jain ở những ngọn núi cần cỗi, khô ráo, không có nước và thảm thực vật xanh, nơi mà mọi thứ đều nóng và xung quanh họ chỉ là những tảng đá.

Tất cả các tôn giáo đều ăn chay chỉ trừ Jain giáo, không tôn giáo nào cấm dùng nước trong thời kỳ ăn chay. Những

chủ hộ Jain được khuyên rằng, thậm chí nếu họ không thể làm gì mà không có nước vào thời điểm khác, ít nhất họ nên tránh uống nước vào ban đêm. Nhưng họ chỉ hiểu rằng, họ không nên uống nước vào ban đêm chỉ vì, có thể họ sẽ vô tình giết những con côn trùng hoặc những con vi trùng không nhìn thấy. Thực tế, tất cả những quy định đều có nghĩa là làm mạnh thêm nguyên tố lửa. Thực tế thú vị khác nữa là, nếu con người uống lượng nước ít nhất như Mahavira đã từng thì điều đó duy trì được sự độc thân của họ, bởi vì tinh dịch sẽ trở nên khô cạn. Thậm chí một chút ẩm ướt cũng làm cho tinh dịch phát triển.

Cho nên, tất cả các nơi chốn hành hương sẽ ở trên núi. Tirtha Hindu đích thực sẽ ở hai bên bờ sông, một vị trí đẹp và cây cối xum xuê – nhưng Jain giáo đã chọn những ngọn núi xấu xí, bởi vì, khi không còn thảm thực vật xanh thì làm gì còn vẻ đẹp của núi.

Sadhus Jain sẽ không tắm hoặc không đánh răng: tại sao lại sử dụng nước hiếm hoi để đánh răng? Toàn bộ kỷ luật của việc giữ khô ráo phải được hiểu một cách phù hợp, hiểu điều đó để hiểu kinh của Jain. Toàn bộ sự khổ hạnh của họ là để đề cao lửa, và nếu sự liên hệ với nước hoàn toàn bị cắt đứt thì đây là cách thức tiêu cực để giữ cho lửa cháy.

Bên trong chúng ta có sự cân bằng của tất cả các nguyên tố: nếu bạn muốn hành trình tâm linh thông qua một trong những nguyên tố đó thì sự cân bằng sẽ bị phá vỡ, bởi vì bạn đã bỏ rơi công dụng của nguyên tố đối nghịch trong sự cân bằng. Cho nên nếu bạn tập trung vào nguyên tố lửa thì nước sẽ trở thành đối nghịch với công việc của

bạn, bởi vì càng ít nước trong cơ thể thì lửa sẽ càng dễ cháy hơn.

Dòng sông Hằng là thử nghiệm hóa học và thuật giả kim sâu sắc, với việc tắm ở sông Hằng, cá thể sẽ đi vào tirtha. Ngay lúc anh ta tắm, nguyên tố nước bên trong cơ thể được biến đổi. Sự biến đổi sẽ chỉ kéo dài trong thời gian rất ngắn, nhưng nếu sự thử nghiệm được thực hiện hoàn hảo thì hành trình tâm linh sẽ bắt đầu. Nên nhớ rằng, nếu một người nào đó đã bắt đầu sống với nước sông Hằng mà còn dùng nước ở nơi khác thì điều đó sẽ không phù hợp với anh ta, và những khó khăn sẽ xuất hiện.

Những nỗ lực đã được thực hiện để tạo ra phẩm chất của sông Hằng ở nhiều nơi khác, nhưng họ đã thất bại, bởi vì chìa khóa thực sự để thực hiện điều đó đã bị thất lạc. Tắm ở sông Hằng và ngay lập tức tới ngôi đền, hoặc tới nơi chốn linh thiêng chỉ là cách thức bề ngoài thay vì hành trình tâm linh bên trong.

Các kim tự tháp Ai Cập là các tirthas của nền văn minh cổ bị thất lạc. Một thực tế thú vị về kim tự tháp là bên trong hoàn toàn tối. Các nhà khoa học suy luận rằng, không có khả năng tồn tại của điện khi các kim tự tháp được xây dựng - một số được xây dựng từ mười nghìn năm trước, và một số khác được xây dựng từ hai mươi nghìn năm trước. Có thể con người vào được bên trong là nhờ ánh sáng của những ngọn đuốc, nhưng không có những dấu hiệu của khói trên tường hoặc trên trần của chúng. Những con đường bên trong kim tự tháp rất dài, tràn đầy bóng tối với nhiều vòng xoay và nút rẽ. Không thể có điện, bởi vì không có dấu hiệu nào của các thiết bị điện hoặc nguồn

điện. Những ngọn đuốc cháy bằng dầu hoặc mỡ trâu sẽ để lại một vài dấu vết của khói. Cho nên vấn đề nảy sinh, làm cách nào con người có thể vào trong. Nếu không có ai vào trong như mọi người nhận định thì tại sao nhiều con đường lại được tạo ra? Có nhiều con đường, nhiều cầu thang, cửa và cửa sổ bên trong, và cũng có những vị trí để mọi người có thể ngồi hoặc đứng. Nhưng tất cả những thứ đó để làm gì? điều này được giữ nguyên là câu đố chưa được giải đáp. Một số người đoán rằng kim tự tháp là ý thích ngẫu hứng của hoàng đế hoặc vua chúa.

Sự giải thích hợp lý nhất là: chúng là những tirtha. Khi một người nào đó thử nghiệm theo phương pháp đúng với ngọn lửa bên trong thì cơ thể người đó phát ra ánh sáng. Những người như vậy đủ điều kiện để vào các kim tự tháp. Không cần đến điện hoặc đuốc, ánh sáng cơ thể họ là đủ để di chuyển bên trong kim tự tháp. Nhưng ánh sáng cơ thể như vậy chỉ được tạo ra bởi những bài thực hành thiền đặc biệt. Cho nên, việc tạo ra ánh sáng cơ thể chính là phép thử đối với những người có quyền năng nào đó để vào bên trong.

Những năm đầu của thế kỷ mười chín, trong thời gian tiến hành việc nghiên cứu kim tự tháp thì một trong những trợ lý của nhà khoa học bị thất(-) lạc. Với sự giúp sức của ánh sáng họ đã tìm kiếm ông ta khắp mọi nơi – suốt hai mươi bốn giờ tìm kiếm mà ông ta vẫn không được tìm ra. Thế rồi sau mười hai giờ đêm, khoảng hai giờ sáng, ông ta chạy đến chỗ họ, gần như trong trạng thái loạn trí.

Ông ta nói, “Tôi đã cảm nhận lỗi đi của tôi trong bóng tối và bỗng nhiên tôi nhận ra khe hở. Tôi chui qua đó, và

ngay sau đó cửa đóng lại phía sau tôi. Khi tôi nhìn lại thì cửa đã đóng chặt. Khi tôi tới gần đó thì chỉ là một lối đi thông, không có gì giống như là ô cửa. Nhưng ngay khi tôi đi vào lối đó thì cửa đóng lại sau tôi; một khối đá nặng trượt xuống, bịt chặt lối ra. Sau đó tôi hét lên, nhưng không có ai trả lời. Tôi không còn sự lựa chọn nào ngoài việc tiếp tục đi, và những điều tôi nhìn thấy...! thật là khó mô tả...”

Sự thật là ông ta đã bị lạc mất hai mươi bốn giờ, và khi ông ta được tìm thấy thì đã là nửa đêm nửa tỉnh, nhưng những gì ông ta mô tả khi nhìn thấy là điều không thể tin nổi. Toàn bộ nhóm thám hiểm đã cố gắng để tìm ra ô cửa, nhưng không thể - ông ta không thể chỉ ra nơi ông ta chui vào hoặc chui ra – cho nên kết luận đã được đưa ra, người đàn ông đó đã bị ngất, hoặc ngủ quên, hoặc nằm mơ. Nhưng dù sao chăng nữa, bất kỳ điều gì liên quan tới ông ta cũng tạo ra sự chú ý.

Một vài lần sau đó, trong những cuộc thám hiểm sâu hơn, nhóm đã tìm ra cuốn sách mô tả những điều tương tự liên quan tới người đàn ông đó. Cho nên sự huyền bí lại càng sâu sắc hơn. Người ta nghĩ rằng, những thứ đó ở trong một căn phòng cô lập, và nó chỉ được mở bởi ảnh hưởng của một người nào đó đang ở trong trạng thái siêu linh. Có lẽ đó là sự tình cờ, có lẽ đó là sự trùng hợp ngẫu nhiên: có lẽ trạng thái tinh thần của ông ta đã vô tình làm cho ông ta trở nên hòa hợp với trạng thái xuất hiện khe hở. Nó phải là như vậy, bởi vì mặc dù ông ta không thể chứng minh sự trải nghiệm của mình, tuy nhiên cửa vẫn mở ra.

Cho nên những nơi chốn bí mật mà tôi đang nói đến

cũng có những ô cửa, và có những cách thức để con người có thể đi vào chúng. Có những sự chuẩn bị và những điều kiện tâm linh đặc biệt bên trong để vươn tới đó. Tất cả các căn phòng, các sảnh lớn của kim tự tháp đã được xây dựng tương ứng với những kích thước được xác định trước. Đôi khi bạn đã trải nghiệm ở những nơi mái vòm thấp, mặc dù nó không chạm vào bạn, nhưng bạn vẫn cảm nhận một cái gì đó bên trong bạn bị đè nén, bị co lại. Thực tế không có gì đè nén bạn, nhưng bạn cảm nhận có một cái gì đó bên trong bị đè nén. Khi bạn đi vào nơi trần rất cao, bạn cảm nhận một cái gì đó trải rộng trong bạn. Kích thước của căn phòng được tính toán theo phương pháp sao cho thiên trở nên rất dễ dàng với bạn.

Để việc thiên trở nên dễ dàng nhất, kích thước chính xác của căn phòng cũng đã được xác định sau khi thử nghiệm. Những kích thước cụ thể của căn phòng A có thể được sử dụng để giúp bạn trải rộng, hoặc nén tâm thức của bạn lại. Sự sắp xếp màu sắc bên trong và bên ngoài căn phòng, hương thơm trong phòng và vấn đề âm học cũng có thể được đặt ra theo hướng có lợi cho thiên.

Tất cả các tirtha đều có âm nhạc của riêng mình. Thực tế, tất cả âm nhạc đã được sinh ra ở nơi chốn như vậy, và âm nhạc được sáng tạo một cách độc đáo bởi những người tiềm kiếm. Không chỉ là nghệ thuật của âm nhạc mà toàn bộ điệu nhảy cũng được khởi nguồn từ những ngôi đền. Hương thơm cũng được sử dụng đầu tiên ở những ngôi đền. Khi biết rằng, con người có thể đạt tới điều linh thiêng với sự trợ giúp của âm nhạc thì cũng có thể nhận ra rằng, thông qua âm nhạc, con người còn có thể làm đường lạc lối. Nếu hương thơm nào đó có thể giúp bạn tới thẳng

điều linh thiêng, thể thì với hương thơm khác con người cũng có thể hướng tới hương thụ nhục dục. Nếu trong một căn phòng cụ thể, con người có thể vào thiên nhanh chóng và dễ dàng thì cũng có những trở lực khác có thể ngăn cản thiên.

Ở Trung Quốc, có những căn phòng được cấu trúc đặc biệt để những tù nhân trong đó có thể bị tẩy não; kích thước được xác định trước, sự thay đổi về kích thước sẽ làm cho việc tẩy não khó thực hiện. Sau nhiều lần thử thì chiều cao, chiều rộng, chiều ngang chính xác của những căn phòng được xác định, và tâm trí của tù nhân bị nhốt trong đó sẽ nhanh chóng bị ảnh hưởng. Cũng sẽ có một khoảng thời gian chính xác được xác định trước khi tâm trí của tù nhân trở nên rối loạn và bắt đầu xấu đi. Âm thanh cụ thể được tạo ra để đẩy nhanh quá trình xấu đi, và nếu vị trí cụ thể của người tù nhân đó bị quấy nhiễu thì sự xấu đi hẳn sẽ nhanh hơn.

Bình nước được treo trên đầu tù nhân, những giọt nước nhỏ xuống đầu anh ta theo nhịp điệu cụ thể. Từng giọt từng giọt, nước nhỏ xuống vị trí đó trên đầu anh ta trong hai mươi bốn giờ. Người tù nhân đó không được phép rời khỏi vị trí; anh ta không thể ngồi mà phải đứng. Trong khoảng nửa giờ, anh ta trở nên quá chán nản đến mức có vẻ như âm thanh trở nên ngày càng lớn hơn, gây choáng hơn, anh ta cảm thấy như cả ngọn núi đổ ụp xuống đầu mình. Âm thanh lặp lại hai mươi bốn giờ trong căn phòng đóng kín được thiết kế đặc biệt đó sẽ làm choáng váng tâm trí con người; khi ra khỏi đó, anh ta sẽ không còn là người cũ nữa. Kỹ thuật sẽ làm cho anh ta bị suy sụp theo nhiều cách.

Tất cả các phương pháp hữu ích đối với người tìm kiếm đã được phát hiện bởi các tirtha và các ngôi đền. Những quả chuông treo ở ngôi đền phát ra âm thanh, những thệ hương, những bông hoa – hương thơm của chúng - tất cả đều được chuẩn bị sắp xếp trước. Tất cả điều đó đã được thiết kế để duy trì một sự hòa hợp chắc chắn mà tính liên tục của chúng sẽ không bị phá vỡ.

Nếu arati - lễ nghi với ngọn đèn đốt sáng - được thực hiện, luôn được thực hiện ở những thời điểm cố định, khoảng thời gian cố định vào buổi sáng, buổi chiều và buổi tối, và luôn xảy ra với cùng câu thần chú hoặc bùa phép. Nghi lễ lặp lại khoảng thời gian giữa các năm trong suốt hàng nghìn năm.

Như tôi đã nói với các bạn trước đây, khi nước được chiết xuất nhiều lần thì chất lượng của nó sẽ thay đổi, nếu trong căn phòng, âm thanh được tạo ra hàng nghìn lần thì sự rung động và phẩm chất của căn phòng đó sẽ thay đổi. Nếu người tìm kiếm được đưa vào phòng đó thì sự chuyên hoá của người đó sẽ được trợ giúp. Tất cả mọi cá tính của chúng ta được hình thành bởi vật chất, bất kỳ sự thay đổi nào xảy ra trong vật chất thì cũng sẽ ảnh hưởng đến cá tính của chúng ta. Những người có tinh thần hướng ngoại sẽ thay đổi bên ngoài dễ dàng hơn, ngay thời điểm khởi đầu, những sự thay đổi bên trong là rất khó khăn; cho nên phương thức được nghĩ ra để thông qua nó, vật chất có thể được chuẩn bị để giúp con người biến đổi thành tầm mức tự nhiên.

Có một điều khác nữa cần phải hiểu. Bình thường ra, chúng ta có ảo tưởng rằng, tất cả chúng ta là những cá thể riêng biệt. Đây là niềm tin lệch lạc. Rất nhiều người trong

chúng ta ngồi đây, nhưng nếu tất cả chúng ta ngồi tĩnh lặng thì những cá thể riêng biệt không còn giữ nguyên, mà chỉ là một cá tính riêng. Một cá tính im lặng được giữ nguyên, tâm thức của chúng ta bắt đầu rung động đồng thời và tuôn chảy vào lẫn nhau.

Tirtha là thử nghiệm lớn.

Vào một ngày đặc biệt trong năm, hàng trăm nghìn người tập trung ở tirtha - tất cả cùng một ước mong, một hy vọng. Mọi người đều đến từ những nơi xa hàng trăm dặm để cùng nhau vào một giờ cụ thể, cùng nhau dưới chòm sao cụ thể. Rất nhiều người với cùng một ước mong này, hy vọng này, con người cầu nguyện và hướng tới, cây cầu của những tâm thức được tạo ra. Thế rồi không còn những cá thể nữa.

Nếu chúng ta nhìn vào đám đông khổng lồ của lễ hội ở Kumbha-Mela, chúng ta không thể nhìn thấy một cá thể nào; bạn chỉ nhìn thấy đám đông mà không có bộ mặt nào. Trong đám đông, bộ mặt riêng biệt không thể được tìm ra - chỉ là đám đông hàng nghìn người không bộ mặt. Ai là ai? việc cố gắng để biết điều đó là vô nghĩa. Ai giàu ai nghèo? Ai là vua ai là kẻ ăn xin? việc cố gắng tạo ra sự phân biệt là điều vô nghĩa. Tâm thức của mọi người đã bắt đầu tuôn chảy vào mỗi người khác. Nếu cây cầu có thể được tạo ra bởi tâm thức của mười triệu người này, nếu nó có thể trở thành một tâm thức hợp nhất, vậy thì thần thánh nhập dễ dàng hơn là nhập vào nhiều cá thể riêng biệt.

Neitzsche đã viết ở một nơi nào đó rằng, khi đi bộ trong khu vườn, ông ta đã dẫm lên một con côn trùng, nó ngay lập tức co lại và lăn đi. Nietzsche quá bối rối khi

chứng kiến nó hành xử như vậy. Ông ta viết như vậy sau khi suy nghĩ về điều đó, vào một lúc nào đó ông ta nhận ra rằng, con côn trùng đã cố gắng thu nhỏ mình lại để tránh bị xâm hại. Con côn trùng lớn hơn có nhiều khả năng bị dẫm lên và dễ bị giết hơn bởi vì nó chiếm nhiều diện tích hơn. Cho nên đây là dạng tự bảo vệ của côn trùng - giảm thiểu bề mặt tiếp xúc của mình.

Do vậy, khi tâm thức con người hình thành ở dạng bề mặt tiếp xúc lớn hơn thì khả năng thần thánh hạ xuống trở nên nhiều hơn. Sự hạ xuống của thần thánh là một hiện tượng vĩ đại. Hiện tượng càng lớn lao thì không gian chúng ta phải tạo ra càng rộng lớn hơn.

Cho nên dạng khởi thủy của cầu nguyện là nhóm định hướng; cá thể cầu nguyện sinh ra muộn hơn nhiều, khi cá thể trở nên nhiều bản ngã hơn thì việc hòa hợp với người khác sẽ khó khăn hơn. Từ lúc cá thể thực hiện cầu nguyện trên thế gian này, những lợi ích thực sự của cầu nguyện đã bị bỏ lỡ. Thực tế, cầu nguyện không thể là cá thể. Khi chúng ta bị đánh thức bởi một sức mạnh vĩ đại như thần thánh thì chúng ta cũng cung cấp một vùng tiếp xúc rộng lớn hơn, và điều đó sẽ làm cho việc hạ xuống của thần thánh dễ dàng hơn.

Trong hoàn cảnh như vậy, tirthath đã tạo ra vùng tiếp xúc rộng hơn. Khi vùng tiếp xúc như vậy được tạo ra ở thời điểm đặc biệt, vào một ngày đặc biệt, dưới một chòm sao nào đó, và ở một nơi cụ thể thì các cơ hội là tốt hơn.

Cũng nên được hiểu rằng, vòng tròn của cuộc sống là chu kỳ. Như thế là thế nào? gió mùa bắt đầu ở thời điểm cụ thể của năm. Nếu không như vậy thì chi vì sự can thiệp của

chúng ta; nếu không thì đó sẽ là sự xác định chính xác, thậm chí là từng ngày, từng giờ. Mùa hè và mùa đông cũng xuất hiện ở những thời điểm cụ thể; thậm chí cơ thể của chúng ta cũng biểu hiện như vậy. Kinh nguyệt của phụ nữ cũng được xác định, và bằng cách nào đó cũng có liên hệ tới chu kỳ của mặt trăng. Nếu cơ thể khỏe mạnh hoặc bình thường thì sau hai mươi tám ngày kinh nguyệt xuất hiện. Nếu chu kỳ bị phá vỡ, vậy thì ở một nơi nào đó bên trong cơ thể của người phụ nữ đó có một cái gì đó sai.

Tất cả các sự kiện đều lặp lại theo trình tự nhất định. Nếu việc xuất hiện của thần thánh đã xảy ra ở thời điểm cụ thể, vào một ngày cụ thể, tháng cụ thể thì sang năm, ở cùng một thời điểm bạn có thể mong đợi điều đó xuất hiện trở lại. Thời điểm đó đã trở thành năng lượng, và ở thời điểm đó năng lượng thần thánh có thể lại tuôn chảy. Cho nên năm qua năm trong hàng trăm năm, mọi người đã tập trung cùng nhau để chờ đợi ở những nơi chốn cụ thể. Nếu điều này xuất hiện rất nhiều lần, vậy thì sự lặp lại sự kiện đó ở thời điểm đó trở thành rất có thể, thậm chí là chắc chắn.

Ví dụ, tại thời điểm của lễ hội Kumbha-Mela, có rất nhiều sự tranh luận và cãi cọ ai sẽ là người đầu tiên ngâm mình dưới dòng sông Hằng, bởi vì không thể có chuyện hàng trăm nghìn người ngâm mình đồng thời. Thời điểm đặc biệt được chuẩn bị trong một khoảng thời gian ngắn. Ai sẽ là người đầu tiên ngâm mình ở thời điểm thích hợp? Những người có các tín ngưỡng truyền thống, họ đã tác động và đã tìm kiếm thời điểm; họ sẽ là người đầu tiên.

Đôi khi thời điểm thích hợp cũng bị lỡ. Thời điểm chúng ngộ cũng giống như sự nhấp nháy của ánh sáng.

Nó chỉ nháy mà không thể mắt. Nếu ở thời điểm đó bạn hoàn toàn cởi mở, không bán ngã và hoàn toàn nhận biết, vậy thì kinh nghiệm của sự kiện sẽ xuất hiện. Nếu ở thời điểm đó mắt bạn bị mù hoặc nhắm lại, nếu sự nhận biết của bạn bị dao động, vậy thì với bạn sự kiện sẽ bị lỡ.

Công dụng thứ ba của tirtha là sự thử nghiệm số đông. Năng lượng tốt đỉnh có thể được thu hút dễ dàng hơn khi con người ngây thơ và giản dị. Cho nên những tirtha liên quan nhiều hơn đến quá khứ xa xôi – không ai quay về tay không từ đó. Nhưng người hành hương ngày nay trở về tay không, cho nên họ đi liên tục. Xã hội càng trong trắng và đơn giản, càng ít người nhận biết tính cách cá nhân của họ, thì thử nghiệm vĩ đại này càng thành công hơn.

Thậm chí ngày nay, có những cộng đồng bộ lạc nguyên thủy, mà ở đó cá thể không nhận biết về tính cách cá nhân mình. Ở đó có ít khái niệm về “tôi”; nhiều “chúng ta” hơn. Có một ít ngôn ngữ bộ lạc mà chữ “tôi” không tồn tại. Những bộ lạc nói ngôn ngữ “chúng tôi”, không phải vì ngôn ngữ đó không tồn tại khái niệm “tôi” mà vì cuộc sống của họ mang tính cộng đồng quá cao. Điều đó đã tạo ra một vài kết quả rất kinh ngạc.

Ở một hòn đảo nhỏ gần Singapore, có một lần những người phương Tây đã xâm chiếm hòn đảo đó. Người tộc trưởng của bộ lạc đến bờ biển, ông ta nói với những kẻ xâm chiếm rằng, đồng bào của ông ta không được trang bị vũ khí nhưng sẽ không chịu làm nô lệ. Những người phương Tây vẫn quyết tâm nô lệ họ - bộ lạc đó từ chối đánh nhau, nhưng họ nói họ biết làm cách nào để chết. Những người phương Tây không thể tin điều này, họ nghĩ rằng không ai có thể chết như vậy. Họ đổ bộ lên đảo, năm

trăm người đàn ông của bộ lạc đã tập trung cùng nhau trên bãi biển. Những người phương Tây không thể tin vào mắt mình: đầu tiên người tộc trưởng ngã xuống và chết. Sau đó tất cả bắt đầu ngã xuống đất và hấp hối - người này tiếp sau người kia - không bị tấn công bởi bất kỳ thứ vũ khí nào. Đầu tiên, những người phương Tây nghĩ họ rằng họ ngã xuống vì sợ, nhưng khi họ tới gần thì mới phát hiện ra rằng, tất cả những người đàn ông của bộ lạc đó đã thực sự chết.

Nếu như ý thức của “chúng tôi” chiếm ưu thế hơn hẳn thì cái chết có thể dễ lây nhiễm. Nếu một người nào đó chết vậy thì cái chết sẽ lan truyền. Một số động vật chết như vậy. Một con cừu chết, sau đó cái chết lan ra. Con cừu không có bất kỳ sự nhận biết nào về “tôi” mà chỉ là ‘chúng tôi’. Nếu bạn nhìn con cừu đi, điều đó giống như chúng đang tham gia cùng nhau - chỉ một sự sống chuyển động. Nếu một con cừu chết thì những con khác cũng cảm thấy như đang hấp hối; cảm nhận bên trong về cái chết bắt đầu trải rộng.

Cho nên khi xã hội ý thức nhiều về cảm nhận “chúng tôi”, và không có nhiều nhận biết về “tôi” thì tirtha có nhiều sự liên quan hơn. Công dụng của nơi chốn như vậy sẽ bị thất lạc khi sự nhận biết của “tôi” tăng lên.

Điều cuối cùng để hiểu về tirtha là giá trị của những hành động biểu tượng. Ví dụ, một người nào đó đến với Jesus và thú nhận tội lỗi của mình. Jesus đặt tay lên đầu người đó và nói, “Con hãy đi đi, tất cả tội lỗi của con đã được tha thứ”. Bây giờ làm cách nào Jesus có thể đặt tay mình lên đầu họ và tha thứ cho họ? Ai là Jesus để tha thứ

tội lỗi của người nào đó? Nếu một người nào đó phạm tội giết người, làm cách nào anh ta có thể được tha thứ như vậy? Ở Ấn Độ, người ta nói rằng, chẳng vấn đề gì cho dù tội lỗi phạm phải là như thế nào, nếu bạn tắm ở sông Hằng thì bạn sẽ rũ bỏ được mọi tội lỗi của mình. Một người nào đó phạm tội ăn cắp, đã lừa gạt mọi người, đã giết một người nào đó – làm thế nào mà người đó có thể thoát khỏi tội lỗi của mình bằng việc tắm ở sông Hằng?

Ở đây có hai điều cần phải hiểu. Tội ác không phải là sự kiện thực mà hồi ức mới là thực. Đó không phải là tội ác, mà hành động tội ác níu bám bạn như là hồi ức về việc đó. Nếu bạn giết một người nào đó thì hồi ức về việc đó sẽ ám ảnh bạn giống như cơn ác mộng suốt cuộc đời. Những người biết về những vấn đề bên trong nói rằng, dù tội ác có diễn ra hay không thì sự việc cũng chỉ là một phần của vở kịch, và cũng không phải là điều gì quá quan trọng. Nhưng hồi ức của tội ác vẫn gia tăng sức đè lên ngực bạn như tảng đá. Hành động đã phạm phải rồi biến mất trong vô hạn – hành động đó được sự chở che của vô hạn. Sự thực là, tất cả các hành động đều được thực hiện bởi cái vô hạn; bạn sẽ trở nên bị quấy nhiễu một cách không cần thiết. Nếu bạn phạm tội ăn cắp thì nó cũng được thực hiện bởi cái vô hạn thông qua bạn. Nếu bạn giết một người nào đó thì điều đó cũng được thực hiện bởi sự vô hạn thông qua bạn. Bạn không cần thiết phải đứng giữa ký ức và hành động của bạn, và ký ức đó là gánh nặng của bạn.

Jesus nói, “Hãy ăn năn và ta sẽ lấy đi tội lỗi của con” - một người nào đó tin vào việc Jesus quay trở lại để dỡ bỏ gánh nặng và gột sạch tội lỗi. Thực tế, Jesus không dỡ bỏ tội lỗi khỏi bạn mà từ ký ức tội lỗi của bạn. Ký ức là thực

sự. Jesus chỉ dỡ bỏ cái đó. Tương tự, Sông Hằng không dỡ bỏ tội ác cho bạn mà dỡ bỏ ký ức của bạn về tội ác đó. Nếu một người nào đó thực sự tin vào sông Hằng và cho rằng, nếu tắm ở đó anh ta sẽ được xóa bỏ mọi tội lỗi – sự vô thức tập thể của anh ta được hình thành với hàng nghìn năm cồng cố, và nếu xã hội anh ta đang sống cũng khẳng định niềm tin mạnh mẽ của anh ta - vậy thì anh ta sẽ là như vậy. Tắm không thể làm cho con người gột rửa tội lỗi như vậy, bởi vì tội lỗi đã phạm rồi – không gì có thể được làm về điều đó – nhưng khi con người có niềm tin như vậy nảy sinh từ dòng sông Hằng, anh ta tin vào sự thanh khiết của dòng sông và quyền năng giải phóng anh ta khỏi cảm giác tội lỗi bằng việc tắm, mặc dù việc tắm chỉ là hành động biểu trưng.

Jesus có thể sống trên đời được bao lâu? Bao nhiêu kẻ phạm tội có thể gặp được ông ấy? Thời gian thì quá ngắn ngủi, và điều gì sẽ xảy ra khi Jesus không có đó? Hindu đã tìm ra sự chuẩn bị lâu dài hơn liên quan với dòng sông mà không phải với con người. Dòng sông liên tục nhận sự thú tội và tha thứ cho con người. Dòng sông là vô hạn, dòng chảy của nó là ổn định và lâu dài – Jesus có thể sống được bao lâu? Ông ấy có vừa đủ thời gian làm việc trong ba năm, từ ba mươi đến ba mươi ba tuổi. Trong khoảng thời gian ba năm, bao nhiêu tội phạm có thể thú tội? Bao nhiêu tội phạm có thể tới ông ấy? Ông ấy có thể đặt tay lên đầu bao nhiêu người? Cho nên những nhà tiên tri Hindu giao phó hiện tượng này cho dòng sông mà không phải cho con người.

Nếu một người nào đó tới tirtha, anh ta sẽ quay trở về với cảm giác tự do, nhẹ nhõm; anh ta sẽ được giải thoát

khỏi ký ức về tội ác của mình. Đó là hồi ức đang che mắt anh ta và đã trở thành gông cùm. Cái bóng của tội ác bám theo bạn là thù phạm. Có thể thoát ra khỏi nó, nhưng phải có một điều kiện. Điều kiện quan trọng nhất đó là bạn phải có niềm tin hoàn toàn – niềm tin về ý tưởng rằng, điều này đã xảy ra hàng nghìn năm trước.

Có một vài tirtha là vĩnh hằng – Kashi là một tirtha như vậy. Chưa bao giờ có thời kỳ nào trên trái đất mà Kashi – Varanasi – không là tirtha. Đó là nơi chốn hành hương lâu đời nhất của con người, cho nên nó có giá trị sâu sắc hơn. Có rất nhiều người được giải thoát, trải nghiệm sự thanh bình và thánh thiện ở đó, tội ác của nhiều người đã được rửa ở đó – trong thời gian liên tục, lâu dài, cho nên, ý kiến cho rằng con người có thể được giải thoát khỏi tội lỗi đã trở nên ngày càng sâu sắc hơn. Ý kiến đó ở thành niềm tin đối với tâm trí bình thường, và nếu niềm tin có đó thì nơi chốn linh thiêng sẽ trở thành giá trị; nếu không thì sẽ là vô dụng. Nếu không có sự hợp tác của bạn thì tirtha không thể giúp gì được bạn. Bạn sẽ có khả năng đưa ra sự hợp tác của mình chỉ khi nơi chốn linh thiêng rất cổ xưa và mạnh tính lịch sử.

Hindu nói rằng, Kashi không là một phần của trái đất này mà là nơi chốn riêng rẽ; thành phố Shiva là riêng biệt và không thể phá hủy.

Nhiều đô thị sẽ được xây dựng và sẽ bị phá hủy, nhưng Kashi sẽ giữ nguyên mãi mãi. Đức Phật tới Kashi, tất cả tirthankara của Jain giáo sinh ra ở Kashi, Shankaracharya cũng tới Kashi, Kabir cũng tới Kashi: Kashi đã nhìn thấy tirthankara, các hiện thân và các thánh, nhưng tất cả đều không còn nữa. Không còn ai ngoài Kashi. Sự linh thiêng

của tất cả những người đó, lợi ích của tất cả các công việc thiện của họ, tất cả các thành tựu của các đời sống của họ, hương thơm chung của họ được thu hút bởi Kashi, và nó cũng đòi hỏi những dòng chảy sống động của họ. Điều này làm cho Kashi riêng biệt với trái đất, ít nhất là về mặt trừu tượng.

Trên những con đường của thành phố này, Đức Phật đã đi bộ, và trong những con đường nhỏ, Kabir đã thuyết giảng những bài thuyết giáo. Bây giờ tất cả điều đó trở thành lịch sử, giấc mơ, nhưng Kashi đã đồng hóa mọi thứ bên trong nó. Nếu một người nào đó có tin và giao phó tuyệt đối vào thành phố này thì người đó có thể lại nhìn thấy Đức Phật đi bộ trên những con đường đó, người đó có thể nhìn thấy Tuldisa và Kabir... nếu bạn tiếp cận Kashi theo kiểu như vậy thì đó không chỉ là thành phố bình thường giống như Bombay hoặc London, nó sẽ có dạng thần thánh duy nhất. Tâm thức của nó là cổ xưa và vĩnh hằng. Lịch sử có thể bị thất lạc, những nền văn minh có thể sinh ra và hủy diệt, có thể đến và đi, nhưng Kashi vẫn duy trì dòng chảy sống động liên tục bên trong nó.

Đi bộ trên những con đường của nó, tắm gần bờ dòng sông Hằng của nó, ngồi tham thiền ở Kashi, bạn cũng trở thành một phần dòng chảy bên trong nó. Nghĩ rằng, “Minh tôi có thể thực hiện mọi thứ”, là điều nguy hiểm. Thần thánh ở nhiều dạng có thể giúp ích. Trong những ngôi đền và những nơi chốn linh thiêng, sự giúp ích đó có thể được tìm kiếm; toàn bộ sự chuẩn bị của họ là để cung cấp sự trợ giúp hữu ích.

Tôi đã nói với bạn một vài điều để giải thích tirtha với bạn – nhưng như thế là chưa đủ. Có rất nhiều thứ liên hệ

với những nơi chốn như vậy không thể hiểu được – nhưng chúng làm cho những điều đó xuất hiện. Những điều như vậy không thể làm rõ bằng trí tuệ hoặc biến thành các công thức toán học, nhưng họ làm cho chúng xuất hiện.

Tôi sẽ nói với bạn về hai hay ba điều đã xuất hiện... nếu bạn ngồi thiền một mình ở một nơi nào đó, bạn gần như không nhận biết về sự hiện diện của một vài linh hồn có thể đang ở quanh bạn. Nhưng ở tirtha, kinh nghiệm như vậy có thể rất mạnh mẽ. Nó có thể trở thành một cái gì đó sâu sắc đến mức bạn cảm nhận sự hiện diện của chính bạn ít hơn so với những sự hiện diện khác.

Ví dụ, Kailash đã từng là nơi chốn linh thiêng của Hindu giáo cũng như Phật giáo Tây Tạng. Nhưng Kailash tuyệt đối lẻ loi, hoang tàn, nó không có nhà và không có người sống ở đó – không người thờ cúng, không tu sĩ... Nhưng bất kỳ ai ngồi tham thiền ở Kailash sẽ nhận ra nhiều người ở đó. Từ thời điểm bạn tới Kailash, nếu bạn có khả năng vào thiền thì bạn sẽ nói rằng, đó là cuộc sống của nhiều linh hồn và cũng là những con người tuyệt vời. Nhưng nếu bạn tới đó và không thể thiền, vậy thì đối với bạn Kailash là trống rỗng.

Những nhà nghiên cứu tin rằng không có sự sống ở mặt trăng. Nhưng những người có một số trải nghiệm ở Kailash sẽ không đồng ý như vậy. Phi công vũ trụ sẽ không tìm ra bất kỳ dấu hiệu nào về sự sống ở đó, nhưng không nhất thiết phải theo quan điểm rằng, không có ai ở đó chỉ bởi nhà du hành vũ trụ không nhìn thấy ai ở đó.

Trong kinh Jain có sự mô tả chi tiết những vị thần cư ngụ ở mặt trăng; nhưng kể từ khi các nhà du hành vũ trụ

báo cáo không có sự sống trên mặt trăng thì các vị thánh Jain và sadhu rất ngượng ngùng và bối rối. Tất cả họ có thể nói, các nhà du hành vũ trụ đã không tới mặt trăng; nếu không họ sẽ phải thừa nhận kinh của họ là sai.

Gần đây, một người nào đó ở Gurajat đã nói với tôi, tu sĩ Jain đã thu thập các kinh nghiệm để chứng minh các nhà du hành đã không thực sự tới mặt trăng. Điều này không thể được chứng minh; các nhà du hành đã tới mặt trăng thực sự, nhưng khó khăn là kinh Jain lại nói, những vị thần cụ thể sống ở đó - điều đó được viết trong các sách của họ. Chính họ cũng không biết, cho nên trí tuệ bình thường của saddhu Jain sẽ nói, thực sự các nhà du hành đã không tới mặt trăng, đối với ông ta kinh không thể là sai. Một số saddhu Jain khác tuyên bố, thực tế các nhà du hành đã tới một vệ tinh khổng lồ nào đó gần mặt trăng mà không phải mặt trăng. Tất cả điều này là nực cười và điên khùng; nhưng có những lý do đằng sau sự điên khùng này. Nền tin Jain giáo về việc có sự sống trên mặt trăng đã tồn tại suốt hơn hai mươi nghìn năm qua, nhưng họ không biết dạng sống đó là gì. Dạng sống đó giống như ở Kailash hoặc của bất kỳ tirtha khác.

Khi bạn ra khỏi tàu ở ga Kashi, bạn sẽ nhìn thấy hình dáng to lớn của Kashi được làm bằng bùn và đá: bất kỳ khách du lịch nào cũng có thể tới đó và quay trở về. Nhưng có dạng tinh thể ở Kashi mà chỉ có những người nội tâm sẽ có khả năng đạt tới - những người đó cũng có thể vào thiên sâu hơn. Đối với họ, Kashi khác rất đẹp, bên ngoài sự tưởng tượng, mặt khác Kashi trần tục lại dơ dáy và hôi thối hơn bất kỳ thành phố nào khác. Đó chỉ là Kashi hữu hình. Một người nào đó có thể nói rằng Kashi khác, một

Kashi đẹp, chỉ tồn tại trong sự tưởng tượng của nhà thơ – nhưng Kashi như vậy cũng có đó. Kashi thực sự là trường tiếp xúc vĩ đại của các thiên nhân. Người đạt tới thông qua thiên cũng đạt tới Kashi linh thiêng: ở những dải đất xa xôi, người đó có thể tình cờ gặp, điều mà người đó chưa bao giờ có thể tưởng tượng.

Ngay bây giờ tôi nói rằng, ở Kailash có một dạng cư ngụ bí hiểm. Việc khoảng năm trăm siddha Phật giáo thường xuyên nghỉ ở đó có thể là điều gần như chắc chắn; năm trăm cá thể chứng ngộ thành Phật sẽ luôn ở Kailash. Nếu một trong họ muốn thực hiện một vài sứ mạng khác thì người đó sẽ không đi cao tới khi một vị phật khác tới nhận chỗ của họ. Nhưng con số tối thiểu năm trăm phật chứng ngộ phải luôn ở đó để biến Kailash thành tirtha. Chỉ khi một người tới tirtha như vậy thì người đó mới gặp những linh hồn lia khỏi xác, nhưng khả năng gặp những linh hồn đó là không thể, trừ khi có một vài địa điểm tự nhiên xác định; nếu không bạn sẽ gặp những linh hồn lia khỏi xác ở đâu, những điều không thể nhìn? Cho nên, Kashi là nơi chôn bạn có thể ngồi thiền, vào thế giới bên trong để thiết lập sự giao tiếp với những linh hồn đó. Tirtha không thể được hiểu một cách trí tuệ, bởi vì nó không có gì liên quan đến trí tuệ. Tirtha thực sự ấn dấu đâu đó gần với sự chỉ dẫn tự nhiên của nó.

Điều quan trọng nữa, khi người chứng ngộ từ bỏ thể tự nhiên, lòng từ bi của người đó thúc ép họ để lại một vài dấu hiệu vật lý phía sau để giúp những người cùng đi, họ là những người đã thực hành khổ hạnh và tạo ra rất nhiều nỗ lực để trở nên chứng ngộ, nhưng đã không thành công. Đối với những người này, những chỉ dẫn và biểu tượng nên để

lại sao cho, nếu họ cần họ có thể thiết lập sự liên hệ với người đó. Trong thế giới này, mặc dù những thể tự nhiên bị mất đi, nhưng linh hồn thì không bao giờ, vì thế cho nên, một vài quá trình phải được thiết lập để tạo ra mối liên hệ với linh hồn đã lìa khỏi xác.

Những tirtha cũng đã thực hiện công việc tương tự như các radar ngày nay đang thực hiện: radar hướng tới bất kỳ nơi nào mà mắt con người không thể. Những ngôi sao không thể nhìn bằng mắt thường thì có thể được dò ra bởi radar. Ngày nay, với tirtha, sự giao tiếp có thể được thiết lập giữa những người đã rời chúng ta, và chúng ta đã trở nên riêng biệt với những người đó. Những tirtha được thiết lập bởi những người đã rời đi, và chúng được để lại cho những người vẫn còn trong hành trình - cho những người chưa tới nơi, cho những người vẫn còn chệch hướng. Đôi khi những người ở lại phía sau có thể yêu cầu một cái gì đó, biết một cái gì đó, có thể tuyệt đối cần thiết cho quá trình xa hơn, và không có điều đó thì họ có thể bị chệch hướng. Họ không biết tương lai của họ là gì, họ không biết con đường phía trước; cho nên đối với những người tìm kiếm nghèo nàn như họ thì sự chuẩn bị đặc biệt được tạo ra – như là các tirtha, các ngôi đền, các câu thần chú, các tượng thần và vân vân. Tất cả những điều đó là nghi lễ, nhưng chúng vẫn là những quá trình xác định cần thông qua.

Nếu một người nguyên thủy được mang đến nhà bạn vào ban đêm, bạn muốn ánh sáng, bạn thức dậy, bước vài bước đến nơi gần nhất, ấn nhẹ công tắc và ánh sáng bùng lên. Người nguyên thủy sẽ không nghĩ rằng có dây nối

nào đó giữa công tắc và bóng đèn; thậm chí người đó có thể nghĩ, có một vài thủ thuật nào đó, việc bạn thức dậy và đi đến bức tường để nhấn công tắc chỉ là nghi lễ. Công tắc đầu tiên bật lên tạo ra ánh sáng, công tắc thứ hai làm cho quạt quay, công tắc thứ ba làm cho máy thu phát sóng. Nếu người đó không biết về điện, anh ta sẽ nghĩ, bạn đang làm một thủ thuật gì đó gần bức tường, một vài nghi lễ nào đó.

Nhưng giả sử rằng, vào một ngày nào đó khi bạn đang ở nhà, điện bị mất, người nguyên thủy đi đến bức tường và bật công tắc... khi người đó nhận ra rằng không có ánh sáng và vậy thì quạt không quay, máy thu không phát sóng, người đó sẽ nghĩ rằng mình đã mắc sai lầm khi thực hiện nghi lễ - rằng mình đã không thực hiện đúng số bước đi từ ghế tới bức tường, hoặc mình không đặt chân phải xuống trước, hoặc mình đã không đọc vài câu thần chú trong khi bật công tắc. Anh ta không thể hiểu hoặc có bất kỳ ý tưởng nào về điện là gì.

Trong mối liên hệ tâm linh, những điều tương tự cũng xảy ra. Những gì chúng ta gọi là những nghi lễ tôn giáo chỉ là bên ngoài, những hành động nông cạn bên ngoài được chúng ta quan sát. Những người không biết gì về sự sắp xếp bên trong cũng thực hiện những hành động tương tự. Đôi khi, khi một cái gì đó xuất hiện, chúng ta cảm thấy, có lẽ những nghi lễ cũng hữu ích, bởi vì nếu nghi lễ là đúng thì nó luôn tạo ra kết quả. Cho nên bất kỳ điều gì chúng ta không hiểu thì lại xuất hiện như là nghi lễ bên ngoài. Điều này thậm chí xảy ra với những người có trí tuệ cao - bởi vì trí tuệ theo cách như vậy là trẻ con, và con người trí tuệ trong hoàn cảnh như vậy là vị thành niên, bởi vì trí tuệ không thể đưa bạn đi sâu hơn.

Ba trăm năm trước, khi máy hát được giới thiệu ở nước Pháp, khi nhà khoa học thông báo, ông ta đã phát minh ra máy hát thì Viện Hàn lâm khoa học Pháp được triệu tập để thẩm định tuyên bố đó. Nhà khoa học bắt đầu chứng minh bằng việc nhấn lên máy ghi: vị Chủ tịch Viện Hàn lâm quan sát rất kỹ trong chốc lát và ngay sau đó đứng dậy, túm lấy cổ nhà phát minh! Ông ta nghĩ rằng nhà khoa học đã sử dụng thủ thuật nào đó bên trong họng mình; nếu không làm cách nào mà giọng nói lại có thể phát ra từ chiếc máy? Ông ta bóp cổ nhà phát minh rất chặt, nhưng giọng nói vẫn tiếp tục! nhà phát minh chưa bao giờ mong đợi điều này từ nhà khoa học. Ông ta trở nên hoảng sợ và hỏi vị chủ tịch ông ta đang làm trò gì vậy. Nhà phát minh nói đó không phải là thủ thuật, và đề nghị vị chủ tịch ra ngoài phòng cùng với mình; giọng nói của chiếc máy đó vẫn còn được nghe thấy. Tất cả các nhà khoa học có mặt đều phản đối và cho rằng có một thủ thuật nào đó, rằng đây là công việc của quỷ dữ; nếu không làm cách nào mà một cái đĩa nhỏ lại có thể nói? Ngày nay chúng ta có thể cười về chuyện này, bởi vì chúng ta biết máy hát là gì; nếu không chúng ta cũng phản ứng tương tự như vậy.

Một ngày nào đó, bom nguyên tử nổ tung, hủy diệt toàn bộ cuộc sống văn minh ngoại trừ cái máy ghi âm xuất hiện cùng với bộ lạc thổ dân... nếu ông ta nhấn vào máy ghi thì bất kỳ người dân nào còn lại có thể sẽ giết ông ta, bởi vì ông ta không có khả năng giải thích làm cách nào cái máy ghi âm có thể nói. Thậm chí bạn không có khả năng giải thích làm thế nào máy ghi âm có thể “nói”.

Điều lưu ý thú vị là, tất cả các nền văn minh sống

bằng những đức tin. Chỉ có ba hoặc bốn người có thể biết làm cách nào máy ghi âm có thể làm việc; số còn lại chỉ tin vào sự vận hành của nó. Bạn bật vào công tắc và đèn sáng; bạn thực hiện việc đó hàng ngày nhưng bạn có thể giải thích làm cách nào nó xảy ra không? Chỉ có vài người biết những bí mật của nó; số người còn lại chỉ sử dụng lợi ích của khám phá đó. Nhưng khi những bí mật này thất lạc, những người đã tận dụng lợi ích của nó sẽ bị bối rối; họ sẽ sợ hãi, nếu vào một ngày nào đó đèn không sáng.

Tirtha và ngôi đền có khoa học riêng của nó, và khoa học đó có những luật cụ thể đối với toàn bộ quá trình. Bước thứ hai theo bước thứ nhất, và bước thứ ba theo bước thứ hai; thậm chí nếu một bước bị lỗi thì kết quả sẽ không như nhau.

Điều đó cũng nên được hiểu rằng, một lúc nào đó nền văn minh được phát triển cao hơn, khi xã hội được hiểu một cách đúng đắn thì nghi lễ và phương pháp luận trở thành đơn giản, chúng không còn phức tạp nữa. Khi công nghệ phát triển không phù hợp thì quá trình vẫn giữ nguyên phức tạp. Ví dụ, còn gì đơn giản hơn việc nhấn vào công tắc để bật đèn sáng? Bất kỳ ai phát minh ra điện thì việc thấp sáng ngọn đèn hẳn là điều quá dễ? Có điều gì dễ dàng và đơn giản hơn việc ghi giọng nói của tôi khi tôi nói? Chúng ta không phải làm quá nhiều về việc đó, nhưng bạn có nghĩ rằng việc tạo ra băng ghi âm là quá dễ dàng không? Nếu một người nào đó hỏi tôi làm cách nào mà bài phát biểu được ghi âm vào băng ghi âm này, tôi sẽ nói rằng anh ta chỉ việc nói và giọng của anh ta sẽ được ghi. Nhưng phải mất khoảng thời gian quá dài để phát triển băng ghi âm. Hiện nay quá trình là quá đơn giản, và

bởi vì nó đơn giản cho nên công nghệ đã tới được mọi người. Mọi người chỉ cần kết quả cuối cùng trong tay mình.

Tôn giáo cũng giống như vậy. Khi Mahavira làm việc về một số nguyên tắc tôn giáo, ông ấy đã đặt cọc cuộc đời mình vì nó. Nhưng bạn biết quá trình tiến hóa rất dễ dàng. Nó trở nên dễ dàng đối với bạn như là việc nhân công tắc. Nhưng đây là khó khăn thực sự - người sáng tạo đã bối rối, chỉ có nút bấm giữ nguyên trong tay bạn, và bạn không có khả năng giải thích làm cách nào kích hoạt quá trình, hoặc làm cách nào nó sẽ làm việc.

Trong khi các nhà khoa học Mỹ và Nga đang kiên trì phát triển phương pháp ngoại cảm để giao tiếp với các nhà du hành vũ trụ của họ trong không gian, tàu vũ trụ “Mặt trăng” đã bị lạc vì máy vô tuyến của nó không làm việc, vì vậy họ đã được cảnh báo về sự nguy hiểm của việc quá tin cậy vào máy móc trong không gian. Nếu liên lạc vô tuyến bị thất lạc thì các phi công vũ trụ sẽ bị lạc mãi mãi; chúng ta sẽ không có khả năng thiết lập lại mối liên lạc với họ. Trong lúc bay trong không gian, có thể họ muốn báo cáo về những điều họ phát hiện ra, nhưng họ sẽ không có khả năng truyền những báo cáo đó tới chúng ta, cho nên một vài biện pháp dự phòng là cần thiết, nếu thiết bị không làm việc thì ý nghĩ có thể được truyền đi. Cho nên các nhà khoa học Mỹ và Nga rất say mê trong việc phát triển ngoại cảm.

Nước Mỹ đã chỉ định một ủy ban nhằm thu thập tất cả các kiến thức tồn tại ở mọi nơi trên thế giới liên quan đến ngoại cảm. Sau ba hoặc bốn năm, ủy ban này đã báo cáo rằng, giao tiếp bằng ngoại cảm là có thể nhưng những

người có khả năng về điều đó lại không thể giải thích làm cách nào họ thực hiện được.

Trong báo cáo có miêu tả một bộ tộc nào đó ở Mỹ: trong mọi làng của bộ tộc đó, có một loại cây nhỏ đặc biệt, và thông qua sự giúp đỡ của cây đó mà thông điệp của bộ tộc được giao tiếp từ làng này tới làng khác. Ví dụ, một người đàn ông đến gần làng khác để nhận một vài yêu cầu của chủ nhà, nếu bỗng nhiên người vợ của ông ta nhớ ra rằng, bà đã quên yêu cầu ông mang vật phẩm đặc biệt về, thế thì bà ta nói cây đó hãy truyền thông điệp tới chồng bà. Vào buổi tối khi người chồng về đến nhà, ông ta đã mang theo vật phẩm đó. Các thành viên của ủy ban đã quan sát hiện tượng này, và họ đã rất bối rối.

Khi chúng ta nói với một người nào đó qua điện thoại, người nguyên thủy buộc phải bối rối. Chúng ta thì không, bởi vì chúng ta biết hệ thống. Khi nghe máy thu thanh, không có gì lạ: cảnh giác, bởi vì chúng ta biết nó là gì. Nhưng chắc chắn, chúng ta phải kinh ngạc khi nghe rằng, một người nào đó truyền thông điệp thông qua cây.

Các thành viên của ủy ban ở lại với bộ tộc đó trong ba hoặc bốn ngày và họ tự làm các thử nghiệm. Họ hỏi mọi người ở trong làng nhưng không ai có khả năng giải thích làm cách nào sự truyền dẫn thông điệp lại xảy ra, họ chỉ nói rằng điều đó luôn xảy ra. Họ quan tâm đến việc nó không chết – nghi lễ được tạo ra bởi sự ghép cành của nó. Cha ông và tổ tiên họ luôn sử dụng cây để truyền thông điệp, nhưng họ không biết nó vận hành như thế nào. Năng lượng sống của cây được sử dụng cho ngoại cảm, nhưng tại sao cây đó lại được sử dụng, và làm cách nào ngoại cảm

hoạt động mà người của bộ lạc không biết. Với những người khám phá ra điều đó thì chìa khóa đã bị mất.

Các Phật tử không công nhận cây bồ đề nguyên thủy – cây mà Đức Phật đã ngồi dưới gốc và trở nên chứng ngộ – đã chết. Bây giờ bạn có thể hiểu lý do tại sao. Khi cây nguyên thủy đang bị khô héo, vua Ashoka đã gửi một cành của nó tới Sri Lanka. Cành đó đã trở thành cây và vẫn còn ở đó. Cành của nó lại được mang trở về Ấn Độ và trồng ở ngay chỗ Phật đã ngồi. Cây đó đã được chăm sóc liên tục. Tirtha Bodhgaya có giá trị vì cây đó.

Khi Đức Phật trở nên chứng ngộ thì cây đã hấp thụ sâu sắc một cái gì đó của tâm thức Đức Phật. Đó là sự kiện vĩ đại và không có tiền lệ, kinh nghiệm chứng ngộ đã xuất hiện ở Đức Phật. Nếu sét đánh vào cây thì cây sẽ bị cháy, cho nên không khó khăn gì khi tưởng tượng rằng, khi nhận cú sét tâm thức của Đức Phật thì cây trở nên chứng ngộ theo cách nào đó.

Đức Phật hẳn là đã đưa ra một vài hướng dẫn bí mật không cho phép cây chết. Người nói, “Đừng thờ cúng tôi – tôn thờ cây, thế là đủ”. Chính vì vậy mà năm trăm năm sau ngày Đức Phật chứng ngộ, những bức tượng thần về người đã không được dựng. Cây bồ đề là tượng thần và nó đã được tôn thờ. Hình ảnh của những ngôi đền Phật giáo trong những ngày đó chỉ là cây bồ đề ở giữa, và khoảng không gian tỏa hương thơm xung quanh, nhưng không có hình ảnh của chính Đức Phật. Chính cây đó cũng có kinh nghiệm về sự kiện chứng ngộ và đã trở nên được nạp. Nhiều người biết sử dụng cây để thiết lập mối giao tiếp với Đức Phật.

Cho nên đó không phải là thị trấn của Bodhgaya, nhưng cây bồ đề thì lại có giá trị. Đức Phật đã đi lại và sống ở dưới cây đó trong thời gian dài trước khi người đạt chứng ngộ; bước chân người đã được lưu giữ ở đó. Khi Đức Phật trở nên mệt mỏi trong thiền thì người đi bộ quanh cây đó trong nhiều giờ. Đức Phật không sống cùng ai nhiều như cùng với cây. Người đã không thể sống với bất kỳ người nào dễ dàng và vô tư như khi người sống với cây đó. Người ngủ dưới cây, ngồi dưới cây và đi bộ xung quanh đó; hẳn là người phải nói chuyện với nó. Toàn bộ năng lượng sống của cây đó được làm đầy, được làm thấm đẫm và được nạp bởi Đức Phật.

Khi vua Ashoka cử con trai mình là Mahendra tới Srilanka, Mahendra đã hỏi, “Con nên mang theo thứ gì để làm quà?” Ashoka đã trả lời rằng họ chỉ có một món quà, và không có món quà nào tốt đẹp hơn trên thế gian này, đó là cây bồ đề, vì vậy mà ông ta đã lấy một cành cây bồ đề như là một món quà. Cũng vì vậy mà cành cây đó đã được mang đến Sri Lanka. Không có vị vua nào trên thế gian này đã tặng cành cây như là món quà. Liệu thứ đó có thể là quà được không? Nhưng toàn bộ Sri Lanka đã bị ảnh hưởng bởi năng lượng rung động bởi cành của cây bồ đề đó.

Mọi người nói rằng Mahendra đã biến đất nước Sri Lanka thành Phật giáo, nhưng họ đã sai lầm. Sự biến đổi của Sri Lanka xuất hiện thông qua cành của cây bồ đề; cành cây đó đã biến những người này thành Phật tử. Đức Phật đã gửi thông điệp bí mật rằng, cành nên được gửi tới Sri Lanka, và đó là thời điểm đúng, nên chờ đợi con người phù hợp để mang nó. Khi con người phù hợp đó xuất hiện, cành cây được gửi đi.

Mahendra và Sanghamitra là những bhikkus Phật giáo và đã sống cùng thời với Phật. Cây bồ đề không thể được gửi tới Sri Lanka bởi bất kỳ người nào; chỉ có người đã sống với Đức Phật, đã biết Đức Phật, và không mang cành cây như là cành cây thông thường, mà là sự sống của Phật, vậy thì người đó có thể được giao phó. Vào một ngày, thông qua vài người khác, nó sẽ phải được mang trở lại Ấn Độ.

Lịch sử phía sau câu chuyện này là đáng giá để nhớ. Đây là bí mật lịch sử du hành phía sau lịch sử trần tục. Câu chuyện thực sự là ở nơi những rễ thực sự tồn tại; nếu không, sẽ có mạng lưới các sự kiện xuất hiện hời hợt trên bề mặt. Đó không phải là câu chuyện thực sự - được in trên báo hoặc trong sách.

Nếu chúng ta tập trung khả năng nhìn vào câu chuyện thực sự thì chúng ta sẽ có khả năng hiểu những bí mật của tất cả những vấn đề này.

Chương III

Khoa học huyền bí

của mắt thứ ba

*12 tháng 6 năm 1971, buổi tối ở Woodlands,
Bombay, Ấn Độ.*

Trước khi tôi nói với bạn về màu đỏ son hoặc dầu bột gỗ đàn hương, tôi muốn nói với bạn về hai sự kiện. Điều đó sẽ làm cho bạn hiểu mọi vấn đề dễ dàng hơn. Cả hai sự kiện đó đều là thực tế lịch sử.

Vào năm 1888, một người tên là Ramanujan sinh ra trong một gia đình Bà la môn nghèo ở miền Nam Ấn Độ. Ông ta trở thành nhà toán học rất nổi tiếng. Ông ta không thể học nhiều, nhưng tài năng của ông ta trong toán học thì vẫn là duy nhất. Nhiều nhà toán học được giáo dục tốt đã có được danh tiếng vì họ được đào tạo, được hướng dẫn bởi những người khác trong nhiều năm. Nhưng Ramanuja thậm chí đã không trúng tuyển vào trường đại học, không được đào tạo, hướng dẫn bởi bất kỳ ai.

Với hoàn cảnh vô cùng khó khăn, ông ta phải làm công việc văn phòng, nhưng tin tức về tài năng đáng kinh ngạc của ông ta về toán học đã nhanh chóng lan truyền.

Một người nào đó khuyên ông ta viết một bức thư cho nhà toán học nổi tiếng, giáo sư Hardy của đại học Cambridge – đây là một trong những nhà toán học nổi tiếng nhất của thời đó. Ông ta không viết thư, nhưng đã giải quyết được hai định lý hình học và đã gửi chúng cho giáo sư Hardy. Giáo sư Hardy vô cùng kinh ngạc khi nhận chúng và không thể tin rằng, một người còn quá trẻ lại giải được những định lý đó. Ông ta ngay lập tức viết thư trả lời Ramanujan và mời nhà toán học trẻ tới nước Anh. Khi lần đầu tiên Hardy gặp Ramanujan, ông ta cảm nhận rằng người trẻ tuổi này như một đứa trẻ con trước lĩnh vực toán học. Tài năng và năng lực của Ramanujan có được như vậy không thể do sức mạnh tinh thần, bởi vì trí tuệ hoạt động rất chậm rãi, suy nghĩ cần thời gian, nhưng Ramanujan không cần thời gian để trả lời những câu hỏi của Hardy. Vấn đề được viết lên bảng đen, hoặc nói bằng miệng không nhanh hơn Ramanujan bắt đầu trả lời mà không có bất kỳ khoảng thời gian nào để suy nghĩ. Đối với các nhà toán học, để hiểu được tại sao điều đó có thể xảy ra là điều vô cùng khó khăn. Nhà toán học danh tiếng có thể phải mất sáu tiếng để giải quyết vấn đề - và ông ta cũng không chắc chắn có đúng hay không – Ramanujan đã giải quyết ngay lập tức, rất chính xác.

Điều đó chứng tỏ rằng, Ramanujan đã không trả lời thông qua sự trung gian của trí óc. Ông ta học không nhiều, ông ta đã không trúng tuyển vào đại học; không có dấu hiệu nào chứng tỏ khả năng trí tuệ, nhưng trong mối liên hệ với toán học thì ông ta là siêu nhân. Một cái gì đó xảy ra bên trên tâm trí con người bình thường. Ông ta chết khi mới ba mươi sáu tuổi vì bệnh lao phổi.

Khi ông ta ở trong bệnh viện, Hardy đã đến thăm cùng với hai hoặc ba người bạn toán học. Khi đến nơi, ông ta đậu xe hơi của mình ở nơi mà Ramanujan có thể nhìn thấy biển số xe. Khi Hardy vào phòng của Ramanujan, ông ấy nói với Hardy rằng biển số xe của ông ta là duy nhất: nó có bốn khía cạnh có ý nghĩa đặc biệt. Sau đó, Ramanujan chết. Hardy phải mất sáu tháng mới hiểu điều Ramanujan ngụ ý, nhưng ông ta chỉ khám phá ra ba trong bốn khía cạnh đó. Khi ông ta chết, công trình nghiên cứu về con số đó vẫn tiếp tục nhằm tìm ra khía cạnh thứ tư. Bởi vì Ramanujan đã nói có bốn thì chắc chắn phải có bốn. Hai mươi hai năm sau cái chết của Hardy, khía cạnh thứ tư đã được khám phá. Ramanujan đã đúng.

Bất kỳ khi nào ông ta nhìn vào vấn đề toán học thì một cái gì đó bắt đầu xuất hiện ở khoảng không gian giữa hai lông mày. Cả hai nhân cầu đều ngược thẳng lên, tập trung vào khoảng không gian ở giữa đó. Trong Yoga, không gian đó được mô tả như là vị trí của con mắt thứ ba. Nó được gọi là con mắt thứ ba, bởi vì nếu con mắt đó trở nên hoạt động, thì đó là khả năng nhìn thấy những sự kiện và hoàn cảnh của một thế giới khác trong sự toàn vẹn của chúng. Giống như nhìn ra ngoài nhà bạn thông qua những lỗ nhỏ của ô cửa, và bỗng nhiên, khi cửa mở ra, bạn nhìn thấy toàn bộ bầu trời. Có không gian giữa hai lông mày, nơi đó có kẽ hở nhỏ thỉnh thoảng mở ra – như trong trường hợp của Ramanujan. Mắt của ông ta ngược lên con mắt thứ ba trong khi giải quyết vấn đề. Hardy không hiểu hiện tượng này, hoặc trong tương lai những nhà toán học phương Tây khác cũng không hiểu điều này.

Tôi sẽ nói với bạn về hiện tượng khác liên quan đến dấu màu đỏ son, từ đó bạn sẽ có khả năng hiểu mối liên hệ của nó với con mắt thứ ba.

Edgar Cayce chết năm 1945, bốn mươi năm trước đó, vào năm 1905, ông ta bị bệnh và trở nên bất tỉnh, ông ta rơi vào trạng thái hôn mê trong bảy ngày. Các bác sĩ đã hết mọi hy vọng và nói rằng, họ không còn khả năng mang ông ta trở lại trạng thái tỉnh táo nữa. Họ nghĩ rằng, sự bất tỉnh của ông ta quá sâu đến mức có lẽ ông ta không bao giờ thoát ra khỏi nó. Tất cả các biện pháp y học đã được thử, nhưng không có tín hiệu gì về việc ông ta tỉnh táo trở lại.

Vào buổi tối của ngày thứ ba, các bác sĩ nói rằng họ không thể làm gì hơn và chỉ trong vòng bốn hay sáu giờ nữa ông ta sẽ chết, hoặc nếu ông ta có sống thì cũng trở thành điên khùng – mà điều đó thì còn tồi tệ hơn - bởi vì thời gian trôi đi, những tĩnh mạch và những tế bào li ti của não đã bị rối loạn. Nhưng bỗng nhiên, Cayce bắt đầu nói, mặc dù vẫn còn trong hôn mê. Các bác sĩ không thể tin được điều đó: cơ thể của Cayce đã bất tỉnh, nhưng ông ta vẫn nói. Ông ta nói mình bị ngã từ trên cây và xương sống bị tổn thương, chính vì vậy mà ông ta bị bất tỉnh. Ông ta còn nói, nếu không được chăm sóc trong vòng sáu giờ tới thì não của ông ta sẽ bị ảnh hưởng và ông ta sẽ bị chết. Ông ta đã đề nghị một vài loại thuốc thảo mộc mà ông ta phải uống, và còn nói rằng mình sẽ hồi phục sau mười hai tiếng.

Tên của những loại thảo mộc mà ông ta yêu cầu, gần như ông ta không biết đến, đầu tiên, các bác sĩ nghĩ những gì ông ta nói là một phần của triệu chứng điên khùng, bởi vì những chất mà ông ta đề nghị không phải để chữa trị

trong trường hợp của ông ta. Nhưng bởi vì Cayce đã đặc biệt nhấn mạnh chúng cho nên họ phải thử. Những chất đó đã được tìm ra và cung cấp cho Cayce: ông ta hoàn toàn hồi phục trong vòng mười hai tiếng.

Sau tất cả các sự kiện liên quan đó, ông ta trở nên tinh táo, Cayce không thể nhớ bất kỳ loại thuốc nào mà mình đã đề nghị; ông ta cũng không biết tên của loại thuốc hoặc nhận ra chúng. Nhưng sự kiện này trong cuộc đời của Edgar Cayce là sự khởi đầu của hiện tượng hiếm thấy. Edgar Cayce đã trở thành chuyên gia trong việc đề xuất thuốc đối với những bệnh nan y; ông ta đã cứu khoảng ba mươi nghìn người trong suốt cuộc đời mình. Bất kỳ toa thuốc nào ông ta kê đơn cũng đều đúng; không có ngoại lệ nào, mọi bệnh nhân dùng thuốc do ông ta kê đơn đều khỏi bệnh. Nhưng chính Cayce lại không thể giải thích được điều đó. Ông ta chỉ có thể nói rằng, bất kỳ khi nào nhắm mắt để tìm kiếm một vài giải pháp điều trị thì cả hai mắt đều hướng thẳng lên trên, dường như là bị kéo thẳng tới trung tâm giữa hai lông mày. Mắt của ông ta trở nên cố định ở đó và ông ta đã quên mọi thứ; ông ta chỉ nhớ rằng, sau một điểm nào đó, ông ta đã quên hết mọi điều của cuộc sống này, và trước khi đến điểm đó, sự điều trị cũng không xuất hiện trong ông ta. Ông ta đã đề xuất một vài biện pháp cứu chữa tuyệt vời, hai trong số đó cũng đáng để hiểu.

Rothschilds là một gia đình giàu có ở Mỹ. Người phụ nữ của gia đình đó bị ốm từ rất lâu và không có biện pháp điều trị nào hiệu quả. Sau đó, bà ta được đưa tới chỗ Edgar Cayce, và trong trạng thái vô thức, ông ta đã đề xuất một loại thuốc chữa trị. Chúng ta phải gọi đó là trạng thái vô

thức, nhưng những người biết về hiện tượng huyền bí này hẳn muốn nói, tại thời điểm đó ông ta hoàn toàn tinh táo. Thực tế, sự vô thức vẫn tiếp tục cho đến khi sự hiểu biết của chúng ta đạt tới con mắt thứ ba.

Rothschild là triệu phú, cho nên ông ta có thể tìm kiếm loại thuốc bệnh đó khắp nước Mỹ, nhưng ông ta đã không thể tìm ra. Không ai có thể nói loại thuốc đó có tồn tại hay không. Thông báo về việc tìm kiếm loại thuốc đó đã được đưa lên các trang báo quốc tế. Sau gần ba tuần, có một người đàn ông ở Thụy điển viết rằng, không tồn tại loại thuốc có tên như vậy, mặc dù hai mươi năm trước cha của ông ta đã được cấp bằng sáng chế về loại thuốc có tên đó, nhưng chưa bao giờ sản xuất chúng. Ông ta viết rằng cha của ông ta đã chết, nhưng ông ta có thể gửi công thức. Loại thuốc đó đã được sản xuất và cấp cho người phụ nữ, sau đó bà ta đã phục hồi. Làm cách nào mà Cayce biết được loại thuốc chưa bao giờ có mặt trên thị trường?

Trong sự kiện khác, ông ta lại đề xuất một loại thuốc đặc biệt cho một người nào đó; sự tìm kiếm loại thuốc đó đã được tiến hành nhưng không thành công. Một năm sau, thông tin lại xuất hiện trên các tờ báo về việc tìm kiếm loại thuốc đó. Một năm trước, loại thuốc đó đã được thử nghiệm trong các phòng thí nghiệm; thậm chí nó chưa được đặt tên, nhưng Cayce đã biết nó. Loại thuốc đó đã được cấp cho bệnh nhân và người đó đã nhanh chóng bình phục.

Cayce đã đề xuất những loại thuốc không thể tìm ra và vì vậy mà bệnh nhân đã chết. Khi được thông báo về

điều này, ông ta nói rằng mình là người vô dụng, đã không thể làm được điều gì. Ông ta nói, “Tôi không biết ai chăm sóc bệnh nhân, và tôi nói khi đang trong trạng thái vô thức – tôi không có mối liên hệ với con người đó”. Nhưng có một điều chắc chắn, bất kỳ khi nào ông ta nói trong trạng thái đó, mắt của ông ta ngược thẳng lên trên.

Khi chúng ta đang ngủ sâu, lúc đó mắt của chúng ta cũng ngược lên tỷ lệ với độ sâu của giấc ngủ. Hiện nay, các nhà tâm lý đang thực hiện thử nghiệm sâu sắc đối với giấc ngủ. Bạn càng ngủ sâu thì mắt bạn càng ngược cao hơn; mắt thấp hơn thì sự chuyển động của chúng càng nhiều hơn. Nếu mắt của bạn chuyển động rất nhanh dưới mí mắt thì bạn sẽ có giấc mơ rất quan trọng. Hiện nay, điều này đã được chứng minh một cách khoa học bởi các thử nghiệm – “Mắt chuyển động nhanh, REM” biểu thị giấc mơ chuyển động nhanh. Mắt càng thấp thì REM càng lớn hơn; khi mắt càng cao hơn, thì REM bị giảm đi. Khi REM bằng không thì giấc ngủ là sâu nhất. Lúc đó mắt giữ nguyên ổn định giữa hai lông mày.

Yoga nói rằng, trong giấc ngủ sâu chúng ta đạt tới trạng thái tương tự như khi chúng ta đạt tới samadhi. Vị trí mà đôi mắt cố định trong giấc ngủ sâu cũng tương tự như trong samadhi.

Tôi đã nói với các bạn về hai sự kiện lịch sử để chỉ ra rằng, giữa hai lông mày có một điểm mà ở đó cuộc sống trần tục ngừng, và cuộc sống của thế giới khác bắt đầu. Điểm đó là ô cửa. Phía ngoài cửa là thế giới phát triển, bên trong là thế giới chưa được biết đến, siêu tự nhiên.

Tilak – dấu màu đỏ son – là sự lưu lại đầu tiên như là sự chỉ dẫn, và biểu tượng của thế giới chưa biết đó. Điều đó không thể được áp dụng ở bất kỳ nơi nào, chỉ người có thể đặt tay mình lên trán và tìm ra vị trí mới có thể nói, bạn có thể sử dụng tilak ở đâu. Việc đặt tilak ở vị trí như nhau là điều vô dụng, bởi vì vị trí của mỗi người là không chính xác như nhau. Với mọi người mắt thứ ba không ở cùng một vị trí. Hầu như đối với mọi người, nó ở đâu đó phía trên trung tâm của hai lông mày. Nếu một người nào đó đã thiền trong thời gian dài ở những kiếp trước, và có sự trải nghiệm vừa phải về samadhi thì mắt thứ ba sẽ thấp hơn một chút. Nếu chưa bao giờ thực hành thiền thì mắt thứ ba cao hơn một chút. Từ vị trí đó, có thể xác định trạng thái thiền định của bạn trong kiếp trước; nó sẽ chỉ ra cho dù có trạng thái samadhi nào xuất hiện trong những kiếp trước của bạn hay không. Nếu nó xuất hiện thường xuyên thì vị trí phải thấp hơn; nó ngang hàng với mắt bạn – không thể thấp hơn thế. Nếu vị trí đó ngang hàng với mắt bạn thì chỉ cần một cái nhấn nhẹ cũng có thể đưa con người vào samadhi. Thực tế, cú nhấn cũng có thể không thích hợp; cho nên rất nhiều lần, chúng ta rất ngạc nhiên khi một người nào đó vào samadhi mà không có nguyên nhân rõ ràng nào.

Có một câu chuyện về nữ tu sĩ Zen... bà ấy đang quay trở về với bình nước trên đầu sau khi lấy nước từ giếng. Không biết vì sao mà bình nước bị đổ và trong sự cố đó, người phụ nữ đạt được samadhi, trở thành chứng ngộ. Sự kiện có vẻ như quá vô nghĩa: cái bình bị rơi và vỡ - và samadhi xuất hiện! có vẻ như không có mối liên hệ logic nào.

Có sự kiện khác cũng như vậy, sự kiện này là của Lão Tử. Ông ấy đang ngồi dưới gốc cây vào một ngày thu, những chiếc lá vàng đang rơi. Quan sát chúng, Lão Tử trở nên chứng ngộ. Không có mối liên hệ nào giữa chứng ngộ và lá vàng rơi, nhưng những sự kiện đó xảy ra bởi công việc đã được thực hiện trong những kiếp trước, hành trình tâm linh của bạn gần như đã hoàn thành, và vị trí của mắt thứ ba dịch xuống sao cho nó ở giữa hai mắt. Vậy thì bất kỳ sự kiện nhỏ nào cũng sẽ gợi ý những điều lớn hơn, và sự kiện nhỏ cuối cùng đó có thể là bất kỳ điều gì.

Nếu dầu hồ gổ đàn hương hoặc tilak được đặt vào vị trí đúng thì nó sẽ chỉ ra rất nhiều điều. Đầu tiên, nếu bậc thầy nói bạn đặt tilak vào một vị trí cụ thể thì bạn sẽ bắt đầu trải nghiệm một cái gì đó. Có thể bạn không nghĩ về điều đó, nhưng nếu bạn ngồi nhắm mắt và một người nào đó đặt ngón tay vào vị trí giữa hai mắt bạn, thế thì bạn sẽ cảm thấy một người nào đó đang chỉ ngón tay họ vào bạn. Đây là kinh nghiệm của con mắt thứ ba.

Nếu tilak có kích thước như con mắt thứ ba của bạn, và nếu đặt nó đúng vị trí thì bạn sẽ nhớ lại vị trí đó trong hai mươi bốn tiếng và quên phần còn lại của cơ thể. Sự ghi nhớ này sẽ làm cho bạn nhận biết về tilak nhiều hơn, và nhận biết về cơ thể ít hơn. Sau đó, thời điểm xuất hiện khi không còn gì khác được nhớ, ngoại trừ tilak đó. Khi điều đó xuất hiện bạn sẽ có khả năng mở con mắt thứ ba của mình. Trong sự kiện này bài thực hành có mối liên hệ với tilak, trong trạng thái đó bạn quên cơ thể và chỉ nhớ đến tilak, toàn bộ tâm thức bạn kết tinh và trở nên tập trung vào con mắt thứ ba. Giống như việc tập trung tia nắng mặt trời trên một tờ giấy với sự giúp sức của thấu kính; bạn tạo ra đủ sức nóng để đốt cháy tờ giấy.

Khi những tia mặt trời này được tập trung thì lửa được tạo ra. Khi tâm trí duy trì sự trải rộng khắp cơ thể thì đó cũng chỉ là công việc thực hiện trong cuộc đời bạn. Nhưng khi nó trở nên tập trung toàn bộ vào con mắt thứ ba thì rào cản đối với việc nhìn bằng mắt thứ ba sẽ bị thiêu cháy, ô cửa mở ra cho phép bạn nhìn vào bầu trời bên trong.

Cho nên, công dụng đầu tiên của tilak là chỉ ra vị trí đúng trên cơ thể để bạn nhớ lại hai mươi bốn giờ ngày. Công dụng khác của tilak là giúp bậc thầy nhìn vị trí dễ dàng hơn mà không cần đặt tay lên trán bạn, để bậc thầy nhìn thấy sự tiến triển của bạn. Bởi vì khi vị trí di chuyển xuống bạn sẽ đặt tilak thấp hơn một chút. Mỗi ngày bạn phải cảm nhận vị trí và phải dịch chuyển tilak tới đó, tới điểm mà bạn cảm nhận được sự hiện diện của con mắt thứ ba.

Bậc thầy có thể có hàng nghìn môn đệ: trong khi môn đệ cúi xuống bậc thầy, ông ta sẽ quan sát xem tilak của môn đệ đó ở đâu, ông ta không cần yêu cầu bất kỳ điều gì để biết sự tiến bộ của môn đệ. Tilak chỉ ra rằng, môn đệ đó đang tiến bộ, hoặc anh ta đang bị cản trở bởi một cái gì đó và bị tắc nghẽn. Nếu môn đệ không thể cảm nhận sự dịch xuống của vị trí, vậy thì điều đó có nghĩa, tâm thức của anh ta không hoàn toàn tập trung. Nếu môn đệ đặt sai vị trí của tilak thì điều đó có nghĩa, anh ta không ý thức được điểm chính xác.

Khi vị trí dịch chuyển lên trên thì các phương pháp thiền sẽ phải thay đổi. Cho nên đối với bậc thầy, chức năng của tilak chỉ giống như biểu đồ tiến triển của bệnh nhân trong bệnh viện để bác sĩ theo dõi. Các y tá liên tục kiểm

tra nhiệt độ, huyết áp và nhịp đập tim...; bác sĩ chỉ việc nhìn vào biểu đồ để biết tình trạng của bệnh nhân. Tương tự như vậy, tilak cũng là thứ ngghiệm sâu sắc để chỉ ra tình trạng của môn đệ; bậc thầy không cần phải hỏi bất kỳ điều gì. Bậc thầy biết điều gì cần thiết và điều gì cần phải thay đổi. Đây là giá trị của tilak – chuẩn đoán sự thay đổi cần thiết trong thiên.

Khía cạnh khác của con mắt thứ ba, đó là trung tâm của sức mạnh quyền năng. Trong Yoga nó được gọi là chakra agya. Chúng ta gọi nó như vậy bởi vì, bất kỳ kỳ luật nào chúng ta có trong cuộc đời cũng bị chi phối bởi nó; bất kỳ trật tự và sự hòa hợp nào trong cuộc sống của chúng ta cũng nảy sinh từ điểm này.

Chúng ta hãy hiểu điều đó như thế này... tất cả chúng ta đều có trung tâm dục, và sẽ dễ hiểu hơn thông qua trung tâm dục, bởi vì tất cả chúng ta đều nhận biết về nó; chúng ta nhận biết không sâu sắc về chakra agya. Tất cả rạo ước mong của chúng ta trong cuộc sống đều được sinh ra bởi trung tâm dục này. Khi trung tâm dục không hoạt động thì cũng không có đòi hỏi dục. Tuy nhiên, mọi đứa trẻ sinh ra cùng với khả năng dục và toàn bộ cơ cấu thỏa mãn ước mong dục.

Thực tế kỳ lạ là, người phụ nữ sinh ra cùng với tất cả tế bào trứng cần thiết cho suốt cuộc đời sinh nở của họ. Không có tế bào trứng nào được sinh ra sau đó. Ngay từ ngày đầu tiên của người phụ nữ, số lượng tế bào trứng cho thấy số trẻ em mà cô ta có thể sinh ra. Sau tuổi dậy thì, hàng tháng một tế bào trứng sẽ rụng từ buồng trứng. Nếu nó gặp và liên kết với tinh trùng của đàn ông thì đứa trẻ sẽ

được hình thành. Sau đó không tế bào trứng nào rụng ngay khi thai nhi phát triển và cho đến khi sau khi sinh đứa bé vài tháng.

Tuy nhiên, đòi hỏi dục không nảy sinh cho đến khi trung tâm dục bắt đầu hoạt động. Chừng nào trung tâm dục đó không hoạt động, thậm chí mặc dù điều kiện cần cho dục trong cơ thể là hoàn hảo thì đòi hỏi dục cũng không nảy sinh. Khi con người tới tuổi mười ba hay mười bốn thì trung tâm đó bắt đầu hoạt động. Chúng ta biết trung tâm này, bởi vì chúng ta không kích hoạt nó mà nó hoạt động bởi tạo hoá. Nếu 'nh trạng khác đi, rất ít người nhận biết về điều đó. Bạn đã bao giờ tự hỏi rằng, nếu ý nghĩ về dục chợt hiện qua tâm trí, thì toàn bộ hệ thống sinh sản sẽ bắt đầu hoạt động không. Ý nghĩ nảy sinh trong tâm trí - rất xa trung tâm dục, nhưng ý nghĩ ngay lập tức kích hoạt trung tâm dục. Mọi ý tưởng hoặc ý nghĩ về dục bị hút bởi trung tâm dục. Mọi ý nghĩ bị thu hút tới trung tâm liên quan của nó, giống như nước chảy tới chỗ trũng hơn.

Trung tâm mắt thứ ba là trung tâm sức mạnh ý chí. Chúng ta hãy tìm hiểu xem chức năng của nó là gì.

Những người mà chakra agya không hoạt động trong cuộc đời này sẽ vẫn giữ nguyên là nô lệ trong hàng nghìn cách. Không có trung tâm này thì sẽ không có tự do. Chúng ta biết về tự do chính trị và tự do kinh tế, nhưng tự do đó không phải là thực - bởi vì con người không có sức mạnh ý chí thì chakra agya của người đó không hoạt động, ý chí sẽ vẫn giữ nguyên như là nô lệ bằng cách này hay cách khác. Anh ta có thể trở nên tự do khỏi sự nô lệ này, nhưng lại trở thành nô lệ đối với điều gì đó khác. Anh ta

không có trung tâm ý chí để biến anh ta thành người chủ của bất kỳ điều gì, anh ta không có bất kỳ thứ gì như là ý chí. Anh ta không có năng lực để tự ra lệnh cho chính mình; cơ thể và các giác quan ra lệnh cho anh ta. Nếu dạ dày nói nó đói thì anh ta đói. Nếu cơ thể anh ta nói nó bị ốm thì anh ta bị ốm. Nếu trung tâm dục của anh ta nói muốn dục thì ước mong dục này sinh. Nếu cơ thể của anh ta nói nó trở nên già thì anh ta trở nên già. Cơ thể ra lệnh, anh ta thực hiện.

Nhưng ngay khi trung tâm sức mạnh ý chí trở nên hoạt động, cơ thể dừng ra lệnh và thay vào đó là chấp hành lệnh; toàn bộ trật tự bị thay đổi ngược lại. Nếu người như vậy yêu cầu máu của mình ngừng chảy thì nó sẽ dừng; nếu anh ta yêu cầu trái tim ngừng đập thì nó sẽ ngừng. Anh ta có thể yêu cầu mạch của mình ngừng đập và nó sẽ ngừng. Người như vậy trở thành người chủ của chính cơ thể, tâm trí và các giác quan của mình. Nhưng không có sự hoạt động của chakra agya thì anh ta không thể là như vậy. Bạn càng nhớ về trung tâm này nhiều thì bạn càng trở thành chủ của chính mình.

Rất nhiều thử nghiệm đã được thực hiện trong Yoga để đánh thức trung tâm này. Nếu con người thỉnh thoảng cố để nhớ trung tâm này thì sẽ có những kết quả tuyệt vời. Nếu đặt tilak ở đó thì sự chú ý của bạn liên tục bị thu hút về đó. Ngay khi tilak đặt ở đó thì vị trí sẽ trở thành phần riêng rẽ so với phần còn lại của cơ thể bạn. Vị trí đó rất nhạy cảm, và nếu tilak ở đúng vị trí thì bạn sẽ phải nhớ nó. Đó là vị trí nhạy cảm nhất trong cơ thể bạn.

Có những phương pháp để tạo ra vị trí nhạy cảm này.

Sau hàng trăm thử nghiệm, bột gỗ đàn hương được chọn. Có một dạng cộng hưởng giữa bột gỗ đàn hương và sự nhạy cảm của chakra agya, nếu đặt vào vị trí đó thì bột sẽ làm cho sự nhạy cảm của nó sâu sắc hơn. Không phải bất kỳ chất nào cũng có thể được sử dụng; thực tế là, một vài chất khác có thể làm cho cảm giác ở vị trí đó tồi tệ đi.

Ví dụ, phụ nữ dán chấm nhựa màu lên trán họ, nhưng tilak ngoài chợ không có bất kỳ nền tảng khoa học nào. Chúng không có gì liên quan tới Yoga, và chúng đã làm tổn hại sự nhạy cảm của mắt thứ ba. Vấn đề là chất đó làm tăng hoặc giảm sự nhạy cảm của vị trí. Nếu nó làm tăng sự nhạy cảm thì điều đó là tốt; ngược lại thì sẽ có hại. Trong thế giới này, thậm chí một điều nhỏ nhất cũng có thể tạo ra sự khác biệt; mọi thứ đều có sự ảnh hưởng riêng biệt của nó. Giữ điều này trong tâm trí, một vài điều đặc biệt được phát hiện là có ích. Nếu chakra agya trở nên nhạy cảm và được kích hoạt, nó sẽ làm tăng tính trọn vẹn và phẩm cách của bạn. Bạn sẽ trở nên trọn vẹn hơn, toàn bộ hơn; mọi thứ bên trong ngừng chia rẽ, tách biệt và bạn trở thành toàn bộ.

Có một sự khác biệt nhỏ giữa việc sử dụng tilak và tika. Tika đặc biệt cho phụ nữ. Trong người phụ nữ, chakra agya rất yếu, nó phải như vậy bởi vì toàn bộ tính cá nhân của phụ nữ được tạo ra để buông bỏ - vẻ đẹp của cô ấy là trong buông bỏ. Nếu chakra agya của cô ấy trở nên mạnh mẽ thì sự buông bỏ sẽ trở thành khó khăn. Chakra agya của cô ấy là yếu, là rất yếu nếu so với đàn ông. Chính vì thế, bằng cách này hay cách khác, người phụ nữ luôn cần sự giúp đỡ của một người nào đó. Cô ấy không dám liều lĩnh đứng một mình mà phải tìm kiếm sự giúp đỡ nào

đó, tìm kiếm vai của một người nào đó nghiêng về cô ấy, một người nào đó dẫn dắt cô ấy. Cô ấy thích một người nào đó nói cho mình làm một việc gì đó, và sự sốt sắng phục tùng của cô ấy làm cho cô ấy hạnh phúc.

Ấn Độ là đất nước duy nhất mà những nỗ lực đã được tạo ra để kích hoạt chakra agya của phụ nữ. Điều này là duy nhất bởi vì có sự cảm nhận rằng, trừ khi chakra agya được kích hoạt, phụ nữ sẽ không có khả năng tạo ra bất kỳ sự tiến bộ nào trong cuộc sống tâm linh; cô ấy không thể tạo ra bất kỳ sự phát triển nào trong thực hành thiền mà không có sức mạnh ý chí – nó phải ổn định và mạnh mẽ. Nhưng việc làm cho chakra agya của cô ấy mạnh mẽ theo cách khác là điều cần thiết, bởi vì nếu điều đó được thực hiện theo cách thông thường, cách tương tự như đàn ông thì sẽ làm giảm nữ tính của cô ấy, cô ấy sẽ bắt đầu phát triển phẩm chất đàn ông.

Cho nên tika có mối liên hệ mật thiết và bền vững với người chồng. Sự liên hệ này là cần thiết, bởi vì nếu nó được sử dụng một cách độc lập thì sẽ làm tăng sự độc lập của phụ nữ, và làm cho cô ấy có đủ khả năng. Cô ấy càng trở nên độc lập thì sự mềm mại, tinh tế, vẻ đẹp và sự linh động của cô ấy hẳn sẽ bị tổn hại nhiều hơn. Đó là sự mềm mại và dịu dàng trong việc tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người khác, nhưng nếu cô ấy trở nên độc lập thì cô ấy hẳn sẽ không có khả năng tránh trở nên khắt khe và cứng nhắc. Cho nên mọi người nghĩ rằng, việc trực tiếp làm cho cô ấy mạnh mẽ hẳn sẽ làm tổn hại nữ tính của cô ấy, điều đó sẽ tạo ra rắc rối về chức năng làm mẹ của cô ấy; điều đó sẽ làm cho cô ấy cảm thấy khó khăn trong việc buông bỏ. Do vậy mà nỗ lực được tạo ra để liên kết ý chí của cô ấy với ý

chí của người chồng. Điều này là có ích theo hai cách. Nữ tính của cô ấy hẳn sẽ bị ảnh hưởng, nhưng trung tâm ý chí của cô ấy vẫn tiếp tục hoạt động.

Chúng ta hiểu điều này như thế này: chakra agya không thể chống lại người có mối liên hệ với nó. Nếu điều đó liên quan tới bậc thầy tôn giáo thì không thể chống lại ông ta. Nếu nó liên quan tới người chồng thì cô ấy không bao giờ chống lại anh ta. Nếu tika được đặt đúng vị trí trên trán người phụ nữ với sự liên hệ sâu sắc với người chồng, cô ấy sẽ có khả năng theo anh ta, nhưng cô ấy sẽ trở nên mạnh mẽ với phần thể giới còn lại.

Nếu bạn hiểu thuật thôi miên là gì thì bạn sẽ hiểu hiện tượng liên kết này. Nếu nhà thôi miên thôi miên một người nào đó, vậy thì người bị thôi miên chỉ có khả năng nghe giọng của nhà thôi miên. Anh ta sẽ nghe lệnh nhẹ nhàng của nhà thôi miên, anh ta không thể nghe sự huyên não của những người xem. Điều này cũng tương tự như hiện tượng xảy ra khi người phụ nữ gắn tika: điều đó làm cho cô ấy bị ám thị sâu. Cô ấy giữ nguyên cõi mờ chỉ với người chồng và khép kín với mọi người khác. Hiện tượng này chỉ là của tika. Cô ấy sẽ nghe bất kỳ điều gì mà người chồng nói nhỏ nhẹ, nhưng sẽ không cảm nhận sự sẵn sàng để nghe mệnh lệnh của bất kỳ người nào khác. Chakra agya của cô ấy được liên hệ với người chồng.

Sự ám thị này, câu thần chú này được sử dụng trong mối liên hệ với tika của phụ nữ. Cô ấy chỉ theo anh ta và sự tự buông bỏ của cô ấy chỉ với chồng mình. Cô ấy vẫn giữ nguyên tự do và độc lập với phần còn lại của thể giới, nhưng vẫn không có vấn đề đối với nữ tính của cô ấy; nữ

tính của cô ấy có thể được giữ nguyên vẹn, phẩm chất nữ tính của cô ấy vẫn không bị tổn hại. Cho nên ngay khi người chồng chết, tika phải bị lấy đi, bởi vì lúc bấy giờ cô ấy không theo bất kỳ ai khác. Con người không có khái niệm về sự tiếp cận khoa học liên quan tới tika; họ nghĩ rằng, vì cô ấy là phụ nữ góa bụa cho nên tika phải bị lấy đi. Nhưng có những lý do khác về việc đó. Bấy giờ cô ấy phải sống như bất kỳ người đàn ông nào khác trong suốt quãng đời còn lại; cô ấy càng cô độc thì sẽ càng tốt hơn. Thậm chí, phần mỏng manh, dễ bị tổn thương nhất cũng có thể làm cho việc theo một người nào khác phải bị dừng lại.

Thử nghiệm tika là rất sâu sắc. Nhưng nó phải ở đúng vị trí, đúng chất liệu và phải đặt đúng chỗ; nếu không sẽ là trò ngớ ngẩn. Nếu tika chỉ là để trang trí thì nó không giá trị gì. Nó chỉ là nghi thức. Cho nên khi tika được sử dụng lần đầu thì phải thực hiện theo trình tự nghi lễ. Chỉ khi thực hiện như vậy thì nó mới trở nên có ích mà không còn cách nào khác.

Hiện nay, tất cả những điều này đã trở thành vô nghĩa, bởi vì toàn bộ hệ thống triết lý khoa học phía sau nó đã bị thất lạc. Hiện nay, điều này chỉ là nghi lễ trống rỗng, vẫn chỉ là cái vỏ rỗng mà chúng ta vẫn mang, không có bất kỳ mục đích nào, tình yêu nào.

Tôi sẽ nói thêm với các bạn một vài điều về chakra agya, chúng sẽ là hữu ích.

Một đường thẳng được vạch thẳng lên từ chakra agya chia não thành hai phần, trái và phải. Não bắt đầu từ đường thẳng đó, và nằm sâu bên trong một *inch*. Có hiện tượng đã

được quan sát, đó là một nửa não không được sử dụng; những người thông minh nhất trong chúng ta - những thiên tài của chúng ta - cũng chỉ sử dụng một nửa bộ não, nửa còn lại không được sử dụng, không phát triển. Các nhà khoa học và các nhà tâm lý rất bối rối, tại sao lại như vậy. Thậm chí, nếu một nửa đó được phẫu thuật và lấy đi thì mọi thứ vẫn hoạt động bình thường; con người thậm chí sẽ không biết một nửa bộ não đó đã bị lấy đi. Nhưng các nhà khoa học biết rằng tạo hóa không tạo ra bất kỳ điều gì vô ích. Có thể có sai sót với bộ não của một người mà không phải với toàn bộ loài người! Nhưng với toàn bộ nhân loại, một nửa bộ não không được sử dụng, không hoạt động, không có bất kỳ sự hoạt động nào.

Yoga duy trì một nửa đó của bộ não trở nên hoạt động chỉ sau khi chakra agya được kích hoạt. Một nửa bộ não được nối với các trung tâm bên dưới chakra agya, và nửa khác được nối với các trung tâm bên trên chakra agya. Khi các trung tâm bên dưới chakra agya hoạt động thì phần bên trái của não được sử dụng. Khi các trung tâm bên trên nó bắt đầu hoạt động thì phần bên phải của não được kích hoạt. Chừng nào mà không có kinh nghiệm về những hoạt động của nửa khác thì không thể có khái niệm về nó.

Ở Thụy Điển, một người đàn ông ngã từ tàu hỏa. Khi ông ta được mang tới bệnh viện, ông ta bắt đầu nghe thấy chương trình của đài phát thanh cách đó mười dặm. Đầu tiên, người ta nghĩ rằng có một cái gì đó bị tổn hại trong não, bởi vì ông ta đã mô tả âm thanh kêu vo vo bên tai. Nhưng sau hai tuần, ông ta bắt đầu nghe rõ chương trình phát thanh, ông ta trở nên sợ hãi và hỏi bác sĩ xem có điều

gì sai. Ông ta nói với bác sĩ rằng, ông ta có thể nghe rõ sóng phát thanh như là có một máy thu bên cạnh tai mình. Bác sĩ hỏi ông ta đã nghe thấy gì, và ông ta lặp lại bài hát; bác sĩ cũng vừa nghe bài hát đó trên đài phát thanh ở nhà mình trước khi đến. Sau bài hát đó, chương trình phát thanh dừng và bác sĩ phải rời bệnh viện. Khi chương trình được phát lại, một máy thu thanh được mang tới bệnh viện để so sánh với những gì mà người bệnh nghe được. Hiện tượng được khám phá ra, tai của người đàn ông đã hoạt động giống như chiếc máy thu thanh. Cuối cùng ông ta được phẫu thuật; nếu không ông ta sẽ bị điếc, bởi vì không có cách nào tắt chương trình. Ông ta nghe chương trình phát thanh suốt thời gian phát sóng, cho dù có muốn hay không.

Hiện tượng này đã được làm rõ ràng - rằng tai có tiềm năng tuyệt vời. Có thể vào cuối thế kỷ này, chúng ta có thể sử dụng tai để nghe trực tiếp chương trình của đài phát thanh. Tai có thể làm việc như máy thu thanh với việc gắn một công tắc gắn tai! Ý tưởng này xuất hiện chỉ khi người đàn ông gặp tai nạn trên tàu. Trên thế giới này, nhiều phát minh đã được tạo ra, những ý tưởng mới và viễn cảnh mới này sinh một cách tình cờ. Chúng ta chưa bao giờ nghĩ về những nền tảng kiến thức quá khứ của chúng ta, vào một ngày nào đó tai của chúng ta có thể làm việc như chiếc máy thu thanh. Cả tai và máy thu thanh đều dùng để nghe; cả hai đều dùng thể thu. Thực tế, phát thanh được tạo ra sau tai, tai được sử dụng như là thiết bị hiện đại; phát thanh có nghĩa chỉ vì tai của chúng ta, tiềm năng khác của tai không thể được biết đến trừ khi chúng ta bất ngờ hoặc ngẫu nhiên vấp phải chúng.

Hiện tượng tương tự xuất hiện trong chiến tranh thế giới thứ hai. Một người đàn ông bị thương và trở nên bất tỉnh. Khi trở nên tỉnh táo, ông ta bắt đầu nhìn thấy những ngôi sao trên bầu trời – vào ban ngày. Những ngôi sao luôn có đó, nhưng vì ánh sáng mặt trời cho nên chúng ta không thể nhìn thấy chúng vào ban ngày; chúng ở rất xa và lại bị ánh sáng mặt trời can thiệp.

Những ngôi sao có thể lớn hơn mặt trời hàng trăm lần, sáng hơn mặt trời hàng trăm lần, nhưng chúng xa hơn mặt trời. Những tia mặt trời phải mất chín phút để tới được trái đất, trong khi đó, ánh sáng từ những ngôi sao gần nhất phải mất bốn năm ánh sáng mới tới được trái đất. Ánh sáng mặt trời chuyển động với vận tốc một trăm tám mươi sáu nghìn dặm trên giây. Thậm chí, với vận tốc như vậy thì nó tới trái đất cũng phải mất chín phút – ánh sáng từ ngôi sao gần nhất cũng mất bốn năm ánh sáng. Có những ngôi sao quá xa đến mức ánh sáng của nó phải mất bốn nghìn năm, bốn trăm nghìn năm, bốn triệu năm, bốn tỷ năm mới tới được trái đất. Một số nhà khoa học nói rằng, những tia sáng bắt đầu chuyển động từ ngôi sao trước khi trái đất sinh ra, có thể tới đây khi trái đất đã biến mất. Những tia sáng này có thể không bao giờ biết rằng, có một cái gì đó giống như trái đất đã xuất hiện trong thời gian hành trình.

Những ngôi sao mà người đàn ông bị thương nhìn thấy cũng tồn tại nhưng không thể nhìn vào ban ngày. Nhưng người đàn ông đó đã nhìn thấy chúng! Điều gì đã xảy ra với mắt của ông ta? Chúng đã phát triển một số khả năng kỳ lạ; sự kiện đó đã tiết lộ tiềm năng của đôi mắt. Nó chỉ ra rằng, có tiềm năng ngủ im lìm trong mắt của chúng ta mà chúng ta không nhận biết - tất cả các giác quan của

chúng ta đều có nhiều tiềm năng ngủ quên. Bất kỳ điều gì có vẻ như là kỳ bí đối với chúng ta, lại chỉ là sự tiết lộ bất ngờ của một vài tiềm năng ngủ quên của chúng ta. Đó không phải là điều kỳ bí. Có rất nhiều điều kỳ bí đối với chúng ta, nhưng chúng không biểu lộ, chúng ẩn dấu bên trong những ô cửa bị khóa.

Chỉ vài phút trước đây, tôi đã nói với bạn về một nửa bộ não thường giữ nguyên không được sử dụng, và nó trở nên hoạt động chỉ khi chakra agya hoạt động. Đó là sự thấu hiểu sáng suốt của Yoga. Những thấu hiểu đó không xuất hiện bởi những kinh nghiệm gần đây, mà đã được biết đến từ ít nhất hai mươi nghìn năm trước. Bạn không thể tin vào bất kỳ kết luận nào được đưa ra bởi kho học, bởi vì những gì khoa học tin là thật vào ngày nay thì lại có thể chứng minh là sai trong sáu tháng. Nhưng sự thấu hiểu này của Yoga được khẳng định bởi kinh nghiệm của ít nhất hai mươi nghìn năm. Chúng ta có ảo tưởng rằng chúng ta là nền văn minh đầu tiên, nhưng nhiều nền văn minh loài người đã xuất hiện sớm hơn và đã biến mất. Rất nhiều lần trước chúng ta, con người đã đạt tới cùng những đỉnh cao của thành tựu khoa học, nhưng những nền văn minh này đã bị hủy diệt.

Năm 1924, một trung tâm nghiên cứu khoa học nguyên tử đã được thành lập ở nước Đức. Bỗng nhiên, vào một buổi sáng, một người tên là Falkaneli đã đến viện nghiên cứu và đưa cho nhà chức trách một thông điệp. Trong bức thông điệp ông ta viết, “Tôi và một số người khác biết chắc chắn về khoa học nguyên tử, và trên cơ sở của kiến thức đó, tôi cảnh báo các ông đừng tiếp tục nghiên cứu nguyên tử, bởi vì trước nền văn minh của

chúng ta, rất nhiều nền văn minh khác đã bị hủy diệt bởi năng lượng nguyên tử. Tốt hơn hết là hãy dừng mọi sự nghiên cứu”. Sau đó, mọi nỗ lực tìm kiếm người viết bức thông điệp đó đều không thành công.

Năm 1940, nhà khoa học vĩ đại người Đức tên là Heisenberg đã phát triển năng lượng nguyên tử. Một lần nữa, người đàn ông tên là Falkaneli đã đến nhà của Heisenberg, ông ta trao bức thông điệp ngăn cho người giúp việc và bỏ đi ngay. Bức thông điệp đó cũng chứa nội dung tương tự, và cũng như lần trước, tác giả bức thông điệp đó không để lại dấu vết nào.

Vào năm 1945, khi bom nguyên tử thả xuống Hiroshima, tất cả mười hai nhà khoa học đã tham gia chế tạo bom nguyên tử cũng nhận được bức thông điệp tương tự từ Falkaneli, ông ta nói với họ, bây giờ cũng chưa muộn để ngừng ngay việc triển khai công việc của họ; nếu không, ngay từ bước đầu tiên sẽ dẫn thẳng tới sự hủy diệt, bước cuối cùng cũng không còn xa. Oppenheimer là nhà khoa học hạt nhân Mỹ vĩ đại nhất, và cũng là người đóng góp những ý tưởng vĩ đại nhất về việc chế tạo bom nguyên tử, ông ta ngay lập tức từ chức khỏi ủy ban nguyên tử sau khi nhận được bức thông điệp, ông ta đã đưa ra tuyên bố, “Chúng tôi đã phạm sai lầm”. Và một lần nữa dấu vết của Falkaneli cũng không được tìm ra. Những gì mà Falkaneli nói là rất có thể: những nền văn minh sớm hơn đã chơi với nguyên tử và đã bị hủy diệt bởi chúng.

Ở Ấn Độ, trong thời kỳ của cuộc chiến Mahabharata, cung đã được sử dụng với đầu mũi tên nguyên tử, và hậu quả theo sau là sự hủy diệt khủng khiếp. Tình trạng là như thế này: đứa trẻ trở thành người trẻ tuổi và phạm những sai

lầm như cha mình đã phạm phải. Người cha bây giờ đã già, cảnh báo anh ta không được lặp lại – như thời của ông ta, cha của ông ta cũng đã cảnh báo ông ta – nhưng vào thời tuổi trẻ, những sai lầm tương tự cũng đã lặp lại, và thế hệ trẻ hơn cũng đã được cảnh báo bởi những người lúc đó đã bắt đầu già. Các nền văn minh cũng bị hủy diệt bởi những bước đi tương tự, và cũng gây ra những sai lầm tương tự với những người của nền văn minh trước đó. Các nền văn minh cũng trải qua thời con trẻ sau đó là thời trai trẻ, rồi trở nên già và bị diệt vong.

Sự thấu hiểu sáng suốt của Yoga đã đạt được thông qua chu kỳ hai mươi nghìn năm; về mặt lịch sử, sự tính toán chu kỳ hai mươi nghìn năm là rất rõ ràng. Nếu bạn muốn nghiên cứu thời tuổi trẻ của con người thì phải thực hiện từ tuổi lên mười, bởi vì những gì là đúng với một người có thể không đúng với tất cả mọi người. Sự nghiên cứu về một người, một sự kiện không đủ để kết luận. Chính vì vậy mà tôi đã nói rằng lịch sử của hai mươi nghìn năm là quá rõ ràng.

Yoga đã duy trì trong hai mươi nghìn năm rằng, nếu bạn muốn biết những gì bên ngoài thế giới trần tục này, bạn phải kích hoạt một nửa bộ não mà nó đã ngủ quên và không hoạt động. Nếu bạn muốn biết bất kỳ điều gì về tuyệt đối, mà nó tồn tại bên ngoài vật chất, một nửa khác của bộ não sẽ phải được kích hoạt. Ô cửa của nửa bộ óc đó là nơi mà tilak được áp dụng - vị trí của chakra agya. Vị trí đó ở bên ngoài và nó tương ứng với trung tâm bên trong, sâu khoảng một *inch* rưỡi bên trong trán. Điểm sâu đó, trung tâm đó cho sự thấu hiểu về bên ngoài thế giới của vật chất và ước mong.

Giống như tilak được phát minh ra ở Ấn Độ, ở Tây Tạng, họ sáng chế ra các phương pháp bằng việc phẫu thuật vị trí đó để đạt tới chakra agya. Người Tây Tạng đã rất nỗ lực để tìm ra con mắt thứ ba, nỗ lực hơn bất kỳ nền văn minh nào khác. Thực tế, mọi nền khoa học và sự hiểu biết của Tây Tạng về nhiều khía cạnh của cuộc đời cơ bản dựa trên sự hiểu biết của con mắt thứ ba.

Trước đây tôi đã nói với bạn về Edgar Cayce, người đã kê toa thuốc trong lúc hôn mê. Ông ta là trường hợp duy nhất ở Mỹ, nhưng ở Tây Tạng, mọi người hẳn muốn sự hướng dẫn về thuốc chỉ bởi những người có khả năng vào hôn mê, vào samadhi. Người Tây Tạng cố gắng đạt tới chakra agya bằng phẫu thuật, bằng việc làm cho nó mờ ra từ bên ngoài. Nhưng sự đạt được bằng việc phẫu thuật là quá khác biệt với việc đạt được từ bên trong, thông qua thực hành Yoga như đã được thực hiện ở Ấn Độ. Khi đó một nửa bộ não được kích hoạt bên trong thông qua thực hành Yoga, nó được kích hoạt bởi sự phát triển của tâm thức. Mở trung tâm từ bên ngoài – không có bất kỳ sự tinh luyện và thanh lọc của tâm thức - sẽ tạo ra mỗi nguy hiểm về việc lạm dụng những thành tựu của một nửa bộ não sau khi được kích hoạt, bởi vì con người vẫn giữ nguyên như vậy. Tâm thức của anh ta không được biến đổi từ bên trong từ ông qua thiền định. Điều cần thiết là sự thay đổi tâm thức thông qua thiền định.

Nếu một nửa bộ óc được kích hoạt mà không có sự chuyển hóa bên trong thì con người trở nên có khả năng nhìn xa hơn bức tường, xa hơn những trở ngại trần tục, nhưng có thể không được dùng để bảo vệ con người, ví dụ, người bị rơi xuống giếng, có thể người đó muốn đào để

tìm những kho báu ẩn giấu dưới lòng đất, mà anh ta có thể nhìn thấy thông qua hoạt động của một nửa bộ não của mình. Nếu vậy người đó biết rằng, anh ta có thể bắt mọi người nghe theo anh ta, anh ta có thể ra lệnh cho bạn làm một cái gì đó sai trái nhưng lại có lợi cho bản thân anh ta.

Phẫu thuật bên ngoài có thể cũng đã được thực hiện ở Ấn Độ, nhưng người Ấn Độ chưa bao giờ thử thực hiện điều đó, bởi vì những người thực hành Yoga biết rằng, nếu tâm thức không được biến đổi từ bên trong thì sẽ là nguy hiểm để kích hoạt năng lượng như vậy, và trao chúng vào tay những người lạm dụng chúng. Giống như việc trao thanh gươm cho trẻ con. Có thể nó không những giết ba hay bốn người mà còn tự kết liễu chính mình. Cho nên sự chuyển hóa tâm thức là cần thiết trước khi năng lượng mới được kích hoạt.

Ở Tây Tạng họ đã thử tạo ra cái lỗ bằng những dụng cụ tự nhiên ở vị trí mà chúng ta đặt tilak, cho nên người Tây Tạng biết và trải nghiệm nhiều năng lượng của tâm trí ngủ quên, nhưng về phương pháp rèn luyện tâm linh thì Tây Tạng không thể trở thành đất nước vĩ đại. Thật ngạc nhiên, mặc dù Tây Tạng đã rất cố gắng nhưng vẫn không tạo ra phật. Nó phát triển rất nhiều quyền năng, nó biết nhiều điều vô song, nhưng chúng đã được sử dụng vì những vấn đề tầm thường.

Ấn Độ đã không thử nghiệm với những dụng cụ tự nhiên, nhưng đã cố tập trung toàn bộ năng lượng vào chakra agya từ bên trong sao cho mắt thứ ba mở ra bởi sức mạnh năng lượng trào lên mạnh mẽ. Đó là sự rèn luyện ghê gớm để mang dòng chảy tâm thức tới con mắt thứ ba;

tâm trí đã được nâng lên những tầm mức cao hơn phương pháp rèn luyện. Bình thường, tâm trí bị hút xuống dưới; thực tế, tâm trí bình thường của chúng ta chày thẳng xuống trung tâm dục. Bất kỳ điều gì chúng ta có thể làm - kiếm tiền, cải thiện tình trạng sống, bất kỳ điều gì - theo cách tinh tế, thì ước muốn về dục của chúng ta là động lực thúc đẩy. Nếu chúng ta kiếm tiền chỉ với hy vọng rằng chúng ta có thể mua được dục, thế thì chúng ta sẽ tìm kiếm những vị trí cao hơn, nhiều quyền lực hơn để có khả năng lựa chọn và yên tâm về bạn tình.

Chính vì vậy mà trong quá khứ, danh tiếng của vua chúa được đo bởi số hoàng hậu mà ông ta có! Đó là cách đánh giá đúng, bởi vì giá trị của quyền lực của ông ta là gì? Cho nên, quyền lực, địa vị và tiền bạc là con đường vòng vo, nhưng mục đích duy nhất cũng là để thỏa mãn ham muốn dục. Ngay khi năng lượng của bạn chày thẳng xuống trung tâm dục thì cũng có thể bạn sẽ trở thành vô kỷ luật về mặt tâm linh.

Nếu bạn muốn năng lượng của bạn hướng thẳng lên những tầm mức cao hơn, vậy thì hướng của dòng năng lượng dục sẽ phải quay ngược lại. Hướng cố định của dòng chày phải được thay đổi. Bạn phải tạo ra sự đối chiều và hướng toàn bộ sự chú ý của bạn thẳng lên trên. Phải có sự chuyên động thẳng đứng - và đây sẽ là quá trình rèn luyện đạo đức tâm linh vĩ đại nhất. Ở mỗi bước đi sẽ có chạm trán và hy sinh. Bạn sẽ phải bỏ lại tất cả những gì tầm thường, thấp kém để đạt được những gì lớn lao, hùng vĩ. Cái giá này phải được trả. Và khi bạn đạt được quyền năng cao hơn với cái giá như vậy thì làm sao bạn có thể sử dụng nhằm chúng? Không có vấn đề về việc sử dụng

nhằm, bởi vì con người sử dụng nhằm bất kỳ quyền năng nào thì sẽ kết thúc trước khi anh ta đạt được mục tiêu.

Vì điều này mà ở Tây Tạng ma thuật ghê tởm đã được sinh ra - vì những phẩu thuật bên ngoài này. Đó là sự phát triển tâm linh rất tầm thường, nhưng thói quen xấu xa lại có thể thịnh hành.

Trong giới Sufi có câu chuyện về Jesus. Trong Cơ đốc giáo, câu chuyện này không được đề cập ở bất kỳ nơi đâu – có nhiều câu chuyện như vậy về Jesus của Sufi, những câu chuyện mà Cơ đốc giáo không có. Thậm chí Hồi giáo cũng có một số sự kiện quan trọng trong cuộc sống của Jesus mà không tìm thấy trong Cơ đốc giáo. Câu chuyện này được ghi lại bởi các Sufi...

Jesus có ba môn đệ, họ nói với ông ấy rằng, họ đã từng nghe về quyền năng làm người chết sống lại của ông ấy. Họ không muốn bất kỳ sự cứu rỗi linh hồn nào, hoặc họ không muốn vương quốc của Thượng đế, nhưng họ muốn ông ấy nói cho họ bí mật của việc sống lại, họ muốn có quyền năng đó. Jesus nói, họ hẳn chưa bao giờ có khả năng sử dụng những câu thần chú cho chính bản thân mình, bởi vì khi họ chết, làm cách nào họ có thể sử dụng chúng? Họ có lợi gì trong việc làm cho người khác trở lại cuộc sống? Ông ấy nói với họ rằng, thay vì như vậy ông sẽ chỉ cho họ làm cách nào để không bao giờ chết, nhưng những môn đệ nói, họ không lo lắng về cái chết của họ, họ chỉ quan tâm về việc làm cách nào để biến người chết sống lại.

Cuối cùng Jesus trở nên mệt mỏi vì họ, ông ấy đã chỉ cho họ phương pháp. Ngay lập tức cả ba người đều lên đường đi tìm cơ thể chết ở nơi nào đó, họ thử câu thần chú

trước khi họ quên một cái gì đó, hoặc phạm phải sai lầm nào đó. Thật không may, ở ngôi làng đầu tiên họ tới, họ không thể tìm ra cơ thể chết, họ tới ngôi làng khác, trên đường đi họ gặp một bộ xương. Khi không tìm ra cơ thể chết thì thử câu thần chú với bộ xương cũng được, họ nghĩ vậy. Đó là bộ xương của con sư tử. Họ sử dụng câu thần chú, ngay lập tức con sư tử sống lại và tiêu diệt tất cả bọn họ!

Sufi nói rằng, có thể mới mang lại kết quả như vậy - sự tò mò của những tâm trí không đích thực có thể mang nguy hiểm khủng khiếp đến cho con người. Rất nhiều kiến thức bí mật đã được dấu kín để nó không thể rơi vào những bàn tay xấu xa. Bất kỳ điều gì được trao cho con người bình thường cũng theo cách như vậy, họ có thể hiểu chúng chỉ khi họ xứng đáng.

Có thể bạn tự hỏi, tại sao tôi đã nói với bạn tất cả những điều liên quan đến tilak. Tilak được đặt lên trán mọi đứa trẻ trong khi chúng không hiểu gì về nó. Nhưng khi lớn lên và biết những điều như vậy thì đứa trẻ hẳn sẽ hình dung ra bí mật của tilak. Đến khi đó, việc tạo ra vị trí đúng chỉ là dấu vết mờ ảo. Bất kỳ khi nào ý thức đứa trẻ có khả năng thì nó có thể tạo ra công dụng của dấu vết đó. Chẳng vấn đề gì về việc trong hàng trăm người chỉ có một người có khả năng sử dụng tilak; một người đó cũng là đủ. Nếu điều đó làm cho một người nhận biết tilak và trung tâm mắt thứ ba, thì mục đích cũng đã được thực hiện.

Tilak có rất nhiều giá trị đến mức, tất cả các sự kiện đặc biệt như hôn nhân, hoặc chiến thắng, tilak cũng được sử dụng. Bạn đã bao giờ tự hỏi tại sao tilak được sử dụng ở

các sự kiện tôn vinh hoặc nghi lễ trọng thể chưa? Chỉ bởi vì quy định của đoàn thể. Tâm trí của chúng ta rất thú vị. Nó muốn quên những thời điểm đau khổ và muốn nhớ lại những thời khắc hạnh phúc. Chính vì vậy mà tâm trí quên hết mọi sự kiện gây ra nỗi bất hạnh, nó chỉ nhớ lại những khoảnh khắc hạnh phúc. Chính vì vậy mà chúng ta luôn cảm thấy quá khứ là hạnh phúc. Người già luôn nghĩ rằng thời trẻ thơ của họ luôn hạnh phúc. Bởi vì tâm trí đã bỏ rơi tất cả hồi ức về đau khổ và chỉ giữ lại những điều vui vẻ. Cho nên khi con người nhìn lại quá khứ, anh ta chỉ nhìn thấy niềm vui. Ở lưng chừng, bất kỳ nỗi bất hạnh nào có đó cũng bị bỏ rơi.

Không đứa trẻ nào nói rằng thời trẻ thơ của nó tràn đầy hạnh phúc. Đứa trẻ muốn trở thành người lớn nhanh hơn - những người già nói, thời trẻ của họ tràn đầy hạnh phúc. Có một vài sự hiểu lầm ở một nơi nào đó. Nếu bạn hỏi đứa trẻ muốn điều gì, nó sẽ nói nó muốn trưởng thành. Nếu bạn hỏi người già muốn gì, họ sẽ nói họ muốn trở lại thành trẻ con. Đứa trẻ luôn cố để nhìn có vẻ là người trưởng thành và muốn trở nên già dặn hơn. Nó bắt đầu hút thuốc lá bởi vì nó cảm nhận rằng thuốc lá là biểu hiện của người lớn. Các nhà tâm lý nói, bảy mươi phần trăm trẻ con bắt đầu hút thuốc lá vì đó là biểu tượng của uy thế. Chúng chỉ nghĩ đến những người mạnh mẽ, thành công, quan trọng, hút thuốc. Cho nên, khi đứa trẻ hút thuốc lá, nó tự cho là mạnh mẽ và cảm thấy mình là một người nào đó – không phải là con người bình thường.

Nếu trên phim có tuyên bố, “Chỉ cho người lớn” thì các cậu bé sẽ dùng râu giả để có thể vào rạp. Tại sao? Có ước mong cháy bỏng ở trẻ con về việc lớn nhanh. Nhưng

người già nói, thời thơ ấu quá hạnh phúc. Tại sao? lý do duy nhất là tâm trí làm chúng ta quên đi những thời kỳ bất hạnh; bất hạnh là không đáng nhớ.

Một nhà tâm lý tên là Piaget, sau thử nghiệm với đứa trẻ trong bốn năm, ông ta đã phát hiện ra rằng, trí nhớ năm năm đầu của cuộc đời là rất nghèo nàn, gần như bằng không - bởi vì những năm tháng đó quá bất hạnh đến nỗi đứa trẻ không muốn nhớ lại chúng. Nếu bạn cố nhớ lại những sự kiện của khoảng thời gian đầu cuộc đời mình, theo Piaget, bạn sẽ nhớ lại bắt đầu từ lúc năm tuổi, hoặc nhiều nhất cũng là bốn tuổi. Vậy thì trí nhớ không hình thành trước đó chăng? Có hình thành. Có phải không có sự kiện nào trước năm tuổi chăng? Có. Vào những ngày đầu đó, không ai lạm dụng bạn sao? Không ai yêu bạn sao? Tất cả điều đó đã xuất hiện. Nhưng vậy thì tại sao, không có hồi ức về bốn hoặc năm năm đầu tiên?

Piaget nói rằng, những ngày đầu tiên của thời trẻ con này, có rất nhiều điều bất hạnh đối với chúng; đứa trẻ cảm nhận sự yếu đuối, vô dụng, và quá phụ thuộc đến mức nó đã kìm nén ký ức về chúng, nó chỉ đơn giản là bỏ rơi những ngày này khỏi ký ức mình. Nếu hỏi thì nó chỉ nói, "Tôi không nhớ bất kỳ điều gì trước bốn tuổi".... Bởi vì khi người cha bảo nó đứng dậy, nó phải nghe theo; nếu người mẹ bảo nó ngồi xuống, nó phải làm theo. Mọi người xung quanh nó quá quyền lực và nó không thể chống lại họ - nó quá bất lực như chiếc lá khô rụng trong gió. Nó phải làm bất kỳ điều gì người ta nói; nó phụ thuộc vào người khác về mọi mặt. Chỉ một sự giận dữ thoáng qua trong mắt người khác đã làm cho nó sợ hãi.

Cho nên, nó khép kín và quên rằng mình cũng từng có quãng đời trước bốn tuổi. Nhưng nếu nó bị thôi miên, và được yêu cầu nhớ lại những sự kiện từ khi bốn tuổi, hoặc thậm chí khi trong dạ con của người mẹ, thế thì nó sẽ nhớ lại và mô tả những sự kiện đó. Nếu trong lúc mang thai, người mẹ của nó bị ngã, dưới ảnh hưởng của thôi miên, đứa trẻ có thể nhớ lại cú sốc mà nó cảm nhận được lúc trong bụng mẹ. Nhưng những hồi ức như vậy không thể được nhớ lại trong ý thức bình thường.

Lý do chắc chắn rằng, có sự liên hệ giữa tilak với những khoảnh khắc hạnh phúc của một người nào đó. Bất kỳ khi nào có sự kiện vui vẻ thì hãy đặt tilak lên trán bạn. Cả hai sự kiện vui vẻ và tilak sẽ được nhớ lại thông qua mối liên hệ. Ở đây nên biết một chút về quy luật của mối liên hệ.

Pavlov là nhà khoa học Nga, ông ta đã thực hiện nhiều thử nghiệm trong lĩnh vực này. Ông ta nói, bất kỳ điều gì cũng có mối liên hệ với vấn đề nào đó khác - cuộc sống của chúng ta là tổng hòa của các mối liên hệ. Một trong những thử nghiệm của ông ta trở thành nổi tiếng. Nó liên quan đến việc ông ta cho chó ăn. Pavlov đã giữ một ít thức ăn ở một khoảng cách nào đó, khi con chó nhìn thấy thức ăn, nó bắt đầu chảy nước miếng. Sau đó Pavlov rung chuông. Không có mối liên hệ giữa chuông rung và bài tiết nước miếng, nhưng bất kỳ khi nào thức ăn được đưa ra cho con chó thì nó bắt đầu bài tiết nước miếng, liền đó rung chuông. Điều này được thực hiện trong mười lăm ngày; mối liên hệ thần kinh giữa chuông và nước bọt không được thiết lập. Sang ngày thứ mười sáu, không có thức ăn,

nhưng khi rung chuông thì chó bắt đầu chảy nước miếng. Tiếng chuông rung kích hoạt trí nhớ của con chó về thức ăn: chuông trở thành biểu tượng của thức ăn.

Quy luật của mỗi liên hệ tương tự cũng đã được sử dụng với tilak: nó trở nên liên quan với niềm vui hạnh phúc. Bất kỳ khi nào sự kiện vui vẻ xuất hiện thì tilak được sử dụng; cho nên, tilak và vui vẻ dần trở nên quá liên quan đến mức tilak hẳn là không bao giờ bị quên. Cho nên bất kỳ khi nào bạn vui vẻ, đầu tiên bạn sẽ nhớ đến chakra agya. Chúng ta luôn muốn nhớ lại những khoảnh khắc vui vẻ, cho dù chúng ta có thực sự vui vẻ hay không, chúng ta sống trong những hồi ức vui vẻ. Thậm chí niềm vui nhỏ nhoi cũng được thổi phồng lên; chúng ta phóng đại những sự kiện vui vẻ và tối thiểu những nỗi bất hạnh.

Khi lần đầu tiên bạn gặp người mình yêu, bạn quá hạnh phúc! Ngày nay, khi bạn nghĩ về điều đó, đó là sự kiện vĩ đại. Thực tế, nếu ngày nay bạn gặp cô ấy thì hạnh phúc sẽ bị thu lại. Thế rồi trong hai mươi bốn giờ, bạn sẽ phóng đại nó. Có quá nhiều nỗi bất hạnh trong cuộc đời đến nỗi, nếu chúng ta không phóng đại niềm vui thì hẳn sẽ rất khó sống.

Nếu tilak liên quan tới niềm vui khi được phóng đại thì tilak cũng được phóng đại. Nếu điều này xuất hiện thường xuyên thì niềm vui cũng có mối liên hệ tới chakra agya. Khi điều này xuất hiện, thì hiểu rằng bạn đã sử dụng niềm vui này để mờ con mắt thứ ba. Chúng ta có thể sử dụng dòng chảy vui vẻ này để kích hoạt chakra agya. Chúng ta càng kích hoạt chúng từ những hướng khác nhau thì điều đó càng có ích.

Những nước không sử dụng tilak thì cũng không biết về con mắt thứ ba. Những nước biết qua loa về con mắt thứ ba thì cũng đã sử dụng tilak. Những nước không có khái niệm về con mắt thứ ba thì không thể phát minh ra tilak; không có cơ sở về vấn đề đó. Bỗng nhiên, xã hội nào đó có ý tưởng bắt đầu áp dụng tilak lên trán mà lại không có bất kỳ lý do nào. Không có lý do gì để dùng tilak một cách ngẫu hứng, dù ở bất kỳ vị trí nào. Cho nên đó không phải là sự tình cờ, sự thực hành đó có thể tiếp tục tồn tại chỉ khi có lý do sâu sắc về vấn đề đó.

Tôi sẽ nói thêm với bạn một vài điều về vị trí con mắt thứ ba. Có thể bạn đã chú ý rằng, bất kỳ khi nào bạn lo âu thì cũng có áp lực lên con mắt thứ ba. Bởi vì những vết nhăn và sự co lại của trán đã định hình. Sự căng thẳng hình thành ở vị trí mà tilak được đặt vào. Những người liên tục căng thẳng, suy nghĩ, chỉ trích, lúc nào họ cũng cảm nhận áp lực ở vị trí đó trên trán mình.

Những người đã làm việc tích cực với con mắt thứ ba trong những kiếp trước, khi họ sinh ra, có một dạng tilak ngay trên trán ở vị trí của con mắt thứ ba. Vị trí đó xuất hiện mỏng manh, cứ như tilak đã từng có đó. Nếu bạn sờ ngón tay vào vị trí đó trên trán, bạn sẽ cảm thấy một chút phồng ra - chỉ ở đó, nơi mà trong những cuộc đời quá khứ, tilak đã bị mòn. Phía sau tilak hoặc tika, con mắt thứ ba ẩn dấu.

Có một thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thôi miên... Charcot ở nước Pháp là nhà tâm lý vĩ đại, ông ta đã nghiên cứu đề tài về sự ảnh hưởng bằng việc tập trung mắt vào trán người khác. Nếu bạn cố tập trung nhìn chăm chăm

vào trán người khác thì anh ta sẽ trở nên rất tức giận và không cho phép bạn tiếp tục. Đây là ý nghĩ thô lỗ và khiếm nhã. Chakra agya ở bên trong trán khoảng một *inch* rưỡi - rất gần với bề mặt. Nếu một người nào đó đang đi bộ trước mặt bạn, bạn nhìn chăm chăm vào gáy người đó, ước lượng ở khoảng vị trí của mắt thứ ba, bạn sẽ nhận ra rằng, trong vài giây người đó sẽ quay lại nhìn quanh phía sau mình. Nếu bạn tiếp tục thử nghiệm này trong vài ngày, sau đó nếu bạn cho anh ta một vài lời khuyên thâm, anh ta sẽ thực hiện chúng.

Hãy thử: nếu bạn tập trung nhìn chăm chăm vào gáy anh ta trong ít giây mà không cho phép mí mắt nhắm lại, người đó sẽ quay lại nhìn phía sau mình. Vậy thì ở thời điểm đó, bạn có thể thềm ra lệnh cho anh ta làm một cái gì đó. Nếu bạn ra lệnh cho anh ta quay trái, anh ta sẽ quay trái, mặc dù anh ta cảm thấy rất bối rối; có thể anh ta muốn quay phải. Nếu bạn thực hiện thử nghiệm này vài lần, bạn sẽ ngạc nhiên về kết quả. Từ gáy thì khoảng cách tới mắt thứ ba xa hơn, nhưng từ phía trước thì khoảng cách chỉ là một *inch* rưỡi. Từ phía trước thì kết quả còn ngạc nhiên hơn nữa...

Những người thử nghiệm bằng shaktipat, bằng truyền năng lượng, cũng có khả năng làm điều đó thông qua charka agya. Nếu vị thánh nào đó hoặc sadhu bắt bạn ngồi trước mặt ông ta với đôi mắt nhắm, bạn có thể nghĩ ông ta đang làm một cái gì đó - ông ta chỉ cố định mắt mình vào vị trí này trên trán bạn, và thềm cho bạn một lời khuyên. Nếu ông ta nói, "Có ánh sáng bên trong bạn", bạn sẽ cảm nhận rằng có ánh sáng bên trong bạn. Nhưng ánh sáng đó không giữ nguyên trong bạn; ngay khi bạn rời ông ta thì

ánh sáng đó cũng biến mất. Đôi khi ảo ảnh của ánh sáng có thể duy trì trong hai hay ba ngày, sau đó nó biến mất. Điều đó không thực sự là shaktipat, mà chỉ là một thử nghiệm nhỏ về chakra agya của bạn. Con mắt thứ ba là món quà trời cho duy nhất, và công dụng của nó thì không thể nói hết.

Khi lần đầu tiên, các nhà truyền giáo Thiên chúa giáo đến Nam Ấn Độ, một số trong họ bắt đầu áp dụng tilak trên trán. Vì điều này mà khoảng một nghìn năm trước, trong triều đình Vatican đã nảy sinh vấn đề, những nhà truyền giáo ở Ấn Độ được yêu cầu phải giải thích. Một số trong họ bắt đầu đeo sợi chỉ linh thiêng, một số khác đặt tilak, một số khác thậm chí đi guốc gỗ: Họ bắt đầu sống như các sannyasin Hindu.

Triều đình Vatican cảm thấy, những nhà truyền giáo này đã làm một cái gì đó sai. Những nhà truyền giáo này bắt đầu sống theo cách Ấn Độ, họ trả lời rằng họ đã không trở thành Hindu bởi việc đặt tilak, nhưng bằng việc làm như vậy họ mới biết được bí mật. Bằng việc đi guốc gỗ, họ đã không trở thành Hindu, nhưng họ đã biết rằng, nếu họ đi guốc gỗ trong lúc thiền thì năng lượng không thải ra, thay vì phải mất nhiều tháng mới đạt được kết quả thì họ chỉ cần vài ngày khi đi guốc gỗ. Họ cũng nói rằng, nếu Hindu đã biết những bí mật nào đó thì các nhà truyền giáo Thiên chúa giáo hẳn chỉ là những kẻ ngốc nếu không học hỏi họ.

Chắc chắn người Hindu biết nhiều điều - hẳn sẽ ngạc nhiên nếu họ không biết, họ đã truy tìm những vấn đề tôn giáo trong hai mươi nghìn năm. Trong hai mươi nghìn năm, những người thông thái nhất và thông minh nhất đã

hiến dâng cuộc đời họ cho cùng một mục tiêu cuối cùng – đó là tìm kiếm sự thật. Họ đã bị sở hữu bởi duy nhất một ước mong: nhận biết sự thật ẩn chứa bên trong tồn tại này, để nhìn thấy những điều vô hình và đối mặt với những điều vô hình. Thật ngạc nhiên, nếu những người như vậy không biết bất kỳ điều gì sau khi tận tâm công hiến tất cả trí thông minh của mình đối với chỉ một sự truy tìm này, và cũng cho hai mươi nghìn năm liên tục. Việc họ biết cũng là điều tự nhiên – và họ biết! nhưng trong khoảng hai trăm năm cuối, vài điều cụ thể nào đó đã xuất hiện và gây ra sự xáo trộn, lo âu.

Điều đó cũng đáng đề hiểu. Ở đất nước này, đã từng có hàng trăm sự xâm lược của ngoại bang, nhưng không kẻ xâm lược nào có thể tấn công vào vấn đề cốt lõi sống động. Một số kẻ xâm lược tìm kiếm tài sản, một số chiếm đất đai, một số khác chiếm lâu đài và các pháo đài, nhưng không ai có thể tấn công cái bên trong của Ấn Độ - sự chú ý của những kẻ xâm lược đã không thu hút tới điều đó. Nhưng sau đó, lần đầu tiên, những cuộc tấn công vào bên trong đó đã được thực hiện bởi nền văn minh phương Tây. Biện pháp tấn công dễ dàng nhất là cắt đứt lịch sử lâu dài của đất nước và hủy diệt quá khứ đó. Khoảng trống được tạo ra giữa mọi người và lịch sử của họ. Theo cách này, con người sẽ bị mất gốc và trở nên bất lực.

Ngày nay, nếu nền văn minh phương Tây bị hủy diệt thì không cần thiết phải phá hủy những dinh thự của nó, rạp hát của nó, rạp chiếu phim hoặc khách sạn của nó. Nếu chỉ năm trường đại học danh tiếng nhất bị hủy diệt thì toàn bộ nền văn hóa phương Tây sẽ biến mất. Văn hóa phương Tây không cư ngụ ở rạp chiếu phim, khách sạn hoặc câu

lạc bộ đêm – sẽ không có sự khác biệt nào nếu những thứ đó vẫn tiếp tục – nhưng nếu những trường đại học danh tiếng nhất bị huỷ diệt thì nền văn minh phương Tây hẳn sẽ chết dần và biến mất. Nền tảng thực sự của tất cả các nền văn hóa là những nguồn kiến thức của nó. Gốc rễ của nền văn minh là ở chuỗi dây chuyền dài kiến thức. Nếu lịch sử của chỉ hai thế hệ bị lấy đi thì đất nước sẽ bị cắt đứt khỏi tất cả mọi khả năng phát triển về phía trước.

Có sự khác nhau giữa con người và thú vật. Thú vật không có khả năng tạo ra sự tiến bộ bởi vì chúng không có trường học nào. Chúng không có bất kỳ biện pháp nào để truyền kiến thức từ thế hệ già tới thế hệ trẻ. Ngay khi sinh ra, con vật bắt đầu sống cuộc đời ngay ở chỗ cha nó bắt đầu, con của nó cũng thực hiện tương tự. Con người, thông qua giáo dục, có thể giúp cho cuộc sống con trẻ của họ bắt đầu từ nơi mà họ đã rời đi. Cho nên có sự liên tục của kiến thức. Tất cả sự tiến bộ của con người phụ thuộc vào sự chuyển giao kiến thức tích lũy từ thế hệ này tới thế hệ khác. Hãy tưởng tượng, nếu trong hai mươi năm, tất cả người lớn quyết định không dạy bất kỳ điều gì cho con cái họ. Sự mất mát không phải là hai mươi năm kiến thức, tất cả kiến thức đã được tích lũy trong hai mươi nghìn năm có thể bị thất lạc. Sự mất mát không thể được đền bù trong hai mươi năm mà phải cần đến hai mươi nghìn năm để lấp khoảng trống, bởi vì sự liên tục sẽ được tạo ra bởi việc tích lũy kiến thức.

Theo cách này, hai trăm năm thống trị của người Anh ở Ấn Độ đã tạo ra khoảng trống khủng khiếp. Hầu hết các mối liên hệ của nó với kiến thức thông thái và cổ xưa đã bị phá vỡ, sự nhận dạng của nó đã được thiết lập bởi

toàn bộ nền văn minh và văn hóa mới mà không có mối liên hệ nào với nền văn minh cổ xưa. Người Ấn Độ nghĩ rằng, nền văn hóa và văn minh của họ là rất cổ, nhưng họ đã sai lầm; chúng chỉ là hai trăm năm cộng đồng. Bây giờ, cộng đồng người Anh còn cổ hơn người Ấn Độ. Bất kỳ kiến thức nào mà người Ấn Độ có cũng chỉ là vô dụng, và nó cũng chỉ là đồ thừa chưa dùng đến. Hiện nay, điều mà người phương Tây chọn để trao cho người Ấn Độ chính là kiến thức của họ. Bất kỳ điều gì người Ấn Độ biết trước hai trăm năm vừa qua đã bị xóa toẹt

Khi các mạch của nhánh kiến thức bị thất lạc thì mọi người nhìn có vẻ như những kẻ ngốc. Thời nay, nếu bạn ra ngoài với tika trên trán thì một người nào đó sẽ hỏi, tại sao bạn lại mang nó, thế thì bạn sẽ cảm thấy ngượng ngùng bởi vì bạn không có câu trả lời. Bạn chỉ có thể nói, “Không có lý do gì. Cha tôi khăng khăng bắt tôi phải làm như vậy, và tôi phải nghe lời. Có thể làm được điều gì? Một điều gì đó phải được chung ra”. Cho nên, vào những ngày này việc sử dụng tika một cách vui vẻ là điều khó khăn, nếu không nói là không thể. Tất nhiên, người ngốc có thể làm điều đó – anh ta không sợ những người khác. Nhưng anh ta làm như vậy không phải vì anh ta biết mục đích của nó, mà bởi vì anh ta đã được nói như vậy.

Khi các mối liên hệ của kiến thức thực sự bị phá vỡ thì việc mang những biểu tượng bên ngoài sẽ trở nên khó khăn. Vậy thì bi kịch chắc chắn sẽ xảy ra: những khả năng hiểu biết bị giữ kín. Điều có ý nghĩa được giữ lại chừng nào mà những người thông minh còn liên quan đến. Cho nên, thật thú vị khi lưu ý rằng, bất kỳ khi nào tai họa nhấn chìm nền văn minh, bất kỳ khi nào mất mối liên hệ với

kiến thức quá khứ thì những người trí tuệ sẽ buông trôi, bởi vì họ không muốn giống như kẻ ngốc. Những người vô học cố gìn giữ những biểu tượng và theo những nghi lễ, cho nên những biểu tượng và những nghi lễ sẽ tiếp tục trong một khoảng thời gian, và sau đó sẽ chết một cách tự nhiên.

Nhưng đôi khi, cũng xuất hiện một vài điều có giá trị được lưu giữ bởi những người thất học và lạc hậu. Những người tuyên bố là hiểu thì bỏ chạy ngay từ cơ hội đầu tiên. Trong cuộc đời này, có nhiều vai trò huyền bí mà con người đang nắm giữ. Nếu Ấn Độ muốn khôi phục những mối liên hệ với quá khứ đã bị phá vỡ, thế thì mọi người sẽ phải nhìn vào những nghi lễ được thực hiện bởi những người được gọi là ngu ngốc và thất học. Những gì họ đang thực hiện không phải là không có lý do. Những biểu tượng bên ngoài của chúng được nối với quá khứ hai mươi nghìn năm. Họ không thể giải thích tại sao họ thực hiện những điều cụ thể như vậy, nhưng không tán thành với họ là điều không cần thiết. Vào một ngày nào đó, chúng ta có thể phải cảm ơn họ, ít nhất vì họ đã lưu giữ và bảo vệ những biểu tượng của kiến thức đó - những biểu tượng mà dựa vào đó việc nghiên cứu, tìm kiếm có thể được tiến hành.

Cho nên ở Ấn Độ ngày nay, những gì mà những người thất học đang thực hiện cần phải được liên hệ lại với kiến thức chúng ta đã có trước hai trăm năm qua. Chỉ bằng việc thực hiện điều đó chúng ta mới có thể làm hồi sinh, tạo ra sức sống mới cho sự hiểu biết sâu sắc đã phát triển trong chu kỳ hai mươi nghìn năm. Vậy thì chúng ta sẽ ngạc nhiên, bởi vì chúng ta đã bận rộn trong việc tự sát, điều đó mới ngu ngốc làm sao.

Chương IV

*Quyền năng chuyển hóa
của sự thờ cúng tượng thần,
của các câu thần chú, của
âm nhạc và nhảy múa.*

*16 tháng 6 năm 1971, buổi tối tại Woodlands,
Bombay, Ấn Độ.*



Tiến sĩ Frank Rudolf đã giành trọn đời mình cùng một số bộ lạc ở Amazon để nghiên cứu một hiện tượng vô cùng kỳ lạ. Tôi muốn kể cho các bạn câu chuyện đó để các bạn có thể hiểu dễ hơn về sự tôn thờ tượng thần mà tôi đã đề cập. Hầu hết các cộng đồng nguyên thủy đều được biết đến bởi cách thức đặc biệt trong thời gian dài. Rudolf đã nghiên cứu điều này và đã đưa ra những kết luận gây ngạc nhiên.

Chắc chắn các bộ lạc nguyên thủy tin rằng, có thể làm cho con người mắc phải căn bệnh nào đó thông qua tượng thần bằng đất sét giống với người đó. Họ tin rằng cái chết cũng có thể được mang đến theo cách như vậy. Trong ba mươi năm, tiến sĩ Rudolf đã nỗ lực để tìm ra, làm cách nào mà bệnh tật và cái chết lại có thể được truyền thông qua hình nhân bằng đất sét của một người nào đó. Rudolf đã tiếp cận chủ đề một cách hoài nghi và khoa học, hàng trăm lần, ông ta đã tận mắt nhìn thấy thực tế rằng, bệnh tật và cái chết được truyền thậm chí khi con người ở xa hàng nghìn dặm.

Việc nghiên cứu trong thời gian dài đã thuyết phục ông ta về sự thực của những hiện tượng như vậy. Ông ta đã biết được ba vấn đề sau khi ông ta thử nghiệm chính mình. Đầu tiên, hình nhân bằng đất sét không cần thiết phải giống chính xác với người đang chịu đựng bệnh tật, hoặc chịu đựng cái chết. Thậm chí, đối với chuyên gia tạc tượng cũng gặp khó khăn khi tạo ra tượng đất sét giống hệt con người cụ thể, điều đó cũng không cần thiết; điều quan trọng là thiết lập hình dạng tinh thần cho hình nhân bằng đất sét của người đó. Có phương pháp để thực hiện điều này... nếu người tạo hình nhân nhắm mắt để nhớ lại con

người ấy và áp đặt ý chí của mình lên hình nhân thì hình nhân sẽ trở thành một biểu tượng có thể tác động.

Tôi đã nói với bạn về tilak và con mắt thứ ba nằm giữa hai lông mày, con mắt thứ ba này được tìm ra bởi khoa học Yoga, và năng lượng lớn lao ẩn chứa bên trong nó – đó là trung tâm truyền phát kỳ diệu. Nếu bạn yêu cầu con trai bạn hoặc người hầu làm một việc gì đó, và bạn cảm nhận có thể họ từ chối, vậy thì bạn có thể thực hiện thử nghiệm nhỏ. Nếu bạn tập trung năng lượng vào trung tâm giữa hai mắt mình và nói với họ những gì bạn muốn họ làm, chín mươi phần trăm họ sẽ thực hiện điều đó. Nhưng nếu bạn yêu cầu họ mà không tập trung năng lượng theo kiểu như vậy thì chín mươi phần trăm họ không làm. Bất kỳ ý niệm hoặc ý nghĩ nào được truyền bởi năng lượng tập trung giữa hai mắt thì nó sẽ chuyển động rất nhanh và mang theo năng lượng kỳ lạ.

Nếu bạn tập trung vào hình ảnh của con người bằng năng lượng của chakra agya, và nếu ý niệm đó hướng trực tiếp tới hình nhân thì đất sét sẽ không còn là đất sét nữa. Khối đất sét đó sẽ trở nên được nạp năng lượng bởi sự tập trung ý niệm của bạn. Nếu tinh thần bạn chiết một căn bệnh nào đó vào hình nhân trong một phút, vậy thì người nguyên mẫu của bức tượng đó sẽ bị nhiễm bệnh đó. Cho dù người đó ở rất xa bạn thì họ cũng bị ảnh hưởng; thậm chí có thể chết.

Rudolf đã viết rằng, những gì có vẻ như không thể tin được thì thực tế đã xảy ra trong thử nghiệm của ông ta. Bằng chính mắt mình, ông ta nhìn thấy một vài người của bộ lạc thúc ép cây phải khô và héo thông qua mô hình bằng

đất của nó. Cây xum xuê, xanh tươi, khỏe mạnh đã bị héo khô, và lá của nó bắt đầu rụng. Mặc dù được tưới nước, nhưng trong vòng một tháng cây mắc bệnh và chết. Những gì xảy ra với cây cũng có thể xảy ra với người.

Tôi đang nói về những phát hiện của Rudolf, bởi vì thờ tượng thần cũng là thử nghiệm tương tự nhưng ở phạm vi rộng lớn hơn. Nếu chúng ta có thể truyền bệnh tật hoặc cái chết tới con người thì không có lý do gì chúng ta không thể thiết lập, hoặc tái thiết lập mối quan hệ với những người đã chết. Có thể là, chúng ta có thể thực hiện bước nhảy từ tượng thần vào khắp không gian không nhìn thấy.

Toàn bộ nền tảng của việc thờ tượng thần là mối quan hệ giữa tâm bạn và tâm vũ trụ. Điều cần đến là cây cầu giữa hai, và cây cầu đó có thể được tạo ra. Tượng thần là nỗ lực tạo ra cầu nối. Chỉ có một cái gì đó biểu lộ, giống như dạng của tượng thần thì có thể trở nên cây cầu - bởi vì việc bạn thiết lập trực tiếp mối liên hệ với vô hình là điều không thể.

Con người có thể nói nhiều về vô hình và không biểu lộ, tuy nhiên đó chỉ là nói và không mang bất kỳ điều gì đến cho bạn. Bất kỳ kinh nghiệm nào mà tâm trí bạn có thì cũng là những trải nghiệm về một số hình dạng hữu hình; bạn không có kinh nghiệm về vô hình, và lời nói không thể mang đến bất kỳ điều gì chưa được trải nghiệm. Bạn liên tục nói về vô hình và sẽ tiếp tục sống trong hữu hình. Cho nên nếu bạn muốn thiết lập mối quan hệ với vô hình, bạn sẽ phải tạo ra một cái gì đó mà về mặt này nó ở trong hữu hình, và về mặt khác nó là vô hình. Đó chính là bí mật của tượng thần.

Hãy để tôi giải thích điều này theo cách khác. Về phía chúng ta, chúng ta cần cây cầu hữu hình, nhưng cũng còn có phần vô hình: với mục tiêu của chúng ta thì nó biểu lộ, với mục tiêu xa hơn, khi nó đạt được điều linh thiêng, nó trở thành không biểu lộ. Nếu tượng thần vẫn giữ nguyên là tượng thần thì nó không thể hoạt động như là cây cầu; nếu nó tuyệt đối vô hình, vậy thì nó cũng không thể trở thành cây cầu. Tượng thần phải mang hai mục đích: nó phải là hữu hình đối với chúng ta và mặt khác nó phải tan biến vào vô hình.

Nếu tôi nói với bạn biệt ngữ “thờ tượng thần” là sai thì bạn sẽ ngạc nhiên; nhưng thực tế điều đó tuyệt đối sai. Nó là sai bởi vì, đối với một người biết làm cách nào để thờ thì tượng thần không còn giữ nguyên là tượng thần. Và đối với một người chỉ nhìn thấy tượng thần thì cũng không biết thờ cúng là gì, hoặc không biết làm cách nào để thờ cúng. Chúng ta sử dụng hai từ; một là tượng thần và từ khác là thờ tượng thần. Hai khái niệm không thể trải nghiệm bởi cùng một con người một cách đồng thời. Từ tượng thần chỉ dành cho những người chưa bao giờ thờ cúng, và từ thờ cúng thuộc về những người chưa bao giờ nhìn thấy tượng thần.

Nói khác đi, chúng ta có thể nói rằng, thờ cúng là nghệ thuật làm cho tượng thần biến đi. Đó là nghệ thuật làm rơi dần sự biểu lộ và đi vào không biểu lộ. Dạng biểu lộ sẽ dần tan biến vào không biểu lộ, và thờ cúng sẽ sâu sắc hơn chỉ khi không biểu lộ được giữ nguyên. Cho nên “Thờ tượng thần” là tự mâu thuẫn. Do vậy mà người đang thờ cúng sẽ bị bối rối, tượng thần đang ở đâu, và người không bao giờ

thờ cúng sẽ bản khoán, tượng thần bằng đá có thể làm được điều gì. Có hai loại người có hai dạng kinh nghiệm – và giữa họ không có nền tảng chung.

Khi bạn vào ngôi đền, bạn chỉ nhìn thấy tượng thần, bởi vì bạn không có khả năng nhìn thấy chính sự thờ cúng. Trong ngôi đền, có thể nhận ra Meera đang mài mê việc thờ cúng của mình. Đối với bà ta thì không có tượng thần. Sự thờ cúng càng sâu sắc hơn thì tượng thần càng tan biến. Chúng ta nhìn thấy những tượng thần bởi vì chúng ta không biết thờ cúng là gì. Khi sự thờ cúng trên thế gian ngày càng ít đi thì chúng ta sẽ nhìn thấy nhiều tượng thần hơn. Khi có nhiều tượng thần, thì sự thờ cúng sẽ nhanh chóng biến đi. Trong trường hợp đó, những tượng thần sẽ bị hạ xuống, bởi vì công dụng của nó sẽ là gì? chúng sẽ không thích hợp nữa.

Bình thường ra, chúng ta nghĩ con người càng nguyên thủy thì càng có vẻ như họ là người thờ cúng tượng thần, và khi con người càng trở nên thông minh hơn thì họ sẽ bỏ rơi tượng thần của mình. Nhưng đây không phải là sự thật. Thực ra, thờ cúng có khoa học riêng của nó, chúng ta càng trở nên ngu dốt thì điều đó càng trở nên huyền bí đối với chúng ta.

Trong mỗi liên hệ này, sẽ là hiệu quả hơn khi nói với bạn một điều nữa. Chúng ta tin là con người đã tạo ra sự tiến bộ theo nhiều hướng khác nhau, rằng con người đã hoàn toàn tiến hóa, điều đó tuyệt đối sai. Cuộc đời của con người quá rộng lớn đến mức, nếu họ tạo ra sự phát triển theo một hướng thì họ sẽ không nhận ra họ đang bị lùi lại phía sau những hướng phát triển khác. Nếu khoa học tạo

ra sự phát triển lớn lao thì chúng ta đã bị lùi lại rất xa về vấn đề tôn giáo. Bất kỳ khi nào tôn giáo hưng thịnh thì khoa học tụt lại phía sau. Khi chúng ta phát triển theo một khía cạnh thì khía cạnh khác hoàn toàn bị lãng quên.

Vào năm 1880, ở châu Âu người ta đã phát hiện ra những cái hang ở Altamira. Ở trong những hang này, có nhiều bức tranh màu được cho là đã tồn tại từ hai mươi nghìn năm trước. Nhưng màu của bức tranh nhìn vẫn còn tươi mới, cứ như chúng mới được vẽ ngày hôm qua. Vì điều này mà ông Don Marcellano, người khám phá ra những hang này đã bị chỉ trích khắp châu Âu. Mọi người nghĩ rằng ông ta đã tô lại những bức tranh. Tất cả các họa sĩ đã xem chúng đều nói rằng, Macellano đã cố tình lừa dối công chúng, màu sắc mới mẻ đó không thể là cổ đại được.

Theo cách này thì những gì họ nói là đúng, bởi vì tranh của Van Gogh chưa tới một trăm năm mà đã bị phai nhòa; những bức tranh mà Picasso vẽ thời tuổi trẻ cũng đã trở nên già cũ như bản thân ông ta. Thời kỳ đó, màu sắc thường được các họa sĩ sử dụng trên khắp thế giới sẽ không thể kéo dài quá một trăm năm; chúng buộc phải nhạt dần sau một thế kỷ.

Nhưng khi hoàn thành việc điều tra các hang động mà Macellano tìm ra, không còn nghi ngờ gì nữa, các hang động đã tồn tại hơn hai mươi nghìn năm. Đây là điều huyền bí vĩ đại, bởi vì những người đã vẽ những bức tranh đó, họ hiểu biết về màu sắc nhiều hơn chúng ta hiểu hiện nay. Có thể chúng ta lên tới mặt trăng, nhưng chúng ta không có khả năng tạo ra những màu sắc giữ nguyên tươi mới trong suốt trăm năm. Những người đã tạo ra màu sắc

hai mươi nghìn năm trước đã hiểu rõ khoa học màu sắc hơn là ngày nay chúng ta hiểu.

Các xác ướp ở Ai cập hơn mười nghìn năm tuổi. Chúng là cơ thể đã chết của con người, nhưng chúng được bảo quản quá tốt - cứ như họ mới chết ngày hôm qua. Chúng ta không có khả năng khám phá ra hóa chất ướp xác đã được sử dụng. Làm cách nào những cơ thể này đã được bảo vệ trong mười nghìn năm? - chưa bao giờ bị hư hại. Nhưng chúng ta chưa bao giờ có khả năng tạo ra hóa chất như hóa chất đã được sử dụng để bảo vệ những xác ướp đó.

Các loại cần cầu chúng ta có ngày nay không thể đặt những tảng đá khổng lồ trên đỉnh của những kim tự tháp. Dường như việc thực hiện công việc đó nằm ngoài khả năng của con người, có vẻ như ở thời kỳ đó, con người không có cần cầu. Họ phải biết một vài kỹ thuật để nâng những tảng đá đó, nhưng ngày nay chúng ta không thể phán đoán ra. Cuộc sống quá rộng lớn đến mức, khi chúng ta bắt đầu vận hành theo một khía cạnh này thì chúng ta quên hết mọi khía cạnh khác.

Những tượng thần được tạo ra bởi những người phát triển cao. Điều này đáng để chúng ta suy nghĩ. Tượng thần là cầu nối giữa chúng ta với năng lượng vũ trụ tồn tại xung quanh chúng ta, cho nên những người phát triển tượng thần đã tạo ra cây cầu nhận biết điều huyền bí tối thượng của sự sống.

Chúng ta nói rằng, chúng ta đã phát hiện ra điện. Chắc chắn là chúng ta tiến bộ hơn, văn minh hơn những cộng

đồng không biết gì về điện. Chúng ta đã khám phá ra sóng vô tuyến, chúng ta có thể gửi thông điệp từ quốc gia này tới quốc gia khác trong một giây, cho nên chúng ta hoàn toàn tiến bộ hơn những người phụ thuộc vào năng lượng giọng nói của họ khi giao tiếp, và sự giao tiếp đó cũng chỉ trong khoảng cách vài trăm dặm bằng việc hét to lên.

Nhưng khi so sánh với những người có khả năng tạo ra cây cầu liên hệ với nguồn sống tối thượng thì chúng ta chỉ là những đứa trẻ. Điện của chúng ta, sóng vô tuyến của chúng ta và những khám phá tương tự chỉ là những trò chơi trẻ con. Nghệ thuật liên quan với điều huyền bí tối thượng của sự sống được khám phá bởi những người làm việc rất nghiêm túc, rất miệt mài theo hướng đó.

Như tôi đã nói với các bạn trước đây, một hướng của tượng thần đối diện với con người, và cửa sổ mở ra từ hữu hình tới vô hình. Cửa sổ của ngôi nhà phải có hình và dạng, giống như ngôi nhà có; cửa sổ không thể là vô hình. Nhưng khi bạn mở cửa sổ và nhìn ra bầu trời thì bạn hướng vào vô hình. Nếu tôi nói với người chưa bao giờ mở cửa sổ của mình để nhìn bầu trời rằng, bằng việc mở cửa sổ nhà mình tôi có khả năng nhìn thấy vô hình, thế thì anh ta sẽ nói tôi bị điên. Làm cách nào con người có thể nhìn tới vô hạn từ một cửa sổ nhỏ? - Nhiều nhất thì những gì được nhìn qua cửa sổ cũng chỉ bằng chính cửa sổ đó. Anh ta hoàn toàn có lý, nếu anh ta chưa bao giờ nhìn thấy bầu trời qua cửa sổ, thế thì sẽ rất khó khăn để thuyết phục anh ta rằng, thậm chí một cửa sổ nhỏ cũng có thể mở tới vô hạn. Cửa sổ không thể thiết lập sự giới hạn lên những gì nó mở ra, hoặc tượng thần không thể thiết lập sự giới hạn lên vô hình.

Những người nghĩ rằng, tượng thần là chương ngại đối với nhận biết điều không biểu lộ, chính họ lại tạo ra sai lầm nghiêm trọng. Và những người nghĩ rằng, nếu phá vỡ cửa sổ thì bầu trời cũng bị phá vỡ là điên khùng! Bằng việc phá hủy tượng thần, sự không biểu lộ không thể bị xáo trộn. Nhưng những người không biết nghệ thuật và thuật giả kim của thờ cúng có thể nghĩ đến việc phá hủy các tượng thần.

Tôn thờ là vấn đề bên trong, là chủ quan, là vấn đề cá nhân, nó không thể biểu hiện, chứng minh, hoặc giải thích. Bất kỳ điều gì bên trong và cá nhân thì không thể giải thích. Nếu trái tim tôi bị mở ra thì bạn cũng không thể nhìn thấy tình yêu trong đó; hoặc bạn sẽ không thể tìm thấy sự giận dữ, sự ghét bỏ, sự tha thứ hoặc lòng thương cảm. Bạn chỉ có thể nhận ra một dạng bơm để bơm cho máu tuần hoàn. Nếu đặt tôi lên bàn mổ và nghiên cứu tim tôi thì nhà phẫu thuật chỉ xác nhận rằng, tôi chưa bao giờ trải nghiệm bất kỳ tình thương yêu hay sự căm ghét nào, tôi không có cách nào để chứng minh ông ta là sai. Liệu nhà phẫu thuật sẽ khẳng định rằng tôi đã từng yêu? ông ta có thể nói rằng tôi đã lừa dối. Nhưng nếu tôi hỏi vị bác sĩ, ông ta có bất kỳ trải nghiệm nào về tình yêu hay sự căm ghét không, nếu ông ta là người có lý và thành thật, ông ta sẽ nói, sự lừa dối của ông ta cũng như vậy; ngược lại, trái tim được nhìn thấy trên bàn mổ chỉ giống như cái bơm tuần hoàn máu, nó không có gì giống như trái tim cảm nhận tình yêu hoặc thù ghét.

Nếu mắt bạn được phẫu thuật và được khám, thì cũng không có khả năng chứng minh chúng đã nhìn thấy những giấc mơ. Làm cách nào bạn có thể biết mắt mình vẫn mở

trên bàn mổ tối hôm đó, trong khi nhắm thì lại nhìn thấy nhiều giấc mơ? tất cả chúng ta đều nhìn thấy những giấc mơ, nhưng chúng tồn tại ở đâu? Những giấc mơ có thể là không thực, nhưng sự tồn tại của chúng là không thể từ chối. Tuy nhiên giấc mơ không thực là điều có thể, nó xuất hiện ở một nơi nào đó bên trong. Nếu đó là giấc mơ sợ hãi, khi bạn thức dậy, tim bạn sẽ đập nhanh hơn; thậm chí nếu nó là không thực, nếu bạn kêu khóc trong giấc mơ thì khi thức giấc, mắt bạn sẽ hơi ướt. Một cái gì đó xuất hiện bên trong, nhưng ở bên ngoài, đôi mắt tự nhiên sẽ không tiết lộ bất kỳ điều gì: bất kỳ điều gì bên trong, chủ quan và cá nhân thì không thể được nhìn từ bên ngoài.

Tượng thần có thể được nhìn – như là trái tim hoặc mắt có thể được nhìn. Nhưng sự thờ cúng không thể được nhìn. Sự thờ cúng có thể giống như tình yêu hoặc giấc mơ; do vậy khi bạn đi ngang qua ngôi đền, bạn có thể nhìn thấy tượng thần, nhưng không thể nhìn thấy sự thờ cúng. Cho nên nếu bạn nhìn thấy Meera nhảy múa trước tượng thần, một cách tự nhiên, hẳn bạn sẽ nghĩ bà ta bị điên, bởi vì sự thờ cúng của bà ta không thể nhìn thấy. Có vẻ như bà ta chỉ đang nhảy múa trước mặt tảng đá!

Khi Ramakrishna được chỉ định là tu sĩ ở ngôi đền Dakshineswar ở Calcutta, sau vài ngày, mọi người bắt đầu phàn nàn về ông ta. Người ta nói rằng, trước khi dâng hoa cho vị thần, Ramakrishna đã ngủ trước, trước khi dâng thức ăn cho vị thần, ông ta cũng nếm trước! điều này được coi là tội báng bổ thần thánh.

Ramakrishna được triệu đến trước hội đồng ngôi đền và được yêu cầu phải giải thích. Ông ta nói rằng bất kỳ khi nào mẹ ông ta dứt thức ăn cho ông ta, đầu tiên bà ta nếm

thử xem thức ăn đó có vừa với con trai bà hay không, bà ta phải quyết định rằng nó có xứng đáng với con trai bà hay không; cho nên ông ta cũng thực hiện điều tương tự đối với vị thần. Làm cách nào ông ta dâng thức ăn mà không ném trước? Làm cách nào ông ta dâng những bông hoa mà không ngửi trước? Hội đồng nói rằng điều này chống lại mọi luật lệ thờ cúng.

Ramakrishna đã hỏi, “Liệu có thể có những luật lệ về thờ cúng không? Liệu có thể có những luật lệ về tình yêu không?” nơi nào có những quy định đó thì sự thờ cúng sẽ chết. Nơi nào tồn tại những quy định thì tình yêu sẽ chết. Tình yêu là sự tuôn trào tình cảm bên trong, chúng rất cá tính và cá thể. Có sự thật vũ trụ trong điều này mà chúng có thể được nhận ra. Khi hai người yêu đang trong tình yêu, mặc dù cả hai đều đang yêu thì họ cũng yêu theo cách rất cá nhân của mình. Sự biểu lộ có thể là hoàn toàn khác nhau, nhưng lại có cùng sự trải nghiệm. Trong cả hai, bên trong tình yêu của họ có sự cư ngụ của cùng một tâm hồn.

Tôi đã nói rằng, mặc dù tượng thần có thể được nhìn thấy nhưng sự thờ cúng thì không, nhưng chúng ta vẫn tạo ra câu nói, “thờ cúng tượng thần”, điều này là tuyệt đối sai lầm. Thờ cúng là cách làm xóa mờ tượng thần. Đầu tiên, những người mộ đạo tạo ra tượng thần, sau đó họ làm cho nó biến mất. Theo ý nghĩa trần tục, họ tạo ra tượng thần, và theo ý nghĩa tâm linh họ phá hủy nó. Họ tạo ra nó từ bùn và sau đó biến nó thành siêu tồn tại.

Bây giờ tôi sẽ nói với các bạn về khía cạnh khác... trong đất nước này, trong hàng nghìn năm, chúng ta đã tạo ra những tượng thần và đã ngâm chúng vào nước. Nhiều

người cảm thấy điều đó rất kỳ lạ và họ đã hỏi tôi, tại sao những nữ tượng thần Kali tuyệt đẹp được làm ra và sau vài ngày lại bị ném xuống nước.

Tại sao tượng thần Ganesha được trang hoàng rất kiêu cách, nhưng chỉ được thờ cúng trong vài ngày và sau đó bị ngâm trong nước? - bị ném xuống biển hoặc xuống sông hoặc xuống hồ. Đây là sự điên khùng! Nhưng có ý tưởng đẹp đẽ đằng sau việc ngâm nước này.

Bí mật thực sự của thờ cúng là ở chỗ, tạo ra tượng thần và sau đó làm cho nó biến đi... tạo ra hình và dạng cho tượng thần, sau đó làm cho nó biến vào vô hình. Tất cả đó chỉ là biểu tượng – tạo ra tượng nữ thần Kali, thờ cúng nó và sau đó ngâm nó vào nước. Nhưng chúng ta thờ cúng không đúng cách: chúng ta tạo ra tượng thần, trang hoàng cho nó đẹp hơn và chăm sóc nó, sau đó chúng ta miễn cưỡng bỏ nó đi bằng việc nhúng nó. Nếu sự thờ cúng thực sự xảy ra, thế thì hẳn không bao giờ có nhu cầu nhúng tượng thần, nó có thể được giữ nguyên như cũ, nhưng trái tim của người thờ cúng hẳn chìm vào tồn tại, vào điều linh thiêng. Vậy thì, nếu chúng ta đã nhúng tượng thần thì cũng giống như chúng ta vứt cái vỏ đạn; nó đã hết công dụng.

Nhưng tượng thần mà chúng ta nhúng vào chỉ là viên đạn được nạp – chưa bao giờ được dùng đến và vẫn còn sống động. Chúng ta chỉ nạp đạn và chúng ta phải ngay lập tức vứt chúng đi, cho nên một cách tự nhiên, chúng ta không vui vẻ về chuyện đó. Vào những thời điểm rất sớm, trong khoảng thời gian hai mươi một ngày thờ cúng, viên đạn đã bị đốt cháy, điều này được coi là hợp với mục đích của nó; trong thời gian đó, sự nhúng hoặc sự biến mất của tượng thần đã xảy ra.

Thờ cúng là chìm đắm.

Bạn bắt đầu hành trình của mình với tượng thần trước mặt bạn. Thờ cúng là quá trình mà nhờ đó bạn tiến lên. Khi bạn vượt lên phía trước, tượng thần bị bỏ lại phía sau, và chỉ còn sự thờ cúng là được giữ nguyên. Nếu bạn dừng ở tượng thần thì bạn không biết thờ cúng là gì. Bất kỳ ai tiếp tục thờ cúng cũng đã nhận ra tượng thần, đã biết gốc rễ của thờ cúng và mục đích thực sự của tượng thần.

Trong việc thờ cúng, những nguyên lý cơ bản phía sau liên quan đến tượng thần là gì? Đầu tiên, nhảy vào sự thật tối thượng mà bạn đang tìm kiếm, bạn cần một vùng đất cứng, bực nhảy. Sự thật tối thượng không cần bất kỳ nền tảng vững chắc nào, nhưng bạn cần nơi chôn để bắt đầu, nơi mà bạn có thể thực hiện cú nhảy. Bạn chuẩn bị nhảy xuống biển và biển là vô hạn; bạn cần dải đất hoặc bờ biển để có thể thực hiện cú nhảy. Một lúc nào đó bạn nhảy, bạn sẽ xa khỏi bờ, nhưng bạn sẽ không quay trở lại để cảm ơn bờ về việc nhờ nó mà bạn đã nhảy vào vô hạn?

Điều này có vẻ là không thể. Liệu bạn có thể nhảy từ hữu hình tới vô hình? Hữu hình sẽ chỉ đưa bạn tới hình dạng khác mà thôi. Nếu bạn hỏi Krishnamurti thì ông ta cũng chỉ cho bạn điều đó là không thể. Làm cách nào bạn nhảy từ hữu hình tới vô hình? làm cách nào bạn nhảy từ trần tục tới vô trần tục?

Tất cả các cú nhảy đều từ hữu hình tới vô hình, bởi vì trong cảm giác sâu sắc hơn thì hữu hình là đối nghịch với vô hình. Hữu hình là một phần của vô hình, là phần không thể chia. Có vẻ như điều đó tách biệt với chúng ta - bởi vì

tâm nhìn của chúng ta là hạn chế. Thực tế hữu hình và vô hình là không thể chia.

Khi chúng ta đứng trên bãi biển và nhìn ra biển, chúng ta cảm nhận rằng bờ biển này và bờ biển đối diện là riêng biệt, bên kia biển là riêng biệt. Nhưng khi chúng ta lặn sâu xuống nước, chúng ta sẽ nhìn thấy bờ bên này và bờ bên kia được nối liền với nhau bởi đáy biển.

Nếu chúng ta biểu cảm nó bằng thuật ngữ khoa học thì sẽ thấy thực tế rất thú vị. Suốt dọc theo đáy biển có rất nhiều bùn hoặc cát: nếu chúng ta đào xuống đáy biển, chúng ta sẽ tìm thấy cát; nếu chúng ta đào xuống đất, chúng ta sẽ tìm thấy nước. Nếu chúng ta dùng ngôn ngữ khoa học thì chúng ta có thể nói rằng, trong biển có nhiều nước và ít bùn, trên đất có nhiều bùn và ít nước. Sự khác nhau chỉ là tỷ lệ, là một độ, nhưng thực ra chúng không riêng biệt; mọi thứ là duy nhất và hợp nhất.

Bất kỳ điều gì chúng ta mô tả như là hữu hình thì cũng hợp nhất với vô hình, và vô hình cũng hợp nhất với hữu hình. Chúng ta đang đứng ở tư thế hữu hình; khái niệm về tượng thần chấp nhận thực tế rằng, chúng ta đang ở trong hữu hình. Đó là trạng thái, đó là nơi chúng ta đang tồn tại, và chúng ta chỉ có thể bắt đầu hành trình của chúng ta từ nơi chúng ta đang tồn tại, không phải từ nơi mà chúng ta phải vươn tới. Về cơ bản, nhiều triết lý bắt đầu từ nơi chúng ta nên là, nhưng làm cách nào chúng ta có thể bắt đầu hành trình từ nơi mà chúng ta không tồn tại? Hành trình phải bắt đầu từ nơi chúng ta tồn tại.

Chúng ta đang ở đâu? Chúng ta sống trong hữu hình.

Tất cả kinh nghiệm của chúng ta thuộc về hữu hình, thuộc về sự biểu lộ. Chúng ta không biết bất kỳ điều gì không biểu lộ, bất kỳ điều gì không hữu hình. Nếu chúng ta yêu, chúng ta yêu trong hữu hình; nếu chúng ta ghét, chúng ta ghét trong hữu hình. Chúng ta bị quyến luyến bởi hữu hình và chúng ta đã quyến luyến với hữu hình; chúng ta đã thực hành tách rời khỏi hữu hình. Tất cả bạn bè và kẻ thù của chúng ta là hữu hình. Bất kỳ điều gì chúng ta làm thì cũng được thực hiện trong hữu hình.

Khái niệm tượng thần chấp nhận thực tế này, cho nên, nếu chúng ta phải chuẩn bị hành trình tới vô hình thì chúng ta cũng phải cho vô hình một hình dạng nào đó. Tất nhiên, hình dạng đó sẽ phụ thuộc vào sự tưởng tượng của chính chúng ta.

Một người trải nghiệm vô hình bởi Mahavira, một người khác bởi Krishna, và một người khác nữa bởi Jesus. Bất kỳ ai đã nhìn thấy vô hình ở Jesus bằng việc nhìn vào mắt của ông ấy, người đó cũng tìm ra ô cửa mà thông qua ô cửa này vô hình có thể được nhìn thấy. Bất kỳ ai nắm tay Jesus cũng nhận ra rằng tay của họ dừng không là tay họ nữa mà trở thành tay của vô hạn. Bất kỳ ai đã từng nghe Jesus nói và cảm nhận sự rung động của trái tim ông ấy, không phải bằng việc hưởng ứng những lời nói đó mà tới những gì bên ngoài lời nói đó, thì cũng dễ dàng nhảy vào vô hạn thông qua thờ cúng hình ảnh của Jesus.

Một người nào đó tìm ra vô hình bởi Krishna; một người nào đó tìm thấy nó bởi Đức Phật và một người nào đó khác bởi Mahavira. Nhưng nên nhớ rằng, đầu tiên

chúng ta sẽ chỉ có khả năng nhìn thấy vô hình, vô hạn thông qua hữu hình. Vô hình tinh khiết không thể được nhìn trực tiếp bởi bất kỳ người nào. Chúng ta không có khả năng hoặc không phù hợp để nhìn trực tiếp; đối với chúng ta, vô hình buộc phải trở thành hữu hình.

Đây là ý nghĩa của hóa thân – rằng sự vô hạn đã thừa nhận hình dáng và hữu hình, rằng cái vô hạn đã được chọn để chứng tỏ bạn là hiển hiện và cơ thể hữu hình. Điều đó có vẻ như là tự mâu thuẫn, nhưng đây lại chính là ý nghĩa của hóa thân. Hóa thân là một dạng ban công mà ở đó bạn có thể nhìn thấy bầu trời bao la. Hiện thân là sự thoáng qua về vô hình – bạn không thể có bất kỳ mối liên hệ trực tiếp nào với vô hình, kinh nghiệm về nó sẽ ở một dạng hữu hình. Và khi điều này xuất hiện, kinh nghiệm có thể được lặp lại dễ dàng thông qua dạng hữu hình đó.

Bất kỳ ai đã nhìn thấy Đức Phật sẽ nhận ra người sống động và xuất hiện từ ảnh hay bức vẽ. Đối với bất kỳ ai yêu Đức Phật, tượng thần của người đó sẽ dần biến mất và sẽ cảm nhận được cuộc sống Đức Phật ở đó. Đức Phật, Mahavira, Krishna hoặc Christ – tất cả họ đều để lại phía sau các phương pháp liên hệ. Thông qua những phương pháp này, những người mộ đạo của họ có thể thiết lập mối liên hệ với họ. Cho nên hình dạng của tượng thần là sự sắp đặt rất cụ thể.

Nghệ thuật và khoa học tạo ra tượng thần bao gồm nhiều ý tưởng và tính toán. Nếu những điều này được nhớ lại trong khi tạo ra tượng thần, vậy thì tượng thần đó có thể dẫn bạn vào thiên sâu hơn. Trong mỗi liên hệ này, nhớ lại hai hay ba vấn đề là điều rất tốt...

Nếu bạn đã từng nhìn thấy nhiều tượng thần của Đức Phật, bạn sẽ phải quan sát rằng, chúng đại diện cho trạng thái nào đó của ký ức hơn là một cá nhân cụ thể. Nếu bạn nhìn sâu và tượng Đức Phật, trong vòng một vài thời điểm, bạn sẽ cảm nhận lòng từ bi lớn lao mưa xuống bạn từ mọi hướng. Cánh tay của Đức Phật giơ lên, mắt người nhắm hờ, khuôn mặt chạm trở cân xứng của người, sự biểu lộ phong nhã của người, dáng ngồi tĩnh tại của người – tất cả đều mang ý nghĩa sâu sắc hơn, lòng trắc ẩn trong bạn được đánh thức.

Một người nào đó đã hỏi nhà họa sĩ vĩ đại người Pháp, tại sao ông ta lại vẽ tranh. Ông ta nói, “Tôi vẽ tranh chỉ để tìm ra một dạng cảm xúc nào đó, tình cảm nào đó của trái tim tôi, để có thể biểu hiện chúng ở bức tranh sơn dầu. Trong nỗ lực biểu cảm cảm xúc đó, bức tranh hiện ra”. Nếu một người nào đó thiên với bức tranh đó, thế thì người đó có thể trải nghiệm cảm xúc tương tự như cảm xúc xuất hiện trong tâm hồn người họa sĩ.

Khi bạn nhìn bức tranh, bạn chỉ nhìn hình dạng; bạn không nhận ra tâm hồn của người họa sĩ đang thấm vào bạn. Những đường đan nhau trên bức sơn dầu không chỉ là những đường của hình dạng đó. Nếu bạn tập trung vào chúng thì bức tranh với những đường đan chéo cũng sẽ hiện ra bên trong bạn... bởi vì đó là bản năng của trí óc, sự rung động trong bạn cộng hưởng với những gì tương tự được nhìn thấy bên ngoài.

Có lẽ bạn không biết rằng, niềm vui mà bạn cảm nhận nhiều khi ngắm bông hoa, không phải bởi chính bông hoa, mà bởi sự cân đối của những cánh hoa, chính điều đó

thuyết phục bạn. Khi bạn bị hấp dẫn bởi một khuôn mặt đẹp nào đó, không phải vì vẻ đẹp của người đó, mà vì sự tương ứng với hình ảnh trong bạn về vẻ đẹp. Nó tạo ra sự cộng hưởng về vẻ đẹp trong bạn, điều đó làm cho bạn cảm nhận một cái gì đó bên trong cũng đẹp. Bằng cách tương tự, sự hiện diện của khuôn mặt xấu xí tạo cho bạn cảm giác không thỏa mãn. Trải nghiệm niềm vui về sự có mặt của một người nào đó đẹp cũng còn vì vẻ đẹp bên trong bạn, điều đó cũng làm cho bạn đẹp hơn. Sự xấu xí có nghĩa là một cái gì đó không cân đối, thô ráp, không đối xứng và bị lệch lạc; điều này gây ra trong chúng ta cảm giác không hòa hợp, lộn xộn và không thoải mái.

Nijinsky là diễn viên múa ba lê nổi tiếng, ông ta đã tự sát. Khi mọi người đến nhà ông ta để điều tra, họ phải ra ngoài trong vòng mười hoặc mười lăm phút, bởi vì họ nhận thấy một cái gì đó rất khó chịu. Họ nói, khi vào ngôi nhà họ cảm thấy không bình thường, nếu ai đó ở lại trong đó lâu như Nijinsky đã ở thì hẳn cũng muốn tự sát. Điều gì xảy ra mà lại làm cho căn nhà của ông ta lại quá khó chịu? Ông ta đã sơn tất cả các bức tường và trần nhà thành màu đỏ và đen – nó đã trở thành như thế này từ hai năm trước. Thật không có gì ngạc nhiên khi ông ta trở nên điên khùng và tự sát. Những người đã vào trong ngôi nhà đều nói, nếu ai đó đã ở ngôi nhà đó trong vòng hai năm thì hẳn cũng trở nên điên khùng và dẫn đến tự sát. Nijinsky hẳn phải là con người rất can đảm – ông ta đã tạo ra xung quanh mình tình trạng rất hỗn loạn.

Bất kỳ điều gì bạn nhìn thấy thì cũng tạo ra sự vọng lại bên trong bạn, trong một vài cảm giác sâu sắc bạn trở nên

thích những gì bạn nhìn thấy. Tất cả tượng của Đức Phật được tạo ra để phản ánh lòng từ bi, bởi vì đó là thông điệp bên trong của người. Đức Phật nói, nếu bạn có lòng từ bi thì bạn sẽ có mọi thứ. Từ bi có nghĩa là gì? Nó không có nghĩa là tình yêu. Tình yêu đến và đi nhưng từ bi là tình yêu, và một lần nó đến thì không bao giờ đi. Trong tình yêu, có ước mong tinh tế nhận được một cái gì đó từ người khác. Với lòng từ bi, nhận biết rằng không ai có bất kỳ điều gì để dâng tặng; mọi người đều quá nghèo nàn đến mức họ không có gì để dâng tặng, chính vì vậy mà có lòng từ bi. Không có nhu cầu về lòng từ bi. Trong trạng thái này, thậm chí không có ước mong để dâng hiến, nhưng tất cả các ô cửa của tâm hồn trở nên rộng mở, và một cái gì đó bắt đầu được dâng tặng một cách tự nhiên.

Đức Phật nói với môn đệ của mình, “Khi bạn thiền, thờ cúng hoặc cầu nguyện, hãy nhớ rằng phải dâng tặng ngay những gì là bình an mà bạn nhận được. Đừng giữ nó bên trong bạn dù chỉ là thời điểm – tôi gọi bạn là vô tín ngưỡng nếu bạn làm như vậy. Khi bạn tràn đầy niềm vui sau khi thiền, ngay lập tức phải cầu nguyện dâng bẻ trên để dâng tặng niềm vui đó cho những người cần nó. Hãy mở các ô cửa của trái tim bạn, hãy để cho niềm vui tuôn chảy tới tất cả những người cần nó - giống như nước chảy xuống từ những ngọn núi”. Lòng từ bi lớn lao được Đức Phật mô tả như là sự giải thoát tối thượng. Cho nên, tất cả các tượng Đức Phật được tạo ra theo cách như vậy để những người thờ cúng cảm nhận được sự cộng hưởng, sự rung động của lòng từ bi bên trong họ.

Làm cách nào bạn thờ cúng Đức Phật? Nếu bạn muốn

thờ cúng Đức Phật thì trung tâm thờ cúng sẽ là trái tim. Nếu bạn không biết điều này, bạn sẽ không bao giờ có khả năng hiểu tượng Đức Phật, bởi vì mục đích chính là tạo ra lòng từ bi trong bạn. Trung tâm của lòng từ bi là trái tim, cho nên khi thờ cúng Đức Phật, tập trung chú ý vào - một điểm duy nhất - trái tim của người, và điểm cuối thứ hai là chính trái tim chúng ta. Bạn sẽ cảm nhận cả hai trái tim cùng đập một nhịp điệu. Thế rồi thời điểm sẽ xuất hiện khi bạn cảm nhận mối liên hệ giữa trái tim bạn và trái tim bên trong tượng Phật. Bạn không chỉ cảm nhận điều đó mà bạn sẽ có khả năng nhìn thấy nhịp đập của trái tim tượng thần. Khi điều đó xảy ra, bạn sẽ biết rằng sự sống đã được truyền; nếu không sẽ không có sự sống trong đó và việc thờ cúng là vô nghĩa.

Trái tim của tượng thần có thể được nhìn như là nhịp đập: nếu bạn đã thiên với những nhịp đập của trái tim mình một cách phù hợp, và cùng thời điểm đó là trái tim Đức Phật thì mối liên hệ giữa hai sẽ được thiết lập. Vậy thì trái tim bạn sẽ đập cùng trái tim Đức Phật, cứ như bạn nhìn thấy khuôn mặt phản chiếu trong gương.

Bạn đã bao giờ quan sát nhịp đập của trái tim bạn trong gương chưa? bạn sẽ nói gương chỉ là gương, nó buộc phải phản chiếu mọi sự chuyển động. Tượng thần cũng là gương trong cảm giác sâu sắc, trong cảm giác tâm linh sâu sắc. Cho nên tim bạn và tim của tượng thần sẽ rung động. Cho đến trước khi điều này xuất hiện thì thờ cúng không thể bắt đầu, bởi vì tượng thần vẫn chỉ là tảng đá và chưa có gì chắc chắn; sự sống không hiện ra trong nó.

Nếu bạn muốn thiên với tượng Phật thì trung tâm phải

là trái tim. Nếu bạn muốn thiên với Mahavira thì sẽ có trung tâm khác; đối với Jesus là trung tâm thứ ba và với Krishna là trung tâm thứ tư... Tất cả các tượng thần được tạo ra với các trung tâm khác nhau như là nền tảng cơ bản. Thậm chí, mặc dù xã hội có thể đã thờ cúng tượng thần cụ thể trong hàng nghìn năm, cũng có thể trung tâm của nó không được nhận ra, và nếu trung tâm không được biết đến thì bạn không thể thiết lập mối liên hệ với tượng thần. Bạn có thể dâng hoa và hương, bạn có thể cúi đầu trước nó – nhưng bạn đã làm tất cả điều đó trước tảng đá thuần túy. Nên nhớ, tảng đá phải được biến đổi thành vị thần! điều đó sẽ không được thực hiện bởi thợ điêu khắc, điều đó phải được thực hiện bởi bạn. Thợ điêu khắc chỉ cho nó hình dạng: ai sẽ rót sự sống vào nó? sự sống phải được chất lọc vào trong nó bởi người mộ đạo. Không có điều đó thì tượng chỉ là tảng đá. Thờ cúng chỉ bắt đầu sau khi sự sống đã được dâng cho tượng thần.

Thờ cúng là gì? Một lần nào đó, bạn có khả năng cho hiện sự sống vào tượng thần, bạn sẽ thờ cúng vị thần thực sự, vị thần sống động. Hãy cố hiểu điều này một cách sâu sắc: ngay khi một cái gì đó trở nên sống động thì hữu hình và vô hình trở thành một... bởi vì thân thể là hữu hình và sự sống bên trong nó là vô hình. Sự sống là vô hình.

Nếu một người nào đó cắt tay tôi, sự sống của tôi không bị cắt. Nếu tôi bị thôi miên và bị mất cảm giác, và nếu tay của tôi bị cắt rời thì tôi vẫn không cảm thấy đau. Toàn bộ bộ óc của tôi có thể lấy khỏi mà không có sự nhận biết về việc phẫu thuật... bởi vì sự sống như vậy là không có hình dạng. Bất kỳ nơi đâu có sự sống, thì cũng có sự gặp mặt giữa hữu hình và vô hình.

Vật chất có hình dạng, ý thức không có hình dạng. Chờng nào mà tượng thần chỉ là tảng đá thì cũng chỉ có hình dạng mà thôi; nhưng ngay khi người mộ đạo cho hiện sự sống trong nó thì nó trở nên sống động. Nên nhớ, người thờ cúng nào không thể mang trái tim mình rung động trong tượng thần, người đó không thể có trái tim rung động tối thượng bên trong tượng thần đó. Đó không phải là người mộ đạo thực sự. Ngay khi người đó có khả năng làm cho trái tim mình rung động bên trong tượng thần, tượng thần đó sẽ trở nên sống động, thế rồi ô cửa tới vô hạn sẽ mở ra. Về mặt này, tượng thần là hữu hình, về mặt khác nó là vô hình. Du hành thông qua ô cửa này là thờ cúng.

Thờ cúng là hành trình tới vô hình thông qua hữu hình.

Có nhiều bước tới thờ cúng, nhưng bước nền tảng đầu tiên là hiểu rằng, mọi cá thể là tự - định tâm. Toàn bộ lối sống của chúng ta là “Ta là”, là trung tâm của toàn bộ thế gian. “Trăng và những ngôi sao mọc vì ta, những chú chim đang bay lượn vì niềm vui của ta, và mặt trời cũng chiếu sáng vì ta: toàn bộ thế gian đang xoay quanh ta, ta là trung tâm của toàn bộ vũ trụ”. Những người như vậy không thể biết thờ cúng. Anh ta cảm nhận mình là trung tâm và phần còn lại của thế giới là ngoại vi của anh ta. Trong thờ cúng bạn nhìn thấy sự đối nghịch: luật cơ bản của thờ cúng là “Ta ở ngoại vi, trung tâm ở một nơi nào đó khác”. Triết lý cơ bản của con người vô tín ngưỡng là, anh ta ở trung tâm và phần còn lại của thế giới ở ngoại vi. Thậm chí nếu Thượng đế tồn tại thì ngài cũng ở ngoại vi. “Ngài phục vụ ta. Nếu ta bị ốm, ngài phải chăm sóc ta. Nếu con trai ta thất nghiệp, ngài phải kiếm việc làm cho nó. Nếu ta gặp rắc rối, Thượng đế phải giúp đỡ ta...” Dạng hữu thần này còn tồi tệ

hơn vô thần. Con người như vậy không thể hiểu điều gì họ nói.

Ý nghĩa đúng đắn của thờ cúng, ý nghĩa đúng đắn của cầu nguyện, của tâm linh là hiểu rằng, bạn ở ngoại vi và vô hạn là trung tâm. Ngay khi trái tim của tượng thần rung động, lúc đó con người cũng trải nghiệm tượng thần sống động và vô hình đã vào trong họ. Cho nên nguyên tắc cơ bản của thờ cúng là cảm nhận rằng, “Ta ở ngoại vi – ta phải nhảy múa với người, ca hát cùng người, sống vì người và thờ vì người. Bất kỳ điều gì xuất hiện thì cũng cho người, cho trung tâm”.

Có lần, nhà triết học vĩ đại tên Totapuri đã nghi cùng Ramakrishna. Totapuri đã hỏi Ramakrishna rằng, ông ta sẽ còn ám ảnh về tượng thần trong bao lâu nữa – đó là thời điểm ông ta bắt đầu hành trình của mình tới vô hình. Ramakrishna trả lời rằng, ông ta sẵn sàng bắt đầu hành trình của mình; ông ta sẵn sàng học hỏi bất kỳ điều gì từ người khác, ông ta luôn sẵn sàng học hỏi bất kỳ điều gì từ bất kỳ ai muốn truyền đạt. Nhưng ông ta đã yêu cầu Totapuri chờ đợi cho đến khi nhận được sự cho phép của mẹ mình.

“Mẹ nào?” Totapuri hỏi.

Ramakrishna trả lời, “Mẹ tôi, nữ thần Kali”.

Totapuri nói, “Đó chính xác là điều tôi đang nói! Bao lâu nữa ông sẽ hiểu được tượng đá Kali? Ông có muốn hỏi tảng đá đó không?”

Ramakrishna trả lời, “Không có cách nào khác, mà phải hỏi bà ấy. Từ thời điểm tôi thờ cúng bà ấy, bà ấy trở thành trung tâm, và tôi thì di chuyển ở ngoại vi. Bây giờ tôi

không phải như vậy, tôi phải được bà ấy cho phép. Bất kỳ điều gì tôi làm là vì bà ấy. Không có sự cho phép của bà thì thậm chí chứng ngộ cũng là điều vô nghĩa; và nếu bà ấy ra lệnh cho tôi xuống địa ngục thì tôi cũng sẵn sàng. Nếu không hỏi bà ấy thì không gì có thể được thực hiện”.

Totapuri không thể hiểu được điều này. Nếu Ramakrishna phải yêu cầu Kali cho phép để dùng thờ cúng bà, thế thì làm cách nào bà có thể ban điều đó? Chúng ta có đề nghị sự cho phép của một người nào đó về việc chúng ta muốn buông bỏ không? Liệu có cần bất kỳ sự cho phép nào để buông bỏ bất kỳ điều gì không?

Vào thời gian đó, Ramakrishna đã đi tới ngôi đền, Totapuri theo ông ta. Ông ta nhìn thấy nước mắt trên khóe mi Ramakrishna: lần nữa, ông ta đã cầu xin Kali cho phép ông ta ngừng thờ cúng bà.

Ông ta đã nói với bà rằng, Totapuri đang chờ ông...

Thế rồi bỗng nhiên ông ta trở nên vui vẻ và bắt đầu nhảy múa. Totapuri đang đứng phía sau đã hỏi điều gì xảy ra.

Ramakrishna nói, “Bà ấy đã cho phép! bây giờ tôi sẵn sàng học hỏi ông!”

Nếu có một người nào đó như là trung tâm của bạn thì điều đó có ý nghĩa, bây giờ cuộc sống của bạn là cuộc sống buông bỏ.

Thờ cúng có nghĩa là cuộc sống buông bỏ.

Thờ cúng chúa trời có nghĩa là sống như chúa trời muốn. Ngồi và đứng, ăn và uống, nói và im lặng cũng vì chúa trời.

Ngay khi con người có sự vô hạn ở trung tâm thì năng lượng huyền bí cũng bắt đầu tuôn chảy, một dạng trải rộng bắt đầu:

Khi như vậy, chúng ta đã tự thu lại. Khi hạt mầm nứt ra, cây bắt đầu mọc lên. Chúng ta đã tự co lại trong “Ta”: khi cái “Ta” đó bị phá vỡ, mầm nhú lên và sự trải rộng bắt đầu. Những mầm này có thể trải rộng, có thể ôm cả thế gian.

Tôn giáo tràn ngập những điều huyền bí vĩ đại. Con người cố tự bảo vệ mình sẽ bị chết; ngược lại, con người giữ chúa trời ở trung tâm thì sẽ tự giữ mình ở cuộc sống ngoại vi. Chúng ta không hiểu làm cách nào điều đó có thể xảy ra, bởi vì ngay lúc chúng ta sinh ra, chúng ta đã tin rằng chúng ta là trung tâm của thế gian.

Đức Phật thường khuyên môn đệ của mình nên có vài ngày ở nơi hòa táng. Họ cần làm điều đó trong ba tháng trước khi họ bắt đầu khai tâm thành bhikkus. Họ hẳn muốn nói rằng, họ muốn đến để học hỏi từ người chứ không phải từ nơi hòa táng. Nhưng Đức Phật vẫn nhấn mạnh, “Sau ba tháng ở nơi hòa táng, cái “Ta” của bạn sẽ trở thành sự buông bỏ, và thuyết giảng cho bạn sẽ dễ dàng hơn. Hàng ngày, trong suốt ba tháng, bạn sẽ nhìn thấy cơ thể chết bị thiêu: ít nhất thì, vào một ngày trong ba tháng đó bạn sẽ bắt đầu nghĩ, thế gian này không chỉ tồn tại cho bạn. Khi bạn không có đây thì thế gian vẫn tồn tại. Cơ thể con người mà bạn đang quan sát trên giàn hỏa thiêu, chỉ thời điểm trước cái chết của mình, người đó cho rằng thế gian tồn tại vì họ. Thậm chí, bây giờ thiên hạ cũng không biết rằng con người này không còn nữa. Biền không chú ý đến việc sống đã tan.

“Cho nên bạn liên tục quan sát, và khi bạn nhận ra rằng thế gian không tồn tại vì bạn thì hãy đến với tôi; thế rồi thiền thực sự có thể bắt đầu. Ngay khi bạn ở trung tâm thì không có khả năng thờ cúng, cầu nguyện hoặc thiền thực sự; chỉ có ảo ảnh khủng khiếp. Thờ cúng sẽ bắt đầu khi ảo ảnh đó tan biến. Thờ cúng bắt đầu khi cái 'Ta' bị bỏ rơi và 'người' có ý nghĩa”.

Nên nhớ rằng, đầu tiên người mộ đạo phải làm cho tượng thần biến đi và mở ô cửa tới vô hình. Thế rồi người đó tự làm cho mình biến đi và thờ cúng bắt đầu. Ngay khi ô cửa tới vô hình mở ra thông qua tượng thần, sự tan biến của bản ngã trở nên dễ dàng hơn. Ngay khi người mộ đạo nhận ra rằng, tượng thần bằng đá có thể biến đi và trở thành ô cửa tới vô hình, thế thì người đó sẽ nhận ra, chính mình cũng có thể trở thành ô cửa tới vô hình, nếu người đó có thể quên cái tôi của mình thì bước nhảy sâu sắc hơn sẽ trở thành điều có thể.

Có thể có sự khác biệt giữa hai hình dạng, nhưng không phải đối với vô hình, bởi vì vô hình chỉ là một. Khi tượng thần trở thành vô hình và người mộ đạo trở thành vô hình, vậy thì không có gì giống như là “hai”. Con số không có mối liên hệ giá trị nào với vô hình. Hình dạng và con số chỉ là những cái nặng chông và có những phương pháp tạo ra những cái nặng hữu dụng. Trong mỗi liên hệ này thì có vài điều cần phải hiểu...

Sufis đã trao tầm quan trọng đầy ý nghĩa, nhảy múa được coi như là thờ cúng. Người mộ đạo như Meera và Chaitanya cũng gắn liền giá trị sâu sắc với nhảy múa – nó có một vài phẩm chất dẫn đến việc nhiều trường phái mộ đạo chọn nó như là phương pháp.

Nỗ lực đầu tiên của nhảy múa là, trong khi nhảy múa bạn cảm nhận bạn không là cơ thể. Bởi vì sự chuyển động nhanh của điệu múa làm cho bạn cảm thấy bạn và cơ thể là riêng biệt. Thực tế, có sự điều chỉnh giữa cơ thể và tâm thức bạn. Đó là sự điều chỉnh được chuẩn bị tốt, trong công việc hàng ngày, sự điều chỉnh đó vẫn giữ nguyên vẹn.

Gurdjieff đã từng nói rằng, nếu có nhiều đá cuội trong thùng, và bạn lắc mạnh thùng đó, sự sắp xếp mọi thứ bên trong sẽ bị đảo lộn. Những hòn đá cuội nằm ở đáy thùng sẽ văng lên nắp, hòn đá nằm ở giữa sẽ dịch chuyển ra ngoài rìa, hòn ở trên sẽ dịch vào giữa: toàn bộ sự sắp xếp bên trong có thể trở nên hỗn loạn. Nếu một hòn đá đã ở vị trí cụ thể nào đó trong mối liên hệ với những hòn khác, và nó trở nên đồng dạng với vị trí đó, bản ngã của nó sẽ bị phá hủy. Tảng đá sẽ cảm nhận rằng, “Ta không còn là ta nữa”, rằng đó chỉ là sự sắp xếp và sự sắp xếp đó cũng không còn nữa.

Cho nên Sufir, Meera và Chaitanya đã sáng tạo ra tác dụng sâu sắc của nhảy múa. Điệu múa của tu sĩ Hồi giáo rất tuyệt vời: cơ thể của người nhảy múa quay rất nhanh và toàn bộ đến mức mọi tế bào, mọi sợi cơ của cơ thể bắt đầu rung động. Điều này phá vỡ mối liên hệ giữa cơ thể và tâm thức, bỗng nhiên, vũ công nhận ra rằng anh ta là riêng biệt với cơ thể mình.

Cho nên sử dụng nhảy múa để thờ cúng là rất giá trị.

Có hai giáo phái Cơ đốc giáo, một giáo phái được biết đến như là Quaker và giáo phái kia là Shaker. Thậm chí đối với thời nay, Quaker vẫn còn rất ảnh hưởng. Tên của các giáo phái là rất ý nghĩa. Trong thời gian thờ cúng, giáo

phái Shaker lắc cơ thể mình mãnh liệt đến mức mọi dây thần kinh và tế bào của cơ thể bắt đầu rung mạnh. Đứng trước tượng thần của mình, khi cơ thể rung động quá mạnh, Shaker sẽ đâm đĩa mờ hôi. Ở thời điểm đó, anh ta sẽ trải nghiệm tâm thức của anh ta là riêng biệt đối với cơ thể. Thế rồi, tâm thức đó chuyển vào thờ cúng.

Tên Quaker là rất ý nghĩa – cơ thể họ rung động rất mạnh khi họ thờ cúng. Trong động đất, đất rung rất mạnh đến độ mọi thứ bị phá hủy tan tành; Quaker cũng rung động quá mạnh đến mức mối liên hệ giữa cơ thể và tâm thức bị phá vỡ. Dạng chuyển động này, điệu múa này và những bài ca mộ đạo, tất cả đã được sử dụng để tạo ra khoảng trống giữa cơ thể và tâm thức.

Trong mối liên hệ này, chúng ta hãy hiểu một chút về khoa học âm thanh. Khoa học tin rằng đơn vị cuối cùng của vật chất là điện. Các nhà hiền triết phương Đông tin rằng đơn vị cuối cùng của vật chất không phải là điện mà là âm thanh. Vật lý hiện đại tin rằng cuối cùng thì tất cả vật chất được tạo ra bởi điện, ngược lại các hiền nhân phương Đông nói rằng âm thanh là đơn vị cơ bản của vật chất. Bất kỳ điều gì có thể là sự thật thì vấn đề cần phải hiểu là có mối liên hệ gần gũi giữa điện và âm thanh. Nếu không phải ngày nay thì ngày mai sự thật về nguyên tố cuối cùng sẽ được khám phá: một dạng của nguyên tố đó là âm thanh và dạng khác là điện. Nguyên tố đó phải được khám phá để biết nó là gì. Tìm kiếm từ khía cạnh tâm linh, các nhà hiền triết đã đạt tới tri thức rằng âm thanh là điều tối thượng; nghiên cứu từ khía cạnh vật chất, các nhà khoa học đã dẫn tới điện. Nên nhớ rằng, các nhà hiền triết đã tìm kiếm

chính bên trong họ mà không phải bên trong vật chất: bên trong chính bản thể bạn, kinh nghiệm tối thượng về sự tồn tại của bạn là âm thanh. Ngay khi bạn nhận biết chính mình thì sẽ có sự nhận biết âm thanh. Bạn càng vào chính mình sâu hơn thì âm thanh càng ít rõ hơn cho đến khi nó trở thành trống rỗng. Sự tĩnh lặng sâu sắc đó cũng có âm thanh của chính nó, “âm thanh của không âm thanh”, các nhà hiền triết Ấn Độ mô tả âm thanh đó là anahat nada. Anahat nada đó là âm thanh tối thượng: kinh nghiệm cuối cùng của tâm thức con người, trước khi vào vô hình thì nó là âm thanh. Vì kinh nghiệm này mà các nhà hiền triết Ấn Độ nói rằng âm thanh là nguyên tố cuối cùng.

Các nhà khoa học đã chia vật chất thành nhiều phần nhỏ hơn, và ngay trước khi nó biến thành vô hình thì nó được nhìn thấy như là điện tử. Vậy thì, sau khi vật chất hoàn toàn biến mất và vô hình xuất hiện thì điều còn giữ lại là điện.

Những gì phải được nghĩ đến cho dù là phần nhỏ nhất thì cũng là phần cuối cùng của tâm thức, nó xuất hiện trước phần nhỏ nhất của vật chất. Chắc chắn rằng ý thức tinh tế và mỏng manh hơn vật chất, cho nên phần cuối cùng của ý thức phải tồn tại trước vật chất. Cho nên những nhà hiền triết Ấn Độ đã quan niệm rằng, âm thanh là mỏng manh, là tinh tế hơn điện, nó xuất hiện trước điện, và đó là ngọn nguồn cuối cùng của mọi thứ.

Âm nhạc, bài ca, cầu nguyện và niệm thần chú đều sử dụng âm thanh. Mọi âm thanh đều tạo ra trạng thái đặc biệt bên trong bạn; không có âm thanh nào mà không tạo ra hiệu quả như vậy.

Các nhà khoa học đang thử nghiệm âm thanh điện, và bây giờ họ biết rằng, nếu các dụng cụ âm nhạc đặc biệt được chơi trước cây thì cây đó sẽ nở hoa sớm hơn một tháng. Nếu người ta chơi dụng cụ âm nhạc đặc biệt trước những con bò thì chúng sẽ cho sữa gấp hai lần. Nếu dụng cụ không phù hợp, âm nhạc không phù hợp thì có thể chúng sẽ không cho chút sữa nào.

Âm nhạc thực sự đạt tới bên trong bạn và tấn công ý thức bạn. Có bạn có thể bị cắt bởi thanh gươm, nhưng với thanh gươm của âm thanh thì tâm trí bạn cũng có thể bị cắt. Lưỡi của âm thanh sắc hơn, và nó sẽ cắt rời tâm trí bạn khỏi những mối ưu tư, lo lắng. Cho nên những thử nghiệm với lưỡi nhọn của âm thanh đã được tạo ra bên trong, âm thanh được sử dụng để cắt đứt tâm trí khỏi thiên nhân hoặc người mộ đạo để người đó có thể bắt đầu hành trình của mình tới vô hạn. Tất cả các tôn giáo đã sử dụng âm thanh đặc biệt, họ đã thử nghiệm chúng để làm sạch và làm tinh khiết tâm trí.

Gần đây, một người ở Nhật bản đã đến với tôi. Trong hai năm cuối, ông ta đã thực hành thiền theo trường phái Soto. Trong bài thực hành này, âm thanh “Mu...mu” được tạo ra gần như trong suốt thời gian thức; trừ lúc ông ta nghỉ ngơi và ăn uống, âm thanh này tuyệt đối liên tục. Ông ta thức giấc lúc ba giờ sáng, tắm rửa và bắt đầu lặp lại “Mu...mu”. Ông ta thực hiện điều này trong ba ngày, và ý nghĩ của ông ta trở nên ngày càng ít đi. Âm thanh “Mu...mu” liên tục dội lại; một dạng giống bão được tạo ra bên trong; nó trở nên giống như thanh gươm cắt đứt mọi ý nghĩ.

Sau bảy ngày, ông ta không cần tạo ra âm thanh: nó trở thành tự động và lan tỏa khắp cơ thể ông ta. Bất kỳ điều gì ông ta có thể thực hiện - ngồi hoặc đi lại... bất kỳ điều gì – bên trong ông ta là sự lặp lại im lặng của “Mu...mu”. Mọi thứ gân và mọi tế bào đều cùng nhịp điệu với nó. Việc ăn gặp khó khăn bởi vì âm thanh “Mu...mu” vẫn tiếp diễn. Sau bảy ngày thì ngủ cũng gặp khó khăn bởi vì mồm của ông ta vẫn liên tục lặp lại “Mu...mu”. Trong bất kỳ thời gian ngủ nào ông ta cũng làm cho âm thanh sâu sắc hơn.

Sau hai mươi một ngày, ông ta bắt đầu hét và gầm “Mu...mu” giống như sư tử. Mắt của ông ta, mặt của ông ta và hành vi của ông ta thay đổi. Bậc thầy của ông ta liên tục kích thích ông ta. Một lần khi ông ta bắt đầu gầm lên, việc ăn uống và ngủ của ông ta bị kém đi. Trong tuần thứ tư, ông ta trở thành như kẻ điên - trạng thái ông ta lúc đó là không nhận biết bất kỳ điều gì ngoài âm thanh “Mu...mu”. Nếu bạn hỏi tên ông ta, ông ta sẽ trả lời, “Mu”. Ông ta mất hết mọi nhận biết về cơ thể mình, chỉ còn lại nhận biết về “Mu...”. Ông ta không biết mình là ai. Ở giai đoạn đó, ông ta phải được theo dõi và canh giữ - ông ta có thể làm bất kỳ điều gì, có thể đi tới bất kỳ đâu.

Ở giai đoạn cuối, ông ta dùng hết sức để gầm. Cứ như ông ta bị những vết thương hành hạ hoặc bị ma ám. Thế rồi mọi thứ dịu lại; con sóng hùng vĩ của đại dương đã dâng lên lần cuối cùng trước khi tan biến. Cực đỉnh đã đạt được và mọi thứ bên trong ông ta đã tan rã.

Ông ta ngã xuống, giữ nguyên bất tỉnh mà không hề nhúc nhích, yên lặng và thanh thản trong một đến ba tuần.

Khi ông ta ý thức trở lại, ông ta không còn là người cũ nữa; ông ta là người mới. Người cũ đã chết: bảy giờ không có gì như cũ nữa - sự giận dữ, những ước mong, sự tham lam của ông ta – có thể được phác họa lại. Tính kế thừa với quá khứ của ông ta đã bị phá vỡ. Bằng thử nghiệm với “Mu”, với sự bùng nổ vĩ đại của âm thanh, toàn bộ tâm thức của ông ta đã biến đổi.

“Aum” cũng là âm thanh tương tự. Tất cả các tôn giáo đều có âm thanh của riêng mình, chúng được sử dụng để thờ cúng. Khi sự thờ cúng sâu sắc hơn thì sự ảnh hưởng nó làm biến đổi người mộ đạo. Bài hát cầu nguyện, chơi những nhạc cụ cơ bản là cho sự biến đổi đó, chính vì vậy mà việc lặp lại là rất ý nghĩa. Nếu ngày nay bạn hát bài hát này, ngày mai bài khác, và ngày kia là bài nữa, thế thì sẽ không kết quả gì. Việc gõ búa lên trung tâm cụ thể nào đó phải là liên tục.

Nếu bạn giáng cọc lều vào những vị trí khác nhau thì nó sẽ không bao giờ cắm xuống được đất. Nếu bạn đào hai *feet* ở chỗ này, hai *feet* ở chỗ khác, và hai *feet* ở chỗ khác nữa thì bạn sẽ không bao giờ đào được giếng. Tương tự như vậy, thay đổi các trung tâm và các vị trí sẽ không mang lại kết quả. Để đào giếng thì việc đào phải thực hiện ở duy nhất một chỗ. Chính vì vậy việc lặp lại nhất định phải được yêu cầu - lặp lại thật nhiều sao cho trong một tháng bạn phải lặp lại “Mu...” hoặc “Aum”, hoặc một câu của bài ca trong cùng nhịp điệu. Nhưng việc lặp lại một cách máy móc như là công việc phải làm thì lại là điều nguy hiểm, nó sẽ trở thành vô dụng.

Việc lặp lại phải là vấn đề của sinh tử, cứ như bạn sẽ

đặt cọc hết tất cả vào nó. Mọi sợi lông, mọi tế bào, mọi sợi gân của cơ thể phải tham gia vào; mọi dây thần kinh, mọi đốt xương, mọi thớ thịt và bắp cơ phải trở nên liên quan...mọi giọt máu phải được gọi to lên. Khi toàn bộ sự tồn tại của bạn trở thành âm thanh thì lúc đó mới có kết quả. Người mộ đạo phải lặp lại một từ, hoặc một câu hát trong nhiều năm, vì một lý do đặc biệt: bạn nện vào một vị trí nhiều lần sao cho ô cửa có thể được mở ra – và nó mở ra!

Cho nên âm thanh, điệu múa, âm nhạc, tất cả đã được sử dụng trong thờ cúng.

Tất cả điều đó đều được thực hiện trước tượng thần – hãy ghi nhớ điều này, bởi vì điệu nhảy như vậy là vấn đề hoàn toàn khác. Nhiều người nhảy múa nhưng họ không trở nên chứng ngộ. Họ nhảy múa với mục đích chỉ để nhảy múa thì điều đó không có gì liên quan đến vô hạn. Cho nên mọi điều phải được thực hiện trong mối liên hệ với vô hạn, vì vậy mà trước mặt tượng thần, điều đó đã biến thành sự sống. Tượng thần đó liên tục nhắc nhở bạn rằng điệu múa không phải vì mục đích múa. Điệu múa chỉ là ngoại vi; trung tâm là tượng thần, trung tâm là Thượng đế. Tất cả điều đó được thực hiện cho bước nhảy vào vô hạn. Nếu không sẽ không có vũ công, nhạc công, ca sĩ, tất cả họ đều tuyệt vời hơn nghệ thuật của họ - thậm chí người mộ đạo cũng có thể hát rất hay. Nhưng điều này không có bất kỳ sự liên quan nào; người mộ đạo không liên quan đến âm nhạc hoặc bài ca, mục đích của họ là khác. Toàn bộ nỗ lực của họ là trở nên quá tràn đầy, tràn đầy đến mức chính họ có thể tan biến một cách toàn bộ, chỉ còn lại dòng chảy tràn

đầy bên trong, và người đó lên đèn trong dòng chảy của vô hạn. Người đó phải trở thành ngoại vi quanh đấng tối cao ở trung tâm. Người đó phải tạo ra trạng thái lỏng như vậy để có thể giữ nguyên bông bành và tuôn chảy.

Thông thường bạn sẽ nhận thấy những giọt nước mắt của người mộ đạo trên má họ. Họ không khóc lóc vì bất hạnh mà khóc vì niềm vui. Những giọt nước mắt tuôn chảy khi mọi thứ bên trong trở nên trong trẻo, linh động – bởi vì u khổ hoặc bởi tràn ngập niềm vui.

Cho đến ngày nay, những nhà khoa học không có khả năng giải thích mục đích của những giọt nước mắt. Nhiều nhất thì họ cũng chỉ khám phá ra rằng, những giọt nước mắt chỉ để làm sạch bụi khỏi mắt. Tuyến nước mắt cũng chỉ có nghĩa là làm sạch mắt. Nhưng tại sao nước mắt lại chảy ra khi một người nào đó bị đau, khi họ bất hạnh hoặc khi họ quá vui? Chẳng nhẽ bụi lại chui vào mắt họ ở thời điểm đó hoặc là vì điều gì khác?

Bất kỳ khi nào có sự tuôn trào, khi có cực đỉnh của niềm vui hay nỗi buồn thì những giọt nước mắt cũng bắt đầu rơi. Tuyến nước mắt mở và nước bắt đầu chảy xuôi. Những người mộ đạo cũng khóc, nhưng cái khóc của họ có phẩm chất hoàn toàn khác. Người nào không phải là người mộ đạo thì không thể hiểu được điều này. Điều gì xuất hiện ở người mộ đạo và làm cho họ khóc? Có thể bạn nghĩ rằng, người đó phải có một cái gì đó rắc rối, và vì chúng mà họ khóc, vòng tay họ chấp lại. Nhưng người nào đó đang khóc vì những khó khăn của mình thì vẫn tự coi mình là trung tâm. Vậy thì họ vẫn không là người mộ đạo; họ không biết thờ cúng là gì.

Nhưng có những thời điểm, khi tất cả sự giá lạnh và khắc nghiệt bên trong chúng ta bắt đầu dịu lại thì sự cảm nhận hiện tượng đó làm cho nước mắt chảy ra. Những giọt nước mắt đó tuôn chảy trong tâm trạng thành kính và biết ơn đối với đấng tối cao. Chúng ta không có gì, chúng ta chỉ có những giọt nước mắt để tạ ơn ân huệ mà chúng ta được nhận. Chúng ta cảm thấy rằng, chúng ta không xứng đáng với những gì chúng ta đã nhận, và chúng ta không thể mang nỗi niềm vui hạ xuống chúng ta. Thậm chí chúng ta chưa bao giờ ước mơ về cảm giác như vậy – chúng ta không có gì để biểu lộ lòng biết ơn của chúng ta. Không lời nói hoặc không bất kỳ điều gì khác có thể được biểu cảm.

Ở những thời điểm đó chúng ta khóc theo cách khác nhau. Mắt của người mộ đạo khóc khác với mắt của người đang yêu. Người yêu cũng khóc, nhưng cái khóc đó có phẩm chất khác. Nước mắt của người đang yêu tràn đầy những ước mong nhỏ nhoi, những đòi hỏi tầm thường, nhưng nước mắt của người mộ đạo không có đòi hỏi nào. Mắt của họ khóc mà không vì lý do nào - người đó chỉ đơn giản là cảm thấy bất lực. Thậm chí, khi người đó muốn nói lời cảm ơn thì lại không thốt ra lời, và khi miệng không thể nói thì mắt bắt đầu nói theo cách của nó.

Sự hoàn hảo, sự hoàn thiện của thờ cúng là trong nước mắt, trong sự êm dịu, và trong dòng chảy của chúng.

Tượng thần đã được sử dụng theo nhiều cách khác nhau để trải nghiệm nhập định. Những người nói chống lại tượng thần thì không biết thờ cúng là gì. Bất kỳ điều gì cũng có thể được nói bởi ai đó không biết gì; con người quá ngu ngốc và không biết bất kỳ điều gì. Họ chấp nhận

bất kỳ điều gì họ nghe - đặc biệt là những điều phủ nhận. Có quy luật rằng, tâm trí dễ dàng chấp nhận những gì phủ nhận, bởi vì nó không gặp bất kỳ rắc rối nào khi chứng minh điều đó.

Nếu một người nào đó nói, “Không có Thượng đế” thì anh ta không phải chứng minh bất kỳ điều gì. Nhưng bất kỳ ai đó nói, “Có Thượng đế” thì họ phải chứng minh. Cho nên những điều phủ nhận dễ chấp nhận hơn, nhưng trước khi chấp nhận bất kỳ điều gì khẳng định thì phải đưa ra những điều kiện chắc chắn; nếu không sẽ gặp rắc rối khi chứng minh.

Thờ cúng là tích cực, tượng thân là tích cực. Bằng việc từ chối một cái gì đó thì không có gì bị mất đi.

Turgenev đã viết một câu chuyện ngắn. ở thị trấn nọ có một người đàn ông rất thông minh, và rất ảnh hưởng. Và cũng ở thị trấn đó có một người hoàn toàn ngớ ngẩn, một kẻ khờ. Vào một ngày, kẻ khờ gặp người thông minh và hỏi làm cách nào để trở thành thông minh. Người thông minh hỏi lại kẻ khờ là anh ta muốn là thông minh hay muốn biểu hiện thông minh, bởi vì trở thành thông minh là một quá trình lâu dài, nhưng để nhìn có vẻ thông minh thì lại quá dễ. Kẻ khờ trả lời rằng anh ta muốn được chỉ cho cách dễ dàng hơn - rằng anh ta nhìn có vẻ thông minh, thế là được rồi, anh ta không bận tâm về việc trở nên thông minh.

Người thông minh nhận xét rằng, trong việc trở nên thông minh có thể gặp phải sai lầm, nhưng nhìn có vẻ thông minh thì không thể có sai lầm nào. Thế rồi kẻ khờ trở nên mất kiên nhẫn, anh ta yêu cầu thủ thuật phải được

tiết lộ mà không có bất kỳ sự chậm trễ nào. Người thông minh thì thầm điều gì đó vào tai kẻ khờ - và từ ngày hôm đó, trong toàn thị trấn, kẻ khờ dần được biết đến như là con người thông minh.

Mọi người trong thị trấn bắt đầu đàm tiếu; làm cách nào kẻ ngốc đó lại trở thành người thông minh? Người thông minh đã nói điều gì với anh ta?

Người thông minh chỉ đơn giản nói với kẻ ngốc rằng, phải ngay lập tức phủ định mọi câu nói mà anh ta nghe thấy. Nếu một ai đó nói, “Có một cái gì đó để thờ cúng tượng thần” ngay lập tức anh ta phải đáp lại rằng, không phải như vậy. Kẻ ngốc hỏi người thông minh, “Tôi có nên nói như vậy không thậm chí khi tôi không biết bất kỳ điều gì về chủ đề?”

Người thông minh nói, “Bạn không phải lo lắng về bất kỳ điều gì bạn không biết - chỉ phủ định bất kỳ điều gì được nói. Nếu một người nào đó nói với bạn rằng công việc của Kaladas là tuyệt vời, thế thì chỉ cần nói, tất cả điều đó là rác rưởi! Nói với họ hãy chứng minh đi! Nếu một ai đó nói rằng âm nhạc của Beethoven là thiên đường, thế thì hãy nói với họ rằng loại âm nhạc như vậy cũng được biểu diễn ở địa ngục! Và hãy bảo họ chứng minh âm nhạc thiên đường cũng giống như vậy. Chỉ từ chối mọi điều, và nếu một người nào đó chống lại bạn thì hãy thách thức họ bằng việc yêu cầu họ chứng minh”.

Trong vòng hai tuần kẻ ngốc trở nên nổi tiếng khắp thị trấn bởi sự thông thái của mình. Mọi người bắt đầu nói rằng, anh ta rất sâu sắc và rất khó khăn để phán xét hoặc, hiểu anh ta. Nếu một người nào đó nói rằng thơ của

Shakespeare rất hay thì hẳn anh ta đáp lại rằng điều đó quá vô nghĩa – mọi học sinh đều có thể viết những vần thơ như vậy. Vậy thì con người hẳn sẽ cảm thấy dao động, bởi vì rất khó khăn để chứng minh những gì anh ta nói.

Theo cách như vậy, ở thế kỷ này có rất nhiều dạng ngu dốt. Và nền tảng ngu dốt của chúng ta là sự phủ định. Trong suốt thế kỷ, chúng ta đã phủ định hết điều này đến điều khác. Khi nhiều người không có khả năng chứng minh một cái gì đó thì họ cũng đồng tình với việc phủ định. Nhưng nên nhớ một điều, phủ định cuộc sống càng nhiều thì càng nhiều điều trở nên vô nghĩa.

Không sự thật nào có thể được biết đến mà không là tích cực.

Cuộc sống càng tiêu cực, mặc dù bên ngoài chúng nhìn có vẻ thông minh, thì bên trong lại càng dốt nát. Cuộc sống càng nhiều tiêu cực thì sự thật, niềm vui và vẻ đẹp càng ít khả năng thấm đẫm, bởi vì mọi kinh nghiệm cao quý xuất hiện chỉ khi tâm là tích cực. Mọi kinh nghiệm có giá trị chỉ khi tâm là tích cực.

Bất kỳ khi nào ai đó nói “không” thì một cái gì đó trong tâm trí họ bị đóng. Bạn đã bao giờ nghĩ về ảnh hưởng của câu nói chưa? nếu bạn nhốt chính mình trong căn phòng đóng kín và nói thật to “không” thì bạn sẽ nhận ra rằng, toàn bộ trái tim bạn thu lại và trở nên khép kín. Nếu bạn nói to “có”, thì bạn sẽ nhận ra trái tim bạn mở những đôi cánh của nó và bay vào bầu trời bao la. Những lời nói không chỉ được sinh ra: sự thoát ra của chúng đồng thời tạo ra sự kiện nào đó. Bằng việc nói “không”, một cái gì đó

thu vào bên trong bạn, và bằng việc nói “có” một cái gì đó mở ra bên trong bạn.

Một ai đó đã hỏi thánh Augustine, “Sự thờ cúng của ông là gì? Sự cầu nguyện của ông là gì?”

Thánh Augustine đáp lại, “Vâng, vâng và vâng, Đức Chúa Trời của tôi! Sự thờ cúng này của tôi là quá nhiều”.

Ông ta có thể không hiểu những gì mình nói, nhưng bất kỳ ai nói có với cuộc đời một cách toàn bộ thì người đó là hữu thần. Hữu thần không có nghĩa chỉ nói có về sự tồn tại của Thượng đế, mà còn là khả năng nói có. Người vô thần không chỉ từ chối sự tồn tại của Thượng đế mà họ chỉ có khả năng nói không. Con người như vậy sẽ liên tục thu mình và teo lại, cuối cùng sẽ chỉ là sự suy sụp. Nói có sẽ làm cho con người cởi mở, trải rộng mãi đến mức người đó hòa vào vô hạn, vào Thượng đế.

Thờ cúng tượng thần là phương pháp rất tích cực. Nhưng bạn phải thiên và hướng sâu hơn vào tượng thần, vào thờ cúng, đến mức bạn nhận ra không tượng thần mà chỉ là sự thờ cúng. Tượng thần chỉ là sự khởi đầu.

Sự thật là, thờ cúng là vì tượng thần, nhưng trong cảm giác sâu sắc hơn, bạn sẽ nhận ra đó chính là sự chuyên hóa của bạn. Tượng thần chỉ là nguyên cơ, và nguyên cơ đó dễ dàng tạo ra sự chuyên hóa chính mình.

Tiến sĩ Rudolf, người mà tôi đã nói trên đây, đã phát triển một nguyên lý rất quan trọng, nguyên lý đó sẽ rất hữu ích cho bạn để nhận biết. Bất kỳ khi nào ý nghĩ xuất hiện trong tâm trí bạn, chúng phải du hành thông qua các dây

thần kinh và các cơ, thông qua toàn bộ cơ cấu của cơ thể. Ví dụ, nếu trong tâm trí tôi xuất hiện ý nghĩ yêu bạn và cầm tay bạn trong tay mình, ngay lập tức ý nghĩ đó bắt đầu du hành - từ não đến cơ cấu của cơ thể cho đến khi nó đạt tới đầu ngón tay.

Rudolf nói rằng, khi ý nghĩ được sinh ra, nó có năng lượng gồm một trăm đơn vị. Ngay lúc đó nó đạt tới đầu ngón tay, chỉ một đơn vị được giữ nguyên, chín mươi chín đơn vị năng lượng được sử dụng để biến đổi, để biến ý nghĩ đó thành hành động. Tất cả ý nghĩ trở nên vô tri giác khi chúng đạt tới bề ngoài của cơ thể. Chính vì vậy, hạnh phúc được trải nghiệm khi nghĩ về việc cầm tay người yêu còn nhiều hơn khi trải nghiệm việc cầm tay đó. Tại thời điểm trải nghiệm, bạn cảm nhận cam giác đó không mãi nguyên như bạn mong đợi. Điều gì đã xảy ra? Tại sao sự thi hành ý nghĩ lại ít mãi nguyên hơn chính ý nghĩ?

Khi một ai đó nghĩ về việc ái ân, anh ta cảm thấy phấn chấn, nhưng sau ái ân chỉ còn lại cảm giác thất vọng. Sau tất cả, anh ta cảm nhận điều đó không quá tuyệt vời. Tại sao? Khi ý nghĩ hình thành, đó là tiềm năng của hàng trăm đơn vị, nhưng ngay khi nó đạt tới ngoại vi, nó giảm xuống thành một đơn vị. Đôi khi tiềm năng là không hoặc thậm chí là âm. Khi cơ thể đau ốm, năng lượng bị tôn thất khi ý nghĩ du hành, nó tiêu thụ hết năng lượng và biến thành âm. Cho nên, khi bạn ốm đau, bạn có thể chờ đợi cảm giác hạnh phúc khi bạn cầm tay người yêu, nhưng thay vì điều đó, ngay khi ý nghĩ di chuyển tới tay bạn, việc cầm tay cô ấy làm cho bạn không vui. Trải nghiệm trở nên tiêu cực. Rudolf nói rằng, nếu điều đó là sự thật thì con người sẽ không bao giờ trở nên vui vẻ.

Liệu có cách nào để ý nghĩ của con người có thể nhảy thẳng vào tâm trí người khác? Tôn giáo nói có. Rudolf cũng thừa nhận điều này thông qua hàng trăm thử nghiệm - ý nghĩ tôi có thể nhảy thẳng vào tâm trí người khác mà không sử dụng phương tiện trung gian là cơ thể. Để làm điều đó, tôi dùng ý nghĩ của mình ở trung tâm con mắt thứ ba bằng việc nhắm mắt lại, và tạo ra bước nhảy thẳng tới con mắt thứ ba. Toàn bộ cơ cấu ngoại cảm phụ thuộc vào nghệ thuật này.

Rudolf đã chứng minh điều này bằng việc truyền ý nghĩ xa hàng trăm dặm. Ở nước Nga, Howard và nhiều người khác ở các quốc gia khác đã đưa ra bằng chứng về ngoại cảm bởi các thử nghiệm. Trong thử nghiệm này, bạn tập trung ý nghĩ của mình vào con mắt thứ ba, cứ như ý nghĩ của bạn đã trở thành mặt trời bé nhỏ quay nhanh trong tâm trí bạn. Mặt trời bé nhỏ đó trở nên tập trung và có uy lực mạnh mẽ. Ý nghĩ không được phép lan tỏa tới phần còn lại của cơ thể, điều đó hẳn không cho phép tồn thất năng lượng; năng lượng phải được tích tụ vào một điểm, nơi mà nó vẫn duy trì sự tập trung như tia sáng cực mạnh. Chỉ khi bạn cảm nhận không thể tập trung hơn nữa, không thể chú ý hơn nữa - thế thì đó là thời điểm để ý nghĩ nhảy. Chính xác là ở thời điểm đó, bạn phải phóng chiếu ý nghĩ vào tâm trí của người khác. Tuy nhiên con người có thể ở rất xa, người đó phải ở trong trường tương tượng của bạn, và bạn cần tưởng tượng rằng, ý nghĩ đã tập trung vào tâm trí của người khác thông qua con mắt thứ ba của anh ta. Khi điều này xuất hiện, ý nghĩ được truyền đi.

Ngoại cảm là nghệ thuật của phóng chiếu ý nghĩ vào ai đó mà không cần phương tiện vật chất trung gian. Con

mắt thứ ba đã được thiên bằng nhiều cách vì mục đích tâm linh. Nó có thể được sử dụng để giao tiếp với tâm thức vũ trụ, cũng như với tâm thức con người. Ví dụ, bạn đang ngồi trước tượng thần Mahavira... tâm thức Mahavira đã trở thành một với vô hạn, nhưng nếu bạn tập trung toàn bộ năng lượng của mình vào trung tâm mắt thứ ba, và phóng chiếu nó vào đầu tượng thần, ý nghĩ của bạn sẽ được truyền tới tâm thức của Mahavira. Bằng cách này, nhiều người xuất hiện sau Mahavira đã được giúp đỡ. Với những người như thế, Đức Phật, Mahavira và Christ đã không chết mà lại rất sống động ở đây và bây giờ. Tồn tại mỗi giao tiếp với họ một cách trực tiếp.

Thử nghiệm này có thể được sử dụng để thực hiện bước nhảy vào vô hạn. Nhưng làm cách nào bạn có thể nhận ra con mắt thứ ba của vô hạn? Bạn sẽ phóng chiếu năng lượng ý nghĩ của bạn tới đâu? bạn sẽ biến nó thành bước nhảy ở đâu?

Việc giao tiếp sẽ dễ dàng hơn nếu thông qua phương tiện trung gian là tượng thần. Phóng chiếu trực tiếp chùm ý nghĩ vào vô hạn là điều khó khăn. Có thể thực hiện được, nhưng để làm điều đó phải có kỹ thuật khác. Các tôn giáo không sử dụng tượng thần mà đã sử dụng kỹ thuật đó, nhưng sẽ rất khó khăn. Cho nên, những tôn giáo đầu tiên đã không sử dụng các tượng thần thì cuối

cùng cũng phải sử dụng húng.

Đạo Hồi không sử dụng tượng thần, nhưng các ngôi đền lại trở thành tượng thần. Các ngôi mộ của các thánh Hồi giáo được thờ cúng. Thậm chí ngày nay, ở nhiều nơi trên thế giới, khi tín đồ Hồi giáo nói thì những lời cầu

nguyện của họ hướng thẳng tới Kaaba. Những người nhận biết đã sử dụng Kaaba để phóng chiếu những ý nghĩ của họ. Những người không hiểu ý nghĩa của bí mật chỉ đứng theo hướng Kaaba trong lúc họ cầu nguyện.

Điều đó không tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào, cho dù bạn phóng chiếu vào Kaaba hoặc vào tượng thần. Không có gì khác biệt cho dù chân của tượng thần, hoặc tảng đá của Kaaba được hôn: điều đó là một và như nhau. Không có bức ảnh nào của Mohammed, không có tượng của Mohammed, nhưng điều đó đã tạo ra khác biệt như thế nào? Một cái gì đó khác đã được thực hiện. Không tượng hoặc ảnh của Mohammed được tạo ra, nhưng những người mộ đạo đã chỉ ra những bông hoa trên bia mộ của các thánh Hồi giáo. Về mặt quyền năng, không có khả năng tìm ra sự thay thế tương đương với Mohammed.

Cho nên nếu Krishna hướng dẫn những người mộ đạo của mình quay xuống ảnh mình, ông ấy đã biết nhìn xa bằng việc hiểu những rắc rối của họ. Krishna biết rằng, những người tránh sử dụng tượng thần sẽ gặp rất nhiều khó khăn; thực hiện bước nhảy vào vô hạn quá khó khăn đến mức chỉ một trong mười người có thể thành công. Vậy thì điều gì sẽ xảy ra với những người còn lại? Nếu tượng thần Krishna không có sẵn thì họ có thể sử dụng bất kỳ tượng thần bình thường nào.

Nỗ lực của việc cấm sử dụng tượng thần của Mohammed là gì? Nếu một fakis Hồi giáo nào đó chết thì những tín đồ Hồi giáo sẽ tập trung quanh mộ của ông ta. Những tín đồ Hồi giáo chẳng có lỗi gì, đó chỉ là bản chất bên trong của con người phải có trách nhiệm. Tôi cảm

nhận rằng, những gì mà tượng thần Mohammed có thể đã thực hiện thì không thể được thực hiện bởi ngôi mộ của fakir. Mặc dù Mohammed đã có lý khi nói rằng, không có nhu cầu về tượng thần, rằng điều đó chỉ có lý đối với một trong một triệu người. Và đối với con người đó thì không có gì để đạt được. Người đó không cần tượng thần, hoặc không Kaaba, hoặc không Koran hoặc Gita; người đó không cần Gita; người đó không cần Hồi giáo, hoặc Krishna, hoặc Đức Phật. Đối với người đó, mọi thứ là không cần thiết – người đó có thể đạt tới trực tiếp. Nhưng những người khác thì sao?

Đối với những người còn lại, mọi điều đều cần đến, và khi một cái gì đó cần đến thì tốt hơn hết là cần cái tốt nhất. Tốt hơn là, thay vì thờ cúng ngôi mộ của fakir hoặc tượng thần của một số người đức hạnh, thì nên có tượng Đức Phật, Krishna, Mohammed hoặc Mahavira. 1. Nếu bạn phải du hành bằng đường biển, việc đi trên con thuyền nhỏ được làm bởi người địa phương là rất rủi ro, tốt hơn là nên đi trên con tàu lớn hơn, hoặc đi trên con tàu chạy bằng hơi nước. Khi con thuyền của Đức Phật có sẵn thì việc phụ thuộc vào bùa hộ mạng được làm bởi một vài fakir là điều ngu ngốc, hoặc mê mả của những người phúc lạc có thể có ích đối với một số người bị bệnh. Nhưng nếu tượng Đức Phật không có sẵn, và vì nhu cầu bên trong của con người mà người đó sẽ tìm kiếm sự thay thế.

Về bề ngoài, dường như những người từ chối thờ cúng tượng thần đã nói một cái gì đó ghê gớm. Nhưng những người vì sự thờ cúng tượng thần đã có kinh nghiệm của hàng nghìn năm, họ biết từ kinh nghiệm đó rằng, con người sẽ cần tượng thần. Hầu hết mọi người đều hạn chế

về điều đó, và họ không thể trực tiếp đạt tới vô hạn. Chính vì vậy, tốt hơn hết là cung cấp những trại ngăn cách giữa hai.

Không có xã hội nào trên trái đất mà không có tượng thần. Không có nhóm người nào, ở bất kỳ góc nào trên thế gian, đã tồn tại mà không có tượng thần theo dạng này hoặc dạng khác. Điều này chỉ ra rằng tượng thần thỏa mãn một vài nhu cầu cố hữu nào đó, không chỉ cho cá thể mà cho toàn bộ loài người. Chỉ thế kỷ này hoặc hai trăm năm cuối, ý tưởng về tượng thần đã bị làm tiêu tan hoàn toàn. Một vài người biện luận rằng, các tượng thần là gánh nặng vô nghĩa, chỉ là những tảng đá, và chúng phải bị dời đi. Nếu ý nghĩa đầu tiên đằng sau việc thờ cúng tượng thần được hiểu một cách phù hợp, tôi không nghĩ rằng bất kỳ người thông minh nào lại muốn di dời tượng thần. Nếu ý nghĩa khoa học phía sau việc thờ cúng tượng thần không được hiểu, vậy thì tượng thần sẽ phải bị dời đi; chúng không thể được bảo vệ. Có thể chúng sẽ bị bỏ rơi.

Ngày nay mọi người thờ cúng tượng thần mà không hiểu, họ quỳ trước chúng mà không nhận biết bất kỳ điều gì. Trái tim họ không tham gia, đó chỉ là nghi lễ được giữ lại. Con người như vậy sẽ chỉ là nguyên nhân hủy hoại tượng thần - bởi vì, mặc dù họ thờ cúng tượng thần hàng ngày nhưng không có sự thay đổi nào bên trong cuộc sống của họ, cho nên việc thờ cúng tượng thần chỉ là điều phù phiếm.

Có một người thờ cúng tượng thần trong bốn mươi năm – và không có gì xuất hiện trong họ. Người đó cũng mang theo con trai mình đến ngôi đền. Khi người con trai

hỏi cha mình, nếu ông ta không nhận được gì sau bốn mươi năm thờ cúng, thế thì tại sao lại ép nó tới ngôi đền mà không có sự giải thích nào. Nếu có một cái gì đó xuất hiện ở người cha thì câu hỏi hẳn là không nảy sinh. Có một truyền thuyết ngắn về Aesop... trong khu rừng, con sư tử đã hỏi mọi con thú nó gặp rằng, nó có phải là chúa tể của rừng xanh hay không. Nó hỏi con gấu, con gấu trả lời, “Ngài chắc chắn là vị chúa tể!” sau đó nó hỏi con báo, con báo thoáng ngần ngừ và sau đó nó nói đúng như vậy. Sau đó nó hỏi con voi. Ngay lập tức con voi cạp con sư tử bằng vòi của mình và quăng nó đi khá xa. Trong lúc bị ngã, con sư tử nói với con voi, “Ôi, quá tuyệt vời! nếu ngài không biết câu trả lời, vậy thì ngài có thể nói đơn giản. Ngài không cần phải quăng tôi đi – tôi hẳn đã từ bỏ ý muốn của mình!”. Con voi có đủ sức mạnh để nhắc con sư tử lên, ném nó đi xa mà không cần đưa ra bất kỳ câu trả lời nào. Không cần thiết phải nói ai là chúa tể.

Người thờ cúng tượng thần không phải tạo ra bất kỳ câu trả lời nào nếu người đó biết thờ cúng là gì. Cuộc đời người đó hẳn là câu trả lời. Mắt của họ, cách họ ngồi và đứng hẳn sẽ trở thành câu trả lời. Nhưng những người không biết thờ cúng là gì, và vẫn liên tục thờ cúng thì họ phải có trách nhiệm đối về việc di dời tượng thần. Họ không biết thờ cúng là gì, nhưng tượng thần vẫn trong tay họ.

Vì điều này mà tôi đã nói với bạn về thờ cúng – sao cho bạn có thể hiểu, tượng thần là phương pháp mang đến toàn bộ sự chuyển hóa nội tại. Tượng thần chỉ là nguyên có.

Giống như bạn treo áo lên cái mắc. Mục đích của cái mắc chỉ là để treo áo: nếu không có mắc thì cái áo hẳn là được treo lên ghế tựa hoặc lên cửa. Nó phải được treo ở một nơi nào đó. Nhưng khi nó được treo lên, bạn không thể nhìn thấy cái mắc, và do vậy bạn không có bất kỳ câu hỏi nào về nó.

Tượng thần chỉ là cái mắc áo - thờ cúng là mục đích chính.

Nhưng trong khi thờ cúng tượng thần, bạn không thể nhìn thấy sự thờ cúng: bạn không thể nhìn thấy cái áo, bạn chỉ nhìn thấy cái mắc. Bạn cảm nhận cái mắc đã làm hư hỏng bức tường - tại sao lại phải giữ nó?

Bạn không biết bất kỳ điều gì về thờ cúng. Chỉ có tượng thần giữ nguyên, hoàn toàn vô dụng và thất bại. Có thể nó không sống sót – chỉ có sức sống của thờ cúng mới có thể cứu sống nó. Chính vì vậy mà tôi đã nói với bạn về thờ cúng.

Chương V

Chiêm tinh: Khoa học về tính duy nhất của vũ trụ

*9 tháng bảy năm 1971, buổi tối tại
Woodlands, Bombay, Ấn Độ.*

Có lẽ chiêm tinh là chủ đề cổ xưa nhất và cũng bị cấm đoán nhiều nhất. Nó là cổ xưa nhất bởi vì, khi chúng ta có khả năng nghiên cứu lịch sử loài người xa về quá khứ thì chiêm tinh cũng đã tồn tại. Những câu khắc chiêm tinh đã được tìm ra trên những dấu vết còn lại của thời văn minh Sumarian từ hai mươi lăm nghìn năm trước Jesus. Những dấu vết xương còn lại đã được khám phá với những câu khắc chiêm tinh, và những đường nét bên ngoài quỹ đạo của mặt trăng trên bầu trời.

Nhưng thậm chí ở Ấn Độ, khoa học này còn cổ xưa hơn. Ở Rigveda, sự ám chỉ về chòm sao nào đó có thể đã xuất hiện chín mươi lăm nghìn năm trước. Vì điều này mà Lokmanya Tilak đã kết luận rằng kinh Veda thậm chí còn cổ hơn: chòm sao như kinh Veda mô tả chỉ có thể xuất hiện vào thời điểm khoảng chín mươi lăm nghìn năm về trước, cho nên sự trích dẫn của Veda ít nhất là chín mươi lăm nghìn năm.

Sự trích dẫn cụ thể kinh Veda không thể được bổ sung vào thời kỳ sau. Nếu không những thế hệ trẻ hẳn là có khả năng tìm ra chòm sao tồn tại nhiều năm trước đó. Nhưng

hiện nay, chúng ta có phương pháp khoa học có thể khám phá ra ngôi sao ở thời điểm nào đó xa trong quá khứ.

Những quy luật sâu sắc hơn của chiêm tinh học lần đầu tiên được khám phá ra ở Ấn Độ. Thực tế, chỉ vì thuật chiêm tinh đó mà toán học ra đời. Để thực hiện việc tính toán chiêm tinh, điều đầu tiên cần đến là toán học. Những con số sử dụng trong phép toán số học được phát minh ở Ấn Độ - những con số từ một đến mười, tồn tại trong tất cả các ngôn ngữ của loài người, về cơ bản có nguồn gốc từ Ấn Độ. Hệ thống số thập phân được chấp nhận trên toàn thế giới: hệ thống số thập phân sinh ra ở Ấn Độ, sau đó chúng dần phổ biến trên khắp thế giới. Khi bạn nói “chín - nine” trong tiếng Anh, thì đó chỉ là sự biến đổi của từ *nav* trong ngôn ngữ Sanskrit. Khi bạn nói “tám - eight” trong tiếng Anh, đó chỉ là sự cải biên của từ *acht* trong tiếng Sanskrit. Con số từ một đến chín phổ biến trong tất cả các ngôn ngữ của loài người, nó tồn tại chỉ vì sự ảnh hưởng của chiêm tinh học Ấn Độ.

Kiến thức đầu tiên về hiện tượng chiêm tinh học đã đạt được bởi nền văn minh Sumerian ở Ấn độ. Sáu nghìn năm trước Jesus, những người Sumerian đầu tiên mở những ô cửa của chiêm tinh tới thế giới phương Tây. Người Sumerian đã đặt nền tảng cho việc nghiên cứu khoa học về những chòm sao. Họ đã xây dựng cái tháp không lồ, bảy trăm *feet* chiều cao, từ tháp cao Sumerian đó, các tu sĩ thường qua sát bầu trời suốt hai mươi bốn giờ ngày. Các nhà siêu hình học Sumerian đã nhanh chóng nhận ra, bất kỳ điều gì xuất hiện đối với loài người thì cũng liên hệ với các ngôi sao theo cách nào đó – chúng là suối nguồn.

Sáu nghìn năm trước Jesus, quan điểm của Sumerian là, bất kỳ khi nào bệnh tật xuất hiện, bất kỳ khi nào bệnh dịch sinh ra, những ngôi sao lại liên hệ với nhau theo cách nào đó. Ở thời kỳ đó, quan điểm này cũng có cơ sở khoa học. Ngày nay, những người hiểu khoa học chiêm tinh nói rằng, những người Sumerian là người bắt đầu lịch sử loài người.

Năm 1920, nhà khoa học Nga tên Chijevsky đã nghiên cứu vấn đề này sâu sắc hơn, ông đã khám phá ra rằng, mỗi mười một năm thì lại có một sự bùng nổ khủng khiếp trên mặt trời. Mỗi mười một năm, sự bùng nổ hạt nhân lại xuất hiện trên mặt trời. Chijevsky đã khám phá ra rằng, bất kỳ khi nào sự bùng nổ hạt nhân xuất hiện trên mặt trời thì chiến tranh và cách mạng lại xảy ra trên trái đất. Theo ông ta, trong bảy trăm năm qua, bất kỳ khi nào hiện tượng như vậy xuất hiện trên mặt trời thì lại có thảm họa trên trái đất. Ông còn liên hệ sự lan tràn của bệnh dịch tả trên trái đất với sự ảnh hưởng của mặt trời.

Mặt trời không phải là quả cầu lửa tĩnh như chúng ta thường nghĩ, đúng hơn là một cơ thể rực lửa, sống động vô hạn. Mặt trời thay đổi trạng thái của nó ở mọi thời điểm. Khi mặt trời thay đổi trạng thái của nó, thậm chí chỉ một chút xíu, thì cuộc sống trên trái đất cũng sẽ gặp rắc rối. Không có gì xảy ra trên trái đất mà không có một cái gì đó xảy ra trên mặt trời. Khi có nhật thực, những chú chim trong rừng ngừng ca hát hai mươi bốn giờ trước đó. Trong toàn bộ thời gian nhật thực thì toàn bộ trái đất trở nên tĩnh lặng. Những chú chim ngừng ca hát, những con thú khác trong rừng trở nên lo âu và sợ hãi, không khí tràn ngập nỗi

lo sợ. Những chú khi rời cây cao và xuống thấp hơn. Chúng tự hình thành các nhóm, rõ ràng là để tự bảo vệ. Thật ngạc nhiên rằng, trong thời gian nhật thực, những chú khi luôn tán chuyện tâm phào, hay kêu la đuổi bắt thì lại trở nên quá yên lặng đến mức, thậm chí các sadhus và sannyasin trong thiên cũng không thể so sánh với chúng.

Chijevsky đã giải thích toàn bộ vấn đề này, nhưng ý nghĩ đầu tiên xuất hiện là của người Sumeria. Sau đó, nhà vật lý Thụy sĩ tên là Palacelus đã khám phá ra nhiều thông tin hơn. Khám phá của ông ta là chưa hề có – và sự khám phá này sẽ biến đổi toàn bộ khoa học y khoa, không thời nay thì sẽ là mai sau. Cho đến bây giờ sự khám phá này có thể không được coi là có giá trị, bởi vì chiêm tinh học là chủ đề bị lờ đi – cổ xưa nhất, bị lờ đi nhiều nhất, và được kính trọng nhất cùng thời kỳ đó.

Năm ngoái, ở Pháp, đã có sự tính toán rằng bốn mươi lăm phần trăm con người tin rằng chiêm tinh học là khoa học. Ở Mỹ, năm nghìn nhà chiêm tinh hàng đầu đang làm việc suốt ngày và đêm. Họ có rất nhiều khách hàng đến nỗi họ không thể kết thúc công việc một cách mãn nguyện – hàng năm, người Mỹ phải trả hàng triệu đô la cho các nhà chiêm tinh. Người ta ước lượng rằng, trên khắp thế giới, có khoảng bảy mươi tám phần trăm con người tin vào chiêm tinh. Con số bảy mươi tám này bao gồm các nhà khoa học, các triết gia, và những người thông thái khác.

C.J.Jung đã nói rằng, trong ba trăm năm qua, những ô cửa của các trường đại học đã đóng lại đối với các nhà chiêm tinh, nhưng trong ba mươi năm tới, chiêm tinh học sẽ mở các ô cửa này, và nó lại quay trở lại trường đại học.

Đó sẽ là điều có thể, bởi vì những tuyên bố mà chiêm tinh học đã đưa ra, cho đến bây giờ chưa được chứng minh, thì bây giờ có thể sẽ được chứng minh.

Paracelsus đã cho ra đời một khám phá – con người trở nên bệnh tật chỉ khi mỗi liên hệ hòa hợp giữa anh ta với chòm sao ngày sinh của anh ta bị phá vỡ. Vì điều này mà sự giải thích ngắn gọn là cần thiết. Nhiều năm trước Paracelsus, một người Hy Lạp tên là Pythagoras đã đưa ra nguyên lý rất giá trị về sự hòa hợp của hành tinh. Pythagoras tuyên bố nguyên lý này ở Hy Lạp lúc ông ta vừa trở về sau cuộc hành trình tới Ai Cập và Ấn Độ. Khi tới Ấn Độ, ông ta đã bị thu hút mãnh liệt tới ý tưởng của Đức Phật và Mahavira. Sau khi trở về Hy Lạp, ông ta kết luận trong báo cáo của mình về mối liên quan nào đó tới Phật giáo và sadhu Jain. Ông ta đã cho các nhà tiên tri Jain cái tên là Jainosophist, và cũng tường thuật rằng họ đi bộ trần trụi.

Pythagoras tin rằng mọi ngôi sao, mọi hành tinh và mọi vệ tinh phát ra sự rung động duy nhất thông qua sự chuyển động trong không gian. Mọi chuyển động của các ngôi sao tạo ra sự rung động, và mọi ngôi sao cũng còn có sự rung động của riêng nó. Tất cả mọi chuyển động của các ngôi sao đã cùng nhau tạo ra sự hòa hợp âm nhạc, ông ta gọi âm nhạc đó là sự hòa hợp vũ trụ.

Khi bạn sinh ra, tại thời điểm đó, giai điệu được tạo ra bởi sự dịch chuyển của các ngôi sao, được khắc ghi trong tâm trí bạn ở trạng thái tươi mát nhất, tự nhiên nhất, nhạy cảm nhất – đó chính là sự ra đời. Trong suốt cuộc đời bạn, điều này sẽ là nguyên nhân cho sức khỏe của bạn là tốt hay

xấu. Khi bạn sống trong sự hòa hợp của âm nhạc nguyên thủy mà nó tồn tại ở thời điểm bạn ra đời, vậy thì bạn sẽ khỏe mạnh. Bất kỳ khi nào, nếu mối liên hệ của bạn với sự hòa hợp âm nhạc nền tảng này bị phá vỡ, bạn sẽ trở nên bệnh tật.

Liên quan đến vấn đề này, Paracelsus đã thực hiện công việc rất ý nghĩa. Ông ta hẳn không kê toa thuốc đối với bất kỳ bệnh nhân nào cho đến khi nhìn thấy kundali của bệnh nhân đó – lá số tử vi của họ. Và thật ngạc nhiên khi biết rằng, sau khi xem xét lá số tử vi của bệnh nhân, Paracelsus hẳn đã cứu được những người mà các thầy thuốc khác đã bó buộc – những người bệnh không được chữa khỏi bởi bất kỳ thầy thuốc nào. Ông ta từng nói, “Trước khi tôi biết vị trí các ngôi sao ở lá số tử vi của con người này, thì không thể không biết những đặc điểm về sự hòa hợp bên trong người đó. Trừ khi tôi biết sự sắp xếp hòa hợp bên trong anh ta, làm cách nào con người đó có thể khỏe mạnh?”

Nhưng sức khỏe là gì? Chúng ta phải hiểu điều này. Bình thường ra, nếu chúng ta hỏi người thầy thuốc định nghĩa sức khỏe là gì, ông ta sẽ chỉ nói rằng, sức khỏe là sự vắng mặt của bệnh tật. Nhưng định nghĩa này là tiêu cực. Thật không may khi chúng ta phải định nghĩa sức khỏe bằng biệt ngữ bệnh tật. Sức khỏe là một thứ tích cực, trạng thái tích cực: bệnh tật là tiêu cực. Sức khỏe là bản chất tự nhiên của chúng ta; bệnh tật là sự tấn công vào tự nhiên. Cho nên việc chúng ta định nghĩa sức khỏe bằng biệt ngữ bệnh tật là điều vô cùng kỳ lạ.

Sức khỏe cùng tồn tại với chúng ta; bệnh tật xuất hiện tình cờ. Sức khỏe đồng hành cùng chúng ta từ lúc sinh ra;

bệnh tật chỉ là hiện tượng hời hợt bên ngoài. Nhưng nếu chúng ta hỏi người thầy thuốc ý nghĩa của sức khỏe mạnh là gì thì ông ta chỉ có thể nói rằng sức khỏe hiện diện khi bệnh tật vắng mặt.

Paracelsus từng nói việc hiểu như thế là sai – khái niệm về sức khỏe cần được định nghĩa một cách tích cực. Nhưng làm cách nào chúng ta có thể có định nghĩa tích cực, việc giải thích khái niệm về sức khỏe sẽ là sự sáng tạo sao?

Paracelsus từng nói, “Cho đến khi chúng ta biết được trạng thái hòa hợp bên trong, nhiều nhất chúng ta cũng có thể giải phóng chúng ta khỏi bệnh tật của chúng ta – bởi vì sự hòa hợp bên trong là suối nguồn của sức khỏe. Nhưng khi chúng ta giải thoát bạn khỏi bệnh tật, ngay lập tức bạn lại mắc căn bệnh khác, bởi vì không gì đã được thực hiện với sự hòa hợp bên trong của bạn. Sự hòa hợp bên trong phải được nuôi dưỡng”.

Năm trăm năm đã trôi qua kể từ thời Paracelsus, những khám phá của ông ta đã biến thành sự lãng quên. Nhưng bây giờ, trong vòng hai mươi năm qua, chiêm tinh học đã xuất hiện trở lại. Trong thời gian này, một ngành khoa học mới đã được sinh ra. Tôi sẽ mô tả một chút về khoa học mới này, sau đó bạn sẽ có khả năng hiểu khoa học chiêm tinh cổ đại dễ dàng hơn.

Vào năm 1950, một ngành khoa học mới ra đời được gọi là công nghệ hóa học vũ trụ. Người phát minh ra ngành khoa học này là Georgi Giardi, một trong những con người quan trọng nhất của thế kỷ. Người đàn ông này, sau những thử nghiệm liên tục trong phòng thí nghiệm, đã chứng minh bởi phương pháp khoa học rằng, toàn bộ vũ

trụ là một thực thể hợp nhất – rằng toàn bộ vũ trụ là một cơ thể. Nếu ngón tay của tôi bị thương thì toàn bộ cơ thể tôi bị ảnh hưởng. “Cơ thể” có nghĩa là không có chi tiết riêng biệt, tất cả liên kết cùng nhau. Nếu mắt của tôi bị đau, vậy thì ngón chân cái của tôi cũng cảm nhận nỗi đau đó. Nếu chân của tôi bị tổn thương thì thông điệp đó đưa tới trái tim. Nếu tâm trí tôi bệnh tật thì toàn bộ cơ thể tôi sẽ trong trạng thái khó chịu. Nếu toàn bộ cơ thể tôi bị hủy hoại, vậy thì việc tâm trí tôi trú ngụ ở bất kỳ nơi nào cũng là điều khó khăn. Cơ thể là một thực thể hợp nhất: chạm vào một chỗ thì toàn bộ cơ thể cũng rung động; tất cả các phần khác đều bị ảnh hưởng.

Hóa học vũ trụ nói rằng toàn bộ vũ trụ là một cơ thể. Không gì trong nó là riêng biệt, tất cả chúng liên kết cùng nhau. Cho nên, dù khoảng cách từ ngôi sao tới chúng ta có xa như thế nào thì sự thay đổi của nó cũng làm cho nhịp tim của chúng ta thay đổi theo. Cho dù khoảng cách từ chúng ta tới mặt trời xa thế nào, khi nó trở nên quá xáo trộn thì sự tuần hoàn máu của chúng ta cũng bị xáo trộn theo. Mỗi mười năm thì cơn bão nguyên tử lại xuất hiện trên mặt trời. Lần bão nguyên tử khủng khiếp gần đây nhất và những vụ nổ phát lửa vẫn đang diễn ra, vị tiến sĩ người Nhật Bản tên Tamatto đã khám phá ra điều kỳ lạ. Vị tiến sĩ này đã nghiên cứu máu của người phụ nữ trong hai mươi năm. Điều độc nhất vô nhị phù hợp với máu của người phụ nữ mà nó không có ở máu người đàn ông. Trong thời kỳ kinh nguyệt, máu người phụ nữ trở nên loãng hơn trong khi máu của người đàn ông vẫn luôn không đổi. Máu của người phụ nữ ở thời kỳ kinh nguyệt loãng hơn; trong thời kỳ mang thai máu của họ cũng loãng hơn. Theo Tamatto

thì đây là sự khác nhau cơ bản giữa máu của đàn ông và đàn bà. Nhưng khi những cơn bão nguyên tử xuất hiện trên mặt trời với sức mạnh khủng khiếp thì máu của người đàn ông cũng loãng hơn. Đây là hiện tượng rất lạ thường. Trước điều này, việc máu của con người bị ảnh hưởng bởi sự xáo động của mặt trời chưa bao giờ được ghi lại. Và nếu máu bị ảnh hưởng quá mạnh như vậy thì mọi thứ khác cũng có thể bị ảnh hưởng theo.

Có một nhà tư tưởng người Mỹ tên là Frank Brown, ông ta đã cố gắng chuẩn bị những phương tiện cho những nhà du hành vũ trụ. Trong nửa cuộc đời mình, ông ta đã thực hiện công việc để bảo đảm cho con người bay vào không gian mà không gặp khó khăn gì. Vấn đề quan trọng nhất là làm thế nào họ không bị ảnh hưởng khi họ rời trái đất. Không ai biết cường độ của tia bức xạ nguyên tử có thể họ sẽ phải gặp, và chúng sẽ ảnh hưởng đến họ như thế nào.

Hai nghìn năm sau Aristotle, ở phương Tây có tư tưởng cho rằng không gian là trống rỗng, rằng ở đó không có gì: xa hai trăm dặm bên ngoài trái đất không khí ngừng và chỉ còn lại không gian trống rỗng. Nhưng sự nghiên cứu của những nhà du hành vũ trụ đã chứng tỏ quan điểm này là sai. Không gì... không trống rỗng, nó vô cùng tràn đầy. Nó không trống rỗng hoặc tê liệt – nó cực kỳ sống động.

Sự thật là, lớp khí quyển trái đất dày hai trăm dặm này đã và đang ngăn chặn nhiều sự ảnh hưởng nguy hại đến từ mặt trời. Nhưng trong không gian, tất cả các dòng chảy kỳ lạ đang tuôn chảy, những nỗ lực của con người có thể không có khả năng cưỡng lại.

Bạn sẽ ngạc nhiên khi nghiên cứu điều này, và bạn sẽ cười vang, trước khi ông ta đưa con người vào không gian, Frank Brown đã đưa khoai tây lên đó. Luận điểm của Brown có một chút khác biệt về bản chất giữa con người và khoai tây. Nếu khoai tây thối rữa, vậy thì con người không thể sống sót; nếu khoai tây sống sót vậy thì con người cũng có thể sống sót. Khoai tây là sinh vật chịu được rét, con người thì lại rất nhạy cảm. Nếu khoai tây không thể sống sót trong không gian thì con người cũng không hy vọng sống được ở đó. Nếu khoai tây sống được, nếu nó nảy mầm sau khi được gieo xuống đất thì con người có thể bay vào không gian. Tuy nhiên vẫn còn nỗi sợ hãi liên quan đến khả năng sống của con người trong không gian.

Bằng thử nghiệm của mình, Brown đã chứng minh được một điều – mầm khoai tây nằm dưới đất, hoặc bất kỳ mầm nào nằm dưới đất chỉ phát triển khi có mối liên hệ với mặt trời. Một mình mặt trời kích thích và khuyến khích nó hiện ra. Một mình mặt trời mời gọi hạt mầm của cây và khuyến khích nó phát triển.

Brown cũng đã nghiên cứu lĩnh vực khác. Bảy giờ chủ đề này thậm chí chưa có tên phù hợp, nhưng hiện nay, nó được gọi là di truyền hành tinh. Có một từ khác trong tiếng Anh, là số từ vi, nó xuất phát từ tiếng Hy Lạp horoscopus [phép lấy số từ vi]. Nghĩa của từ phép lấy số từ vi là: chúng ta quan sát những hành tinh mới hiện ra.

Khi đứa trẻ mới sinh ra, ở thời điểm đó, nhiều ngôi sao hiện ra ở đường chân trời. Như khi mặt trời mọc vào buổi sáng và lặn vào buổi chiều, những ngôi sao cũng mọc và lặn trong không gian hai mươi bốn giờ ngày. Nếu đứa trẻ sinh ra vào lúc sáu giờ sáng thì lúc đó mặt trời cũng mọc.

Cũng thời gian đó, các ngôi sao cũng được sinh ra, và những ngôi sao khác đang lặn. Một vài ngôi sao đang mọc lên; một số ngôi sao đang suy tàn, một số ngôi sao khác đang mọc. Đứa trẻ được sinh ra bởi sự sắp xếp nào đó của các ngôi sao trong không gian.

Cho đến bây giờ chúng ta đã nghi ngờ - thậm chí bây giờ nhiều người còn chưa quen với chủ đề vẫn còn bị nghi ngờ đó - rằng mặt trăng và các ngôi sao có một cái gì đó liên quan đến con người. Bất kỳ các ngôi sao có thể ở đâu, một vài đứa trẻ được sinh ra ở nông thôn thì có gì là khác biệt? Và còn nữa, vào cùng một ngày, dưới cùng một chòm sao, không chỉ một đứa trẻ mà hàng nghìn đứa trẻ được sinh ra... trong số những đứa trẻ đó, có thể một đứa sẽ trở thành tổng thống của một nước nào đó, nhưng những đứa còn lại thì không thể. Trong số đó có thể có người sống trên trăm tuổi, và đứa khác thì chỉ sau hai ngày. Trong số đó có người có thể trở thành thiên tài, hoặc trở thành kẻ ngu dốt. Cho nên từ quan điểm hời hợt, mọi người có thể hỏi, làm cách nào đứa trẻ có thể liên quan đến lá số tử vi chỉ bởi việc sinh ra dưới một chòm sao hoặc hành tinh nào đó.

Logic của vấn đề đó có vẻ rõ ràng và trực tiếp: tại sao những ngôi sao lại liên quan đến ngày sinh của một đứa trẻ? Và còn nữa, không chỉ một đứa trẻ được sinh ra; dưới cùng những ngôi sao, nhiều đứa trẻ được sinh ra mà tất cả chúng đều không giống nhau. Trên cơ sở logic đó, có vẻ như ngày sinh của con người không liên quan với những ngôi sao.

Nhưng từ nghiên cứu của Brown, Picardi, Tamatto và những người khác, chúng ta có thể đưa ra kết luận quan trọng. Tất cả các nhà khoa học nói rằng, trong khi chúng ta

không thể tuyên bố rằng đứa trẻ như là một cá thể bị ảnh hưởng bởi những ngôi sao, mặc dù vậy, bây giờ chúng ta có thể nói chắc chắn rằng, sự sống như là toàn bộ lại bị ảnh hưởng. Cho dù đứa trẻ bị ảnh hưởng như là cá thể hay không, bây giờ chúng ta không thể nói hoặc không thể biết, nhưng sự sống vẫn như là toàn bộ. Nếu sự sống như là toàn bộ, vậy thì khi chúng ta nghiên cứu vấn đề thực tế sâu sắc hơn, chúng ta sẽ khám phá ra rằng, cá thể cũng bị ảnh hưởng bởi các ngôi sao.

Còn một điều nữa cần phải cân nhắc. Mọi người nghĩ rằng, chiêm tinh là khoa học, bởi vì nó xuất hiện từ rất sớm cho nên không thể phát triển. Nhưng theo quan điểm của tôi thì tình trạng là ngược lại. Chiêm tinh là khoa học phát triển vô hạn trong một vài nền văn minh tiên tiến nhất, nhưng nền văn minh đó đã bị thất lạc, và trong tay chúng ta chỉ còn lại những tác phẩm chưa hoàn thiện của chiêm tinh học.

Chiêm tinh học không phải là ngành khoa học mới cần sự phát triển, mà là khoa học đã có thời kỳ rất tiên tiến. Thế rồi nền văn minh của khoa học phát triển đã biến mất. Các nền văn minh đến và đi ở mọi thời đại: những nguyên tắc cơ bản, những câu châm ngôn nền tảng, và những nguyên lý cơ bản của những nền văn minh đó đã phát triển và trở nên thất lạc.

Ngày nay, khoa học đang tiếp cận vấn đề về việc chấp nhận luận điểm rằng, sự sống như là toàn bộ bị ảnh hưởng bởi sự chuyển động của các ngôi sao.

Tại thời điểm sinh ra, điều kiện tâm trí của đứa trẻ giống hệt tấm kẽm chụp ảnh nhạy cảm... hai hoặc ba vấn đề cần phải nghĩ đến nếu chúng ta muốn hiểu, làm cách

nào sự sống bị ảnh hưởng. Chỉ nếu sự sống bị ảnh hưởng thì mới có khả năng của chiêm tinh học - nếu ngược lại thì không thể.

Chúng ta hãy thử tìm hiểu hiện tượng sinh đôi. Hai dạng sinh đôi tồn tại. Một là sinh đôi giống hệt nhau - cặp này sinh ra từ một trứng. Dạng thứ hai, mặc dù là sinh đôi nhưng lại sinh ra từ trứng riêng biệt; trong dạ con của người mẹ, hai trứng được thụ tinh và hai đứa trẻ được sinh ra. Dạng thứ nhất hiếm hơn - hai đứa trẻ từ một trứng. Chúng là chủ đề rất ý nghĩa để nghiên cứu, bởi vì chúng sinh ra cùng thời điểm. Chúng ta không cần thiết phải gọi đứa trẻ sinh ra từ trứng riêng biệt là “sinh đôi”, nhưng ở thời điểm chúng ra đời thì lại không hoàn toàn như nhau. Cần phải hiểu rằng ngày sinh là hiện tượng mơ hồ, nhập nhằng. Khía cạnh đầu tiên của sinh ra là sự thụ thai - thời gian sinh thực tế là thời điểm bào thai hình thành trong dạ con người mẹ. Đây là ngày sinh thực sự. Bạn gọi ngày sinh thực sự là ngày sinh thứ hai - khi đứa trẻ ra khỏi dạ con của người mẹ.

Nếu chúng ta nghiên cứu chiêm tinh học một cách thấu đáo - như người Hindu đã thực hiện một cách triệt để - vậy thì mối quan tâm thực sự của chúng ta không phải bắt đầu từ lúc đứa trẻ sinh ra. Mối quan tâm thực sự của chúng ta bắt đầu khi đứa trẻ khởi đầu hành trình của mình trong dạ con người mẹ, khi phôi bắt đầu hình thành - bởi vì đó là ngày sinh thực sự. Cho nên người Hindu cũng cảm nhận rằng, nếu dạng cụ thể của đứa trẻ được sinh ra, nó sẽ được sinh ra nếu việc giao hợp và thụ thai xuất hiện dưới sự sắp xếp của các hành tinh và chòm sao, những hành tinh và chòm sao phải phù hợp nhất với dạng đó. Bây giờ tôi sẽ

giải thích với bạn một chút về nền tảng của vấn đề này, bởi vì vấn đề này được nghiên cứu rất sâu và nhiều điều đã trở nên rõ ràng.

Bình thường ra, khi đứa trẻ được sinh ra vào lúc sáu giờ sáng, chúng ta nghĩ rằng chòm sao tồn tại vào thời điểm đó ảnh hưởng đến đứa trẻ. Quan điểm của tôi thì khác, khác về nền tảng. Chỉ bởi vì đứa trẻ được sinh ra vào lúc sáu giờ sáng mà những ngôi sao không đóng vai trò ảnh hưởng đến nó. Không, đúng hơn là, đứa trẻ chọn để sinh ra dưới những ngôi sao sẽ ảnh hưởng đến nó như là nó ước mong được ảnh hưởng. Đây là vấn đề hoàn toàn khác. Khi đứa trẻ được sinh ra, vậy thì nó chọn các hành tinh và các ngôi sao và thời điểm mà nó sẽ sinh ra. Và nếu chúng ta tiếp tục sâu hơn, vậy thì đứa trẻ cũng chọn thời điểm thụ thai của nó.

Mọi linh hồn đều chọn thời điểm thụ thai của chính nó – khi nó chấp nhận dạ con ở thời điểm đó. Thời điểm thụ thai không phải là không có ý nghĩa. Nó ý nghĩa ở chỗ, làm cách nào toàn bộ vũ trụ tồn tại ở thời điểm đó, và khả năng vũ trụ mở các ô cửa ở thời điểm đó.

Khi hai đứa trẻ được hình thành từ một trứng, vậy thì thời điểm thụ thai của chúng là như nhau và thời điểm sinh ra chúng là như nhau. Có một điều rất thú vị là cuộc đời của hai đứa trẻ sinh ra từ cùng một trứng quá giống nhau đến mức, việc nói thời điểm sinh ra không có ảnh hưởng gì là điều khó khăn. Chỉ số I.Q của trẻ sinh đôi từ một trứng là như nhau. Sự khác biệt phân đoạn xuất hiện - những người hiểu biết nói rằng, những thiết bị đo lường của chúng ta là sai. Thậm chí ngày nay, chúng ta đã không

có khả năng phát triển tiêu chuẩn tương xứng để chúng ta có thể đo trí thông minh một cách định lượng.

Thậm chí, nếu hai đứa trẻ sinh đôi từ cùng một trứng, được nuôi dưỡng xa nhau thì chỉ số I.Q của chúng cũng không khác nhau. Thậm chí, một đứa lớn lên ở Ấn Độ và đứa kia lớn lên ở Trung Quốc, chúng không biết sự tồn tại của nhau, mặc dù vậy điều này vẫn là sự thật. Nhiều trường hợp đã xuất hiện, hai đứa trẻ sinh đôi lớn lên ở những nơi khác nhau cho đến khi chúng trưởng thành, nhưng chỉ số I.Q của chúng không khác nhau. Thật ngạc nhiên rằng, chỉ số I.Q có thể liên quan đến tiềm năng của đứa trẻ lúc sinh ra.

Khi trẻ sinh đôi sống ở Trung Quốc phải chịu đựng thời tiết lạnh, cùng thời gian đó, đứa trẻ song sinh kia ở Ấn Độ cũng cảm thấy lạnh. Nói chung, những đứa trẻ song sinh từ một trứng sẽ chết cùng một năm. Nhiều nhất cũng chỉ là ba năm, ít nhất là ba ngày – nhưng chưa bao giờ nhiều hơn ba năm. Nếu một người song sinh chết, vậy thì chúng ta có thể cho rằng, sau ba ngày hoặc trong vòng ba năm, người kia cũng sẽ chết. Thái độ của họ, hành vi của họ, tình cảm của họ là như nhau và có vẻ như hai người có cách sống hoàn toàn giống nhau. Sự tương tự của họ cũng còn được nhìn thấy ở nhiều thứ khác - mỗi người hành động như bản sao của người kia.

Có phải thời điểm sinh ra quá ảnh hưởng đến mức quãng đời của họ cũng dài như nhau, chỉ số I.Q của họ gần như tương đương, hành vi thân thể họ như nhau, hai người đổ bệnh cùng một nguyên nhân, và cả hai khỏe mạnh trở lại cũng bởi một loại thuốc điều trị? Có phải thời điểm sinh ra quá ảnh hưởng chẳng?

Chiêm tinh học đã nói rằng, thời điểm sinh ra còn quan trọng hơn sinh ra. Cho đến trước thời điểm này khoa học đã không đồng ý với chiêm tinh học, nhưng bây giờ họ bắt đầu đồng ý như vậy. Vì sự xuất hiện của sự đồng thuận này mà một vài thử nghiệm đã trở nên có ích.

Ví dụ... tại thời điểm chúng ta phóng vệ tinh nhân tạo vào không gian, chúng ta thấy rằng, các dạng bức xạ vô hạn không ngừng chiếu từ vũ trụ, từ các chòm sao, và lan truyền khắp nơi trên trái đất. Trên trái đất, không gì không bị ảnh hưởng bởi hiện tượng này. Chúng ta biết rằng, biển bị ảnh hưởng bởi mặt trăng, chúng ta cũng tính toán thực tế rằng, tỷ lệ tương đối giữa muối và nước trong nước biển giống chính xác tỷ lệ đó trong con người. Cơ thể con người chứa bốn mươi lăm phần trăm nước, tỷ lệ muối trong nước đó cũng tương tự như tỷ lệ muối chứa trong hàng nghìn vịnh. Nếu nước biển bị ảnh hưởng bởi mặt trăng, vậy thì làm cách nào nước bên trong cơ thể con người lại không bị ảnh hưởng?

Hiện nay, liên quan đến vấn đề này, hai hoặc ba hiện tượng thực tế nổi lên từ những điều tra gần đây phải được lưu ý. Ví dụ, vào thời kỳ trăng tròn, số người bị điên trên thế giới tăng lên. Vào mười bốn ngày cuối tối trời hơn thì số người bị điên ít đi. Khi trăng sáng hơn thì tỷ lệ người điên cũng bắt đầu tăng lên. Vào ngày trăng tròn, số người vào nhà thương điên là nhiều nhất; vào ngày cuối cùng của chu kỳ trăng khuyết số người ra khỏi nhà thương điên cũng nhiều nhất. Hiện nay các con số thống kê đã có sẵn...

Trong tiếng Anh có từ lunatic [người điên]; trong Hindu có từ chaandmara. Chaand liên quan đến trăng,

giống như lunar trong tiếng Anh. Chaandmara là thuật ngữ rất cổ, và từ lunatic [người điên] cũng khoảng ba nghìn năm tuổi. Khoảng ba nghìn năm trước, con người đã từng nghĩ mặt trăng cũng làm một cái gì đó ảnh hưởng đến sự điên khùng. Nhưng nếu nó thực hiện một cái gì đó ảnh hưởng đến sự điên khùng, vậy thì làm cách nào nó lại không thể ảnh hưởng đến sự lạnh mạnh?

Trong sự phân tích cuối cùng, cấu trúc của óc và thành phần bên trong của cơ thể là giống nhau. Đúng, có thể trăng ảnh hưởng đến người điên ở mức độ lớn hơn, và ảnh hưởng đến người lạnh mạnh ở mức độ ít hơn. Đây là sự khác biệt thuần túy về định lượng. Nhưng việc người lạnh mạnh hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi mặt trăng là điều không thể. Nếu điều đó là thật, vậy thì không ai có thể điên khùng - bởi vì mọi người điên đã từng có thời là lạnh mạnh. Đầu tiên trăng phải làm một cái gì đó đối với những người lạnh mạnh!

Giáo sư Brown đã thực hiện một nghiên cứu thú vị. Ông ta là người hoàn toàn không tin vào chiêm tinh học. Ông ta là người không tin, và trong những bài viết sớm của mình, ông ta đã chế nhạo thuật chiêm tinh rất nhiều. Nhưng mặc dù hoài nghi, ông ta bắt đầu một sự điều tra, nghiên cứu. Ông ta đã thu thập kundali, lá số tử vi của nhiều vị tướng nổi tiếng, của các bác sĩ và các nghề nghiệp khác nhau. Nhưng sau đó ông ta đã tự nhận ra khó khăn ghê gớm, bởi vì ông ta đã khám phá ra những thành viên của một nghề nào đó được sinh ra dưới một hành tinh đặc biệt, dưới cùng một chòm sao. Ví dụ, trong số tất cả các vị tướng nổi tiếng thì sự ảnh hưởng của sao Hỏa đến cuộc sống của họ rất mạnh mẽ. Đối với cuộc sống của các

giáo sư thì sự ảnh hưởng của sao Hỏa là hoàn toàn vắng mặt.

Giáo sư Brown đã thực hiện nghiên cứu ở năm mươi nghìn người đã từng là các vị tướng, kết quả nghiên cứu đó tiết lộ rằng, cuộc sống của những người đó chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của sao Hỏa. Nói chung, những tính cách như vậy sinh ra lúc hành tinh sao Hỏa đang mọc. Thời điểm họ sinh ra cũng là lúc sao Hỏa bắt đầu mọc. Đối nghịch với điều này, có bao nhiêu giáo sư trên thế giới không thành vấn đề, vấn đề là họ chưa bao giờ sinh ra vào thời điểm hành tinh sao Hỏa mọc. Nếu điều đó xuất hiện tình cờ, bạn có thể nghĩ rằng đó là sự trùng hợp ngẫu nhiên – nhưng không thể có một trăm nghìn trường hợp trùng hợp ngẫu nhiên.

Các nhà toán học sinh ra dưới một chòm sao xác định; các nhà thơ không bao giờ sinh ra dưới cùng một chòm sao như vậy. Trong trường hợp đặc biệt, có thể có trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng nếu tình cờ mới xuất hiện thì không thể coi là trùng hợp ngẫu nhiên.

Thực tế, có những khác biệt ghê gớm trong hành vi giữa những người có nghề nghiệp khác nhau – ví dụ, giữa các nhà thơ, nhà toán học, các vị tướng và những người theo chủ nghĩa hòa bình. Về mặt này, có thể có con người như Berthend Rusell, ông ấy nói rằng có thể có hòa bình trên thế giới, về mặt khác thì có người như Nietzsche, ông ấy lại nói rằng cái ngày mà chiến tranh ngừng thì thế giới sẽ không còn ý nghĩa nữa. Giữa họ chỉ là sự tranh cãi trí tuệ, hoặc cũng là sự tranh cãi giữa các vì sao? Có phải vì khoảng cách trí tuệ giữa họ, hoặc thời điểm ra đời tách biệt họ?

Thực hiện nghiên cứu càng nhiều thì càng khám phá ra rằng, tài năng của con người biểu lộ ngay thời điểm họ sinh ra. Thậm chí những người biết một chút ít về chiêm tinh học cũng nói rằng, điều này xuất hiện ngay lúc sinh ra dưới chòm sao xác định. Nhưng tôi muốn nói với bạn rằng, con người tự chọn chòm sao mà họ sẽ sinh ra dưới nó. Theo những gì họ muốn là - khả năng bẩm sinh của họ là gì, hình ảnh cuộc đời cuối cùng trong trạng thái nguyên vẹn của họ là gì, động cơ tấp tểo của họ là gì - người đó sẽ được sinh ra dưới chòm sao thích hợp. Mọi đứa trẻ, mọi cuộc đời mới, khẳng định thời điểm chào đời xác định trước khi sinh ra. Nó muốn sinh ra ở thời điểm xác định, nó ước mong được thụ thai chỉ ở thời điểm đó. Ước mong của nó và thời điểm đó là phụ thuộc lẫn nhau.

Như tôi đã từng nói với các bạn, nước của đại dương là chủ đề về những ảnh hưởng nào đó. Tất cả sự sống được tạo ra bởi nước; không có nước thì sự sống là không thể. Cho nên, vào thời Hy Lạp cổ đại, các nhà tiên tri thường nói, sự sống được sinh ra chỉ bởi nước, nước là sự sống. Ấn Độ cổ đại, Trung Hoa cổ đại và các thần thoại khác cũng nói như vậy. Ngày nay, các nhà khoa học tin vào sự tiến hóa cũng nói, sự sống sinh ra trong nước, và có lẽ sự sống đầu tiên trên hành tinh sống trong nước. Đây là dạng đầu tiên của sự sống, thế rồi con người tiến hóa từ đó.

Nước là yếu tố huyền bí nhất trong tất cả.

Bất kỳ sự ảnh hưởng nào từ các ngôi sao, từ vũ trụ, từ không gian chạm tới con người thì cũng thông qua trung gian là nước. Một lần nào đó, nếu nước ảnh hưởng đến cơ thể con người thì bất kỳ sự phát xạ nào cũng có thể lại tràn

ngập họ. Nhiều nghiên cứu về nước được thực hiện, nhiều điều huyền bí liên quan tới nước đang trở thành sự chú ý của con người.

Trong mười năm qua, sự huyền bí lớn nhất về nước đã trở thành sự chú ý của các nhà khoa học, họ cho rằng nước rất nhạy cảm. Bất kỳ sự ảnh hưởng nào, tác động từ bất kỳ khía cạnh nào của cuộc sống cũng được cảm nhận đầu tiên bởi nước. Nước trong chúng ta bị ảnh hưởng đầu tiên. Khi nước trong chúng ta bị ảnh hưởng, vậy thì việc chúng ta không bị ảnh hưởng là điều rất khó khăn.

Bạn sẽ ngạc nhiên khi biết rằng, khi đưa trẻ bơi trong dạ con người mẹ, nó bơi như trong đại dương. Nước mà đưa bé bơi trong bụng mẹ cũng có phần trăm muối như nước biển. Bất kỳ sự ảnh hưởng nào của cơ thể người mẹ tới đưa trẻ cũng không chạm trực tiếp tới nó; giữa người mẹ và sự phát triển của đưa trẻ trong dạ con không có mối liên hệ trực tiếp. Nước là chất môi giới. Bất kỳ sự ảnh hưởng nào của người mẹ tới đưa trẻ cũng thông qua trung gian là nước; không có mối liên hệ trực tiếp. Vậy thì suốt cuộc đời chúng ta, nước trong cơ thể của chúng ta vận hành như nước trong đại dương.

Cá ở biển cũng được nghiên cứu rất nhiều. Có những loài cá ở biển lên bờ và đẻ trứng ở đó khi thủy triều xuống, khi biển rút ra xa. Cưỡi lên sóng, cá lên tới bờ cát, đẻ trứng, và lại quay lại biển trên những con sóng. Vào thời khoảng gian nào đó, sóng biển quay trở lại. Thế rồi trứng sẽ vỡ ra và cá con ra đời. Sau đó những đợt sóng tiếp theo sẽ mang cá con ra biển khơi.

Những nhà khoa học khi nghiên cứu những con cá này đã rất ngạc nhiên, bởi vì cá luôn lên bờ đẻ trứng khi thủy triều xuống. Nếu chúng đẻ trứng lúc thủy triều lên thì trứng hẳn sẽ bị cuốn sạch trong triều cường. Chúng đẻ trứng trong lúc thủy triều xuống và rút lui trong chốc lát khi sóng ngừng. Sóng không cuốn lần thứ hai những nơi chúng đẻ trứng, nếu không sóng sẽ cuốn sạch trứng đi.

Các nhà khoa học đã rất bối rối, làm cách nào những con cá này biết khi nào thủy triều sẽ xuống – khi nào xuất hiện thời điểm thủy triều xuống. Nếu thậm chí có sự sai lệch nhỏ về thời gian thì trứng sẽ bị cuốn đi ngay. Nhưng chúng chưa bao giờ sai lầm trong suốt hàng trăm nghìn năm. Nếu chúng sai sót thì hẳn là chúng đã biến mất như những loài khác. Nhưng chúng chưa bao giờ sai lầm. Chúng sở hữu loại dụng cụ gì để chúng có thể biết về thủy triều? chúng sở hữu bộ phận cảm ứng gì để nó nói với chúng khi thủy triều xuống? Một trăm nghìn con cá sẽ tập trung cùng nhau, trải dài khắp bãi biển vào một thời điểm... Phải có một vài mật mã, một vài cơ cấu thông tin trong việc khổng chế những con cá này. Hàng trăm nghìn con cá sẽ đến từ hàng nghìn dặm để đẻ trứng bên bờ biển - tất cả cùng một thời điểm.

Những người nghiên cứu hiện tượng này nói rằng, ngoài mặt trăng ra thì không thể có nguồn nào khác. Trăng là nguồn khả năng trực giác của cá mà không phải thực thể nào khác. Về việc cá biết khi nào thủy triều lên, khi nào thủy triều xuống chính là khả năng trực giác của chúng. Ảnh hưởng của trăng là cách duy nhất chúng biết về thủy triều.

Có khả năng khác. Người ta cũng phỏng đoán rằng, bằng cách nào đó, những con cá đó có thể được thông báo bởi sóng biển. Cho nên họ cho chúng vào nơi không có sóng biển: trong nước, trong phòng tối. Nhưng kết thật kinh ngạc. Cá bị bao vây trong bóng tối, không có trăng. Không ánh sáng nào được cung cấp, nhưng khi trăng xuất hiện vào thời điểm chính xác khi cá ở đại dương vào bờ đẻ trứng, cũng chính tại thời điểm đó, cá trong phòng thí nghiệm cũng đẻ trứng. Thực tế này cho thấy điều gì? Đó không phải là vấn đề sóng biển.

Một người nào đó có thể nói rằng cuộc đua bắt đầu chỉ khi cá nhận được tín hiệu từ con khác, nhưng giả thuyết này cũng không đứng vững. Các nhà khoa học đã chứng kiến cá khi chúng cách ly với nhau. Họ đã cố gắng bằng mọi cách để quấy nhiễu não của những con cá này. Họ đã đặt cá vào bóng tối trong hai mươi bốn giờ sao cho cá không biết khi nào buổi sáng, khi nào đêm. Họ cũng đã quan sát những con cá này sau khi đặt chúng dưới ánh sáng chói chang suốt hai mươi bốn giờ sao cho cá không biết khi đó là ngày. Họ đã quan sát chúng sau khi tạo ra mặt trăng giả, và hàng ngày sự rọi sáng của mặt trăng giả đó cũng giảm xuống hay tăng lên. Nhưng những con cá này cũng không bị đánh lừa. Khi trăng thực sự xuất hiện đúng thời điểm, tại thời điểm đó, cá bắt đầu đẻ trứng. Bất kỳ chúng ở đâu thì chúng cũng đẻ trứng vào thời điểm đó.

Hàng năm, hàng trăm nghìn con chim bay xa hàng trăm và hàng trăm dặm. Vào mùa đông, như thường lệ tuyết sẽ rơi, cho nên những chú chim bắt đầu bay khỏi nơi tuyết rơi. Chúng sẽ chỉ dừng ở nơi xa hàng nghìn dặm. Để tới nơi cắm trại mùa đông, chúng phải di chuyển mất hai

tháng. Những chú chim đó bắt đầu ra đi đúng một tháng trước khi tuyết rơi. Vào thời điểm đó tuyết chưa rơi, nhưng sau đúng một tháng tuyết bắt đầu rơi. Làm cách nào chim có thể tính toán chính xác ngày tuyết bắt đầu rơi? Nhà khí tượng học của chúng ta, dù họ đã quan sát rất tỉ mỉ cũng không thể có được thông tin chính xác như vậy. Lần đầu tiên tôi đã nghe nhà khí tượng học hỏi các nhà chiêm tinh ngồi bên lề đường, “Ông nghĩ gì – hôm nay trời có mưa hay không?”

Những sự chuẩn bị mà con người tạo ra có vẻ còn chưa chín chắn. Những chú chim biết tuyết rơi từ một tháng rưỡi hoặc hai tháng trước đó. Sau hàng nghìn thử nghiệm, có một hiện tượng đã được quan sát, ngày mà những chú chim bay là như nhau đối với mọi loài chim. Hàng năm, ngày đó thay đổi, bởi vì ngày tuyết rơi không cố định. Nhưng chắc chắn rằng mọi loài chim sẽ bay xa trước khi tuyết rơi một tháng. Nếu tuyết rơi muộn hơn mười ngày so với năm trước thì chúng sẽ bay muộn hơn mười ngày. Nếu tuyết rơi sớm hơn mười ngày thì chúng cũng bay sớm hơn mười ngày. Nếu ngày tuyết rơi đầu tiên là không chắc chắn, vậy thì những chú chim được thông báo như thế nào?

Ở Nhật Bản, có loài chim sơ tán khỏi thị trấn hai mươi bốn tiếng trước khi động đất xuất hiện. Đó chỉ là thị trấn bình thường của chim – ở mọi thị trấn có rất nhiều chim – nhưng trước động đất hai mươi bốn tiếng, những con chim này sẽ sơ tán khỏi thị trấn. Hiện nay các nhà khoa học không có khả năng dự đoán động đất sớm hơn thậm chí là hai tiếng. Trước hai tiếng họ còn không chắc chắn, không biết chính xác. Chỉ có một khả năng duy nhất là động đất có thể xảy ra. Nhưng ở Nhật Bản, mọi người biết động đất

sẽ xuất hiện trước hai mươi bốn tiếng. Từ bất kỳ thị trấn nào mà loại chim này bay khỏi thì con người ở thị trấn đó biết rằng, bây giờ chỉ còn khoảng thời gian hai mươi bốn tiếng. Loài chim này đã rút lui; không một con nào của loài đó còn ở lại trong thị trấn. Làm cách nào loài chim này được thông báo?

Trong mười năm gần đây, các nhà khoa học đã nói một cái gì đó mới - mọi sinh vật sở hữu cơ quan cảm giác bên trong thì đều cảm nhận thế giới bên ngoài. Có lẽ con người cũng có khả năng đó, nhưng nó đã bị mất bởi việc phụ thuộc vào trí tuệ của họ. Con người là sinh vật sống duy nhất trên thế giới đã mất nhiều thứ mà họ đã từng có vì trí thông minh của mình. Thông qua trí tuệ sáng tạo tương tự, con người cũng đạt được nhiều thứ mà họ không có, nhưng cũng đã mất rất nhiều. Những gì con người đã có thì đã bị mất, những gì con người không có thì họ đã phát minh ra. Thậm chí những sinh vật thu nhỏ cũng tồn tại nguồn cảm giác bên trong. Sự khám phá về nguồn cảm giác bên trong này cho chúng ta nhận biết rằng, không có gì sống trên trái đất này là bị cách ly hoặc tách biệt. Mọi thứ đều có mối liên hệ với vũ trụ. Nếu có bất kỳ điều gì xuất hiện ở bất kỳ đâu thì hậu quả của nó cũng sẽ được cảm nhận ở đây.

Tôi đã từng nói về Paracelsus... những nhà vật lý ngày nay cũng đi tới kết luận, khi những dấu vết xuất hiện và phát triển trên mặt trời thì bệnh tật trên mặt đất tăng lên, và khi những vết đó trên mặt trời giảm đi thì bệnh tật trên trái đất cũng giảm đi. Chừng nào những dấu vết trên mặt trời còn kéo dài, chúng ta sẽ không bao giờ rũ bỏ được ám ảnh về bệnh tật trên trái đất. Cứ mỗi mười một năm thì lại có sự

hỗn loạn khủng khiếp trên mặt trời, và những vụ nổ khủng khiếp xảy ra. Có những cuộc chiến tranh trên trái đất theo trình tự mười năm. Những bệnh dịch cũng theo sau trình tự mười hoặc mười một năm.

Một lúc nào đó bạn có ý tưởng rằng, chúng ta không riêng biệt, hoặc không cách ly mà liên hệ cùng nhau trong mối quan hệ hữu cơ, vậy thì việc hiểu chiêm tinh học là điều rất dễ dàng. Chính vì vậy mà tôi giải thích tất cả điều này cho bạn.

Một vài người đã nghĩ, thậm chí đến bây giờ họ còn nghĩ, chiêm tinh học là mê tín dị đoan, là niềm tin mù quáng. Ở mức độ cao hơn thì điều này có vẻ là thực. Đối với chúng ta, có những vấn đề, việc tìm ra sự giải thích khoa học là khó khăn thì có vẻ như lại được coi là niềm tin mù quáng. Nhưng chiêm tinh học là rất khoa học. Ý nghĩa của khoa học là sự điều tra, nghiên cứu về mối quan hệ giữa nguyên nhân và hậu quả. Chiêm tinh học nói, bất kỳ điều gì xuất hiện trên trái đất này cũng không phải không có nguyên nhân. Tuy nhiên, có thể chúng ta không nhận biết những nguyên nhân. Chiêm tinh học nói, sự sắp đặt tương lai sẽ không thể cách ly với quá khứ mà phải xuất phát từ quá khứ: những gì bạn là ngày mai thì cũng phải liên quan tới những gì bạn là ngày nay; những gì bạn đã từng cho đến hôm nay thì cũng liên hệ với những gì bạn là ngày mai.

Chiêm tinh học là phương pháp tư duy rất khoa học. Nó nói rằng tương lai chỉ xuất hiện từ quá khứ: ngày nay của bạn đã xuất hiện từ ngày hôm qua của bạn; ngày mai của bạn sẽ xuất hiện từ ngày nay của bạn. Chiêm tinh học

cũng nói rằng, bất kỳ điều gì sẽ xuất hiện vào ngày mai thì cũng xuất hiện một cách tinh vi vào ngày nay. Bây giờ hãy cố hiểu một chút về điều này.

Ba ngày trước khi bị ám sát, Abraham Lincoln đã mơ mình bị giết và thi thể nằm ở phòng đặc biệt trong nhà Trắng. Thậm chí ông ta còn lưu ý đến số phòng. Tại thời điểm khi giấc mơ bị phá giấc, ông ta thức dậy và cười. Ông ta nói với vợ mình, “Anh đã mơ rằng anh bị giết và cơ thể anh nằm ở căn phòng như vậy, như vậy, ở dãy nhà ngang như vậy của Nhà Trắng” – ông ta đã ngủ ở dãy nhà ngang đó của nhà Trắng. “Em đứng phía đầu anh, và những người như vậy, như vậy đứng vây xung quanh”.

Đó là câu chuyện cười, câu chuyện tiểu lâm đối với ông ta. Lincoln và vợ lại ngủ tiếp. Ba ngày sau, vụ ám sát Lincoln xảy ra. Ba ngày sau cơ thể ông ta nằm ở căn phòng có số phòng như vậy, ở chính nơi đó, và hàng người đó đang đứng quanh thi thể ông ta.

Nếu những gì xuất hiện ba ngày sau không theo cách đã từng xuất hiện, vậy thì làm cách nào giấc mơ đã xuất hiện? làm cách nào giấc mơ lại tương tự từng chi tiết như vậy, thực tế điều gì đã xảy ra? Cái thoáng qua như vậy trong giấc mơ chi theo cách nó đã được gợi ý ở thời điểm hiện tại. Vậy thì chúng ta có thể có sự thoáng qua về những gì sẽ xuất hiện trong tương lai.

Nếu chúng ta mở cửa sổ của hiện tại, ấy thì chúng ta sẽ có khả năng nhìn thấy tương lai chỉ bên ngoài cửa sổ đó. Luận điểm của thuật chiêm tinh là, tương lai chỉ đơn giản là sự ngu dốt của chúng ta – cho nên, nó là “tương lai”. Nếu chúng ta ở đó để nhìn, vậy thì tương lai hẳn không

phải là “hiện tượng” đối với chúng ta – chúng ta hẳn đã biết nó đã từng là hiện tại, ở đây và bây giờ.

Có một sự kiện liên quan đến cuộc đời của Mahavira, và đã có nhiều tranh cãi về chuyện đó. Vì sự tranh cãi này mà có một nhóm đệ tử đã b. ông ấy bởi chính sự hiện diện của ông. Vì sự tranh cãi này mà năm trăm munis của Mahavira đã tạo ra mệnh lệnh riêng rẽ. Mahavira từng nói rằng, bất kỳ điều gì đang xảy ra thì cũng đã xảy ra trong một vài cảm giác: nếu bạn đang đi bộ, vậy thì trong cảm giác bạn đã tới đích; nếu bạn đang già đi, vậy thì bạn trong cảm giác bạn đã già đi. Mahavira thường nói rằng, bất kỳ điều gì sẽ xuất hiện thì đang xảy ra, bất kỳ điều gì đang trong quá trình thì cũng đã xuất hiện.

Một đệ tử thâm niên của Mahavira đã sống xa ông ấy trong mùa gió. Ông ấy bị ốm, cho nên ông ấy yêu cầu đệ tử trẻ hơn đang có mặt ở đó trái chiếu cho ông. Đệ tử trẻ tuổi bắt đầu trái chiếu. Đệ tử trẻ đã gỡ những chỗ rối, cuộn tròn lại một chút khi đệ tử già nhớ lại điều Mahavira nói Ông ta nói, “Dừng lại! Mahavira nói rằng những gì đang xuất hiện thì đã xuất hiện”. Cái chiếu đang trong quá trình lăn tròn nhưng nó chưa mở ra. Bỗng nhiên trong ông ta xuất hiện rằng, điều Mahavira đã nói là quá sai. Cái chiếu đã mở ra một nửa, nhưng trong hoàn cảnh đó, nó đã mở ra chưa?

Ông ta để cái chiếu lại đó. Sau mùa gió ông ta đến với Mahavira và nói, “Thầy đã sai lầm khi nói rằng, những gì đang xuất hiện thì đã xuất hiện, bởi vì ngay bây giờ cái chiếu đang mở một nửa. Nó được mở, nhưng nó đã không được mở. Cho nên tôi đến để chứng minh với thầy rằng,

điều thầy nói là sai”. Mahavira nói với ông ta rằng ông ta đã không hiểu lời nói. Người đệ tử này hẳn đã có tâm trí rất trẻ con; nếu không ông ta hẳn là không đến với câu chuyện như vậy. Mahavira nói, “Ông đã dùng quá trình. Nó đã xuất hiện nhưng ông đã can thiệp vào. Cái chiếu mà ông ngăn ngừa trái ra đã thực sự trong quá trình trái ra. Thực tế nó đã được thực hiện. Ông chỉ nhìn thấy chiếu trong quá trình trái ra, nhưng quá trình vẫn tiếp diễn, và đó là những gì đã xảy ra. Cho nên chiếu sẽ giữ nguyên gấp lại trong bao lâu? nó trở nên mở, và sẽ mở. Ông sẽ phải quay trở lại”.

Khi môn đệ quay trở về, ông ta nhìn thấy người đã mở chiếu và đang nằm nghỉ ngơi trên nó. Con người này đã làm rối tung mọi thứ; anh ta đã phá hủy toàn bộ luận điểm của môn đệ!

Mahavira từng nói rằng, bất kỳ điều gì sẽ xuất hiện thì đã xuất hiện, ông ta nói rằng bất kỳ điều gì đang xuất hiện là hiện tại, bất kỳ điều gì có thể là tương lai. Nụ hoa sẽ nở hoa ở một nơi nào đó mà hoa từng đã nở, cho nên nó sẽ nở, nó sẽ trở thành bông hoa. Ngay bây giờ nụ đang trong quá trình nở hoa, ngay bây giờ nó chỉ là nụ. Nhưng nếu nó trong quá trình nở hoa thì nó sẽ nở hoa. Cũng trong hoàn cảnh đó, việc nở hoa của nó đã xuất hiện ở một nơi nào đó.

Bây giờ chúng ta hãy nhìn vấn đề này từ một góc độ khác. Sẽ có một chút khó khăn. Chúng ta luôn nhìn theo quan điểm của quá khứ. Nụ sẽ nở hoa, nhưng suy nghĩ của chúng ta nói chung là định hướng quá khứ - buộc phải là quá khứ. Chúng ta nói rằng nụ sẽ nở hoa, rằng nó sẽ trở thành bông hoa, rằng nụ sẽ trở thành hoa. Nhưng cũng có

thể có điều ngược lại. Ví dụ, nếu tôi đẩy bạn từ phía sau, tôi sẽ làm cho bạn tiến về phía trước. Nhưng cũng có thể là một người nào đó đang kéo bạn từ phía trước. Sự chuyển động có thể theo hai hướng. Tôi đẩy bạn từ phía sau và bạn tiến về phía trước. Có thể là một người nào đó kéo bạn từ phía trước mà không có ai đẩy bạn từ phía sau. Trong trường hợp này bạn cũng tiến về phía trước.

Chiêm tinh học nhận ra sự chưa hoàn thiện của quan điểm rằng, quá khứ tạo ra sự thúc đẩy và tương lai xuất hiện như là hệ quả. Nếu con người nhìn hiện tượng trong sự toàn bộ của nó, thì họ nhìn thấy rằng quá khứ tạo ra sự thúc đẩy, nhưng tương lai cũng tồn tại như là sự kéo, sự hấp dẫn. Nụ hoa trở thành bông hoa không phải là tất cả sẽ xảy ra. Bông hoa được gọi ra khỏi nụ để trở thành bông hoa; nó đang sử dụng lực kéo. Quá khứ ở phía sau; tương lai ở phía trước. Bây giờ, trong thời điểm hiện tại, có nụ hoa. Toàn bộ quá khứ đẩy nụ trở thành hoa và toàn bộ tương lai kéo nụ trở thành hoa.

Dưới sức ép của hai hướng, quá khứ và tương lai, nụ sẽ trở thành hoa. Nếu không có tương lai, vậy thì chính quá khứ cũng không có khả năng tạo ra bông hoa. Trong tương lai có những thứ cần thiết như là nơi chốn, không gian. Nếu tương lai cung cấp nơi chốn, chỉ khi đó thì nụ mới có khả năng trở thành hoa. Nếu không có tương lai, vậy thì quá khứ có cố gắng mấy cũng không ích gì, dù nó có đẩy bạn mạnh thế nào chăng nữa thì cũng là vô nghĩa. Nó có đẩy bạn từ phía sau mạnh như thế nào chăng nữa thì cũng có bức tường phía trước mặt, và tôi không thể làm cho bạn tiến lên phía trước. Không gian là cần đến để tiến lên phía trước. Nếu tôi đẩy bạn và không gian phía trước

chấp nhận bạn với lời mời, “Hãy đến đây! hãy là người khách của ta”, chỉ khi đó thì cú đẩy của tôi mới có ý nghĩa. Đối với cú đẩy của tôi thì không gian tương lai là cần thiết. Quá khứ thực hiện công việc; tương lai tạo ra không gian.

Quan điểm của chiêm tinh học là, chỉ nhìn theo quan điểm quá khứ là không đủ, và chỉ là khoa học thì không hoàn chỉnh.

Tương lai mời gọi, lôi kéo chúng ta liên tục. Chúng ta không biết, chúng ta không nhận biết. Đây là điểm yếu của mắt chúng ta, đây là sự thiên cận của chúng ta – chúng ta không thể nhìn xa trông rộng. Ngày mai không tiết lộ điều gì cho chúng ta.

Nếu một lần nào đó bạn nhìn kundali của Krishnamurti, bạn sẽ ngạc nhiên. Nếu Annie Besant hoặc Leadbeater đã quan tâm đến việc xem lá số tử vi, vậy thì họ hẳn đã nhìn thấy, làm việc cùng với Krishnamurti là sai lầm, bởi vì lá số tử vi của ông ta chỉ ra rõ ràng rằng, nếu Krishnamurti thuộc về bất kỳ tổ chức nào thì ông ta cũng trở thành người hủy diệt nó. Điều đó chỉ ra rằng, bất kỳ tổ chức nào ông ta thuộc vào thì ông ta cũng mang đến sự khai tử cho nó; bất kỳ tổ chức nào ông ta tham gia cũng sẽ bị diệt vong. Nhưng Annie Besant không sẵn sàng chấp nhận điều này. Không ai có thể nghĩ như vậy – nhưng đây là cách mà nó đã xuất hiện.

Phong trào Thông thiên học đã cố gắng chuẩn bị cho ông ta như là một lãnh tụ. Nhân danh Krishnamurti, thuyết thần trí đã tạo ra nỗ lực quá lớn đến mức mức phong trào sụp đổ vĩnh viễn. Annie Besant đã tạo ra tổ chức lớn gọi là Ngôi sao phương Đông, chỉ vì Krishnamurti. Thế rồi vào

một ngày, sau khi đã truyền cảm hứng cho tổ chức, Krishnamurti đã tách chính mình khỏi tổ chức đó. Annie Besant đã hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho tổ chức, và đã hủy hoại chính mình vì điều đó. Nhưng Krishnamurti không thể bị lên án vì điều này. Ngôi sao ảnh hưởng đến ông ta khi sinh ra đã là sự thông báo rõ ràng rằng, người đó sẽ là thể lực hủy diệt và phá vỡ bên trong bất kỳ tổ chức nào.

Tương lai không phải hoàn toàn không chắc chắn. Kiến thức của chúng ta là không chắc chắn; sự ngu dốt của chúng ta quá nặng nề. Không có gì về tương lai có vẻ được tiết lộ cho chúng ta. Chúng ta bị mù; không có gì của tương lai được tiết lộ cho chúng ta. Bởi vì có vẻ không có gì được tiết lộ cho chúng ta, chúng ta nói đó là điều không chắc chắn. Nhưng một cái gì đó của tương lai được tiết lộ cho chúng ta – và chiêm tinh học không chỉ nghiên cứu xem những ngôi sao, những hành tinh nói gì, hoặc việc tính toán tầm quan trọng của chúng. Đây chỉ là một khía cạnh của chiêm tinh học.

Vậy thì còn có những khía cạnh khác nhận biết về tương lai. Con người còn có những chỉ trên gan bàn tay, con người còn có những chỉ trên trán họ, con người còn có những chỉ ở lòng bàn chân - những điều này cũng chỉ là bề ngoài.

Trong cơ thể con người có những chakras (luân xa) ẩn dấu. Mọi chakra đều có cách cảm nhận riêng của nó. Mọi chakra rung động theo cách duy nhất của nó, ở tần số của chính nó trong mọi thời điểm. Có những phương pháp để kiểm tra xem chúng là gì. Con người đã giấu giếm bên

trong họ những ấn tượng tinh thần hoặc những hạt mầm của quá khứ.

Ron Hubbard đã mang đến từ mới, khoa học mới cho phương Tây. Đối với phương Đông thì nó là cổ đại. Tên của khoa học này là dấu vết thời gian. Hubbard nghĩ rằng, dù con người đã sống ở bất kỳ dạng nào – người hoặc súc vật, cây hoặc tảng đá... thì họ đã sống với sự trải rộng vô hạn của những cuộc đời, và toàn bộ dòng chảy của ký ức vẫn còn được ẩn chứa bên trong họ. Dòng chảy này có thể được bộc lộ, thậm chí con người có thể trải nghiệm lại những hồi ức này.

Trong toàn bộ nghiên cứu của Hubbard thì đây là khám phá giá trị nhất. Về dấu vết thời gian, Hubbard đã nói rằng, bên trong con người có những dấu khắc ghi. Về mặt này, chúng ta sở hữu hồi ức và chúng ta có thể hồi tưởng lại những gì xảy ra hôm qua, những gì xảy ra trước hôm qua. Đây là ký ức “làm việc” của chúng ta, đây là ký ức hàng ngày của chúng ta. Giống như mọi chủ cửa hàng hoặc nhân viên văn phòng duy trì việc ghi chép hàng ngày, đây là hồi ức làm việc của họ. Nó trở nên vô dụng hàng ngày. Thực tế nó không tồn tại – không phải tất cả đều là vĩnh viễn. Đây là hồi ức làm việc thông qua công việc chúng ta làm hàng ngày, sau đó, hàng ngày chúng ta quẳng nó đi.

Nhưng sâu sắc hơn thì đây không chỉ là hồi ức về công việc đã thực hiện – nó còn là cuộc sống của chúng ta, là phép toán cộng toàn bộ kinh nghiệm của chúng, là kinh nghiệm cốt lõi của chúng ta tích lũy được thông qua vô số những kiếp sống quá khứ. Hubbard gọi điều này là sự khắc ghi – nó đã ăn sâu bên trong chúng ta. Nó tuyệt đối bên

trong, khóa chặt bên trong, giống như cái băng ghi âm bị khóa chặt bên trong túi bạn. Nó có thể được mở, và khi nó được mở ra, nó trở thành những gì Mahavira thường gọi là hồi ức dòng giống. Hubbard gọi nó là dấu vết thời gian – nó làm cho bạn quay trở về đúng thời điểm. Khi nó được mở ra, trải nghiệm không phải là điều bạn đang nhớ lại; dường như không phải bạn đang nhớ lại, bạn hồi tưởng lại trải nghiệm.

Bây giờ nó được tiết lộ. Khi dấu vết thời gian được tiết lộ, bạn không thể cảm nhận “tôi đang nhớ lại” – không. Bạn hồi tưởng lại nó. Cố hiểu xem. Nếu dấu vết thời gian của bạn được tiết lộ, thế thì sẽ không khó khăn gì. Thực tế là, không có nó thì chiêm tinh học không thể hoàn thiện. Sự nhận biết sâu sắc nhất về chiêm tinh học là, quá khứ của bạn phải được tiết lộ - bởi vì, nếu bạn trở nên nhận biết toàn bộ quá khứ của mình, vậy thì bạn sẽ nhận biết toàn bộ tương lai của mình, bởi vì tương lai của bạn sẽ nổi lên từ quá khứ.

Không biết quá khứ của mình, bạn không thể biết tương lai của mình, bởi vì quá khứ của bạn sẽ là quá khứ trẻ con của bạn, tương lai của bạn được sinh ra từ quá khứ đó. Cho nên điều cần thiết đầu tiên là, toàn bộ dấu vết ký ức của bạn phải được biểu lộ để quan sát. Nếu dấu vết ký ức của bạn được tiết lộ - và có những kỹ thuật, những phương pháp về vấn đề này – thế thì, nếu bạn nghĩ rằng bạn sẽ nhớ lại khi sáu tuổi bạn như thế nào và cha bạn đã tát bạn, bạn thấy vẫn có lỗi. Bạn sẽ không nhớ bạn như thế nào khi sáu tuổi, bạn sẽ hồi tưởng lại điều đó.

Bạn sẽ hồi tưởng lại sự kiện. Ở thời điểm bạn hồi tưởng lại, nếu bạn hỏi, “Tên bạn là gì?” bạn sẽ lặp lại

“Người trẻ tuổi”, hoặc “William Smith Junior”. Đứa trẻ sáu tuổi sẽ lặp lại. Bạn sẽ hồi tưởng lại sự kiện tại thời điểm này; bạn sẽ không nhớ nổi. William Smith Junior không nhớ lại khi anh ta sáu tuổi, không, William Smith Junior đã trở thành sáu tuổi. Bây giờ anh ta sẽ trả lời “Còn ít tuổi”; bất kỳ điều gì anh ta lặp lại thì cũng là sự lặp lại của đứa trẻ sáu tuổi.

Nếu bạn được mang trở lại cuộc đời quá khứ, và bạn nhớ lại rằng bạn đã từng là sư tử, vậy thì, nếu bạn được phép giữ nguyên ở điểm đó, bạn sẽ bắt đầu gào lên như sư tử. Bạn sẽ không nói như con người. Thậm chí, việc bạn tấn công người nào đó bằng móng chân và móng tay sẽ là điều có thể. Nếu bạn nhớ lại bạn đã từng là tảng đá, và một người nào đó hỏi bạn, bạn sẽ hoàn toàn im lặng. Bạn sẽ không có khả năng nói; bạn sẽ giữ nguyên giống như tảng đá.

Hubbard đã từng giúp đỡ hàng nghìn người. Ví dụ, với một người không thể nói – Hubbard nói rằng, con người này chắc đã bị ngăn chặn bởi hồi ức thời trẻ con và không thể tiến về phía trước. Bởi thế ông ta đã đưa anh ta quay trở về với với dấu vết thời gian của mình, và phá vỡ sự khắc ghi của mình khi anh ta sáu tuổi, hoặc tại điểm mà sự phát triển của anh ta bị ngăn chặn và anh ta không thể tiến lên. Khi anh ta quay trở về thời điểm này, sự ảnh hưởng của hồi ức thời trẻ con này sẽ phân tán. Và bởi vậy con người này sẽ quay trở lại là ba mươi tuổi. Sự khác biệt hai mươi bốn năm sẽ đặt sang một bên. Điều ngạc nhiên là, hàng nghìn loại thuốc không thể giúp được gì cho con người nói được, nhưng bằng việc quay ngược trở lại với dấu vết thời gian, anh ta có thể nói.

Nhiều bệnh tật xuất hiện trong bạn chỉ vì dấu vết thời gian này. Nhiều bệnh tật phù hợp với phạm trù này – ví dụ, bệnh sốt mùa hè hoặc bệnh suyễn. Đối với bệnh nhân bị bệnh sốt mùa hè, tồn tại một ngày cố định: hàng năm vào đúng ngày đó, vào đúng thời điểm đó thì bệnh sốt mùa hè của anh ta lại quay trở lại. Cho nên không thể có phương thuốc cho bệnh sốt đó. Tại sao? - bởi thực tế rằng, sốt mùa hè không phải là bệnh thân thể, đó là bệnh dấu vết thời gian. Ở một nơi nào đó hồi ức đã được cố định, một nơi nào đó hồi ức đã bị ngăn chặn.

Ví dụ, con người có thể nhớ ngày thứ mười hai của tháng trong mùa mưa. Khi ngày thứ mười hai đến, khi mùa mưa đến, con người đã sẵn sàng; anh ta đã thực sự sợ những gì sẽ xảy ra. Anh ta sẽ rất ngạc nhiên rằng, bệnh sốt mùa hè sẽ không tấn công anh ta như là một cái gì đó anh ta đang hồi tưởng - nó không bao giờ là bệnh sốt mùa hè thực sự. Anh ta chỉ đang hồi tưởng những gì xuất hiện ở ngày thứ mười hai của năm trước. Bây giờ, nếu bạn trao anh ta bất kỳ sự chăm sóc nào thì bạn chỉ đẩy anh ta vào rắc rối. Chăm sóc không tác dụng gì, bởi vì anh ta không còn là người tồn tại một năm trước, và con người ở thời điểm đó có thể được chăm sóc. Bạn có thể vứt bỏ loại thuốc không cần thiết đó đi - bởi vì nó sẽ ngấm vào con người tồn tại bây giờ, mà không ngấm vào con người ốm đau một năm trước. Không có sự liên hệ giữa hai con người đó, không có mối liên hệ. Mọi loại thuốc đều thất bại, mọi loại thuốc chỉ làm cho bệnh sốt mùa hè của anh ta trầm trọng hơn, cho nên anh ta sẽ nói rằng không có gì xảy ra. Anh ta lại sẵn sàng lặp lại những gì đã xuất hiện một năm trước. Bảy mươi phần trăm bệnh tật của chúng ta đã xuất hiện thông

qua dấu vết thời gian - họ đã bị mắc bệnh và bị cầm giữ quá chặt đến mức chúng ta lại hồi tưởng về chúng nhiều lần.

Chiêm tinh học không đơn thuần là nghiên cứu về những ngôi sao, mặc dù nó bao gồm điều đó. Chúng ta sẽ nói về điều này. Ngoài sự nghiên cứu về các ngôi sao còn có những điều khác, những khía cạnh riêng rẽ khác, thông qua chúng, chiêm tinh cố gắng chứng tỏ tương lai, và có thể nắm bắt được tương lai của con người.

Để nhận biết tương lai, việc nhận biết quá khứ là cần thiết. Để nhận biết quá khứ, việc đọc những dấu vết ghi khắc trên cơ thể và tâm trí bạn là cần thiết. Trên cơ thể bạn có những dấu ghi khắc và trong tâm trí bạn cũng có những dấu ghi khắc. Kể từ khi chiêm tinh trở nên ám ảnh với những dấu ghi khắc cơ thể này, nó không thể đi xa hơn, bởi vì những câu khắc trên cơ thể này là rất nông cạn.

Nếu tâm trí bạn chịu đựng sự thay đổi, vậy thì những chỉ trên lòng bàn tay sẽ ngay lập tức thay đổi. Nếu bằng thôi miên, quả quyết rằng sau mười lăm ngày bạn sẽ chết, và nếu hàng ngày trong mười lăm ngày bạn bị làm cho vô thức, và quả quyết trong trạng thái vô thức rằng, sau mười lăm ngày bạn sẽ chết cho dù bạn thích điều đó hay không, vậy thì vào ngày thứ mười lăm, đường sống của bạn sẽ bị ngắt. Khoảng trống sẽ xuất hiện trên đường sống của bạn; cơ thể sẽ chấp nhận ý niệm rằng cái chết đang trên hành trình của nó.

Dấu vết các đường chỉ trên cơ thể là hiện tượng rất hời hợt. Sâu bên trong là ký ức. Ký ức mà bạn đã quen, tuy nhiên, nó không tồn tại sâu bên trong; nó rất hời hợt. Sâu bên trong có tâm thức mà bạn không bao giờ biết. Có

những trung tâm tồn tại một mình sâu bên trong, yoga gọi đó là chakra, là những dạng được tích lũy qua nhiều đời. Người biết, bằng việc đặt tay mình lên chakra nào đó, có thể khám phá ra nó hoạt động như thế nào. Bằng việc chạm vào bảy chakra của bạn, có thể biết bạn đã từng trải nghiệm chúng hay chưa.

Tôi đã thử nghiệm với chakra của hàng trăm người, và tôi đã ngạc nhiên khi nhận ra rằng, chỉ có nhiều nhất một hoặc hai - hiếm khi ba chakra đã bắt đầu được kích hoạt; nói chung chúng còn ngủ yên. Bạn chưa bao giờ sử dụng chúng, nhưng chúng là quá khứ của bạn. Nếu những người đã trải nghiệm chúng đến với tôi, tôi có thể nhìn thấy rằng tất cả bảy chakra của họ đang hoạt động, vậy thì sẽ không có khả năng của cuộc đời tiếp theo. Cuộc đời này sẽ là niết bàn, cuộc đời này sẽ là giải thoát.

Nếu một người nào đó đến với Mahavira, người đó sẽ phải khám phá ra bao nhiêu chakra đang hoạt động trong mình - người đó phải thực hiện công việc nhiều như thế nào, những khả năng của người đó là gì, khi nào thì công việc của người đó đạt thành quả, và người đó cần bao nhiêu lần ra đời nữa.

Chiêm tinh học là nỗ lực để chứng minh tương lai bởi nhiều, rất nhiều hướng đi. Trong số đó - hướng đi được sử dụng phổ biến nhất - đó là nghiên cứu những ngôi sao và các hành tinh ảnh hưởng đến con người như thế nào. Vì điều này mà nhiều chứng cứ khoa học trở nên có hiệu lực hàng ngày. Điều này đã được quá quyết mạnh mẽ - rằng cuộc đời bị tác động, và không thể tránh khỏi bị tác động bởi những ảnh hưởng này. Duy nhất việc xác định vai trò

thứ hai vẫn giữ nguyên khó khăn – cho dù mỗi con người như mỗi cá thể thì cũng bị ảnh hưởng. Điều đó gây cho các nhà khoa học có một chút lo lắng, cho dù mỗi người bị ảnh hưởng một cách riêng biệt - cho dù ba hay bốn tỷ người trên trái đất bị ảnh hưởng như là những cá thể. Nhưng họ phải nhận ra rằng nó là như vậy.

Tạo sao họ lại quá lo lắng? tạo hóa có thể cho mỗi con người dấu vân tay duy nhất của mình, rằng đó là cá thể nhất và không thể lặp lại. Tạo hóa có thể giữ sự thống kê quá tinh tế đến mức nó tạo ra cho mỗi con người một dấu vân tay duy nhất, và dấu vân tay đó không bao giờ thuộc về người khác, không phải bây giờ hoặc không phải tương lai. Nhiều tỷ người có thể đã sống trên trái đất, nhiều tỷ người có thể sẽ sống trên trái đất trong tương lai, nhưng dấu vân ngón cái của tôi không thể bị lặp lại. Bạn có thể ngạc nhiên khi biết rằng, trường hợp sinh đôi từ một trứng mà tôi đã nói ở trên, thậm chí dấu vân tay của chúng cũng khác nhau. Nếu tạo hóa có thể ban cá tính quá mạnh cho mỗi con người cùng điều vô dụng như dấu vân tay - những thứ không có giá trị gì đặc biệt, và có vẻ như không thỏa mãn mục đích đặc biệt nào - nếu tạo hóa có thể trao dấu vân tay là điều duy nhất, thế thì nó không thể trao cho mỗi con người cuộc đời duy nhất và linh hồn duy nhất sao? có vẻ như không có lý do tại sao không. Nhưng khoa học đang tiến triển dần dần – và điều đó là tốt! đối với khoa học thì việc tiến triển dần dần là tốt. Trước khi thực tế được chứng minh hoàn toàn thì việc tiến về phía trước một phần cũng là điều tốt. Nhưng các nhà tiên tri có thể thực hiện bước nhảy đột biến. Ngay bây giờ họ có thể

tuyên bố điều sẽ xuất hiện một nghìn, hoặc thậm chí một trăm nghìn năm sau.

Khoa học tiến lên phía trước từng phân một. Nó chỉ nhìn thấy những thực tế - những thực tế có thể được thực nghiệm. Những giấc mơ không ích gì đối với khoa học - nhưng các nhà tiên tri thậm chí có thể mô tả sự thật bởi những giấc mơ. Đối với họ, thậm chí tương lai cũng chỉ là hiện tại trải rộng.

Về cơ bản, chiêm tinh học là sự nghiên cứu về tương lai. Về cơ bản, khoa học là sự nghiên cứu về hiện tại và quá khứ. Khoa học là sự nghiên cứu về những gì của ngày nay và nguyên nhân của nó là gì. Chiêm tinh học là sự nghiên cứu về những gì của ngày mai và những hậu quả của nó là gì. Giữa hai là khoảng trống khổng lồ. Hàng ngày khoa học thử nghiệm những điều mới, và những lý thuyết đỉnh đàng đến nó không bao giờ có thể được chứng minh là tuyệt đối đúng - chúng chỉ có vẻ là đúng.

Như tôi đã từng nói, gần đây khoa học mới chấp nhận rằng, mọi người sinh ra cùng tính cá thể. Trong thời gian dài, giá trị của ý tưởng này đã được chấp nhận một cách miễn cưỡng. Chiêm tinh học đã luôn nói về điều này. Chi việc cố để hiểu...

Ví dụ như hạt mầm, một hạt mầm xoài: khi chúng ta gieo hạt mầm xoài, chắc chắn phải có bên trong nó một dạng chương trình gắn liền, phải có một kế hoạch chi tiết. Nếu không phải như vậy thì hạt mầm hẳn là vô dụng. Không cần lời khuyên của các chuyên gia hoặc không cần nghiên cứu ở trường đại học. Vậy thì làm cách nào cây

xoài có thể mọc lên từ hạt mầm này? nó vẫn liên tục ra lá, ra trái. Trong hòn đá giống như hạt mầm, chắc chắn phải có sự giấu diếm chương trình hoàn hảo. Nếu không, nếu không có chương trình đó thì hạt mầm có thể làm được gì? Mọi thứ phải hiện diện bên trong nó. Bất kỳ điều gì cây có thể trở thành, thể thì bằng cách nào đó, điều đó phải ẩn dấu bên trong hạt mầm. Với chúng ta, nó là vô hình. Chúng ta có thể đập nó ra để nghiên cứu nó, kết quả sẽ vẫn là vô hình. Nhưng bằng cách nào đó nó phải có đó, nếu không cây xoài không thể xuất hiện từ hạt mầm xoài...!

Có vẻ như không bao giờ có sai lầm. Chỉ có cây xoài xuất hiện; mọi thứ được lặp lại một cách phù hợp. Hạt mầm nhỏ bé này chứa đựng tất cả các thông tin liên quan tới những gì hạt mầm phải thực hiện. Làm cách nào này mầm, lá dạng gì, có bao nhiêu cành, cây lớn như thế nào, nó phát triển trong bao lâu, chiều cao như thế nào – tất cả mọi điều này phải ẩn chứa bên trong hạt mầm. Bao nhiêu trái cây, vị ngọt như thế nào, cho dù chúng có chín hay không - tất cả điều này phải được ẩn chứa bên trong hạt mầm. Nếu tất cả điều này ẩn dấu bên trong hạt mầm xoài, vậy thì, khi bạn vào bụng mẹ có gì tiềm tàng ẩn dấu bên trong hạt mầm của bạn không?

Hiện nay các nhà khoa học đồng ý rằng, ngay cả ở giai đoạn này, màu của mắt bạn phải được ẩn dấu, màu của tóc phải được ẩn dấu, chiều cao của cơ thể phải được ẩn dấu, khả năng sức khỏe và bệnh tật cũng ẩn dấu, thậm chí chỉ số IQ cũng phải ẩn dấu - bởi vì không có những điều ẩn dấu đó thì làm cách nào để bạn phát triển, và phát triển như thế nào? bạn phải có chương trình được cài đặt trước. Làm cách nào các xương liên kết cùng nhau để tạo ra cánh tay,

hoặc những thứ khác như là chân? một tùy sẽ bắt đầu để nhìn, tùy khác sẽ bắt đầu để nghe. Làm thế nào mà tất cả điều này lại có thể như vậy?

Các nhà khoa học từng nói đó là sự trùng hợp. Nhưng từ trùng hợp có vẻ rất không khoa học. Trùng hợp có nghĩa là may rủi. Tình cờ chân có thể bắt đầu nhìn được và tay có thể nghe được. Nhưng những điều này có vẻ không phải là trùng hợp; mọi thứ có vẻ theo trình tự, được chuẩn bị trước.

Chiêm tinh học nói điều khoa học hơn. Nó nói rằng mọi thứ có sẵn trong hạt mầm. Chiêm tinh học nói rằng, nếu chúng ta có thể nghiên cứu hạt mầm, nếu chúng ta có thể khám phá ngôn ngữ của hạt mầm, nếu chúng ta có thể giải mã ngôn ngữ này - nếu chúng ta có thể hỏi hạt mầm, “mục đích của bạn là gì?” - vậy thì chúng ta cũng có khả năng tháo ra kế hoạch hoàn hảo của con người. Các nhà khoa học đã bắt đầu tháo ra kế hoạch như vậy của thực vật. Cho đến bây giờ chúng ta đã coi chiêm tinh học như là mê tín, là niềm tin mù quáng. Nhưng nếu khoa học tháo ra những kế hoạch như vậy, vậy thì về mặt thực tế nó sẽ trở thành chiêm tinh học – và chắc chắn khoa học đã bắt đầu tháo ra những kế hoạch như vậy.

Chiêm tinh học tuyên bố rằng, bằng ân huệ linh thiêng mà chúng ta biết được toàn bộ, vậy thì tương lai như vậy sẽ không bao giờ tồn tại. Nhưng bởi vì chúng ta không biết toàn bộ - chỉ là mảnh vỡ phân đoạn - những gì chúng ta không biết lại trở thành “tương lai”. Chúng ta miễn cưỡng nói, “Có lẽ điều đó giống như thế này”, bởi vì có quá nhiều điều chúng ta không biết. Nếu toàn bộ có thể được biết,

vậy thì chúng ta có thể nói, “Nó sẽ giống như thế này” – và nó sẽ chính xác như vậy.

Nếu mọi thứ là tiềm tàng bên trong hạt mầm con người, vậy thì vấn đề chỉ là nghiên cứu hạt mầm. Những gì tôi nói ngày hôm nay chắc phải tồn tại ở một dạng tiềm năng nào đó trong hạt mầm của tôi; nếu không làm cách nào tôi có thể nói tất cả điều này? nếu một ngày nào đó việc theo dõi hạt mầm con người trở thành có thể, vậy thì sau khi theo dõi hạt mầm của mình, một kế hoạch có thể được thảo ra để chỉ ra những gì tôi sẽ nói trong cuộc đời này, tôi sẽ trở thành gì, tôi sẽ không trở thành gì, tôi sẽ tự làm gì, điều gì sẽ xuất hiện. Tất cả những điều này có thể được dự đoán. Sẽ không có gì ngạc nhiên khi ngày mai, mà không phải hôm nay, chúng ta có khả năng nhìn vào hạt mầm con người. Những bước đầu tiên đã được thực hiện theo hướng này.

Lá số tử vi chỉ là để chứng minh tất cả vấn đề này. Trong hàng nghìn năm chúng ta đã cố gắng tìm ra những gì sẽ xảy ra khi đứa trẻ chào đời. Nếu chúng ta có thể thu được một vài đánh giá ước lượng, vậy thì chúng ta có thể tạo ra một vài sự chuẩn bị, có lẽ chúng ta có thể tặng những cơ hội cho đứa trẻ. Vậy thì bất kỳ điều gì xảy ra, chúng ta có thể chấp nhận nó.

Mulla Nasruddin đã tuyên bố rằng, ông ta luôn cực khổ cho đến khi chết, nhưng bỗng nhiên vào một ngày ông ta đã trở nên hạnh phúc. Tất cả dân làng đã kinh ngạc khi thấy, người đàn ông luôn chán chường, người đã luôn nhìn thấy màu tối bên trong mọi vấn đề, bỗng nhiên trở nên vui vẻ. Ông ta là con người luôn tiêu cực, người luôn tìm kiếm khó khăn.

Có một lần, khu vườn của Nasruddin đã có một vụ mùa tuyệt vời. Những cây táo trĩu quả. Bên hàng xóm, một người đàn ông đã hỏi thăm, liệu bây giờ Nasruddin có phàn nàn gì nữa không. Ông ta nói, “Lần này, vụ mùa như thế chắc sẽ có mưa vàng. Ông nghĩ thế nào, Nasruddin?”

Nasruddin quá buồn rầu nói, “Mọi thứ đều ổn, nhưng tôi sẽ lấy những quả thối ở đâu để làm thức ăn cho gia súc?” Người đàn ông này vẫn giữ nguyên đau khổ: “Tôi sẽ lấy những quả thối ở đâu để cho những con vật ăn đây...!” Tất cả mọi quả táo đều tươi, không có quả nào bị thối – đây chính là khó khăn của ông ta.

Vào một ngày, người đàn ông này bỗng nhiên vui vẻ, và vì vậy mà dân làng rất tò mò. Họ hỏi, “Ông đang vui vẻ, đúng vậy không Nasruddin? có phải vương quốc đã thuộc về ông?”

Nasruddin nói, “Tôi đã học được cách hợp tác với điều không thể tránh khỏi. Sau nhiều năm vật lộn, tôi đã nhận ra một cái gì đó. Bây giờ tôi đã quyết định rằng, những gì phải xảy ra, hãy để nó xảy ra. Bây giờ tôi hợp tác với điều chắc chắn xảy ra, cho nên bây giờ không có lý do gì để đau khổ. Bây giờ tôi là người hạnh phúc”.

Chiêm tinh học điều tra, nghiên cứu nhiều vấn đề. Đối với những gì chắc chắn xảy ra thì phải hợp tác với nó. Bất điều gì có thể thì đừng chống lại nó một cách điên cuồng. Bất kỳ điều gì là không thể thì đừng đòi hỏi, đừng cố đạt tới nó.

Chiêm tinh học là phương tiện làm cho con người

thành mộ đạo - để mang tội thượng đên cho con người, để mang con người đến với sự chấp nhận tội thượng. Có nhiều khía cạnh, có nhiều diện mạo. Chúng ta sẽ dần thảo luận từng khía cạnh. Đối với ngày nay, chỉ thế này là nhiều rồi - rằng vũ trụ là thực thể sống động, là sự hợp nhất hữu cơ. Trong đó không có gì là tách biệt, tất cả liên hệ cùng nhau. Bất kỳ những gì ở xa thì cũng liên hệ với những gì ở gần - không có gì riêng biệt.

Cho nên không ai không hiểu điều này. Không ai có thể là ốc đảo cách biệt, không ai tách biệt. Mỗi người đều liên kết cùng toàn bộ, mỗi người luôn tác động đến người khác và bị tác động bởi người khác. Thậm chí, khi bạn đi qua tảng đá nằm bên đường, nó cũng thổi sự rung động theo hướng bạn đi. Những bông hoa cũng thổi sự rung động của chúng ra bên ngoài. Và bạn không chỉ đi ngang chúng mà bạn cũng thổi ra ngoài sự rung động của mình.

Tôi đã nói rằng, chúng ta bị ảnh hưởng bởi mặt trăng và những ngôi sao. Tôi cũng muốn nói rằng, mặt trăng và những ngôi cũng bị ảnh hưởng bởi chúng ta, bởi vì sự ảnh hưởng xuất hiện từ hai hướng. Bất kỳ ở đâu con người như Đức Phật ra đời trên trái đất thì trăng có thể nhận ra rằng, vì người mà những cơn bão tố không xuất hiện trên bề mặt của nó - vì Đức Phật mà những cơn bão lắng xuống. Trăng bị ảnh hưởng và mặt trời cũng lay động. Khi những vết đen xuất hiện trên mặt trời thì bão tố xuất hiện, bệnh tật lan tràn trên khắp trái đất.

Khi con người như Đức Phật sinh ra trên trái đất, và dòng chảy thái bình đang tuôn trào thì trụ của tâm thức cũng phát triển mạnh mẽ, vững chắc, và vẻ đẹp sâu sắc của

thiên cũng lan truyền trên khắp hành tinh, vậy thì cơn bão cũng lan truyền trên khắp bầu trời – cơn bão của an bình, phúc lạc và thức tỉnh - bởi vì tất cả chúng liên hệ cùng nhau.

Một ngọn cỏ bé nhỏ cũng ảnh hưởng tới mặt trời, và mặt trời cũng có sự ảnh hưởng của riêng nó tới ngọn cỏ bé nhỏ đó. Ngọn cỏ không nhỏ đến mức mặt trời có thể nói, “Ta không quan tâm đến bạn”, hoặc mặt trời không quá lớn đến mức có thể nói, ‘Liệu ngọn cỏ bé nhỏ đó có thể làm được gì cho ta?’ Sự sống là liên hệ cùng nhau. Ở đây không có gì lớn và nhỏ; mọi thứ đều là sự hợp nhất hữu cơ.

Sự sống là toàn bộ. Nếu bạn có thể lĩnh hội sự toàn bộ này, chỉ khi đó bạn sẽ hiểu chiêm tinh học; nếu không bạn sẽ không thể. Chiêm tinh học là khía cạnh của tâm linh, là diện mạo mang tính chất tinh thần. Đó là khoa học về toàn bộ, hợp nhất, không lưỡng cực.

Chương VI

Chiêm tinh học:

ô cửa tới sự mộ đạo

*10 tháng bảy năm 1971, buổi tối ở Woodlands,
Bombay, Ấn Độ*

Một số vấn đề cần thiết phải được hiểu. Đầu tiên cần phải biết, theo quan điểm khoa học, toàn bộ gia đình hệ mặt trời sinh ra từ mặt trời. Mặt Trăng, sao Hỏa, sao Mộc và các hành tinh còn lại, bao gồm trái đất là tất cả những phần hữu cơ của mặt trời. Dần dần, sự sống trên trái đất biến thành thực tại - từ cây cối đến con người. Con người là phần hữu cơ của trái đất, trái đất là phần hữu cơ của mặt trời. Giống như người mẹ có con gái, rồi đến lượt nó cũng có con gái, và ba người đó có cùng dòng máu. Cơ thể họ được hình thành bởi cùng những tế bào. Các nhà khoa học dùng từ, sự thấu cảm, có nghĩa là cảm xúc được chia sẻ. Những thứ được sinh ra từ cùng một nguồn có dạng kinh nghiệm chia sẻ nội tại.

Trái đất sinh ra từ mặt trời, con người sinh ra từ trái đất, mặt trời là ông nội ở rất xa của chúng ta. Bất kỳ điều gì xuất hiện trên mặt trời cũng tạo ra sự rung động trong mọi tế bào của cơ thể chúng ta. Phải là như vậy, bởi vì các tế bào của chúng ta cũng được sinh ra bởi mặt trời. Mặt trời

xuất hiện ở khoảng cách vô cùng xa nhưng cũng không quá xa. Trong mọi nguyên tố của máu chúng ta, trong mọi phần tử của xương của chúng ta cũng tồn tại nguyên tử của mặt trời. Chúng ta là một phần của mặt trời, cho nên không có gì lạ rằng, trong cuộc sống của mình, chúng ta bị ảnh hưởng bởi mặt trời. Cũng có một dạng thấu cảm giữa chúng ta và mặt trời. Nếu chúng ta có thể hiểu thấu cảm một cách phù hợp, thế thì chúng ta sẽ đi vào một khía cạnh khác của chiêm tinh học.

Một vài thử nghiệm về thấu cảm có thể được tiến hành khi hai đứa trẻ sinh ra từ cùng trứng nào đó, chúng được đặt ở những phòng riêng biệt. Trong vòng năm mươi năm gần đây, nhiều dạng thử nghiệm như vậy đã được tiến hành. Hai đứa trẻ sinh đôi được đặt vào hai phòng riêng biệt, đứa trẻ được nói là nó phải viết và vẽ những gì chúng nghĩ đầu tiên khi chuông rung. Điều này được lặp lại hai mươi lần, và kết quả quan sát thật đáng kinh ngạc, chín mươi phần trăm những bức tranh được vẽ bởi trẻ sinh đôi là tương tự nhau. Dòng suy nghĩ tạo ra trong một đứa trẻ khi chuông rung, câu nói hoặc bức tranh được hình thành bởi ý nghĩ đó hẳn là giống như trong đứa trẻ sinh đôi kia.

Sự tương tự về trải nghiệm được các nhà khoa học mô tả như là sự thấu cảm. Thậm chí, khi trẻ sinh đôi nói cũng có quá nhiều sự tương đồng. Trong cơ thể của hai đứa trẻ đó có sự giao cảm nội tại, hoặc có cuộc đối thoại diễn ra trong một vài kênh chưa được biết.

Giữa mặt trời và trái đất cũng có cây cầu giao tiếp như vậy, và ở mọi thời điểm, thông điệp được truyền bởi những cây cầu này. Tương tự như vậy, những cây cầu giao

tiếp giữa trái đất và con người cũng tồn tại. Do vậy mà có sự giao tiếp liên tục giữa con người, trái đất và mặt trời. Nhưng sự giao tiếp đó rất huyền bí; nó là nội tại và rất tinh tế. Hãy để chúng ta hiểu một cái gì đó về điều này.

Có một trung tâm nghiên cứu ở Hoa Kỳ mang tên trung tâm nghiên cứu Vòng Cây. Nếu bạn cắt cây, bạn sẽ nhận ra nhiều vòng tròn, nhiều xoáy tròn ngang thân cây. Những đồ gỗ được thiết kế, được trang trí được coi là đẹp cũng bởi những vòng tròn này. Trung tâm nghiên cứu đã làm việc trong suốt năm mươi năm qua về việc hình thành những vòng tròn này.

Giáo sư Douglas, giám đốc trung tâm, đã dùng phần lớn thời gian của cuộc đời mình để nghiên cứu chúng, ông ta đã khám phá ra một số thực tế. Thông thường, tất cả chúng ta đều biết rằng, tuổi của cây có thể được tính toán bởi con số những vòng tròn này. Hằng năm một vòng tròn mới được sinh ra; một lớp mới được tạo ra bên trong cây. Nếu cây năm mươi năm tuổi, nếu nó nhìn thấy năm mươi mùa xuân, vậy thì sẽ có năm mươi vòng tròn được hình thành bên trong cây. Nhưng thật ngạc nhiên khi biết rằng, những vòng tròn này cũng chỉ ra mùa cụ thể trong năm. Nếu mùa đó nóng hơn hoặc ẩm hơn bình thường thì vòng hình thành rộng hơn. Nếu mùa đó lạnh và khô thì vòng tròn không quá rộng. Căn cứ vào vòng bạn có thể biết thời kỳ đó mưa nhiều, hoặc hạn hán nhiều, hoặc mùa đó quá lạnh. Nếu Đức Phật nói, có mưa rào trong một năm nào đó, thế thì cây bồ đề mà người ngồi dưới sẽ khẳng định điều đó là sự thật. Đức Phật có thể đã có sai lầm, nhưng cây thì không. Vòng của cây sẽ rộng hơn hoặc hẹp hơn, nó chỉ ra mùa cụ thể của năm.

Trong khi tiến hành nghiên cứu của mình, giáo sư Douglas đã đi đến kết luận khác vượt xa bất kỳ điều gì ông ta đã lường trước. Ông ta đã quan sát và thấy rằng, vòng rộng hơn trong mỗi năm thứ mười một - mỗi năm thứ mười một lại có hoạt động hạt nhân cực đại trên mặt trời, mặt trời trở nên năng động hơn. Có vẻ như nó có nhịp điệu chu kỳ và năng lực phóng xạ của nó là cực đại. Trong năm đó cây tạo ra vòng tròn rộng hơn - không phải trong một khu rừng, hoặc ở một nơi, hoặc ở một quốc gia, mà trên khắp trái đất, tất cả cây đều hành xử tương tự để tự bảo vệ khỏi ảnh hưởng của bức xạ dữ dội. Để tự bảo vệ khỏi năng lượng quá mạnh do mặt trời phát ra, vỏ cây phát triển dày hơn ở mỗi năm thứ mười một.

Vi hiện tượng này mà câu nói m'oi, "khí hậu trái đất", đã được các nhà khoa học nghĩ ra. Mùa là khác nhau ở các vùng miền khác nhau: ở một vài nơi là mưa, ở một vài nơi khác là cực lạnh, ở một vài nơi khác rất nóng. Nhưng liên quan đến năm thứ mười một này mà thuật ngữ mới "khí hậu trái đất" đã được giáo sư Douglas đặt ra. Vì hoạt động bức xạ ở mỗi năm thứ mười một mà có sự trải nghiệm tương tự trên khắp trái đất. Có thể chúng ta không chú ý đến điều đó, nhưng cây thì có. Có sự giảm dần về độ rộng của vòng cây sau năm thứ mười một, và sau năm năm lại có sự tăng dần về độ rộng cho đến năm thứ mười một.

Nếu cây quá nhạy cảm đến mức chúng có thể ghi lại cẩn thận sự kiện xuất hiện trên mặt trời, vậy thì tâm trí con người có thể có một vài lớp cho thấy hoạt động của mặt trời chẳng? liệu cơ thể con người có thể có sự nhạy cảm tinh tế đối với hoạt động của mặt trời không? có thể rằng, bằng cách nào đó, những vòng tạo ra hình ảnh sâu bên

trong tính cách con người chẳng? Cho đến bây giờ, các nhà khoa học không có khả năng tìm ra những dấu vết như vậy trong cơ thể con người, nhưng có vẻ như, không có khả năng cơ thể con người không ghi lại hoạt động đó.

Chiêm tinh học là sự nghiên cứu về khả năng những thay đổi trong vũ trụ đã được ghi lại trong con người. Nhưng việc điều tra, nghiên cứu con người không phải là dễ dàng, bởi vì không thể cắt và mở con người ra như cây. Việc cắt và mở con người là công việc rất tinh vi và nguy hiểm. Và bởi vì con người có trí tuệ, cơ thể không thể ghi lại những sự kiện theo cách như cây mà phải bằng trí tuệ. Cây không có trí não, vì vậy cơ thể của nó phải ghi lại những sự kiện.

Còn một điểm nữa cũng đáng lưu ý... có những cơn bão sóng vô tuyến trên mặt trời mỗi năm thứ mười một, tương tự như vậy, có nhịp điệu chu kỳ chín mươi năm khác trên mặt trời. Điều này trở nên sáng tỏ chỉ mới gần đây, nhưng đó là thực tế khoa học, và điều đó cũng gây ngạc nhiên như chu kỳ xuất hiện mỗi mười một năm. Các nhà chiêm tinh học không nhắc đến bất kỳ điều gì về vấn đề này, nhưng tôi đang nói với bạn để bạn hiểu chiêm tinh học dễ dàng hơn theo phương pháp khoa học. Chu kỳ chín mươi năm đã được trải nghiệm và câu chuyện của nó quá kỳ lạ.

Bốn nghìn năm trước, pharaoh Ai Cập đã nói với các nhà khoa học của mình rằng, họ phải duy trì thường xuyên việc ghi chép sự thay đổi của mực nước sông Nile và lượng thay đổi đó. Sông Nile là dòng sông duy nhất trên thế giới có tiêu sử bốn nghìn năm. Ghi chép đã được duy trì khi mực nước thay đổi lên xuống, thậm chí chỉ một

phân. Ghi chép này thực hiện từ thời kỳ các pharaoh, bốn nghìn năm trước cho đến ngày nay.

“Pharaoh” là tên đặt cho hoàng đế Ai Cập, và có nghĩa là mặt trời trong ngôn ngữ Ai Cập. Người Ai Cập tin rằng, có cuộc đối thoại không ngừng giữa mặt trời và sông Nile. Các pharaoh là những người mộ đạo của mặt trời, họ đã tuyên bố, ghi chép hoàn chỉnh về sông Nile nên được giữ gìn. Họ nói, “Chúng ta không biết gì về mặt trời hiện nay, nhưng một ngày nào đó chúng ta sẽ biết, và sự ghi chép này sẽ rất hữu ích”.

Cho nên mọi điều về sông Nile trong bốn nghìn năm đã được ghi lại: mực nước tăng, khi có lũ và khi không có lũ... một học giả Ai Cập tên là Tasman đã biên soạn lịch sử của nó. Điều không được biết đến ở thời kỳ pharaoh thì bây giờ đã được biết đến, và mọi điều xảy ra ở sông Nile đã được so sánh với những sự kiện trên mặt trời. Nhịp điệu chín mươi năm đã chỉ rõ sự liên quan đến những hiện tượng trên mặt trời. Những sự kiện này rất giống với những gì chúng ta gọi là sinh và tử.

Hiểu điều đó như thế này: mặt trời phát triển trong bốn mươi lăm năm và sau đó bắt đầu suy tàn trong bốn mươi lăm năm. Trong bốn mươi lăm năm dòng năng lượng bên trong mặt trời tăng tới cực đỉnh của tuổi trẻ. Sau bốn mươi lăm năm dòng năng lượng giảm sút, giống như bên trong con người. Sau chín mươi năm mặt trời trở nên rất già. Trong bốn mươi lăm năm sau, quả đất bị tấn công bởi những trận động đất. Những trận động đất liên quan tới chu kỳ chín mươi năm này. Ở năm thứ chín mươi cuối cùng này, mặt trời lại trở nên trẻ trung.

Đây là sự kiện chu kỳ rất quan trọng. Có những sự thay đổi lớn lao như vậy xảy ra trên mặt trời dẫn đến ức trái đất bị rung động cũng là điều tự nhiên. Khi cơ thể không lớn như trái đất bị đảo lộn bởi những trận động đất vì sự thay đổi của mặt trời, vậy thì làm cách nào cơ thể bé nhỏ của con người lại có thể giữ nguyên không bị ảnh hưởng? đây là vấn đề mà các nhà chiêm tinh học đã được hỏi. Họ nói việc cơ thể con người giữ nguyên không bị ảnh hưởng là điều không thể. Đứa trẻ sinh ra trong thời kỳ bốn mươi lăm năm phát triển trẻ trung của mặt trời sẽ có sức khỏe tuyệt vời. Nhưng những đứa trẻ sinh ra trong thời kỳ bốn mươi năm mặt trời già đi không thể có sức khỏe tráng kiện.

Đứa trẻ sinh ra trong chu kỳ mặt trời đi xuống giống như con thuyền phải du hành về hướng đông, trong khi gió lại thổi theo hướng tây - nỗ lực cơ bắp là cần thiết để đi chuyền của mái chèo. Những cánh buồm không làm việc cho nên thủy thủ phải làm việc vất vả hơn. Tương tự như bơi ngược dòng. Mặt trời là nguồn năng lượng sống động cho toàn bộ gia đình mặt trời. Khi nó già đi, bất kỳ ai xuất hiện như là người trẻ tuổi thì cũng phải bơi ngược dòng. Anh ta phải chịu đựng sự căng thẳng ghê gớm.

Khi mặt trời trong chu kỳ trẻ trung của mình, lúc đó toàn bộ gia đình mặt trời cũng tràn đầy năng lượng và hướng thẳng tới cực đỉnh của nó. Bất kỳ ai sinh ra ở thời gian đó cũng giống như con thuyền đang du hành xuôi gió. Không cần nỗ lực. Không cần mái chèo, không cần bánh lái; những cánh buồm mở rộng và con thuyền lướt theo chiều gió. Trong chu kỳ này, bệnh tật lan truyền trên trái đất là ít nhất. Khi mặt trời trở nên già thì bệnh tật sẽ là cực đại.

Ghi chép lịch sử của sông Nile trong bốn nghìn năm chỉ ra rằng, dòng chảy gia tăng trong chu kỳ bốn mươi lăm năm mặt trời trẻ trung. Khi mặt trời trở nên già đi, mực nước sông Nile giảm. Nó cũng trở nên yếu hơn và già hơn.

Con người cũng không tách biệt khỏi thế giới này, con người là một với toàn bộ.

Thậm chí không phải đồng hồ tốt nhất chỉ thời gian một cách chính xác. Phải mất hai mươi ba giờ năm mươi sáu phút để trái đất quay quanh trục của nó. Dựa trên cơ sở chu kỳ thời gian này mà chúng ta đã sáng chế ra một ngày có hai mươi bốn giờ. Có thể những người chế tạo đồng hồ đã dao động, nhưng cho đến bây giờ, trái đất đã không hề biết rằng, nó chưa bao giờ hoàn thành vòng quay của mình nhiều hơn hoặc ít hơn một giây. Chúng ta đã không có bất kỳ dụng cụ tuyệt đối chính xác nào để nghiên cứu hiện tượng này, vậy nên chúng ta chỉ đưa ra những ước lượng thô sơ. Nhưng khi chu kỳ chín mươi năm của mặt trời hoàn thành, và khi mặt trời chinh lại cho chu kỳ mới thì thời gian của đồng hồ trên trái đất bị xáo trộn.

Vào thời điểm hoạt động bức xạ mặt trời tăng trong chu kỳ mười một năm, đồng hồ của chúng ta dao động. Bất kỳ khi nào trái đất chịu ảnh hưởng từ những tác động bên ngoài mạnh như vậy thì nhịp điệu bên trong của nó cũng bị xáo trộn. Những ảnh hưởng vũ trụ mới như ngôi sao, sao mới nổi, hoặc sao chổi ngang qua gần trái đất cũng làm cho trái đất bị ảnh hưởng. Ở mức độ vũ trụ, những thứ rất xa trên bầu trời thì thực ra lại rất gần, bởi vì mọi thứ được liên hệ theo cách thức vô hình. Tuy nhiên, khả năng ngôn

ngữ của chúng ta để biểu cảm hiện tượng này là rất hạn chế, bởi vì khi chúng ta nói, ngôi sao đó đến gần mặt trời của chúng ta hơn một chút, chúng ta nghĩ về điều này trong hoàn cảnh thông thường, như một người đến gần hơn với người khác. Tuy nhiên, khoảng cách là vô cùng lớn. Thậm chí một thay đổi mong manh về khoảng cách giữa các vật thể vũ trụ thì trục của trái đất cũng sẽ bị xáo trộn - mặc dù chúng ta có thể không nhận biết về điều này. Để rung động trái đất phải cần đến một lực khủng khiếp. Thậm chí, để trái đất lệch một tấc thì phải đòi hỏi những vật thể vũ trụ khổng lồ băng qua gần quỹ đạo của nó.

Khi những vật thể vũ trụ khổng lồ băng qua gần trái đất, khi đó cây không thể không bị rung động. Con người đang sống và đang đi trên mặt đất không bị rung động cũng là điều không thể. Nhưng sự rung động xảy ra rất nhanh, và cho đến bây giờ, chúng ta đã không có bất kỳ dụng cụ nào để đo. Hiện nay, chúng ta có những dụng cụ điện tử có độ nhạy rất cao, nó có thể đo được rung động trong một phần nghìn giây. Nhưng sự rung trong con người vẫn chưa được đo. Cho đến bây giờ, chúng ta chưa thể chế tạo ra bất kỳ dụng cụ nào có thể đo sự rung động đó.

Con người là loài sinh vật rất hạn chế - và anh ta như vậy là điều cần thiết, nếu không việc anh ta sống trên trái đất là điều khó khăn. Nếu bạn có khả năng trải nghiệm và biết sự ảnh hưởng của tất cả các lực xung quanh tác động suốt hai mươi bốn giờ ngày, vậy thì bạn hẳn là không còn khả năng sống. Chúng ta có khả năng sống bởi vì chúng ta không biết bất kỳ điều gì xảy ra xung quanh chúng ta.

Cũng còn có quy luật khác. Quy luật đó là chúng ta biết những sự ảnh hưởng, mà nó không ở dưới một giới hạn nào đó, hoặc không ở trên một giới hạn nào đó. Phạm vi kinh nghiệm của chúng ta là giới hạn. Ví dụ, giả sử chúng ta đo nhiệt độ của cơ thể giữa chín mươi tám độ F thấp nhất và một trăm mười độ F cao nhất; vậy thì điều đó chỉ ra rằng, chúng ta đang sống giữa mười hai độ chênh lệch này.

Nếu nhiệt độ giảm xuống dưới chín mươi tám độ thì chúng ta sẽ chết, và nếu nó tăng vọt trên một trăm mười độ thì chúng ta cũng sẽ chết. Nhưng bạn có biết nhiệt độ của bạn dao động trong giới hạn mười hai độ đó không?, nếu vượt qua giới hạn này thì con người sẽ chết không? Con người sống trong giới hạn mười hai độ này, nếu vượt quá giới hạn này thì sẽ chết. Con người sống trong dạng cân bằng. Anh ta, phải dao động giữa chín mươi tám và một trăm mười độ. Tương tự như vậy, có những sự cân bằng cho mọi thứ.

Tôi đang nói với bạn và bạn có thể nghe. Nếu tôi nói giọng rất thấp, giới hạn sẽ xuất hiện khi bạn không thể nghe tôi được nữa. Điều này bạn có thể hiểu, nhưng bạn không có khả năng tưởng tượng lại có điểm giới hạn cao, bên trên giới hạn đó bạn không thể nghe. Khó mà tưởng tượng rằng tiếng ồn to hơn cũng có thể không nghe được.

Các nhà khoa học nói rằng chúng ta có giới hạn nghe nhất định, và chúng ta không thể nghe được những gì dưới hoặc trên giới hạn đó. Xung quanh chúng ta có những tiếng ồn như sấm vang đang xuất hiện, nhưng chúng ta không thể nghe chúng. Nếu ngôi sao phải hủy hoặc hành

tính mới sinh ra thì những tiếng ồn như sấm rền sẽ được tạo ra xung quanh trái đất. Nếu chúng ta nghe thấy chúng, vậy thì ở thời điểm đó chúng ta có thể bị điếc. Nhưng bởi vì tai chúng ta không thể nghe được chúng cho nên tai chúng ta được bảo vệ. Chúng ta không thể nghe dưới mức đề - xi - ben nào đó và chúng ta không thể nghe trên mức đề - xi - ben nào đó – chúng ta chỉ có thể nghe trong giới hạn cụ thể.

Cũng có những giới hạn về việc nhìn. Các giác quan của con người hoạt động trong giới hạn cụ thể. Ví dụ, con chó có khả năng nhìn tốt hơn bạn. Giới hạn nhìn của nó rộng hơn, những gì chúng ta không thể nhìn thì chó lại có thể. Những gì chúng ta không có khả năng nghe thì ngựa có thể nghe. Giác quan của ngựa về nghe và nhìn sắc bén hơn. Từ khoảng cách một dặm rưỡi, con ngựa có thể nhìn thấy con sư tử đang tới. Nó sẽ dừng ngay lập tức, và chúng ta không thể hiểu tại sao chúng lại có khả năng như vậy. Giác quan nhìn của nó rất nhạy bén. Nhưng nếu bạn có giác quan nhìn quá nhạy, nếu bạn có khả năng nhìn tất cả mùi lan tỏa quanh bạn, thế thì bạn sẽ trở nên điên khùng. Con người khép kín bên trong như con nhộng – anh ta có những đường biên.

Khi bạn bật máy thu thanh, bạn có thể nghe rất nhiều đài phát. Bạn có nghĩ rằng âm nhạc bắt đầu chỉ khi máy thu thanh bật lên? Sóng vô tuyến mang âm nhạc và những bài nói lan truyền liên tục trong không gian cho dù bạn có mở máy thu hay không. Nhưng chỉ khi máy thu thanh mở thì bạn mới có thể nghe chúng. Trong chính căn phòng này, sóng vô tuyến của tất cả các đài phát thanh trên khắp thế giới liên tục lan truyền, nhưng chỉ khi bạn mở máy thu

thanh bạn mới có thể nghe thấy chúng. Những sóng vô tuyến này vẫn có đó thậm chí khi bạn không mở máy thu thanh, vì không mở cho nên bạn không thể nghe thấy chúng.

Trên thế giới này, nhiều âm thanh đang lan tỏa ngang qua chúng ta. Đó là sự hỗn loạn cực kỳ. Chúng ta không có khả năng nghe chúng, nhưng chúng ta cũng không có khả năng trốn thoát khỏi sự ảnh hưởng của chúng. Chúng ta bị ảnh hưởng bởi tất cả mọi sự ồn ào – trong mọi dây thần kinh, trong mọi nhịp đập của trái tim, trong mọi bắp cơ. Những tiếng ồn này hoạt động ngoài sự chú ý của chúng ta. Những mùi mà chúng ta không có khả năng nhận ra cũng ảnh hưởng đến chúng ta. Nếu những mùi này mang theo những mầm mống bệnh tật thì bạn sẽ mắc bệnh. Sự cảm nhận hoặc sự nhận biết của bạn là không cần thiết đối với một cái gì đó tồn tại.

Chiêm tinh học nói rằng, xung quanh chúng ta có nhiều trường năng lượng, chúng không ngừng ảnh hưởng đến chúng ta. Ngay khi đứa trẻ vừa sinh ra nó đã là đối tượng cho tất cả các loại ảnh hưởng trên thế gian. Theo ngôn ngữ khoa học, chúng ta có thể mô tả ngày sinh như là quá trình chụp ảnh.

Nó giống như là chúng ta chụp ảnh bằng phim. Bạn bấm vào nút chụp của máy ảnh và trong vòng vài phần giây, cửa sổ ống kính mở ra và đóng lại, bất kỳ điều gì trước ống kính ở thời điểm đó cũng được ghi vào phim ngay lập tức. Phim bị phơi sáng mà không bị ảnh hưởng của lần chụp trước. Phim đã chụp được hình ảnh của cảnh và lưu giữ mãi mãi.

Tương tự như vậy, khi đưa trẻ hình thành trong dạ con, đây là hình ảnh đầu tiên của đứa bé đó. Vào ngày mà đứa trẻ ra đời thì đó là hình ảnh thứ hai. Có hai hình ảnh được ghi lại nhờ vào tâm trí nhạy cảm của đứa trẻ như phim ảnh. Thế giới như vậy ở thời điểm đó được in dấu vết bởi đứa trẻ, và do vậy cũng có sự thấu cảm trong đứa trẻ về thế giới ở thời điểm đó.

Bạn sẽ ngạc nhiên khi biết rằng chín mươi phần trăm trẻ con sinh ra vào ban đêm. Bình thường ra – theo toán học – phần trăm ngày sinh hẳn phải là năm mươi – năm mươi của ngày – đêm. Có thể có sự dao động bốn đến năm mươi phần trăm đây đó, nhưng tại sao lại chín mươi phần trăm trẻ con sinh vào ban đêm? Chỉ nhiều nhất là mười phần trăm xuất hiện vào ban ngày. Điều này không thể không có bất kỳ lý do nào. Có nhiều lý do vì điều này. Hãy để tôi giải thích. .

Khi đứa trẻ sinh ra vào ban đêm, hình ảnh đầu tiên về thế giới nhờ vào tâm trí nó không phải là ánh sáng mà là bóng tối. Tôi đang nói với bạn điều này chỉ bởi phương pháp minh họa, bởi vì vấn đề thực sự sâu sắc hơn. Chỉ bằng phương pháp minh họa, tôi nói với bạn rằng ấn tượng đầu tiên nhờ tâm trí của đứa trẻ là bóng đêm đó. Mặt trời vắng mặt, năng lượng của nó vắng mặt. Tất cả thế giới xung quanh đang ngủ, thực tế không có gì thức. Đây là sự ảnh hưởng đầu tiên lên tâm trí đứa trẻ.

Nếu chúng ta hỏi Đức Phật hoặc Mahavira về lý do này, họ sẽ nói rằng hầu hết các linh hồn nhận thời điểm sinh ra vào ban đêm bởi vì chúng ngủ khi ra đời. Những linh hồn này không thể chọn thời điểm ra đời của chúng.

Có hàng trăm lý do khác, nhưng điều này là quan trọng, rằng hầu hết mọi người là ngủ. Họ đang trong bóng tối và không hoạt động.

Bất kỳ ai ra đời sau khi mặt trời mọc sẽ sinh ra cùng năng lượng. Sau khi mặt trời lặn, trong bóng tối của đêm, chỉ những người ngủ mới có thể ra đời. Sự ra đời xảy ra ở thời điểm mặt trời mọc sẽ là sự ra đời dưới sự ảnh hưởng của năng lượng; sự ra đời xảy ra sau khi mặt trời lặn với sự bao phủ của bóng đêm sẽ là sự ra đời với sự ảnh hưởng của giấc ngủ. Hình ảnh sẽ khác nhau khi phim chụp lúc ban đêm hoặc ban ngày. Cần phải hiểu ý nghĩa của hình ảnh rõ ràng hơn, bởi vì chiêm tinh học có mối liên hệ sâu sắc với nó.

Các nhà khoa học, những người đang tiến hành nghiên cứu về chủ đề hình ảnh khi sinh ra nói rằng, đó là hiện tượng cực kỳ quan trọng. Hình ảnh đó sẽ theo bạn suốt đời.

Khi con gà sinh ra là gà mái, ngay lập tức nó bắt đầu chạy theo theo con gà mái mẹ. Chúng ta nói rằng nó chạy theo mẹ, nhưng những nhà khoa học nói rằng điều này không có gì liên quan tới người mẹ, đó chỉ là vấn đề biểu hiện của quá trình hòa đồng của con gà con. Hiện nay các nhà khoa học đã tiến hành hàng trăm thử nghiệm - một thử nghiệm về những con gà mới nở. Những chiếc mỏ gà hiện ra từ những quả trứng, và ngay lúc đó con gà mái mẹ bị mang đi, thay vào đó là quả bóng được đặt ngay trước mặt gà con. Khi những gà con mở mắt, chúng nhìn thấy quả bóng. Bạn sẽ ngạc nhiên khi biết rằng, những con gà con yêu quả bóng cứ như đó là mẹ chúng.

Quả bóng chuyển động bất kỳ đâu trong không gian thì những chú gà con cũng chạy theo nó. Chúng không quan tâm đến mẹ, dù ở bất kỳ đâu chúng cũng trở nên nhậy cảm với quả bóng một cách đáng ngạc nhiên. Khi những chú gà con mệt mỏi, chúng hẳn là muốn đến và nằm bên cạnh quả bóng. Chúng hẳn là muốn yêu quả bóng, chúng hẳn là muốn mò vào quả bóng – mà không phải là mẹ.

Về vấn đề này, nhiều công trình đã được thực hiện bởi nhà khoa học Konrad Lorenz. Ông ta nói rằng, thời điểm đầu tiên của hình ảnh là quan trọng nhất. Dừa trẻ trở nên mật thiết với người mẹ, nhưng chỉ vì hình ảnh đầu tiên. Nó theo mẹ chỉ bởi vì người mẹ có đó đầu tiên. Bây giờ một vài thử nghiệm đang được tiến hành... những đứa trẻ trai không được nuôi dưỡng trong sự hiện diện của người mẹ thì không có khả năng yêu bất kỳ người đàn bà nào. Không có hình ảnh phù hợp; hình ảnh người phụ nữ đã hằn sâu trong tâm trí đứa trẻ đó. Nếu đồng tính luyến ái gia tăng ở phương Tây thì một lý do cơ bản là thiếu hình ảnh của một trong hai bố mẹ. Ở phương tây, việc thích giao hợp với người khác giới, và tình yêu giữa hai người khác giới trở nên ngày càng ít đi, tình yêu giữa những người đồng giới ngày càng gia tăng. Mặc dù đây là hiện tượng phi tự nhiên, nhưng nó buộc phải vậy.

Sự hấp dẫn dục giữa đàn ông và đàn bà còn phải được nhìn nhận theo một hướng khác. Người nào là hình ảnh đầu tiên của đứa trẻ sẽ là vấn đề phải cân nhắc. Người phụ nữ sẽ không hạnh phúc trong cuộc sống nếu hình ảnh đầu tiên của cô ta, như một bé gái, là người mẹ. Hình ảnh đầu tiên của cô ta nên là người đàn ông. Ảnh hưởng đầu tiên

của trí nhớ bé gái nên là người cha của nó; chỉ khi đó thì nó sẽ có khả năng yêu người đàn ông một cách tràn đầy. Nếu đàn ông luôn vượt trội phụ nữ thì cũng chỉ vì, những bé trai và những bé gái có hình ảnh đầu tiên là người mẹ và được nuôi dưỡng bởi người mẹ.

Hình ảnh người mẹ cho bé trai là hợp lý, nhưng đối với bé gái thì lại không. Cho nên, ngay khi hình ảnh đầu tiên của bé gái không phải là cha nó, vậy thì việc nó trở nên bình đẳng với phái nam là điều không thể. Không phải thông qua những nhà chính trị, hoặc không phải thông qua công việc, hoặc không phải thông qua sự độc lập về kinh tế mà cô ta có thể trở nên bình đẳng, bởi vì nhìn từ góc độ tâm lý thì sự mềm yếu trong tính cách của bé gái vẫn giữ nguyên. Cho đến nay không có nền văn minh nào có khả năng vượt qua được sự yếu đuối này.

Nếu quả bóng nhỏ tạo ra quá nhiều ảnh hưởng đến con gà con, nếu điều đó có thể in sâu vào trí nhớ nó đến mức không gì có thể tẩy xóa thì chiêm tinh học khuyên rằng, bất kỳ điều gì quanh chúng ta – toàn bộ vũ trụ – cũng đi vào ý thức chúng ta tại thời điểm của hình ảnh lúc sinh ra, khi cuốn phim tinh thần được phơi ra cho thế giới xung quanh. Điều này xác định mãi mãi sự đồng cảm và ác cảm của bạn đối với toàn bộ sự sống. Tất cả các chòm sao đang quay quanh trái đất ở thời điểm đó cũng ở trạng thái rất sâu sắc, cũng khắc sâu ảnh hưởng của chúng lên tâm thức mới ra đời đó. Những chòm sao ở những vị trí nhất định: ý nghĩa cơ bản của những chòm sao này là ở chỗ, sự ảnh hưởng phóng xạ của chúng cũng lan tới trái đất tại thời điểm sinh ra. Hiện nay, các nhà khoa học tin rằng, mọi vật thể trên bầu trời đều có hoạt động bức xạ duy nhất của riêng nó.

Hành tinh Venus phát ra ngoài những tia tñnh, ngược lại dạng sóng vô tuyến của mặt trăng lại hoàn toàn khác. Dạng sóng vô tuyến đến với chúng ta từ hành tinh Jupiter khác với dạng sóng đến từ mặt trời. Lý do của sự khác nhau này là mỗi hành tinh có sự tổng hợp khác nhau về những lớp thể khí bao quanh nó, và từ mỗi hành tinh những tia hỗn hợp khác nhau đó rơi thẳng xuống trái đất. Khi đĩa trẻ ra đời, bất kỳ chòm sao nào, bất kỳ ngôi sao nào, hành tinh nào, hoặc những siêu mặt trời xa xôi nào đang bao quanh đường chân trời, tất cả cùng hướng sâu vào trí não đĩa trẻ tại thời điểm hình ảnh đầu tiên đó. Trạng thái của vũ trụ tại thời điểm đó - với tất cả sự yếu đuối, sự mạnh mẽ và mọi khả năng của nó - sẽ ảnh hưởng tới đĩa trẻ suốt cuộc đời nó.

Điều đó giống như việc biết hậu quả xảy ra khi bom nguyên tử nổ giữa nơi đông người như Hiroshima. Trước khi bom nguyên tử được ném xuống Hiroshima, chỉ biết rằng một trăm nghìn người có thể bị tử vong. Nhưng không ai biết nó còn ảnh hưởng đến nhiều thế hệ sau này và nhiều thứ khác. Đối với những người tử nạn ở Hiroshima và Nagasaki, đó chỉ là vấn đề của một thời điểm. Nhưng cây cối, muông thú, chim muông, những sinh vật sống dưới nước và con người, tất cả đều bị ảnh hưởng vĩnh viễn trong trạng thái không nhận biết. Toàn bộ sự ảnh hưởng của việc này chỉ được biết đến sau mười thế hệ, bởi vì tác động khủng khiếp của lực phóng xạ vẫn còn ảnh hưởng mạnh.

Đối với người phụ nữ sống sót, tất cả trứng của họ bị ảnh hưởng của tia phóng xạ. Bảy giờ những tế bào trứng

đó không có khả năng tạo ra đứa trẻ bình thường như nó đã từng trước khi bị nhiễm tia phóng xạ. Đứa trẻ sinh ra từ tế bào trứng này có thể bị què quặt hoặc bị mù, có thể có bốn hoặc tám mắt; có thể có bất kỳ điều gì – là người không có khả năng nói. Não của nó có thể bị bệnh, hoặc có thể là thiên tài chưa từng có trước đó. Chúng ta không chắc chắn nó sẽ giống cái gì; chỉ một điều chúng ta có thể chắc chắn, nó sẽ không như bình thường.

Nếu năng lượng của bom nguyên tử - được coi không phải là năng lượng khủng khiếp nhất – có thể gây ra sự hủy hoại khủng khiếp đối với sự sống trên trái đất, vậy thì bạn có thể tưởng tượng đến năng lượng của mặt trời không. Nó gấp hàng triệu lần bom nguyên tử. Ở Hiroshima và Nagasaki, bom nguyên tử đã giết hại một trăm hai mươi nghìn người - để so sánh, bạn có thể tưởng tượng tia phóng xạ tồn tại trên mặt trời nhiều như thế nào?

Mặt trời đã làm nóng trái đất trong bốn tỷ năm, các nhà khoa học nói rằng, trong nhiều triệu năm, nó không có khả năng trở nên lạnh giá. Hàng ngày nó cung cấp cho trái đất lượng hơi nóng khổng lồ từ khoảng cách gần một trăm triệu dặm. Bất kỳ điều gì xảy ra ở Hiroshima cũng chỉ ảnh hưởng tới khoảng cách bức xạ là mười dặm, ngược lại mặt trời đã cung cấp cho chúng ta nhiệt lượng từ khoảng cách một trăm triệu dặm, trong khoảng thời gian vô cùng lâu dài, trước khi nó kiệt sức. Nhưng so với những mặt trời khác thì mặt trời của chúng ta chỉ là ngôi sao nhỏ bé. Những ngôi sao mà chúng ta nhìn thấy trên bầu trời lớn hơn nhiều so với mặt trời của chúng ta, mỗi trong chúng có tia phát xạ riêng và đang chiếu thẳng tới chúng ta.

Nhà khoa học vĩ đại, tên Michael Gacquilin, đã tiến hành nghiên cứu về những lực trong vũ trụ. Ông ta nói với chúng tôi là, với kinh nghiệm của chúng ta, chúng ta không có khả năng hiểu thậm chí là một phần trăm của những điều được gây ra bởi những lực xuất hiện trong vũ trụ. Kể từ khi chúng ta bắt đầu phóng những vệ tinh ra bên ngoài trái đất, có quá nhiều thông tin đã được truyền tới chúng ta, nhưng chúng ta không có từ ngữ để mô tả, hoặc chúng ta không có khả năng phát triển khoa học để giải mã những thông tin đó. Chúng ta chưa bao giờ tưởng tượng lại có quá nhiều năng lượng như vậy, và quá nhiều lực như vậy đang hoạt động quanh chúng ta.

Trong bối cảnh này, hãy để chúng ta hiểu thêm một điều nữa. Chiếm tinh học không phải là khoa học mới, nó đã và đang phát triển. Luận điểm của nó là hoàn toàn ngược lại. Nếu bạn đã từng nhìn Taj Mahal, có thể bạn đã chú ý một số bức tường chưa hoàn thiện phía bên bờ đối diện của sông Yamuna. Câu chuyện gần đây nói rằng, Shahjehan không chỉ xây dựng Taj Mahal cho vợ mình là Mumtaj, mà ông ta còn xây dựng ngôi mộ chơ mình, cũng từ tảng đá cẩm thạch như Taj Mahal, nó nằm trên bờ đối diện của sông Yamuna. Tuy nhiên, theo câu chuyện này thì ngôi mộ đó không thể hoàn thành. Hiện nay một số nhà lịch sử đã thực hiện một số nghiên cứu, họ nói với chúng tôi, những bức tường chưa hoàn thiện đó không phải là những bức tường của ngôi mộ đã được xây dựng, mà chúng là phần còn lại của lâu đài lớn đã tồn tại từ trước đó rất lâu.

Chúng ta đã được nói trong ba trăm năm vừa qua rằng, những bức tường dang dở đó là của ngôi mộ mà Shahjehan

đã xây dựng. Nhưng những bức tường của ngôi mộ được xây mới và phần còn lại của lâu đài cổ nhìn lại giống nhau, cho nên rất khó khăn để xác định những bức tường đó chính xác là gì. Bây giờ những nghiên cứu lịch sử chỉ ra rằng không chỉ những bức tường trước kia là của lâu đài hoàn chỉnh, mà chính Taj Mahal cũng không phải do Shahjehan xây dựng. Đó là lâu đài cổ được xây dựng bởi người Hindu và Shahjehan đã cải tạo thành ngôi mộ. Nhưng thường là, chúng ta không thể tin bất kỳ điều gì trái với điều chúng ta đã liên tục nghe nói đến.

Không có ngôi mộ nào giống Taj Mahal được xây dựng ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. Ngôi mộ chưa bao giờ được xây dựng như vậy. Xung chung ngôi mộ có những khoảng không gian cho những người lính đứng, và cũng để lắp đặt những khẩu súng trường, những khẩu đại bác. Những ngôi mộ không cần được bảo vệ bởi súng trường và đại bác. Đó là lâu đài cổ được cải tạo lại. Trên bờ đôi diện của sông Yamuna, cũng còn có lâu đài cổ bị sụp đổ, và những vết tích đồ nát của nó còn lưu lại như là những chứng cứ.

Chiêm tinh học cũng giống như những tàn tích của những tòa nhà vĩ đại tồn tại từ xa xưa. Đó là khoa học hoàn hảo bị mất tích. Nó không phải mới và cũng không phải đang trong quá trình xây dựng. Từ những bức tường còn lại đó không thể phán xét tòa nhà đó lớn như thế nào, mà chỉ có thể nói, nó đã có thể tồn tại từ thời xa xưa. Nhiều lần sự thật được nhận ra, và lại trở nên bị thất lạc.

Khoảng hai trăm năm trước Christ, nhà khoa học Hy Lạp, tên là Aristarchus, đã khám phá ra rằng mặt trời hẳn

là trung tâm của vũ trụ chúng ta mà không phải trái đất. Nguyên lý này của Aristarchus trở nên nổi tiếng như là nguyên lý nhật tâm [lấy mặt trời làm tâm] - rằng mặt trời là tâm. Nhưng sau đó, vào khoảng một trăm năm A.D, Ptolemy lại thay đổi khám phá này và nói rằng trái đất là trung tâm. Thế rồi, điều đó tồn tại hơn một nghìn năm cho đến khi Kepler và Copernicus lại lập luận rằng, mặt trời là trung tâm vũ trụ của chúng ta. Sự thật do Aristarchus khám phá ra vẫn giữ nguyên ẩn dấu trong thời gian rất dài, cho đến khi Copernicus mở quyển sách cũ của Aristarchus và tuyên bố lại điều đó - và mọi người đã bị sốc.

Nhiều người phương Tây nói rằng châu Mỹ được khám phá bởi Columbus. Oscar Wilde sáng tác ra câu chuyện cười về điều đó, và ông ta đã trở nên nổi tiếng khi tới châu Mỹ. Ông ta nói rằng châu Mỹ đã được khám phá từ rất lâu trước đó bởi một người nào đó khác. Đây là sự thật - châu Mỹ được khám phá rất nhiều lần và bị lãng quên nhiều lần khi mối liên hệ với nó bị cắt đứt. Một người nào đó đã hỏi Oscar Wilde, “Nếu không phải Columbus khám phá ra lần đầu tiên - nếu nó đã được khám phá trước đó - tại sao mỗi lần như vậy nó lại bị thất lạc?”

Oscar Wilde đã trả lời một cách giễu cợt, “Ông ta đã khám phá ra châu Mỹ, nó được khám phá nhiều lần, nhưng mỗi lần như vậy nó lại bị im đi. Mỗi lần như vậy cần phải giữ im lặng, bởi vì với những rắc rối như vậy thì tốt nhất là nên quên và quên nó đi!

Trong sử thi Mahabharata có nhắc đến châu Mỹ - một trong những người vợ của Arjuna là người Mê-xi-cô. Có những ngôi đền cổ Hindu ở Me-xi-cô với những tượng

thần Ganesh được chạm trổ trên chúng. Nhiều lần sự thật xuất hiện trong sự thấu hiểu của chúng ta và sau đó lại bị thất lạc. Chiêm tinh học là một tro.1g những sự thật vĩ đại như vậy: nó được biết đến từ xa xưa, nhưng rồi sau đó lại bị thất lạc. Có nhiều khó khăn trong việc nhận thức lại nó – chính vì vậy mà tôi đang nói với các bạn từ nhiều quan điểm khác nhau.

Dự định của tôi nói về chiêm tinh học để không bị hiểu sai. Không phải tôi dự định nói về những chủ đề đang được tranh luận bởi các nhà chiêm tinh bình thường. Đối với nhà chiêm tinh, bạn có thể trả một vài đồng tiền và được nghe về điều may mắn của bạn. Có lẽ bạn nghĩ rằng tôi sẽ nói về nhà chiêm tinh đó, hoặc nhận được sự hỗ trợ của ông ta. Dưới chiêu bài chiêm tinh học, chín mươi chín phần trăm các nhà chiêm tinh chỉ là bịp bợm. Chỉ một phần trăm sẽ không quả quyết một cách giáo điều rằng, sự kiện sẽ xảy ra một cách chắc chắn. Họ biết rằng chiêm tinh học là một chủ đề rộng lớn – quá rộng lớn đến mức một người nào đó chỉ có thể thâm nhập vào nó một cách do dự.

Khi tôi nói về chiêm tinh học, tôi muốn chỉ cho bạn bức tranh tổng thể của khoa học từ nhiều góc độ khác nhau, sao cho bạn có thể đi vào nó mà không có bất kỳ nỗi sợ hãi và do dự nào. Khi tôi nói về chiêm tinh học, tôi đang không nói về nhà chiêm tinh tầm thường – đó chỉ là những vấn đề nhỏ nhoi. Nhưng nói chung, sự tò mò của con người liên quan đến chiêm tinh học chỉ để biết con gái của anh ta sẽ kết hôn hay không...

Chiêm tinh học có thể được chia thành ba phần. Phần đầu tiên là hạt nhân, là cốt lõi; đó là những yếu tố cần thiết

và không thể bị thay đổi. Đó là phần mà hiểu nó là điều khó khăn nhất. Phần thứ hai là lớp trung gian, trong phần đó con người có thể tạo ra bất kỳ sự thay đổi nào nếu họ muốn. Đó là phần chia bán - cốt lõi, với nó bạn có thể tạo ra sự thay đổi nếu bạn biết cách, nhưng nếu bạn không biết thì không sự thay đổi nào là có thể. Phần thứ ba là lớp ngoài cùng, không bản chất, nhưng tất cả chúng ta đều tò mò về nó.

Phần thứ nhất là cốt lõi, không thể tạo ra sự thay đổi trong nó. Khi nó được biết đến thì chỉ có cách duy nhất là hợp tác với nó. Các tôn giáo đã sáng tạo ra chiêm tinh học để biết và giải mã số phận chủ yếu này. Phần bán - cốt lõi của chiêm tinh là, nếu chúng ta biết về nó thì chúng ta có thể thay đổi cuộc đời chúng ta - ngược lại là không thể.

Nếu chúng ta không biết, vậy thì bất kỳ điều gì chắc chắn xảy ra, sẽ xảy ra. Nếu có kiến thức thì cũng có những sự lựa chọn giữa chúng. Có khả năng biến đổi nếu có sự lựa chọn đúng. Phần thứ ba, phần không cốt lõi chỉ là ngoại vi, là bề mặt bên ngoài. Điều này không có gì là cốt lõi; mọi vấn đề chỉ là suy diễn.

Nhưng chúng ta hỏi ý kiến nhà chiêm tinh chỉ vì những vấn đề không cốt lõi. Một người nào đó đến và hỏi nhà chiêm tinh chỉ để biết anh ta sẽ có việc làm hay không – không có mối liên hệ giữa công việc của bạn và mặt trăng và những ngôi sao. Một người nào đó hỏi, liệu anh ta sẽ lấy vợ hay không... Có thể có xã hội mà không có hôn nhân. Một người nào đó hỏi, liệu anh ta sẽ vẫn nghèo khổ hay trở nên giàu có... có thể có xã hội chủ nghĩa hoặc xã hội cộng sản mà ở đó không có người giàu, không có người nghèo. Cho nên có những câu hỏi không thực chất...

Một người đàn ông tám mươi tuổi đang đi bộ, ông ta bị trượt chân khi dẫm lên vỏ cam mà ai đó đã vứt trên đường. Bảy giờ, có thể hỏi nhà chiêm tinh để biết từ mặt trăng và những ngôi sao rằng, có người bị trượt chân khi dẫm lên vỏ cam trên đường không? Những yêu cầu đó là ngớ ngẩn, nhưng bạn thì lại tò mò, bạn muốn biết trước xem chân bạn sẽ dẫm lên vỏ cam và bị trượt ngã hay không?, nếu hôm nay bạn ra đường. Đây là điều vô nghĩa. Điều này không có gì liên quan đến bản thân bạn hay linh hồn bạn. Có những sự kiện xuất hiện ở ngoại vi, và chiêm tinh học không có gì liên quan đến chúng. Nhưng bởi vì các nhà chiêm tinh liên tục nói về những điều như vậy, cho nên nền tảng vĩ đại của chiêm tinh học đã bị sụp đổ. Đây là lý do duy nhất.

Không người thông minh nào sẵn sàng tin rằng, khi anh ta ra đời, số phận rằng ghi lại rằng, vào ngày nào đó ở Marine Drive, chân của anh ta bước trên miếng vỏ cam và anh ta có thể bị ngã... Làm gì có chuyện bị ngã hoặc miếng vỏ cam lại có mối liên hệ với các ngôi sao. Chiêm tinh học bị mất đi sự kính trọng chỉ vì nó bắt đầu liên hệ với những điều như vậy. Vào thời điểm này hoặc thời điểm khác, tất cả chúng ta đã muốn biết những điều như vậy từ các nhà chiêm tinh – nhưng những điều đó là vớ vẩn. Nhưng chắc chắn, có những điều bán - cốt lõi như là ngày sinh hoặc ngày chết của một con người: nếu bạn có thể biết rõ về những điều đó, bạn có thể thực hiện những biện pháp đề phòng. Nếu bạn không biết, bạn không thể làm bất kỳ việc gì.

Nếu kiến thức chẩn đoán bệnh tật của bạn gia tăng, chúng ta sẽ có khả năng gia tăng thời gian sống của con

người. Chúng ta đã thực hiện điều đó. Nếu việc nghiên cứu, chế tạo bom nguyên tử giết người thành công, chúng ta sẽ có khả năng giết hàng trăm nghìn người cùng một lúc – chúng ta đã thực hiện điều đó. Thế giới một bán – cốt lõi này biểu thị khả năng của chúng ta về việc thực hiện những điều nào đó, nếu chúng ta biết trước điều gì sẽ xảy ra. Nếu chúng ta không biết, không gì có thể được làm. Bằng việc chúng ta biết trước, những sự lựa chọn có thể được phân loại và được chọn lọc.

Ngoài phần này ra cũng tồn tại thế giới của phần cốt lõi - bạn không thể làm được gì về nó. Tuy nhiên, sự tò mò của chúng ta lại là để biết những vấn đề không cốt lõi. Ít khi một người nào muốn biết phần bán - cốt lõi. Sự tò mò của chúng ta, hoặc ước mong của chúng ta chưa bao giờ mở rộng để biết cái gì là cốt lõi, cái gì không thể tránh, cái gì không thể thay đổi, thậm chí nếu biết.

Mahavira đi qua ngôi làng cùng môn đệ của mình là Goshalak, người sau này trở thành đối thủ của ông ấy, khi họ đi ngang qua một cây nhỏ. Goshalak nói với Mahavira, “Xin hãy lắng nghe, đây là cây. Thầy nghĩ gì: nó sẽ phát triển tới lúc ra hoa, hoặc nó sẽ chết trước khi ra hoa? Tương lai của nó là gì?”

Ngay lập tức Mahavira nhắm mắt và ngồi trước cây.

Goshalak hỏi một cách ranh ma, “Thầy đừng lảng tránh vấn đề Điều gì sẽ xuất hiện bằng việc nhắm mắt?” Ông ta không biết tại sao Mahavira đã trở nên im lặng và nhắm mắt, thực ra ông ấy đang tìm kiếm điều cốt lõi. Cần thiết phải đi sâu vào thực tại, đi sâu vào linh hồn của cây đó. Không làm như vậy thì không thể nói điều gì sẽ xuất hiện.

Một lúc sau, Mahavira mở mắt ra và nói, “Cây này sẽ sống và nở hoa”.

Ngay lập tức Goshalak nhổ bật rễ cây, ném nó ra xa và cười nhạt bóng. Còn có cách nào tốt hơn để bác bỏ câu nói của Mahavira?

Bấy giờ Mahavira không còn gì để nói nữa, bởi vì Goshalak đã nhổ bật rễ cây lên và ném nó ra xa như là lời thách đố. Goshalak cười vang, Mahavira mỉm cười, và họ lại tiếp tục hành trình. Lúc đó trời bắt đầu đổ mưa nặng hạt. Bão và mưa xối xả trong bảy ngày liền, cho nên họ không thể ra ngoài trong bảy ngày.

Khi những cơn mưa ngớt dần, họ quay trở lại. Khi đến nơi bảy ngày trước Mahavira đã nhắm mắt để biết bên trong của cây đó, họ nhìn thấy cây lại mọc vững chãi trên mặt đất. Vì mưa to gió lớn đất trở nên nhão và ướt, vì thế mà rễ của cây đã lại ăn xuống đất.

Mahavira lại nhắm mắt và đứng bên cây. Goshalak trở nên rất bối rối – ông ta đã nhổ rễ và vứt cây đi. Khi Mahavira mở mắt, Goshalak nói, “Tôi ngạc nhiên và bối rối. Tôi đã nhổ rễ cây này và vứt nó đi, nhưng nó lại mọc trở lại”.

Mahavira trả lời, “Nó sẽ sống để nở hoa. Tôi nhắm mắt để nhìn thấy tiềm năng bên trong và điều kiện của hạt mầm – để thấy khả năng mọc lại rễ mặc dù đã bị nhổ lên, để thấy nó có tự sát hay không, để thấy nó có bản năng mạnh mẽ, hoặc ước mong chết hay không. Nếu bản năng của nó là tự sát thì ông đã giúp nó chết. Tôi muốn nhìn thấy niềm khao khát sống của nó - nếu nó quyết tâm sống, nó sẽ

sống. Tôi biết rằng ông sẽ nhớ rẽ nó lên và quăng đi”.

Goshalak hỏi, “Thầy đang nói gì?”

Mahavira nói, “Khi tôi đang nhắm mắt và nhìn vào bên trong cây, tôi cũng nhìn thấy ông đứng bên cạnh, quyết tâm nhớ rẽ nó. Tôi biết rằng ông hẳn muốn nhớ rẽ cây – chính vì vậy, với tôi, biết khả năng sống bên trong của cây là điều cần thiết, sự tự tin và sức mạnh ý chí của nó mới mạnh mẽ làm sao. Nếu nó đang chờ đợi cái chết và đang tìm kiếm nguyên do, vậy thì nguyên do do ông tạo ra cũng đủ để nó chết; nếu không việc nhớ rẽ chỉ làm cho nó mọc lại mà thôi”.

Goshalak không đủ can đảm để nhớ lại rẽ nữa; ông ta đã sợ. Lần trước, Goshalak đã cười vang khi đi vào làng; lần này, Mahavira dẫn lên trước với nụ cười hiểu biết.

Sau đó Goshalak hỏi, “Tại sao thầy lại cười?”

Mahavira nói, “Tôi đã quan sát, và nghĩ về ông – để xem ông có khả năng nhớ rẽ của nó lần thứ hai hay không”.

Goshlak nói, “Thầy nhìn thấy rồi đấy, tôi có thể làm hay không?”

Mahavira trả lời, “Có thể ông đã nhớ rẽ của nó hoặc có thể không, điều đó không quan trọng. Nhưng vấn đề cốt lõi và không thể tránh là ở chỗ, cây muốn sống. Toàn bộ thực tại nó, toàn bộ sức sống của nó, đều muốn sống. Đó là cốt lõi. Những gì không cốt lõi ông đã quăng đi hoặc không, và điều đó phụ thuộc vào ông. Nhưng ông đã chứng minh mình yếu hơn và thiếu quyết tâm hơn cây.

Ông đã bị đánh bại”.

Một trong những lý do Goshalak khó chịu với Mahavira là sự việc liên quan đến cây này.

Chiêm tinh học tôi đang nói đến liên quan đến vấn đề cốt lõi, đó là nền tảng. Nhiều nhất thì sự tò mò của bạn cũng chỉ là bán - cốt lõi, một phần cốt lõi. Bạn muốn biết bạn sẽ sống bao lâu, hoặc bạn sẽ không đột tử. Nhưng bạn không tò mò về việc bạn sẽ làm gì nếu bạn sống - bạn sẽ sống như thế nào. Bạn muốn biết bạn sẽ chết như thế nào khi thời điểm xuất hiện, hoặc bạn sẽ làm gì ở thời điểm đó. Sự tò mò của bạn còn kéo dài với những sự kiện, không phải với linh hồn. Chính vì vậy, việc tôi đang sống chỉ là sự kiện, nhưng những gì tôi đang làm trong khi sống, hoặc tôi là gì, thì đó đều là linh hồn tôi. Khi tôi chết, đó sẽ là sự kiện, nhưng tại thời điểm của cái chết, tôi sẽ như thế nào, tôi sẽ làm gì, đó lại là linh hồn tôi. Tất cả chúng ta sẽ chết, sự kiện về cái chết đều như nhau đối với tất cả mọi người, nhưng thái độ của hấp hối, thời điểm của cái chết, sẽ là khác nhau đối với mỗi người - thậm chí một người nào đó có thể mỉm cười khi chết.

Tại thời điểm của cái chết, một người nào đó đã hỏi Mulla Nasruddin, “Ông nghĩ gì Mulla? – khi con người được sinh ra từ nơi họ đến?”

Mulla trả lời, “Tôi đã nhìn thấy mọi đứa trẻ đều khóc lúc chào đời, và tại thời điểm của cái chết có vẻ như mọi người cũng đều khóc. Cho nên tôi phỏng đoán rằng, mọi người đều không muốn đến hoặc đi khỏi nơi chôn tốt đẹp. Trong khi họ đến, họ khóc, trong khi họ đi, họ cũng khóc!”

Nhưng con người như Nasruddin sẽ ra đi trong nụ cười... Chết là sự kiện, nhưng cười ở thời điểm chết thì lại là linh hồn. Cho nên, khi bạn đến với nhà chiêm tinh, bạn hỏi ông ta bạn sẽ chết như thế nào – khóc hay cười? đây là câu hỏi đáng kính trọng – vì nó liên quan tới cốt lõi của chiêm tinh. Không ai trên trái đất này đã hỏi nhà chiêm tinh, họ chết cười hay khóc. Bạn sẽ hỏi khi nào bạn sẽ chết - cứ như hấp hối là giá trị của chính nó. Bạn hỏi bạn sẽ sống bao lâu - cứ như chỉ có sống là đủ.

Tại sao tôi sẽ sống? tôi nên sống vì cái gì? tôi sẽ làm gì trong khi sống? tôi sẽ trở thành gì nếu tôi sống? những câu hỏi như vậy đã không được hỏi bởi bất kỳ ai. Chính vì vậy mà cấu trúc của chiêm tinh học đã bị sụp đổ. Bất kỳ điều gì được xây dựng trên nền tảng không cốt lõi thì chắc chắn sẽ bị sụp đổ. Chiêm tinh học mà tôi đang nói đến, và những gì bạn hiểu về chiêm tinh là khác nhau. Chiêm tinh học mà tôi đang nói đến là khác biệt về chất lượng, và sâu sắc hơn. Tâm cỡ của nó là khác nhau. Tôi đang thảo luận về những gì là cốt lõi trong cuộc đời bạn – trong sự hòa hợp toàn bộ. Nó không riêng biệt, toàn bộ thế giới tham gia vào nó - bạn không ở trong nó một mình.

Khi Đức Phật trở nên chứng ngộ, người đặt hai tay cùng nhau trong tư thế chào, người cúi đầu cho đến khi chạm đất. Câu chuyện tiếp tục rằng, các vị thần từ thiên đường đến để bày tỏ sự kính phục đối với Đức Phật, bởi vì người đã tìm ra sự thật tối thượng, nhưng vào lúc nhìn thấy đầu người chạm đất, họ đã ngạc nhiên. Họ hỏi Đức Phật cúi đầu chào ai. Họ nói rằng họ đến từ thiên đường để chúc mừng người, bởi người đã chứng ngộ, và họ không biết

rằng có một cái gì đó mà thậm chí Đức Phật cũng phải cúi đầu chào, trong khi chúng ngộ là sự đạt được tối thượng.

Sau đó Đức Phật mở mắt và nói, “Bất kỳ điều gì xuất hiện với tôi, tôi không một mình, thế gian cũng tham gia vào. Cho nên tôi cúi đầu chào vạn vật trong sự biết ơn đối với toàn bộ thế gian”.

Đây là vấn đề liên quan với cốt lõi của chiêm tinh học. Chính vì vậy Đức Phật nói với các môn đệ của mình rằng, bất kỳ khi nào đạt được phúc lạc bên trong thì ngay lập tức họ nên tạ ơn toàn bộ thế gian, bởi vì họ không một mình trong trải nghiệm đó. Nếu mặt trời không mọc, hoặc nếu mặt trăng không mọc, hoặc nếu chuỗi các sự kiện chỉ khác nhau một chút, thế thì họ hẳn có thể lỡ trải nghiệm đó. Sự thật là, chính mặt trăng, mặt trời và toàn bộ vũ trụ, tất cả chúng đều hiện diện trong sự trải nghiệm đó, mọi thứ đều là phương tiện – toàn bộ tồn tại đều đã góp phần. Tên của mối quan hệ vũ trụ này là chiêm tinh học.

Đức Phật hẳn là chưa bao giờ nói, “Tôi đã trở nên chứng ngộ”; người hẳn chỉ nói, “Thế gian đã trải nghiệm thông qua tôi – đây là sự kiện của chứng ngộ, đây là siêu ánh sáng, thế gian biết đến nó thông qua tôi. Tôi chỉ là nguyên cơ, là lý do. Tôi chỉ là giao lộ nơi mọi con đường trên thế gian gặp mặt”.

Bạn đã bao giờ nghĩ rằng, giao lộ có vẻ ý nghĩa, nhưng chính nó lại không là gì? Nếu bốn con đường gặp nhau bị dời đi thì ý nghĩa của giao lộ cũng biến mất. Mỗi chúng ta là giao lộ, nơi mà những năng lượng của vũ trụ gặp mặt. Ở điểm đó, các cá thể được hình thành, con người được sinh ra.

Ý nghĩa cốt lõi của chiêm tinh học là, chúng ta không riêng biệt, chúng ta là một cùng vũ trụ. Không chỉ chúng ta là một với vũ trụ mà chúng ta còn tham gia vào mọi trạng thái và sự kiện của nó.

Cho nên Đức Phật lặp lại rằng, người đã gửi lời chào tới tất cả phật tử, những người đã đến trước người, và thậm chí cả những người hẳn sẽ đến sau người. Thế rồi một người nào đó nói với người rằng, việc người chào đón những người sinh ra trước người là có thể hiểu, bởi vì có dụng ý hay không dụng ý thì Đức Phật cũng có thể nợ họ - hiểu biết của họ có thể đã có ích cho người - nhưng tại sao người lại chào đón những người chưa sinh ra? người đã nhận được gì từ họ?

Đức Phật trả lời rằng, người đã nhận được sự giúp đỡ không chỉ từ những phật tử đã ra đời trước người, mà cả những người sẽ sinh ra sau người - bởi vì tại thời điểm đó, thời điểm người đạt chứng ngộ, quá khứ và tương lai đã gặp nhau và trở thành một. Những người đã đi qua và những người mới đến đã gặp mặt ngay tại nơi người hiện diện. Bình minh và hoàng hôn gặp nhau ở một điểm. Cho nên Đức Phật còn gửi lời chào tới những người chưa ra đời. Người cũng đã mắc nợ họ - bởi vì nếu họ không bị phóng chiếu vào tương lai, Đức Phật có thể không xuất hiện.

Có một chút khó khăn để hiểu. Điều này liên quan tới cốt lõi của chiêm tinh học. Tôi sẽ không là tôi nếu bất kỳ thứ gì từ quá khứ của tôi bị bỏ rơi, hoặc bị thất lạc - tôi là mắt xích của chuỗi xích dài. Thật dễ hiểu nếu cha tôi không ra đời thì tôi cũng không thể, bởi vì cha tôi là mắt

xích trọng yếu trong chuỗi xích nối với tôi. Thậm chí, nếu ông nội tôi không có trên đời thì tôi cũng không thể có mặt trên đời, bởi vì mắt xích là cốt lõi. Nếu không có mắt xích thu hút tôi để dẫn tới tương lai, vậy thì tôi cũng không thể chào đời, hiểu được điều này cũng hơi khó.

Tôi phải làm gì với mắt xích tương lai đó? – tôi đã ra đời. Nhưng Đức Phật nói rằng, nếu bất kỳ điều gì sẽ xuất hiện trong tương lai thì đã không có đó, vậy thì tôi không thể sinh ra, bởi vì tôi là mắt xích giữa quá khứ và tương lai. Thậm chí, nếu có một thay đổi nhỏ trong quá khứ hoặc tương lai thì tôi không thể là tôi như bây giờ. Hôm qua đã tạo ra tôi và ngày mai cũng tạo ra tôi: đây là chiêm tinh học. Không chỉ hôm qua mà còn có cả ngày mai; không chỉ những gì đã đến, mà còn những gì sẽ đến; không chỉ mặt trời mọc hôm nay, mà còn cả mặt trời mọc ngày mai - tất cả đều tham gia.

Những dự đoán tương lai cũng xác định những thời điểm hiện tại. Thời điểm hiện tại này là không thể nếu không có những thời điểm tương lai. Chỉ với sự hỗ trợ của những thời điểm tương lai mà thời điểm hiện tại mới có thể xuất hiện. Đôi tay của chúng ta nghỉ ngơi trên đôi vai của tương lai, chân của chúng ta trên đôi vai của quá khứ. Rõ ràng rằng, nếu bên dưới tôi – trên nó tôi đang đứng và tôi có thể nhìn thấy – bị trượt dài thì tôi sẽ ngã. Nhưng nếu đôi vai của tương lai – nơi đôi tay mở rộng của tôi đang nghỉ ngơi – bị trượt dài, thế thì tôi cũng sẽ bị ngã.

Khi con người nhận ra rằng, bên trong mình có mối liên hệ với sự hợp nhất của quá khứ và tương lai, thế thì người đó sẽ có khả năng hiểu chiêm tinh học. Vậy thì chiêm tinh học trở thành tâm linh, chiêm tinh học trở thành linh thiêng. Ngược lại, nếu chiêm tinh học liên quan với phần không cốt

lỗi, thế thì nó trở thành chủ đề tầm thường về thầy bói giả tạo trên vỉa hè, nó sẽ không có giá trị gì. Thậm chí khoa học đỉnh cao nhất cũng chỉ là rác trong tay của những kẻ ngu ngốc. Giá trị của nó được xác định chỉ bởi việc ứng dụng đối với những vấn đề mà chúng ta có khả năng sử dụng kiến thức.

Do vậy tôi đang đẩy bạn từ nhiều ô cửa sao cho bạn có thể hiểu rằng, mọi thứ liên kết cùng nhau, tương hỗ lẫn nhau. Vũ trụ này giống như gia đình, giống như thực thể hữu cơ. Khi tôi thờ, toàn bộ cơ thể tôi bị tác động; tương tự như vậy, khi mặt trời thờ trái đất cũng bị tác động. Thậm chí trái đất cũng còn bị ảnh hưởng bởi những mặt trời ở rất xa. Thậm chí, tế bào nhỏ nhất cũng rung động trong sự hợp nhất với những mặt trời không lồ này. Nếu bạn có thể hiểu điều này, chúng ta sẽ có khả năng đi vào cốt lõi của chiêm tinh học, và thế thì chúng ta sẽ tha thứ cho sự vô dụng của phần không cốt lõi.

Chúng ta đã liên tưởng những điều tầm thường nhất với chiêm tinh học. Những vấn đề này không có giá trị gì, vì chúng ta liên hệ chúng với chiêm tinh học mà những khó khăn đã nảy sinh. Ví dụ, chúng ta đã liên hệ vấn đề con người sinh ra trong gia đình nghèo hoặc giàu với chiêm tinh học. Nếu bạn không hiểu rằng, những điều như vậy là phần không cốt lõi, thì chiêm tinh học sẽ vẫn giữ nguyên liên hệ với chúng. Chiêm tinh học có thể trở thành dụng cụ trong tay bạn chỉ nếu bạn phân biệt phần cốt lõi với phần không cốt lõi.

Tôi sẽ kể cho các bạn nghe một câu chuyện để các bạn có thể hiểu... Mohammed có môn đệ tên là Ali. Có lần Ali đã hỏi Mohammed rằng, con người có độc lập và tự do với những gì anh ta muốn, hoặc anh ta bị ràng buộc với số phận mình về mọi điều anh ta làm. Ali hỏi, “Liệu con người có thể làm những gì họ muốn không?” – con người đã hỏi câu hỏi này

trong thời gian dài, từ rất lâu rồi. “Nếu con người không có khả năng làm như họ mong muốn không”, Ali nói, “vậy thì thật vô dụng và ngu ngốc để thuyết giảng cho anh ta không ăn cắp, không nói dối, không bắt lương. Hay việc thuyết giảng cho những người khác không ăn trộm, không làm điều này, điều kia, thuyết giảng họ nhận biết rõ ràng, việc những kẻ bắt lương vẫn giữ nguyên là bắt lương, kẻ trộm vẫn giữ nguyên đi ăn trộm, kẻ giết người vẫn giữ nguyên giết người chỉ do số phận? Tất cả những điều này mới ngu xuẩn làm sao. Nếu mọi thứ được xác định bởi số phận thì mọi sự giáo dục là vô nghĩa - tất cả các nhà tiên tri, tất cả các hiền nhân và những người thuyết giảng đều là vô dụng”.

Mọi người cũng đã hỏi câu hỏi tương tự như vậy đối với Mahavira và Đức Phật. Nếu bất kỳ điều gì sẽ xảy ra đều bởi số phận thì tại sao Mahavira hoặc Đức Phật gặp rất nhiều rắc rối khi giải thích cái gì là đúng cái gì là sai? Cho nên, Ali đã hỏi Mohammed những điều ông ta nghĩ về sự mâu thuẫn này. Nếu những câu hỏi như vậy cũng được hỏi với Mahavira hoặc Đức Phật, vậy thì họ hẳn là sẽ đưa ra câu trả lời rất sâu sắc và phức tạp, nhưng Mohammed đã đưa ra câu trả lời mà Ali có thể hiểu. Nhiều câu trả lời của Mohammed là trực tiếp và thẳng thắn. Thông thường những câu trả lời được đưa ra bởi những người vô học hoặc ít học, hoặc những người nông dân thì thường là thẳng thắn và trực tiếp. Những người như Kabir, Nanak, Mohammed và Jesus thường là như vậy. Những câu trả lời bởi những người như Đức Phật, Mahavira và Krishna là phức tạp - Đức Phật và Mahavira là tinh hoa của nền văn minh phát triển và giàu có. Câu nói của Jesus là trực tiếp, giống như cú đánh vào đầu. Thực tế Kabir đã hát: “Kabir đang đứng ở công chợ với cái búa trong tay để đánh bạn!”, Nếu bất kỳ người nào đứng gần ông ta, hẳn ông

ta cũng muốn nói như vậy, và mở toang đầu anh ta để lấy đi mọi rác rưởi bên trong.

Mohammed không đưa ra bất kỳ câu trả lời trừu tượng nào. Ông ta yêu cầu Ali nhấc một chân lên và đứng trên chân còn lại. Ali đã hỏi lại câu hỏi rằng, con người có tự do để làm những gì mình muốn không. Tại sao Ali nên đứng trên một chân? Mohammed nói, “Đầu tiên hãy nhấc một chân”.

Ali tội nghiệp đã nhấc chân trái của mình và đứng trên chân còn lại.

Sau đó Mohammed yêu cầu ông ta, “Bây giờ hãy nhấc chân phải lên”.

Ali đã bối rối và hỏi làm sao thực hiện được điều đó. Sau đó Mohammed nói, “Nếu bạn muốn, bạn có thể nhấc chân phải trước, nhưng bây giờ bạn không thể... con người luôn tự do để nhấc chân đầu tiên – có thể là bất kỳ chân nào nếu họ muốn – nhưng chân đầu tiên được nhấc lên thì chân kia phải đứng trên mặt đất”.

Với những gì liên quan đến phần không cốt lõi của cuộc đời, chúng ta luôn tự do để nhấc chân đầu tiên. Nhưng khi một lần điều đó được thực hiện thì nó lại trở thành sự lệ thuộc với phần cốt lõi. Chúng ta thực hiện những bước không cốt lõi, trở nên rối rắm, và sau đó chúng ta không có khả năng thực hiện điều cốt lõi. Cho nên Mohammed nói với Ali rằng, ông ta có tất cả tự do để nhấc chân phải hoặc chân trái đầu tiên. Có một lần ông ta đã thực hành tự do đó, ông ta nhấc một chân lên nhưng không thể nhấc nốt chân kia. Cho nên, có tự do trong giới hạn cụ thể, nhưng bên ngoài giới hạn này thì lại là sự lệ thuộc.

Đây là sự xung đột cổ xưa của tâm trí loài người. Nếu

con người là nô lệ của số phận mình – như là các nhà chiêm tinh quả quyết - nếu mọi thứ đều do số phận định đoạt và xảy ra một cách chắc chắn, vậy thì tất cả các tôn giáo đều vô dụng. Nếu con người được tự do thực hiện mọi điều, như những người được gọi là theo chủ nghĩa duy lý nói, và nếu không có gì được định trước hoặc bảo đảm chắc chắn, vậy thì cuộc sống sẽ trở nên hỗn loạn và vô chính phủ. Vậy thì cũng có khả năng rằng, con người có thể ăn cắp và vẫn được giải thoát, con người có thể giết người và vẫn nhận ra thần thánh. Khi không có gì liên quan, khi một bước chân không liên quan với các bước khác, vậy thì không có những luật lệ và không có gì ràng buộc ở bất kỳ nơi đâu.

Tôi nhớ lại câu chuyện về Mulla Nasruddin... Mulla đi ngang qua một ngôi đền, bỗng nhiên có một người ngã từ trên tháp của ngôi đền, nơi anh ta trèo lên để nói những lời cầu nguyện. Người đàn ông rơi đúng vào vai Mulla làm xương sống của ông ta bị gãy. Mulla được đưa đến bệnh viện để điều trị.

Một số môn đệ đến thăm ông ta, bởi vì Mulla thường làm sáng tỏ tất cả các sự kiện. Họ hỏi ông ta, “Làm cách nào thầy giải thích sự kiện này? điều này có ý nghĩa gì?”

Mulla trả lời, “Rõ ràng rằng không có mối liên hệ giữa hành động và kết quả ngọt ngào của nó. Một người ngã xuống, và xương sống của một người khác bị gãy. Cho nên từ bây giờ trở đi, các bạn không nên tham gia vào sự tranh cãi của học thuyết về nghiệp chướng. Điều đó đã được chứng minh, một người có thể ngã và người khác có thể bị gãy xương. Người ngã xuống vẫn khỏe mạnh như thường: anh ta ngã vào tôi và tôi gặp rắc rối. Tôi đã không trèo lên tháp của ngôi đền để nói lời cầu nguyện, tôi chỉ đang đi về nhà. Tôi

không có gì liên quan đến cầu nguyện – nhưng tôi vẫn bị dính. Cho nên, từ bây giờ trở đi, sẽ không nói về học thuyết nghiệp chướng nữa. Bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra. Không có quy luật; đó là sự hỗn loạn”.

Mulla rất buồn, đó là lẽ tự nhiên, bởi vì xương sống của ông ta đã bị gãy một cách vô cớ.

Có hai giả thuyết. Về mặt này, có những nhà chiêm tinh đang ngồi bên lề đường và được hỏi về những điều không cốt lõi... cho dù ông ta là nhà chiêm tinh của người nghèo khổ, hoặc của Morarji Desai thì cũng không có gì khác biệt - tất cả những nhà chiêm tinh tầm thường đã được hỏi về những điều không cốt lõi. Nhà chiêm tinh tầm thường được hỏi những câu hỏi như thế này: “Liệu chúng tôi có thể chiến thắng trong cuộc bầu cử này hay không?” Làm cách nào mà những cuộc bầu cử lại liên quan đến những ngôi sao và mặt trăng? nhà chiêm tinh tầm thường trả lời, “Mọi thứ đều được định trước và không có sự thay đổi nào, thậm chí là một phân cũng không thể”, đó là những tuyên bố giả tạo.

Về mặt khác, có những người duy lý. Họ nói, không có gì liên quan tới điều chắc chắn: bất kỳ điều gì xuất hiện là tình cờ, là bất ngờ và là vấn đề may mắn. Không có quy luật, mọi thứ là hỗn loạn. Họ cũng đang đưa ra tuyên bố sai lầm.

Có quy luật: người duy lý không bao giờ được nhận ra như là người tràn đầy niềm vui và phúc lạc như phật.

Người duy lý từ chối Thượng đế, từ chối linh hồn và tôn giáo với sự trợ giúp của logic, nhưng ông ta không thể đạt được niềm vui của Mahavira. Chắc chắn là Mahavira phải thực hiện một cái gì đó mang đến cho ông ấy niềm vui, Đức Phật phải làm một cái gì đó để được giải thoát, Krishna phải

làm một cái gì đó, có thể thông qua tiếng sáo của mình ông ấy đưa ra những thông điệp vô cùng lôi cuốn.

Điều thực sự thứ ba, nó là tinh hoa của mọi thứ, nó thuộc về điều cốt lõi sâu thẳm và được định trước một cách tuyệt đối. Khi con người hướng thẳng tới trung tâm của mình, người đó gần hơn tới phần cốt lõi, phần được định trước. Khi chúng ta hướng thẳng ra ngoại vi, chúng ta hướng thẳng tới sự trùng hợp ngẫu nhiên. Chúng ta càng nói nhiều về những hiện tượng bên ngoài thì lại càng có nhiều sự trùng hợp ngẫu nhiên. Khi chúng ta nói về hiện tượng bên trong, nhiều điều bắt đầu biểu hiện như là khoa học, dường như chúng dựa trên quy luật cơ bản nào đó, và chúng trở nên quả quyết.

Giữa hai điều kiện này – cốt lõi và ngoại vi – có căn phòng rộng cho những sự thay đổi thông qua việc lựa chọn. Ở đây, người nhận biết tạo ra sự lựa chọn hợp lý, trong khi người không nhận biết, người ở trong bóng tối của ngu dốt thì lại trôi dạt theo số phận mình. Trong bóng tối, hoàn cảnh túm chặt anh ta.

Cho nên có ba lĩnh vực của cuộc sống. Trong lĩnh vực thứ nhất, mà nó là cốt lõi, mọi thứ được định trước. Biết điều này là biết cốt lõi của chiêm tinh học. Trong lĩnh vực thứ hai, mà nó là ngoại vi, mọi thứ là không chắc chắn. Biết điều này là biết thế giới hàng ngày không thể dự đoán. Lĩnh vực thứ ba ở trung gian. Bằng việc biết điều này, con người có thể tự bảo vệ mình không cố làm điều không thể, và có thể làm những gì là có thể. Nếu con người sống ở ngoại vi và vùng trung gian theo cách như vậy thì người đó bắt đầu hướng tới trung tâm, người đó sẽ trở thành tâm linh. Nhưng nếu người đó sống theo cách không bao giờ có khả năng hướng tới trung tâm, vậy thì cuộc đời của người đó vẫn giữ nguyên không tin ngưỡng.

Ví dụ, một người đang chuẩn bị đi ăn cắp. Việc ăn cắp không được định trước; không thể tuyên bố rằng việc ăn cắp là chắc chắn và không thể tránh khỏi, có tự do tuyệt đối cho việc có ăn cắp hay không. Nhưng vào một ngày, việc ăn cắp được thực hiện, cứ như một chân được nhắc lên còn chân kia giữ nguyên trên mặt đất: sau khi thực hiện điều này, bạn không thể xóa bỏ hành động. Toàn bộ nỗ lực của hành động ăn cắp sẽ lan tỏa khắp tính cách của người thực hiện. Nhưng ngay khi việc ăn cắp được thực hiện thì sự lựa chọn khác lại xuất hiện và sẵn sàng.

Tâm trí của con người đánh đu giữa có và không. Nếu anh ta nói có, anh ta sẽ bị vút thẳng tới ngoại vi; nếu anh ta nói không, anh ta sẽ hướng thẳng tới trung tâm. Vì vậy, ở trung gian có sự lựa chọn. Nếu anh ta thực hiện sự lựa chọn sai thì anh sẽ bị quăng ra ngoại vi; nếu anh ta có sự lựa chọn đúng thì anh ta hướng tới trung tâm, tới phần của chiêm tinh học, đó là cốt lõi của cuộc sống.

Tôi đã nói với các bạn về những điều cụ thể. Tôi đã nói với các bạn rằng, chúng ta là những cánh tay duỗi dài của mặt trời, rằng trái đất sinh ra bởi mặt trời và chúng ta sinh ra bởi trái đất. Chúng ta không riêng biệt, chúng ta là hợp nhất. Chúng ta là cành lá vươn ra từ mặt trời. Bất kỳ điều gì xuất hiện ở rễ của mặt trời sẽ làm rung động và trái rộng khắp bên trong bản thể của con người, khắp mọi tế bào và dây thần kinh. Nếu chúng ta có thể hiểu điều này một cách hợp lý, vậy thì chúng ta sẽ nhận ra rằng thế giới này là một gia đình. Vậy thì chúng ta không cần phải sống trong vỏ bọc của bản ngã và tính tự phụ.

Cú đánh mạnh nhất của chiêm tinh là vào bản ngã. Nếu chiêm tinh là đúng thì bản ngã là sai. Chúng ta hãy hiểu như thế này: nếu chiêm tinh là sai, vậy thì không gì được giữ lại –

mà chỉ còn bàn ngã - điều đó có thể là đúng. Nếu chiêm tinh là đúng thì chỉ cái Tôi là có thể sai. Cái Tôi chỉ là phần rất nhỏ, và là không đáng kể của thể gian - thậm chí cái Tôi không thể được bao gồm, cái Tôi quá nhỏ bé. Nếu chiêm tinh là đúng, vậy thì cái Tôi không có đó. Chỉ có dòng chảy khổng lồ bao gồm nhiều năng lượng trong đó cái Tôi chỉ là một gợn sóng nhỏ.

Đôi khi, khi chúng ta cười trên con sóng lớn, chúng ta đã bị ảo tưởng rằng, chúng ta cũng là một cái gì đó đặc biệt và con sóng lớn đó đã bị bỏ quên. Con sóng lớn đó cũng cười trên biển, và thậm chí biển đó cũng bị lãng quên. Nếu biển biểu lộ phần ẩn náu bên dưới thì sóng sẽ biến mất và chúng ta cũng biến theo. Chúng ta không cần thiết phải trở nên bất hạnh về việc biến mất của mình, bởi vì chúng ta trở nên hạnh phúc giả tạo bởi niềm tin vào chính sự tồn tại của chúng ta. Chúng ta nên nhận ra rằng chỉ có sóng lớn và đại dương mệnh mệnh, chúng ta không là gì - việc chúng ta xuất hiện và biến đi trong đại dương cũng chính là ước mong của đại dương.

Nếu thái độ này sinh trong hoàn cảnh đó, chúng ta nhận ra rằng, chúng ta chỉ là một phần nhỏ của ước mong vĩ đại của vô hạn, vậy thì sẽ không có bất hạnh. Và với thái độ như vậy, cái gọi là hạnh phúc mà chúng ta muốn hưởng thụ cũng sẽ không hiện diện. Cảm giác hạnh phúc về những ý nghĩ như là, "Ta đã chiến thắng, ta đã kiếm được tiền", sẽ không duy trì được bao lâu. Hoặc sẽ không có cảm giác bất hạnh về những ý nghĩ như là, "Ta đang hấp hối, cuộc đời ta thế là xong, ta đang chìm dần; ta đã bị hủy hoại hoặc bị đánh bại". Khi cả hai bất hạnh và hạnh phúc không còn duy trì lâu nữa, chúng ta sẽ đi vào thế giới của những điều đích thực - điều cốt lõi - nơi đó có phúc lạc. Vậy thì chiêm tinh học trở thành ô cửa tới phúc lạc.

Nếu chúng ta nhìn vào chiêm tinh học như là sự tan chảy tính kiêu ngạo của chúng ta, hoặc như là sự phân hủy của bản ngã, vậy thì chiêm tinh học sẽ trở thành tôn giáo.

Nhưng chúng ta đến với nhà chiêm tinh tâm thường đề bảo vệ bản ngã của mình, chúng ta hỏi, “Tôi sẽ thua sao? tôi sẽ trúng xổ số chứ? với công việc mà tôi mới đảm nhận này, tôi sẽ thành công chứ?” những câu hỏi này được hỏi để bảo vệ bản ngã của chúng ta, nhưng thực tế là chiêm tinh hoàn toàn đối nghịch với bản ngã. Ý nghĩa của chiêm tinh học là thế này - rằng bạn không là gì mà là vũ trụ, rằng bạn không là gì mà là sự hài hòa của vạn vật. Những sức mạnh tối cao đang vận hành, và bạn là tuyệt đối vô nghĩa.

Bạn có thể nhìn thấy chiêm tinh học trong ánh sáng này chỉ khi bạn nghĩ và cảm nhận rằng, bạn chỉ là một phần rất nhỏ bé của thế giới vĩ đại này. Chính vì vậy mà tôi đã nói với bạn rằng, toàn bộ gia đình mặt trời là hợp nhất cùng mặt trời. Nếu bạn có thể nhận ra điều này, vậy thì bạn cũng có thể nhận ra mặt trời của chúng ta là hợp nhất với nhiều mặt trời lớn hơn trong vũ trụ.

Các nhà khoa học nói có bốn mươi triệu mặt trời, và tất cả đều sinh ra từ mặt trời lớn hơn. Chúng ta không có đủ kiến thức để biết siêu mặt trời đó ở đâu. Chúng ta không biết làm cách nào trái đất lại quay quanh trục của nó và cũng quay quanh mặt trời, hoặc chúng ta không biết trung tâm đó ở đâu, trung tâm mà mặt trời cùng gia đình mặt trời của chúng ta đang quay quanh.

Trong những ngôi đền Hindu có bài tập thực hành pradakshina, quay quanh hình ảnh vị thần. Pradakshina này là biểu tượng thực tế rằng, mọi thứ xoay quanh chính nó và cũng quay quanh một cái gì đó khác. Vậy thì cả hai này đều

quay quanh vật thứ ba, thế rồi cả ba vật này cùng quay quanh vật thứ tư, tiếp tục như vậy cho đến vô tận.

Trung tâm tối thượng của vô hạn được nhắc đến bởi những người biết như là “Siêu trung tâm Brahma”. Điều tối thượng này không xoay quanh hoặc không quay tròn quanh bất kỳ cái gì khác nữa. Bất kỳ cái gì tự xoay quanh thì cũng sẽ dứt khoát quay quanh một cái gì đó khác, nhưng không xoay quanh hoặc không quay tròn thì là thực thể tối thượng cuối cùng. Điều đó cũng được biết đến như là siêu tĩnh lặng hoặc siêu trống rỗng. Đây là trực, là trực đứng mà xung quanh nó vũ trụ nở ra và thu lại.

Người Hindu nghĩ, như là chồi nở thành hoa và hoa sẽ héo, tương tự như vũ trụ cũng nở rộng và sau đó phân hủy... giống như ngày và đêm, ngày là của thế gian và đêm cũng là của thế gian. Như tôi đã nói trên đây, có những chu kỳ mười một năm và chu kỳ chín mươi năm. Tương tự như vậy người Hindu nghĩ rằng có những chu kỳ hàng triệu năm: trong chu kỳ như vậy, vũ trụ sinh ra, trải qua thời tuổi trẻ và trở nên già; những quả đất sinh ra, những mặt trăng và những ngôi sao trái rộng khắp vũ trụ, số lượng tăng dần, hàng triệu sinh vật được sinh ra.

Điều này không chỉ xuất hiện trên trái đất, hiện nay các nhà khoa học nói rằng, phải có ít nhất năm mươi nghìn hành tinh có sự sống trên đó. Có thể nhiều hơn, đây là con số tối thiểu. Trong vũ trụ vô hạn như vậy, không thể chỉ có mình trái đất có sự sống. Có năm mươi nghìn hành tinh hoặc trái đất có sự sống – đó là sự nở rộng vô hạn. Thế rồi mọi thứ lại co lại.

Trái đất này không phải là sự khởi đầu, hoặc cũng sẽ không phải là cuối cùng cho đến hết. Như khi tôi vừa ra đời

tôi sẽ không là tôi nữa, cho nên trái đất và mặt trời này cũng không còn nữa – và thời điểm sẽ xuất hiện khi không còn những ngôi sao, những mặt trăng, những hành tinh. Chu kỳ của sự sống và không sự sống vẫn tiếp tục. Chúng ta chỉ là đại lượng vô cùng nhỏ, xoay quanh và quay tròn quanh bánh xe vũ trụ ở nơi nào đó. Và nếu chúng ta vẫn nghĩ rằng chúng ta là riêng biệt, vậy thì chúng ta giống như Mulla Nasruddin lần đầu tiên du hành trên máy bay...

Mulla Nasruddin vào máy bay, và vào lúc cất cánh, ông ta bắt đầu bước dọc theo khoang hành khách. Ông ta muốn tới đích nhanh hơn, ông ta đang rất vội vã; một cách tự nhiên, nếu bạn muốn tới nơi nào đó nhanh, bạn sẽ tới sớm hơn nếu bạn bước nhanh hơn...! những hành khách khác đã dừng ông ta lại và hỏi ông ta đang làm gì. Mulla Nasruddin trả lời rằng ông ta đang vội.

Đây là lần đầu tiên ông ta đi máy bay, và ông ta đã vận dụng logic tương tự như khi đi trên mặt đất. Trên mặt đất, ông ta luôn đến đích sớm hơn nếu ông ta bước nhanh hơn. Có thể ông ta không nhận ra bước trong khoang máy bay là vô dụng – chính máy bay đang bay và ông ta chỉ làm mình kiệt sức bằng việc bước như vậy. Ông ta sẽ không đến sớm hơn, chỉ có thể là, khi tới nơi ông ta sẽ kiệt sức và không còn khả năng đứng dậy. Ông ta nên nghỉ ngơi, ông ta nên nhắm mắt lại và thư giãn. Nhưng Mulla, hoặc không học giả Hindu nào sẽ đồng ý với điều đó.

Những người đạt được sự nghỉ ngơi bên trong sự quay tròn vũ trụ thì tôi gọi là những người mộ đạo. Người mộ đạo biết rằng, những năng lượng vũ trụ đang vận hành và không vội vã – vội vã là vô dụng. Nếu chúng ta có thể là một với sự hòa hợp vũ trụ, thế là đủ - và đó là phúc lạc.

NHỮNG ĐIỀU HUYỀN BÍ TIỀM ẨN

Nguyễn Đình Hách (*Biên dịch*)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

Chịu trách nhiệm xuất bản

BÙI VIỆT BẮC

Chủ biên tập: **NGUYỄN THẾ VINH**

Trình bày: **ĐỨC THỊNH**

In 1.000 cuốn, khổ 14.5x20.5cm, tại Công ty TNHH TM & DV LONG HƯNG THỊNH. Giấy ĐKKHXB số 190-2009/CXB/52-08/VHTT, cấp ngày 04/03/2009. In xong và nộp lưu chiểu tháng 09/2009.



Osho là bậc thầy chứng ngộ đang làm việc với tất cả mọi khả năng để giúp cho nhân loại vượt qua giai đoạn khó khăn trong việc phát triển tâm thức.

Dalai Lama

S

Bậc thầy này là người tôn giáo hiếm hoi nhất và tài năng nhất xuất hiện trong thế kỷ này. Những bài viết của người về Phật giáo tràn đầy hứng khởi với quan niệm độc đáo. Là một chuyên gia về Phật giáo tôi đã ngạc nhiên nhiều lần bởi cách diễn giải độc đáo và sáng tạo của người và bởi tính tôn giáo duy nhất của người. Việc diễn giải của người bảo hòa với chân lý của Phật giáo. Ngay cả những nhà sư nổi tiếng hiện đang ở đây, ở Nhật Bản này, cũng không thể có được mức độ diễn giải ấy.

H

O

Kazuyoshi Kino,

Phó Chủ tịch,

Hosen Gakuen Junior College,

Tokyo, Japan

